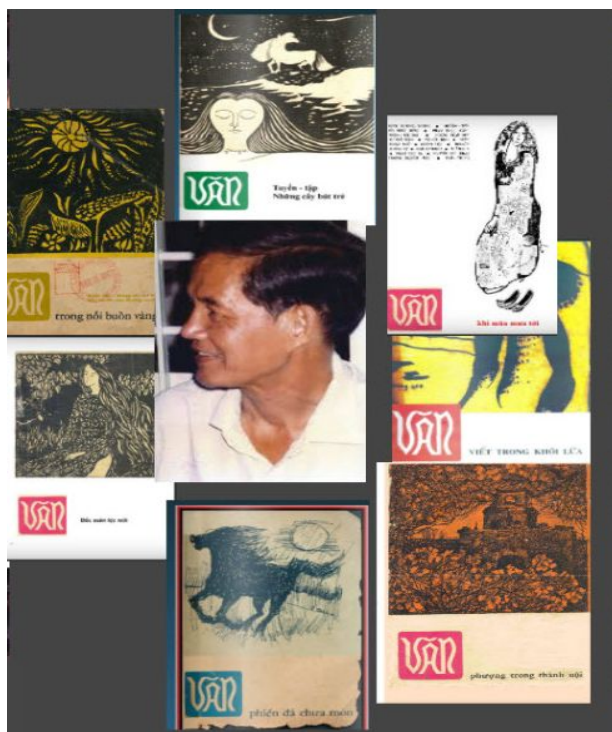


THƯ QUÁN BẢN THẢO

Số 86 tháng 10-2019



Chủ đề: Trần Phong Giao và những người viết trẻ

gồm các bài viết của Lê văn Thiện • Nguyễn Lê Uyên • Lưu Vân • Cao Thoại Châu • Mang Viên Long • Trần Doãn Nho • Phạm văn Nhàn • Trần Dạ Lữ • Trần Hoài Thư
và phần thường xuyên gồm Sống và Viết, Di sản văn chương miền Nam, Sáng tác mới, Đọc sách...

THƯ QUÁN BẢN THẢO
Tập chí văn học bất định kỳ
Số 86 tháng 10 năm 2019

Chủ đề: Trần Phong Giao và những người viết trẻ

Mục lục

Lời tòa soạn /3

Sống và Viết:

Lê thị Hoài Niệm (5), Trần Thụ Ân (17), Phạm văn Nhân (25), Trần Hoài Thư (29), Trần Thị Nguyệt Mai (36)

Chủ đề Trần Phong Giao và những người viết trẻ

- Sơ lược tiểu sử (47)
- Trần Hoài Thư: Viết về TPG qua những sách báo sưu tập (50)
- Lê văn Thiện: Người Anh Lớn (75)
- Nguyễn Lệ Uyên: VĂN và Ông TPG (82)
- Trần Doãn Nho: Vài kỷ niệm với TPG (89)
- Cao Thoại Châu: Tập chí Văn, TPG và tôi (95)
- Trần Dạ Lý: Lá Thư Cuối Cùng (99)
- Mang Viên Long: TPG, Người TKTS... (105)
- Lưu Vân: Trò chuyện với bạn về TPG (112)

Trích những bài viết của Trần Phong Giao

Nhớ Y Uyên (121), Thư Ngỏ Của Trần Phong Giao Gửi Viên Linh (133), Sự hy sinh của những người làm văn hóa (141), Tiếng thở dài (152), Một mình như cánh lá (159), Đôi mắt (173)

Di sản văn chương miền Nam

Phan Du: Bóng ai trong buổi đầu xuân (187)

Phân sáng tác

Ngọc Nhân Dương Trần: Nội (209)

Ngọc Bút: Chùm thơ (236)

Phạm văn Nhân: Tham thực cực thân (239)

Viêm Tịnh: Chùm thơ (243)

Đoàn Việt Hùng: Cuộc bôn tẩu lộng lẫy (246)

Trần Hoàng Vy: Chùm thơ mùa thu (257)

Nguyễn An Bình: Lãng đăng Mai Châu (260)

Từ Hoài Tấn: Viết thơ tình ở chỗ của tôi (272)

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh: Giống Như Một Ngày
Tự Trường (274)

Thơ Nguyễn Xuân Thiệp (280), Trần Dạ Lữ (283),
Cái Trọng Ty (284), Đặng Toàn (285)

Viên Hương: Tình yêu,phận người và con đường thi
ca... (290)

Tô Thắm Huy: Làn tắm về tối ... (297)

Giới thiệu sách - Phạm văn Nhân phụ trách (288)

Tranh bìa:

Layout, trình bày bìa: THT

Liên lạc

Trần Hoài Thu

E mail: tranhoaithu16@gmail.com

719 Coolidge Street

Plainfield, NJ 07062

Cell: (908)9308743

THƯ TÒA SOẠN

Không thể ngờ, thời gian trôi mau thật. Mới tháng 7, với TQBT số 85, thì nay là tháng 10 với TQBT 86. Nhưng mà thật vui. Vì anh em chủ trương vẫn còn mạnh để thực hiện. Và vì bạn đọc và thân hữu vẫn còn xem nó là mái nhà chung để mà đón nhận.

Kỳ này chúng tôi dành nhiều trang viết về nhà văn/dịch giả/thư ký tòa soạn Trần Phong Giao. Ông đã đưa một tạp chí là Văn lên một tầm vóc lớn trong sinh hoạt nghệ thuật miền Nam thời chiến. Ông đã thấy rõ cái thực lực của những người viết trẻ ngoài vòng đai thay vì những tên tuổi quanh quẩn ở Saigon. Nhưng có một điều, ít ai nhắc đó là tấm lòng của ông chẳng những dành cho những người viết trẻ cầm súng đêm ngày ngoài mặt trận:

“Cái màn đen của mất mát, đau thương bao trùm cả nước, không chừa ai, nhưng thua thiệt nhất là dân quê và lớp trẻ, như anh bạn ngồi kia.”⁽¹⁾

Anh bạn ngồi kia là Lê văn Thiện nói riêng, và chúng tôi nói chung.

Ngoài phần chủ đề, còn có những phần thường lệ.

Cuối cùng, mượn trang giấy này xin được gửi đến quý bạn những lời chúc tốt đẹp của chúng tôi.

TM. Nhóm chủ trương,

Trần Hoài Thư

(1) Lê văn Thiện: Người anh lớn (đăng trong số này)

SÔNG & VIẾT

Chuyến đi-về **Lê thị Hoài Niệm**

Vị Bác sĩ “chăm sóc” sức khỏe cho tôi, ông “phán” một câu làm tôi... mừng hết lớn, khi tôi đến khám bệnh định kỳ và hỏi về chuyến đi: “Chị có thể đi xa được rồi, nhưng nhớ cẩn thận, tất cả mọi thức ăn, nước uống đều phải nấu chín, không được ăn trái cây mỏng vỏ, tránh xa những nơi dễ bị nhiễm trùng, tôi cho chị thêm vài loại thuốc mang theo để ngăn ngừa ...”. Thôi thì lúc nào đi được, cứ đi, chứ ... biết đâu!

Tôi vẫn mong ngày về lại Nha Trang, trước là gặp những người thân trong gia đình, cảm ơn những thân tình của anh chị, các cháu trong những ngày qua đã thường xuyên hỏi thăm an ủi, khuyến khích, chúc lành và góp lời cầu nguyện cho bệnh tình tôi chóng khỏi. Và cũng là cơ hội để gặp lại các bạn bè năm xưa, chắc là vui lắm.

Phi trường Cam Ranh ồn ào náo nhiệt, không như những năm trước nghe đâu vắng tanh như chùa Bà Đanh. Đoạn đường về nhà tôi hoàn toàn đổi khác, đường sá rộng rãi, nhà cửa hai bên đường san sát, có nhà cao ngất ngưỡng, đầy dẫy, đông đúc quá, người ta

còn đang đào bới, xây cất lung tung, ngay cả trong hóc núi hai bên đường. Cháu tôi, trên đường đi đón tôi về còn giới thiệu thêm... hiện tình thành phố: “Đất Nha Trang bây giờ ở đâu đâu cũng là đất vàng, chỗ nào rờ vào cũng đứt tay”. Chưa tới nhà mà đã nghe muốn... xiu, lại nghe cháu dẫn giải tiếp: “Người từ miền Bắc tràn vào, có khi nguyên cả làng họ kéo vào đây hết!”. Thì ra là một sự “di dân” từ Bắc vô Nam, chứ chưa hề có từ Nam ra Bắc (?) từ xưa đến nay. Thành phố Nha Trang lại càng khác xa hơn nữa, khách sạn nhiều tầng cao ngều nghệu chạy dọc suốt đường biển mang tên vua Duy Tân năm nào, bây giờ đổi thành tên Trần Phú, tên của một cộng sản gộc.

Đèn đường sáng choang, xe cộ dập diu chạy ngang xê dọc, xe hai bánh chạy loạn cào cào, xe bus dài thòng đậu san sát khắp nơi. Người đâu mà đông quá. Hóa ra, mấy lúc gần đây nhiều người đã nói về sự “nhộn nhịp” của thành phố Nha Trang không sai. Người Tàu đến Nha Trang nhiều vô kể. Họ được quyền “mua nhà” với giấy phép năm mươi năm của chính quyền VN cấp, một thời gian dài để đủ cho họ “sinh con đẻ cái” và sống hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam. Nhiều khách sạn cao tầng họ cũng “thuê” hằng trăm phòng, trả tiền trước và có khi... để trống khơi khơi. Họ đến Nha Trang với diện “du lịch không đồng” (?). Nghe nói là họ được chính phủ Trung cộng cho sang Việt Nam mà không tốn tiền vé máy bay, họ mua hàng hóa cũng từ “cửa hàng Trung cộng”, đi ăn nhà hàng cũng của... Tàu luôn, nên có một số tiệm buôn ở Nha Trang mang bảng hiệu chữ Tàu, tất cả “phí tổn” khi về nước Tàu mới trả. Nói chung, là dịch vụ buôn bán ở Nha Trang do người dân VN làm chủ không có lợi gì cả, chỉ có... rác thải từ những người Trung cộng ăn to, nói lớn, ở bần bầy hầy khắp mọi nơi...

Người Nga lúc trước đến đông, chỉ thích tắm biển và tắm bùn. Nhưng lúc này ít đi du lịch Nha Trang vì ngại người Tàu cộng (?).

Người sống ở Nha Trang một lần trở về trên chính nơi mình lớn lên, học hành và làm việc bao nhiêu năm. Thời gian xưa không dài bằng những ngày sống trên đất Mỹ, nhưng vẫn ghi lại nơi đó nhiều kỷ niệm khó quên....

Hình ảnh con phố Độc Lập, Phan Bội Châu, ... những con đường chính trong thành phố vắt ngang qua khu chợ Đầm hay đường phố Nguyễn Hoàng, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Trãi ôm lấy khu chợ Xóm mới năm nào, mỗi sáng chủ nhật rộn ràng trong nhịp thở của một thành phố Lính. Đủ mọi sắc áo của Lính, của gia đình lính, đủ mọi loại xe cộ, từ chiếc xe Honda đàn ông, đàn bà, đến chiếc xe lam, xe *Jeep* màu xanh, đến chiếc xe *truck*, xe GMC nhà binh... Thành phố rộn ràng đón người Lính từ các Quân trường ra nghỉ cuối tuần, đón người Lính từ chiến trường về dưỡng quân nơi thành phố, đón người yêu, đón gia đình của Lính từ khắp cả đất nước về thăm viếng người thân. Người thành phố cũng rộn ràng cuốn theo nhịp thở vui nhộn, bùng bùng sức sống vươn lên từ những trái tim yêu dù hoàn cảnh đất nước có ra sao...

Phổ biến chiều hanh nắng, dưới bóng những khóm dừa lá ngọn, là hình ảnh của những nhóm người trong gia đình, trái tắm nhựa dài và cả nhà già trẻ lớn bé quây quần chia nhau nắm xôi, trái cóc ngâm, rồi cùng nhau nhảy ùm xuống nước biển, đùa giỡn với sóng nước mênh mông... Hình ảnh những người Lính ngồi trong quán nước bên ly cà phê, mơ màng nhớ về người yêu nơi xa xăm nào đó, hình ảnh bác xích lô chụp mũ lên

mặt ngủ một giấc dài trên chiếc xích lô đậu ngoài mé biển, hay chiếc xe đẩy hàng rong với mớ cóc ổi ngâm nhem thêm bốn con gái, chiếc xe cà tàng bán đu đủ bò khô cho bọn học trò trai nhao nhao chờ đến lượt...

Bãi biển ít người im ắng, nhưng thơ mộng ngay những lúc xế trưa đó, tất cả đã đi vào dĩ vãng... Xa rồi và có lẽ ngàn đời sau không bao giờ tìm lại được!

Nhắc lại con phố nhỏ năm nào từ những ngày tôi có mặt ở Nha Trang, sao lòng thấy nao nao buồn muốn khóc.

Từ khi dời nhà từ đường Nguyễn Trãi sang Phù Đồng Thiên Vương, con phố nhỏ thật yên bình, thân thiện như bà con một nhà của những người hàng xóm láng giềng. Căn nhà tôi bên trái là khoảng đất rộng của nhà chú Tư, vợ chồng chú là người từ Quảng Ngãi vào Nha Trang lập nghiệp từ lâu lắm. Khi đó đám đất hãy còn trống trơn và chú thím đã dựng lên ngôi nhà hai tầng khang trang với gia đình có một đứa con trai độc nhất, thằng “cu Tài”. Chú thím “nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa” cả xóm ai cũng trầm trồ khen thằng nhỏ “tốt phước”, dù chú thím chỉ là những công nhân bình thường. Sau lưng nhà là cả một vườn cây ăn trái của “Dì Bảy Đọt”, vì lấy tên của người con trai lớn đang là Lính Không Quân phục vụ trong sân bay, cậu chàng cũng đồn giời hát hay nổi tiếng trong xóm. Căn nhà nhỏ xinh xắn nằm gọn trong vuông đất rộng cả nửa mẫu tây, nên Dì Dượng trồng rất nhiều cây ăn trái, vì nó không nằm ngoài mặt đường, nên muốn vào nhà phải vào bằng một con hẻm, nhưng đâu có sao. Nhà trồng ổi nhiều lắm, có một cây tàn rộng phủ qua hàng rào nhà tôi, phủ lên cả một hồ đựng nước, nên cứ mỗi xế trưa, tụi tôi tha hồ leo lên cây ổi mà hái trái chín mơn mớn, với một nắm... muối ớt cay cay, mặn mặn

để thanh toán ổi thơm tại chỗ thật... tuyệt vời, lời cuốn rất nhiều tên bạn đến tham gia hái ổi... trộm nhà hàng xóm. Và đối diện là nhà của “bà Bắc” bán chạp phở, tiếng gọi thân thương dù bác ấy đã lớn tuổi rồi. Bác trai làm Thượng sĩ trong quân đội nhưng nuôi cả một đàn con trai gái đủ đầy, có hai anh lớn làm đến chức Thiếu tá trong quân đội VNCH, những bạn gái cỡ tôi đều xuất thân từ trường sư phạm. Cạnh bên là nhà của Thầy giáo Ng. năm nào cũng... sản xuất thêm con nít ra đời, đứa lớn đứa bé gì cũng ở trần trùng trực, mạnh khù khù cứ chạy u ra trước ngõ, để vợ của Thầy phải bụng chén cơm vừa chạy vừa kêu tên mấy đứa nhỏ, mà chúng tôi cũng chẳng nhớ hết tên luôn. Bên cạnh là nhà “ông thợ sắt”. Thật ra chú là người của dòng dõi vua chúa... di cư vào đây, hình như là anh em của ngài... Vĩnh Thụy thì phải, vì chú cũng có họ Vĩnh... Mấy người con trai của chú trắng trẻo, nhẹ nhàng như con gái, nhưng không phải... đối tượng của con gái xóm tôi. Nhà ông Huê thì có nhiều phòng cho thuê, từ Đại Hàn, Mỹ, đến cảnh sát, quân nhân ta, hay những người độc thân... tại chỗ, nên tấp nập người đến kẻ đi, vui lắm lắm.

Chung quanh xóm nhà nào cũng quen biết, thân tình với nhau. Nhà thím Hai kế tiếp rất đông con, chiều nào chú Hai cũng lùa cả đám con leo lên chiếc *pick up truck* mà chạy về tận thôn Đại Điền thăm nhà từ đường của chú. Tháng nào có người em từ trường Võ Bị Đà Lạt về thăm, cả xóm cũng “ăn mừng” theo với gia chủ, và cũng là “đề tài” để đám con gái trong xóm bàn tán, khen chê. Nhà chú Thông bên kia có tiệc vui gì cả xóm cũng được biết. Nhà “bà quận” với mấy cô con gái rượu suốt ngày ngồi xe *Jeep*, được “ông Lính biệt phái” chở đi tới đi lui đủ chỗ đủ nơi, bữa nay đang làm tiệc... đón chàng rể nào cả xóm cũng được tin. Ôi cái

xóm nhỏ mà vui, chia sẻ buồn vui trong cuộc sống đời thường, ngay cả những buổi kêu mời nhau đến “dự đám giỗ” của một nhà trong xóm, mà bọn nhỏ chúng tôi hay hát đùa: “Tai nghe có đám giỗ gần, trong bụng bản thân chẳng muốn nấu cơm” cho đến những ngày đầu tháng tư của năm 1975, ngày “tang thương” của cả thành phố và những người trong khu xóm nhỏ.

Ngày đó xóm nhỏ vẫn còn tồn tại, dù người đi đã đi, nhưng những căn nhà chưa hề đổi chủ, tuy có mấy căn nhà lớn bị “chính quyền mới” vào tịch thu để làm văn phòng hành chính mới, nhưng vẫn còn đó những trao đổi thân tình, những quan tâm thăm hỏi về những khó khăn, những chịu đựng nhọc nhằn đang đổ oằn trên vai những người thành phố bởi đám người “giải phóng miền Nam”! Những ngày tháng tư đen tối hãi hùng đổ ập lên đầu cả những người dân hiền lành ở những phần đất đã bị “quân giải phóng” chiếm đóng. Và xóm nhỏ nhà tôi cũng không ngoại lệ. Ba má tôi khóc hết nước mắt vì hai người con trai, một Đại úy ở Bộ Tổng Tham Mưu, một đang học tại Sài Gòn không hề biết tin tức gì cả. Những người bà con lánh nạn vào ở trong nhà đã về lại quê ở Phú Yên, và người cháu gọi má tôi bằng dì đã bị “quân giải phóng” bắt và chặt đầu chỉ vì từng làm “xây dựng nông thôn”. Mấy người con còn lại thì cứ phải “đi lánh nạn” bom đạn từng đêm từ những ngày đầu tháng tư năm đó. Nhà bà Bắc trước cửa giờ chỉ còn lại bác trai với vợ chồng người con gái thứ. Bác không đi tù vì không phải sĩ quan. Bác buồn bã suốt ngày không nói một câu, cứ đi ra đi vô thờ dài, ngay cả ba tôi có hỏi han Bác cũng không buồn nói. Những ngày tháng mà người Nha Trang phải chịu những trận “bom” từ những chiếc máy bay, bay đến thả những trái bom tấn chết người vào ban đêm do phía những người Lính... quân mình! Bác buồn bỏ cả ăn uống và trút hơi

thở cuối cùng mà mắt mãi không chịu... nhắm. Lúc chúng tôi hay tin chạy sang nhà, để chứng kiến giờ phút lâm chung của bác mà không cầm được nước mắt, vì bác cứ nấc lên từng cơn, như luyện tiếc điều gì mà uất hận không nói được, đến khi tôi và người con rể của bác phải vuốt mắt vừa “năn nỉ” bác hãy buông xuôi mà thanh thản ra đi về một nơi chắc không có chiến tranh giặc giã nữa, và những người thân của bác chắc không về gặp được bác đâu..., lúc đó bác mới từ từ nhắm mắt xuôi tay. Nỗi buồn chi mà buồn lạ buồn lòng khi người đầu tiên trong xóm tôi ra đi mà không có đám tang cho đúng nghĩa.

Trong khi cái “ủy ban quân quản” suốt ngày cứ ra rả cách mạng này cách mạng kia với bảy điêm gì đó với cái giọng chanh chua chát chúa, nghe lạnh sống lưng của những người miền Bắc, từ những cái loa bắc cùng khắp trên các trụ điện chĩa thẳng vào nhà dân mà chưa chắc người nào muốn nghe, thì sau lưng nhà tôi, giọng ca và tiếng đờn của Đọt cứ vang lên, nhiều khi nghe réo rắt, có lúc u uẩn xa xăm. Rồi Đọt hát những bài ca tiếng Mỹ, dĩ nhiên có bài chúng tôi chưa từng nghe qua, nhưng sao nó như xoáy vào tận ruột gan... Nhưng rồi, một buổi tối cả xóm tôi ồn ào và cùng chạy tới “trụ sở khóm” là nhà ông bà cảnh sát đi di tản đã bị chính quyền mới “tịch thu”, để thấy Đọt bị công an đánh tới tấp vào lưng, vào mặt mà không hề kêu la đau đớn gì cả. Thì ra Đọt đã làm một việc mà chắc không ai làm được, anh chàng đã “leo” lên tận sân thượng nhà bác Từ Văn và đứng hát trên đó, dù không biết Đọt đã leo bằng cách nào? Vì trên tường nhà không có cầu thang. Rồi “cách mạng” cũng phải thả Đọt ra vì không “điều tra” được nguồn tin phản động nào. Sáng hôm sau thì bên trường học, đã chứng kiến một cảnh tượng chưa từng có. Đọt đã “ngồi vắt vẻo” trên trụ cờ bé tí xiu, và

đang xé cò “mặt trận giải phóng miền nam” nửa xanh nửa đỏ đang treo rũ rượi trên đó, bên dưới là một đám công an la lối om sòm, và bọn học trò nhỏ thì bàn tán xôn xao như cái chợ, vì không hiểu làm sao mà Đọt leo được lên tới ngọn, khi mà cái trụ cò bé tẻo tèo teo. Đọt “điên” từ đó và bị cột chân vào gốc dừa thê thảm lắm, đến mấy năm sau mới mất... Thương lắm!

Nhưng đó là chuyện dĩ vãng xa rồi, có nuối tiếc cũng chỉ là nuối tiếc.

Kỳ này tôi trở về thấy xa lạ lắm. Ba má tôi đã về miền tiên cảnh, hai ngôi mộ nằm trên ngọn đồi rất xa thành phố tận trong Suối Dầu. Những người già đã già từ trần thế xuôi tay, những người trẻ năm nào bây giờ cũng đã thành... bô lão, có người cũng đã quy tiên, có nhiều người đang ở xa hằng bao nhiêu cây số, từ nước Úc, nước Mỹ, nước Tây. Xóm nhỏ năm nào nhiều nhà đã đổi chủ, nhà lầu cao tầng được cất lên, bán buôn tấp nập dù con phố chẳng đổi tên. Nhưng buồn lắm lắm.

Nhà chú Tư bên cạnh đã bán đi nhiều phần đất, chỉ còn lại một đám nhỏ để cất lên căn nhà nhỏ. Người con trai độc nhất năm xưa được cha mẹ cưng chiều, giờ phải đi làm xa quanh năm suốt tháng, còn lại người con dâu chẳng coi ông cha chồng ra gì, có hôm còn “nhốt” ông trong căn phòng bé xíu, nóng bức da non. Ông có kêu la thì cô ta cho là ông... lên cơn điên loạn.

Nhà thầy Ng. thì đã bán cho người về từ phương Bắc xa xôi, họ làm gì trong đó mà cửa đóng then cài, nhà bà Bắc đã bán cho cán bộ..., cũng từ miền Bắc vào, mở phòng chơi *game* ồn ào như cái chợ. Nhà ông Huê bán cho... Việt kiều về xây lầu cao mấy lớp, che... gió biển cả khúc đường. Người lạ về mua nhà, lầu càng cao thì con hẻm lại càng nhiều âm u và thiếu náo.

Nhưng, dù sao Nha Trang vẫn là thành phố thân

thương trong tôi, thành phố có quá nhiều kỷ niệm của thời mới lớn và đi dạy học. Thành phố còn in lại bóng dáng của những “người hùng năm xưa”, nhưng bây giờ tất cả chỉ còn trong nỗi nhớ. Ngã sáu nơi có “cư xá Sĩ quan vắng lại” năm nào, nơi mà mỗi chiều đạp xe trên đường về, “người sĩ quan nghỉ dưỡng thương” cứ ra đứng chặn đường dù là hỏi thăm dăm ba câu... vô nghĩa, bây giờ quán xá chiếm ngự. Quân y viện Nguyễn Huệ, nơi bọn tôi hay đứng bên hàng rào nghe lính hát năm nào bây giờ cũng chẳng còn, mà là những dãy phố cao tầng, đèn điện sáng choang. Ngay cả “nghĩa sĩ đường”? (tên nhà xác quân đội mà lâu rồi không nhớ rõ) trên đường Lê Thánh Tôn, nơi mà năm xưa có lần tôi chết điếng vì nhìn thấy những xác người Lính hy sinh không trọn vẹn hình hài, bây giờ là một khách sạn, nhưng nghe đâu không ai dám ở, vì cứ bị “ma” phá hoại. Và cả Trại “Hùng Cường” của hành chính tài chính trên đường Lý Thánh Tôn, mà có lần tôi đùa vui cùng vị sĩ quan trong đó: “Thiếu úy nhìn em Thiếu úy cười, Bò em Trung úy, Thiếu úy ơi!” cũng đã thành... thiên cổ. Phi trường Nha Trang ngày xưa rộng thênh thang, nơi có căn cứ huấn luyện Không quân, có cả Sư đoàn 2 KQ trú đóng, nơi tặng cho tôi người Lính “nhà tôi” từ bấy đến nay, giờ bọn lãnh đạo nhiều quyền lắm thế đã “chia lô” bán cho nhà thầu ngoại quốc (?), mà nghe đâu là người Tàu đứng phía sau. Nhiều và nhiều nơi đã mất hút bóng hình. Tiếc thật.

Nha Trang, ngày tôi trở lại gặp được gia đình anh chị, các cháu, hội ngộ quá nhiều bạn bè, niềm vui trong tôi còn đọng mãi. Dù bây giờ những thắng cảnh hữu tình của Nha Trang không còn nữa, người Nha Trang cũng chẳng còn nhiều, chung quanh nhà tôi là người xa lạ

mới đến ở, nên muốn tìm lại một chút kỷ niệm ngày xưa thì cũng chẳng có người để cùng ôn chuyện cũ. Nhưng nếu nói đến một chuyến đi-về thì có quá nhiều chuyện để kể vì nghe mệt lỗ tai. Bây giờ ở Việt Nam mọi sinh hoạt đã khác xưa. Người cháu ở Tây Ninh, có đứa con trai 25 tuổi đang đi làm với công việc rất ổn định, tự nhiên nhận một tấm giấy kêu đi “nghĩa vụ quân sự”. Bao nhiêu năm không kêu, giờ thấy có thể “làm ăn được” là chính quyền chẳng bỏ qua. Thế là phải “chạy chọt” để khỏi đi vào trại lính, sơ sơ “bảy chục triệu” tiền tươi. Tiền gì mà tính toán... triệu triệu. Có tiền thì được miễn đi lính đã đành, nhưng chuyện muốn đi vào Lính cũng phải “trả tiền” mới là chuyện lạ. Giá phải đưa cho “quan chức nhà nước ta” là năm trăm triệu! Một số tiền không nhỏ, thế nhưng những người muốn con vào “Lính có lon”, vẫn phải chạy vay mượn để đút lót cho... quan ăn. Họ “lý luận” rằng: nuôi một đứa con vào đại học, mỗi năm tốn... trăm triệu khơi khơi, bốn năm là bốn trăm triệu rồi, mà khi ra trường thì... thất nghiệp. Thôi thì tốn một lần, khi con ra trường có... việc vĩnh viễn (không sợ đánh giặc?). Thật tội nghiệp cho những người trẻ và bậc làm cha mẹ thời nay.

Về thăm nhà người chị quê ở Mỹ Tho, nhưng không ai dám... mời khách ăn trái cây, vì không phải chủ nhà vườn nên không biết đâu là trái cây chín tự nhiên và đâu là ngâm hóa chất? Tất cả mọi chỗ mọi nơi đều “quan tâm” đến thức ăn, đồ uống không an toàn, nhưng bên ngoài chợ búa vẫn bày bán nhan nhản, giá đắt như vàng. Cuối cùng thì họ vẫn phải... ăn, vì “không ăn làm sao sống? Chừng nào chết hăng hay!”. Hết ý. Nhưng nếu nơi nào có “siêu thị”, đa số của Đại Hàn hay Nhật Bản, thì còn chút “tin tưởng” để vào đó mua sắm, dù sao “người nước ngoài” vẫn còn chút lương

tri, vẫn còn nghĩ đến “an toàn thực phẩm” cho người tiêu dùng, không dám bán thứ dỏm. Nghe mà cay đắng quá!

Một chuyến đi-về, để lại quá nhiều thắc mắc: người công nhân đi làm với tiền lương quá ít, mà giá sinh hoạt chung quanh thì vô cùng đắt đỏ, nhưng không hiểu sao chỗ nào cũng quán xá đầy dẫy, mà quán nào cũng... kín người ngồi, giờ nào cũng có khách, xe hai bánh hàng hàng lớp lớp đậu choán hết lề đường dành cho người đi bộ? Thì giờ và tiền bạc???

Lại đi tìm trái cây an toàn không... bơm hóa chất. Tới tận nơi trồng măng cầu xứ Tây Ninh, khu vực có quá nhiều nhà nghèo, nghe địa danh “Ma Thiên Lãnh” ở gần đó, y như trong truyện kiếm hiệp của Tàu, người cháu cũng... tò mò nên chở mọi người đến xem thử. Đúng là Ma Thiên Lãnh thật, nó hoang vu, chỉ có ngọn núi đá thấp lè tè, có hồ nước nhỏ, và ban tối có... ma là cái chắc? Nhưng giữa chốn đèo heo hút gió, trơ cằn cây cỏ, thừa thớt bóng người chỉ có cái quán bán cà phê, vẫn có người thiếu nữ trẻ mặc chiếc áo cưới màu trắng dài lê thê lếch thếch, đứng... uốn éo chụp hình cưới với chú rể... Đại Hàn. Mong sao cho tình duyên của cô được trọn vẹn, hạnh phúc. Đừng giống như năm mộ cô gái trẻ ở tuổi 25, nằm cạnh mộ của mẹ chồng tôi ở nghĩa trang TN, cô gái làm “đầu xứ lạ” và bị nhà chồng hành hạ đến... chết, cha mẹ chở xác về chôn. Buồn!

Kinh tế đã vậy, chuyện “tình cảm” con người nghe cũng bi thảm quá chừng. Cô gái có tiệm tóc bên nhà, cỡ bằng con gái tôi thôi, cô cứ rà rà tâm sự: “Cô ơi, đời sống bây giờ khó khăn và mệt mỏi lắm, tụi cháu phải làm suốt ngày mới có tiền trang trải cuộc sống. Nhưng

lấy chồng thì khổ hơn, đàn ông trẻ bây giờ đa số không lo cho gia đình đâu, họ đi... ăn nhậu nhiều hơn, rồi coi cô nào có... tiền thì nhảy vào, nên ly dị nhiều lắm...!” Mong rằng đây chỉ là “tâm sự của riêng cô”, không phải là điểm buồn chung của xã hội, khi mà các ông bà quan to, chức lớn cứ bán đất, bán rừng, bán biển, lấy tiền ăn nhậu, ở khách sạn, “*resort*” ngoài đảo hơn ngàn đô la một đêm, mà nơi nào cũng không còn chỗ trống! Trong khi tôi vào bệnh viện Khánh Hòa, có nhiều bệnh nhân nằm la liệt dưới chân giường bệnh nhân khác, bữa cơm bình thường phải chờ người... bố thí, trẻ em vàng vọt, bệnh sắp chết mà chẳng có tiền đưa cho bác sĩ để được trị liệu. Có bao nhiêu tiền cũng khó mà cứu giúp cho đủ.

Đúng là một chuyến đi, rồi cũng phải trở về nhà. Nhà ở Mỹ an toàn gấp nhiều lần trên quê hương cũ. Gia đình, bạn hữu cho tôi niềm vui, nhưng quê hương vương lại nỗi buồn.

Lê thị Hoài Niệm

Vị thuyền trưởng Hy Lạp

Trần Thụ Ân

Chiếc tàu dầu trông không lớn lắm có lẽ vì bề dài hơi ngắn không tương xứng với bề ngang của nó. Và đó cũng là hình ảnh đặc thù của vị thuyền trưởng Hy Lạp còn đậm nét trong ký ức của tôi sau 41 năm.

Ông cũng khá cao đó chứ, ít gì cũng một thước bảy, nhưng cái bụng kia có vẻ trấn áp cả thân thể ông.

Bộ râu quai nón tuy không rậm lắm nhưng cũng mang đến cho gương mặt sạm nắng nét hùng dũng của một vị thuyền trưởng chuyên chở dầu qua lại vùng biển Thái Bình Dương. Ông trạc 40.

- Nếu họ có chết thì chính là lỗi của các ông.

Ông thuyền trưởng đập mạnh xuống bàn, trả lời nhân viên của Sở Di Trú sau khi được hỏi liệu hai người Việt Nam mới được vớt lên, có sao không nếu chiếc tàu dầu rời cảng Nagoya tiếp tục cuộc hành trình đi Singapore.

Với nét mặt giận dữ, với tiếng nói sang sảng như vậy tôi chẳng cần dịch sang tiếng Nhật thì nhân viên Sở Di Trú chắc chắn đã hiểu rõ ràng câu trả lời.

Vị thuyền trưởng nói tiếp, lần này dịu hơn, chậm rãi hơn, phát âm tiếng Anh thật rõ ràng có lẽ để nhấn mạnh thêm sự mỉa mai phải có đối với những người vô cảm:

- Hôm qua các ông đã dẫn bác sĩ đến khám bệnh cho họ mà bây giờ lại hỏi tôi câu đó. Tôi là thuyền trưởng,

tôi chỉ biết điều khiển chiếc tàu này và tôi quyết định chiều ngày mai sẽ rời bến.

Dẫu lời nói dịu dàng nhưng vẫn là gương mặt nghiêm nghị của vị tướng cầm quân ra mặt trận. Bình thường mặt trận của ông là những đợt sóng dữ, những cơn bão cấp 7, cấp 8 ngoài biển khơi, nhưng hôm nay mặt trận của ông là những mặt người lạnh lùng, không chút tình cảm.

Khi dịch lại câu nói này chính tôi cũng phải cố gắng giữ cho mình bình thản vì trong thâm tâm nỗi trắc ẩn cũng đã dâng lên ngập tràn.

Hai nhân viên Sở Di Trú lật đặt chào từ giã vị thuyền trưởng mà chẳng hứa hẹn gì.

Hôm nay trời âm u, nhưng không mưa; sáng nay khi leo thang dây từ chiếc thuyền nhỏ của Sở Di Trú lên boong tàu dầu, gió thổi lạnh buốt. Nhìn xuống dưới chân, sóng nhấp nhô, nước biển đen ngòm, nghĩ thầm nếu lỡ tay rớt xuống mặt biển cách xa cả bảy, tám mét dưới kia thì không biết sẽ ra sao?

Âm thanh của những bước chân nện đều đều trên boong tàu sắt quyện vào tiếng gió vi vút rít lên từng hồi làm nên một bản hòa tấu tẻ nhạt. Chiều nay có lẽ trời sẽ mưa.

Khi về đến khách sạn mới trưa mà trời đã lâm lâm tẩm tẩm những giọt nước cuối thu. Gió se lạnh nhưng chính tình cảnh không rõ ràng của anh Ngân, chị Phương mới làm tôi rung mình lo lắng.

Sáng nay lúc nhân viên Sở Di Trú phỏng vấn anh chị, cả hai đều phải nằm trên giường, không ngồi dậy nổi dù chiếc tàu dầu đã cứu mạng anh chị được ba ngày ba

đêm rồi. Anh Ngân thì máu cam chảy, thỉnh thoảng phải ngưng lại để chùi mũi bằng chiếc khăn nhỏ do thủy thủ tàu Hy Lạp cho, mình mẩy lở loét khắp nơi, râu mọc lờm chờm làm khuôn mặt xương xẩu thêm thiếu não. Chị Phương thì nói không ra hơi, nước da ngăm đen, thân thể đẹp lép, nhưng đôi mắt to màu nâu sậm vẫn còn nét tinh anh.

Rồi anh chị sẽ ra sao nếu chiếc tàu dầu này tiếp tục chuyến hải hành lênh đêngh trên biển thêm cả tuần nữa? Anh Ngân khoảng ngoài 30, còn chị Phương chỉ chừng 25. Chẳng lẽ tuổi đời của anh chị ngừng lại ở những con số này?

Anh Ngân và chị Phương là anh em thông gia và chỉ là hai người còn sống sót trong nhóm 141 người trên chiếc ghe đã vượt biên từ Vĩnh Long nhưng gặp phải bão, sau năm ngày năm đêm lạc hướng về phía Phi Luật Tân và bị mắc cạn trên đảo san hô.

Vốn là một sĩ quan tác chiến với hơn mười năm trong quân ngũ, ba năm tù “cải tạo”, thuần thục nhiều phương pháp “mưu sinh thoát hiểm”, anh Ngân đã đem ra áp dụng để sống còn.

Để bớt bị khát nước, lúc trời nóng anh ngâm mình dưới biển cho tới khi trong người thấy lạnh mới leo lên.

Để có nước, mỗi sáng sớm trước khi mặt trời mọc, anh vớt lấy từng giọt sương đọng lại trên nóc bằng thiếc của chiếc ghe. Có hôm cũng được cả... muống cà phê.

Nhưng mấy cơn mưa phớt đến liền đi mới chính là những vị cứu tinh thật sự. Anh dùng tất cả quần áo, vải vóc để cố gắng giữ lấy những giọt nước ngọt ngào từ trời gởi tặng rồi vắt vào một ruột bánh xe mà anh đã nhặt được đâu đó trong ghe, để dành cho cả nhà năm người uống từ từ.

*Những cơn mưa hiếm hoi ghé ngang
Đâu ngờ cứu sống được vài mạng*

Những hòn đá san hô trôi lên từ lòng biển là thủ phạm đã đâm thủng chiếc ghe vượt biên nhưng chính chúng từ nhiều ngàn năm nay đã là một giang sơn phì nhiêu với cư dân là đám nghêu sò ốc hến; rồi đám nghêu sò ốc hến này lại là nguồn thực phẩm vô giá cho chính những người trên ghe vượt biên. Đúng là một thí dụ điển hình của cái vòng sinh diệt trong vũ trụ bao la này.

Vì không còn thứ gì tạo ra được lửa, người ta phải ăn sống trên đảo san hô này; lúc đầu thì còn ỏi mưa nhưng sau đó cơ thể tự nhiên quen dần vì cần thức ăn để sống còn.

Nhưng rồi sau cả tháng người ta chết gần hết vì kiệt sức, vì khí hậu khắc nghiệt, vì bệnh tật...

Ở trên đảo san hô được khoảng ba tuần, bỗng đâu có một thùng phuy sắt, loại 200 lít, trôi dạt đến và anh Ngân bắt được nên anh dùng mấy miếng ván, đinh, dây thừng... từ chiếc ghe bị mắc cạn ghép vào để làm thành một chiếc bè. Vào ngày thứ 33 ở đảo san hô, sau khi dự trữ thức ăn tức là bỏ thịt của những con ốc, con sò vào những bao vải nhỏ, cột phía dưới chiếc bè để giữ cho tươi; mang theo ruột xe chứa lượng nước ngọt có được, anh rời đảo để đi tìm sự sống. Sự sống đã đến vào ngày thứ chín sau khi rời đảo san hô và được chiếc tàu dầu Hy Lạp vớt lên.

Nhưng sự sống này có kéo dài thêm được không nếu không được lên bờ tại Nagoya, nếu phải tiếp tục lênh đênh trên biển khi sức lực đã cạn dần sau nhiều ngày bị sóng biển đập vùi thân xác...

Thật ra khi rời đảo san hô có tất cả bốn người, vợ chồng anh Ngân, chị Phương và người em trai tên Châu; người thứ năm trong gia đình là chồng chị Phương đã chết trên đảo san hô. Chiếc bè lênh đênh trên biển đến ngày thứ bảy thì vợ anh Ngân qua đời vì kiệt sức. Anh Châu lúc được tàu Hy Lạp cứu lại lỡ tay làm tuột mất sợi dây thừng nên trôi mất theo sóng biển mênh mông. Còn chị Phương thì mấy người thủy thủ phải mất cả giờ mới thấy được cái phao lọt vô đầu vì chị hầu như đã không còn chút sức lực nào nữa, chị chỉ còn có thể ngồi dậy và may mắn đón lấy được chiếc phao cứu mạng; đầu gối chút sức lực còn sót lại đó đã là bước nhảy vọt, bay ra khỏi cửa tử.

Chiếc tàu dầu còn lòng vòng quanh đó khoảng mười phút để cố tìm anh Châu nhưng bóng hình nhỏ nhoi của anh đã chìm mất vào bóng đêm bao la của biển.

Có lẽ tình trạng của anh Ngân, chị Phương trên chiếc bè mong manh, bơ vơ giữa đại dương bao la đã xếp anh chị vào vị trí đầu bảng của *boat people*, nếu có ai các cơ phân chia theo mức độ hiểm nguy dành lấy sự sống từ cõi chết.

Ăn cơm trưa xong tôi lên phòng nằm nghỉ. Căn phòng vuông vức mà cái giường đã chiếm hết phân nửa diện tích, đi ba bước đã đụng vách.

Trên vách ngay cửa vào có treo một bức ảnh của Nhật Hoàng với ngày tháng đã ở lại khách sạn này vẫn không làm cho nó sang trọng chút nào.

Nhìn qua cửa sổ mưa bắt đầu nặng hạt, chắc chỉ chừng trong một tháng tuyết sẽ rơi. Cái lạnh lẽo kinh người sẽ lại ào ạt đến tận công trại tỵ nạn, một nơi nằm tuốt trong vùng hẻo lánh gần hồ Biwako, mà nhà ga xe điện gần nhất cũng phải mất nửa tiếng đi bộ. Có năm, giữa

mùa đông, chỉ trong một đêm tuyết rơi phủ trên mặt đất dày đến cả gang tay.

Chợt một ý nghĩ thoáng đến trong đầu, tôi liền chạy xuống *lobby* lấy máy tờ báo lên phòng.

Sáng sớm hôm sau, chưa kịp mở mắt đã có điện thoại từ Sở Di Trú gọi tới, bảo là phải đến bến cảng ngay để ra tàu dầu Hy Lạp. Tuy vậy ông Takahashi vẫn như mọi khi, chậm rãi lái chiếc xe van rời khách sạn; chiếc xe chạy trên đường, hôm nay dưới mắt tôi, cứ như là người ta đang thả bộ hóng gió ngoài bãi biển vậy.

Ông Takahashi là người được trại tỵ nạn giao cho nhiệm vụ tiếp xúc với Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc, các Tòa Đại Sứ, Sở Di Trú hoặc tất cả cơ quan nào liên quan đến những người tỵ nạn trong trại. Lúc này trại chỉ còn khoảng 30 người nên ông cũng ít tới.

Khi xe của chúng tôi đến bến cảng thì mặt trời vừa ló dạng, đẹp như ngọn đèn dầu hột vẹt thả nổi trên mặt biển.

Vừa bước xuống xe đã thấy hai nhân viên Sở Di Trú trong đồng phục màu xanh đang đứng chờ ở bãi đậu xe. Khi chúng tôi đến gần ông trưởng đoàn liền nói:

- Không hiểu sao máy tờ báo đã biết tin có hai người *boat people* Việt Nam được vớt. Đây này cả hai tờ Asahi và Yomiuri đều đăng hình chiếc tàu dầu Hy Lạp nè.

Vừa nói ông vừa đưa hai tờ báo cho chúng tôi xem. Ông thêm:

- Chúng tôi ra đó để làm thủ tục cho hai người này lên bờ.

Ồi không có gì vui hơn khi nghe được tin này.

Hôm nay chiếc tàu dầu Hy Lạp được cập sát bên cảng nên chúng tôi chỉ cần bước lên một cái thang móc thẳng vào boong tàu.

Ông thuyền trưởng Hy Lạp trông vui hẳn khi mới gặp chúng tôi, có lẽ ông đã được tin là Sở Di Trú đã cho phép hai người Việt Nam lên bờ.

Ông tiễn chúng tôi đi cho đến khi chúng tôi bước ra khỏi chiếc tàu dầu. Ông cũng không quên chúc anh Ngân chị Phương sớm bình phục và may mắn.

Nụ cười hiền từ giữa chùm râu quai nón lấp lánh dưới ánh nắng ban mai trông thật kỳ diệu. Thật kỳ diệu vì ông đã dành lại được hai mạng sống từ tay biển dữ trả về lòng đất lạnh. Và có lẽ đối với ông, hai mạng sống đáng giá gấp bội so với số tiền mấy triệu đô la mà hãng của ông phải bồi thường vì trễ hạn.

Khi dìu anh Ngân và chị Phương lên xe van để về trại tỵ nạn tôi thấy vui khôn tả. Có lẽ suốt ba năm làm việc giúp người tỵ nạn hôm nay là ngày vui nhất của tôi.

Trưa nay mặt trời nhạt nhòa trong làn sương mỏng, qua lại không biết bao nhiêu cua queo vẫn kiên trì đuôi theo sau xe chúng tôi như cố mang đến chút ấm áp cho hai người khách từ chốn xa xôi vừa mới đến xứ sở của Thái Dương Thần Nữ.

Khi xe chạy được một đổi, ông Takahashi xoay qua hỏi tôi:

- Không biết sao mà mấy nhà báo lại hay tin người Việt Nam được tàu Hy Lạp vớt vậy cả?

Tôi không nói gì cả mà chỉ mỉm cười. Ông đâu hiểu được rằng chính những nụ cười như vậy là phần thưởng vô giá cho tôi khi làm việc giúp người tỵ nạn.

Hôm nay ngồi viết lại câu chuyện này, tôi biết chắc rằng ở tận một phương trời xa xôi nào đó vị thuyền trưởng Hy Lạp đang an hưởng tuổi già sau một thời lênh đênh trên biển cả. Chắc ông không biết là có hai người Việt Nam vẫn luôn mang ơn ông suốt đời.

Trần Thụ Ân
(8/2019)

Phạm văn Nhàn

Về lá thư của ông Trần Phong Giao

Cứ mỗi lần TQBT phát hành, anh Trần Hoài Thư thường gọi điện cho tôi, để hỏi ý kiến về một chủ đề cho tạp chí. Thường thì anh đưa ra một chủ đề rất phù hợp. Tôi chỉ góp ý thêm sao cho phong phú. Những chủ đề thường xoay quanh những nhân vật tên tuổi trong văn đàn miền Nam trước 1975. Hay những tạp chí văn học nổi tiếng một thời. Những đề nghị của anh Trần Hoài Thư đều rất cụ thể. Như số TQBT 86 hôm nay. Anh đề nghị làm chủ đề về ông Trần Phong Giao.

Tôi đồng ý. Mặc dù ông Trần Phong Giao có nhiều người viết trên mạng. Nhắc đến tên ông, phải nói đến tạp chí Văn. Mà nói đến tạp chí Văn là nói đến tên ông: Trần Phong Giao.

Với tôi. Tôi cũng ít đọc Văn. Vì trong thời kỳ trước 1975, tôi rất bận. Không có thời giờ nhiều. Ngày lo việc huấn luyện một tiểu đoàn tân binh. Tối lo phòng thủ. Thỉnh thoảng về thị trấn ghé tiệm sách, gặp tạp chí nào mua tạp chí đó. Có tên của bạn bè là ưu tiên đọc trước.

Tôi biết ông qua tạp chí Văn. Tôi cũng biết ông là người thường quan tâm đến những người viết trẻ. Nhất là những người lính cầm súng mà lại đam mê cầm bút. Trong số những người đó có những người bạn của tôi. Một thời nổi tiếng trên Văn.

Với Ông. Tôi chưa một lần gặp. Chỉ nghe những người bạn văn của tôi nói lại. Ông rất thương và quý trọng những người lính trẻ cầm bút. Ông giúp đỡ và giới thiệu. Trong số những người bạn tôi, tôi biết có Lê văn Thiện (anh đã mất ở quê nhà).

Nhưng có một điều mà tôi hết sức ngạc nhiên. Vào cuối năm 1969 thì phải. Khi đó tôi đóng quân ở Tháp Chàm, Ninh Thuận. Buổi trưa vào đơn vị. Bru tin viên trao cho tôi một phong bì. Phong bì của ông Trần Phong Giao. Quái lạ, tôi nghĩ. Sao ông Trần Phong Giao biết tôi, biết cả cấp bậc và KBC của tôi mà gởi thư? Lá thư vồn vện vài hàng. Trước thăm tôi sau đề nghị tôi đưa Trần Hoài Thư ra trình diện; vì sợ Trần Hoài Thư ở tù, tội đào ngũ. Buổi chiều đi làm về trao cho Trần Hoài Thư xem thư, anh ấy cũng ngạc nhiên. Tôi nghĩ trong số những ông chủ bút của những tạp chí tên tuổi phát hành ở Sài Gòn trước năm 1975, không có ông thư ký tạp chí nào quan tâm đến những người lính trẻ viết văn như ông Trần Phong Giao. "Mày chết hay sống" cũng mặc. Miễn có bài gởi về: hay thì đi. Còn không vứt bỏ vào sọt rác. Giới lắm vài hàng phân ưu (nếu biết) ở trang cuối của tạp chí. Còn không, "tao" vẫn sống và làm báo ở Sài Gòn phây phây. Lương hàng tháng cả trăm ngàn đồng. Phê re. Đừng chửi vì bất mãn.

Riêng ông Trần Phong Giao thì khác. Đọc lá thư của Trần Dạ Lữ thì biết rõ (đi trong số này). Ngay cả cái tình của ông và vợ ông đối xử với anh em lính cầm bút là cả một tấm lòng. Không vênh váo như mấy ông chủ bút hay thư ký khác. Đêm đó tôi viết thư trả lời cho ông ngay và trấn an với ông ấy là anh Trần Hoài Thư

không ở tù vì tội đào ngũ.

Có điều cho mãi đến hôm nay. Ông Trần Phong Giao đã mất rồi. Tôi với anh Trần Hoài Thư vẫn không biết người bạn nào ở Sài Gòn cho ông ấy biết là anh Trần Hoài Thư đang ở với tôi trong căn nhà thuê ở Tháp Chàm, và biết rõ tên và cấp bậc cũng như KBC của tôi mà gửi thư.

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam

Việc này tôi cũng đã nói rồi. Nay, vì chủ đề về ông Trần Phong Giao, với lá thư gửi cho tôi. Một việc bất ngờ??? Lại một việc làm tôi bất ngờ nữa là: Sau khi đưa anh Trần Hoài Thư ra Nha Trang trình diện. Hai ngày sau. Về lại căn phòng thuê ở Tháp Chàm. Buồn. Vì sống có một mình. Phải chi có Trần Hoài Thư thì vui biết mấy. Mở radio nghe tin tức. Bắt qua làn sóng của MTGP, lại vô tình nghe một bản tin khoảng 1 phút. Nói về nhà văn Trần Hoài Thư. Tôi ngồi bật dậy. Nghe cho rõ. Nội dung họ nói là nhà văn Trần Hoài Thư ý thức được. Bỏ ngũ, không cầm súng chống lại nhân dân và cách mạng. Nhưng sau đó vì bản chất, nhà văn đã cầm súng trở lại, tiếp tục chống phá CM và Nhân dân.

Quái lạ! Ai đã cho tin ông Trần Phong Giao tên, cấp bậc, KBC của tôi để ông gửi thư? Rồi sau đó, ai đã đưa tin cho MTGPMN biết tin anh Trần Hoài Thư bỏ ngũ, mà viết tin lên đài. Với lá thư của ông Trần Phong Giao, đêm đó tôi có đưa cho anh Trần Hoài Thư đọc. Còn bản tin của MTGP thì tôi vẫn nhớ như in. Nhưng không biết cách nào liên lạc với bạn tôi. Khi ấy anh

đang ở Ban Mê Thuật. Sư đoàn 23 BB. Mãi đến khi tôi qua Mỹ định cư. Hai đứa tôi gặp nhau. Tôi mới cho anh hay tin này. Và anh cũng ngạc nhiên.

Nhân dịp TQBT làm số chủ đề về ông Trần Phong Giao tôi đóng góp vài dòng, rất ngạc nhiên đối với tôi qua lá thư của ông TPG. Làm sao và làm sao ông ấy biết rất rõ tên tôi, cấp bậc và KBC mà gửi thư??? Cũng như MTGP làm sao biết Trần Hoài Thư bỏ ngũ mà đưa tin lên đài. Có lẽ do mấy ông "nằm vùng" mà biết???

Hai sự kiện có khác nhau. Nhưng với tôi đều là ngạc nhiên. Do đó, khi nói đến lá thư của ông Trần Phong Giao gửi cho tôi thì tôi nhớ đến bản tin này.

Trên 50 năm rồi. Tôi nhớ như in.

Houston, ngày 7/9/2019

Phạm văn Nhân

Trần Hoài Thư
Mưu sinh thoát hiểm

Hôm qua cậu con từ tiểu bang cạnh về thăm mẹ. Nó đã thay mặt tôi trở tài. Không phải là khả năng thầy thuốc, nhưng là khả năng khuyến dụ mẹ để hạ miệng, để chịu ăn... Nhưng nó cũng chịu thua. Dù món ăn, mua từ một nhà hàng buffet... những thức ăn mà mẹ nó từng thích trước đây...

Y. đã bị hỗn loạn thần kinh. Y. bảo với con là mẹ sắp làm đám cưới. Con hỏi: Mẹ cưới ai? – Ông Tỉnh trưởng. Ông thấy mẹ viết chữ đẹp. – Còn ba thì sao? – Ba con là chồng thứ hai.

Tôi la: Vậy thì từ nay, ông tỉnh trưởng thay tôi đến chăm sóc bà. Tôi khỏe. Tôi sẽ đi tìm vợ khác. Chịu không? – Không chịu. – Tại sao lại không chịu? Con tôi hỏi. – Vì ông tỉnh trưởng không biết làm như ba.

Buồn thì buồn thật. Nhưng tiếng cười vẫn rộn ràng. Y. nằm trên giường, đòi con cho mẹ mượn 100 đô để mẹ cho người giúp mẹ thay quần thay áo... Gương mặt Y. tỏa lên một nỗi thánh thiện lạ lùng. Thì xem Y. là một người mất trí đi. Điên đi. Nhưng Y. đâu có khổ. Đâu có biết mình điên, mình khổ. Chỉ có cha con tôi... Nó là bác sĩ. Nó hiểu về bệnh trạng của mẹ. Tuổi già mà. Ai bảo đảm một ngày nào đó, trí óc vẫn còn minh mẫn? Ai dám vỗ ngực, tự hào là mình sẽ mạnh khỏe suốt đời?

Tôi biết là từ đây, tôi sẽ mang thêm những nỗi buồn to lớn khủng khiếp. Đồ ăn tôi mang đến, tôi lại mang về. Những trận bão bất thường nổi lên khiến tôi phải tối tăm mặt mày. May mà nhờ nghệ thuật. May mà nhờ Út Trà Ôn với Tỉnh Anh Bán Chiêu, Gánh Nước Đêm

Trăng, Ông Lái Đò, hay Hữu Phước, Minh Cảnh, Lê Thủy, hay Hai Sắc Hoa Tigôn, hay những clip về thôn nữ Hậu Giang... Chúng đã làm người bệnh lịm dần, vào một cơn đồng thiếp, rồi từ từ nhắm mắt...

Như vậy, tôi phải làm gì? Bỏ cuộc ư? Không, tôi không thể. Đây là một trận đánh cuối cùng mà một tên nguyên là cựu trung đội trưởng thám kích thuộc đại đội 405 sư đoàn 22 BB tham dự, vừa chỉ huy, vừa làm kinh binh, đơn độc.

Mục đích không phải là thám thính hay đột kích mật khu, mà là mưu sinh thoát hiểm.

Mưu sinh thoát hiểm bằng cách gì?

Lúc ở trong rừng, đêm hứng sương làm nước uống, chụp những con kiến càng ngắt đứt mà hút, nhai những lá rừng để cầm cơn khát, ăn toàn cây cỏ, có khi nhai cả thịt sống... (Tại sao lại thịt sống? Nướng để mà lộ mục tiêu à? Vậy mà Hồ Anh Thái lại tả rất tường tận cảnh một “picnic” của một toán thám báo trong khi đi săn tin: bắt một tù binh trong rừng, mổ lấy hai trứng dái, nướng để nhậu giữa mật khu!)

Còn bây giờ, đồ ăn thức uống ê hề dư dật, vậy mà tinh thần thì tận cùng kiệt quệ, nuốt bao nhiêu nước miếng đắng, và nhỏ bao nhiêu là giọt lệ thầm... Đi không còn vững nữa. Xiêu xiêu. Đổ đổ. Đúng là hồn bay vía lạc.

Nhưng nghĩ lại tôi là kẻ may mắn. Tôi vẫn còn trí não. Và tay chân vẫn còn lành lặn. Tôi vẫn còn nhận được những ân điển mà Thượng Đế dành cho để mà mưu sinh thoát hiểm:

*Đêm ngày quanh hiu tôi làm con chim gõ mõ
Cốc cốc hoài trên bàn phím keyboard*

*Ngón tay phải này gõ những nút lạnh trơ
Ngón tay trái kia sẵn sàng ctrl, shift
Gõ, gõ, bao nhiêu ngày và đêm mãi miết
Tôi là con chim gõ mõ già nua
Và ngón tay ngày xưa tôi dùng để bóp lấy cò
Nay làm phép để biến thành những bit 1 và 0 yêu dấu
Gõ, tôi đang gõ trên keyboard hay vào tim mình rướm máu
Để những linh hồn chữ chết được hồi sinh
Mừng quá đi thôi, con chữ đã lung linh
Và hai ngón gõ của tôi chùng như mẫu nhiệm*
**

Tôi đã đưa lên hàng trăm *flipbook*. Và giờ này vẫn tiếp tục. Tiếp tục học hỏi. Tiếp tục gõ... Vì tôi đang cần, rất cần chúng để mưu sinh thoát hiểm. Và Y. cũng vậy. Cũng rất cần những clip, những video, chứ không phải những lời kinh tiếng kệ. Để rồi, sau đó một lúc là đôi mắt lim dim. Không có thuốc men nào giúp người bệnh, khi mắt nhắm lại, thì cả gương mặt tỏa ra một sự bình an lạ thường. Như thể một đứa bé còn bú sữa. Đứa bé no nê rồi ngủ. Ở đây cũng vậy. Không phải no nê vì thức ăn vật chất, mà là no nê bởi thức ăn tinh thần. Đó là nghệ thuật. Có phải vậy không?

Cám ơn nghệ thuật đã cho đời lên hương lên phần. Cám ơn nỗi vui nỗi buồn nức nở rung rung động theo từng giọt nhỏ âm thanh quyện vào tim vào óc. Nghệ thuật. Phục vụ nhân sinh hay vị nhân sinh. Không cần thắc mắc. Không cần bận tâm. Chỉ biết ta đang ngây ngất. Chân ta đập theo. Tim ta cũng đập theo. Như theo một nhịp luân vũ. Mùa xuân.
Và bây giờ thêm một lần tôi cảm tạ nghệ thuật. Nó là

tiếng ca của Út Trà Ôn qua Gánh Nước Đêm Trăng, Tình Anh Bán Chiếu... Nó là Con Đường Cái Quan hay trường ca Mẹ Việt Nam... Nó là những video về Mùa nước nổi, về Sông nước quê nhà.... Khi cái tablet đặt trên bàn bệnh nhân, sau khi bát chén, đĩa muỗng thu dọn, và sau những cơn cuồng nộ như bão cấp 10, thì tiếng ca cất lên. Người bệnh tự nhiên yên lặng, mắt chăm chú nhìn vào màn ảnh nhỏ... Tôi thì ngồi cạnh, chờ hết bài để bắt qua một bản nhạc hay một chương trình khác vì tay Y. không thể một mình làm được. Những lúc như vậy, tôi cũng để hồn vào tiếng nhạc lời ca... Có khi tôi lim dim ngủ quên...

MÁI NHÀ

1.

Cả lòng tôi vẫn còn trải màu xanh
Nhưng hơi thở của đất trời nghe đã khác
A, hôm nay có chút gì xao xác
Dấy từ đất trời hay là tự hồn tôi?

2.

Bà receptionist già ở viện dưỡng lão vợ tôi
Chào tôi buổi trưa, nói hôm nay là ngày đầu tháng chín
“Thật vậy sao?”
Cám ơn bà mấy năm qua tôi chưa bao giờ xem cuốn lịch
Sáu năm với tôi thì cũng chỉ một tờ...”
Một nàng Filipino thấy tôi cất tiếng chào “Hi”
Tôi hỏi sao lâu lắm rồi thấy cô vắng bóng

*“Tôi trở về quê hương thăm nhà nửa tháng
Không đâu đẹp bằng chốn quê nhà...”*

3.

Vâng, không đâu đẹp bằng ở chốn quê nhà
Nhưng tôi chẳng có mái nhà làm sao để mà đẹp chứ
Đất nền nhà của tôi chỉ thấm đầy hận thù lệ máu
Kể ra làm gì để ô nhục cháu con
Hay là hiên đình làng ghé tạm dừng quân
Là một góc trong rừng già đầy muỗi mòng sốt rét
Mái nhà của tôi, là động giang hồ khi tôi về phép
Đứng bên đường thấy lại vũng máu mình đổ mùa xuân

4.

Ừ thì không nhà, không cửa, không bóng mát người
thân
Nhưng tôi đã có những giấc mơ vì có người yêu đầu
Cho dù khi yêu tôi em biết rằng, em sẽ đổ nhiều nước
mắt
Vậy mà chúng ta lại cứ dệt những thiên đường!

5.

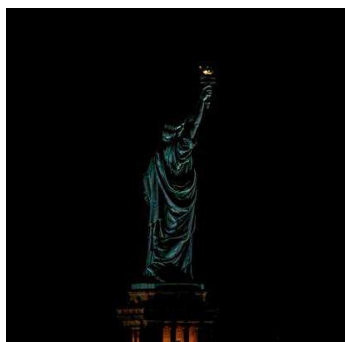
Thiên đường chúng ta, giản dị mái tranh
Có song cửa để trăng lọt vào ngủ tạm
Thiên đường chúng ta một vườn rau, một bầy vịt nhỏ
Và dĩ nhiên là một chiếc võng chiếc nôi
Thiên đường chúng ta là mái nhà nhìn xuống giòng sông
Để anh nhớ những lần anh vượt sông ghé hiên nhà một
người con gái
Thấy mái tranh chiều bốc lên cuộn khói
Để mơ vô cùng một mái ấm dừng chân...

6.

Ôi, giấc mơ thật giản dị vô cùng
Vậy mà sao nó lại khó khăn quá đỗi
Và bởi vì chúng ta không có mái nhà với bầy vịt nhỏ
Thôi thì chọn nơi này làm chỗ dung thân
Chúng ta vẫn có một mái nhà gần bên giòng sông
thêm những bầy nai không sợ loài người hung bạo

Ôi những con nai vênh tai nghe từng nốt nhạc
của gió của rừng của chim chóc vui ca
Còn chúng ta, có phải lời gió vọng đến từ xa
Từ giòng Hudson có mùi hương tự do từ tượng nữ
thần đêm ngày thổi lại?

Nai ngậm bông. THT chụp tại vườn sau nhà.



Statue Of Liberty At Night –
photograph by William Rogers

TQBT thêm một tuổi...

Số báo này đánh dấu 18 năm TQBT có mặt.

Cảm tạ đất trời. Cảm tạ bạn bè. Cảm tạ văn chương. Cảm tạ những tấm lòng. Để TQBT ngày càng chấp cánh bay cao, bay xa, bay lồng lộng.

18 năm cho một tờ báo nghèo nhất trần gian, nhưng cũng giàu nhất trần gian. Nghèo vì máy móc thô tả, vì từng con tem được chất chiu gởi đi, vì những *ream* giấy được chờ mua *sale*. Nhưng giàu ở sự yêu mến văn chương và sự tha thiết muốn vực dậy những gì đã bị mất hay bị quên lãng...

18 năm. Tuổi mang đầy sức sống. Dù anh em chúng tôi - những người chủ trương - đã lần lượt vào *emergency* để bác sĩ cảnh cáo hãy coi chừng!

Coi chừng thì coi chừng, nhưng không thể làm tê liệt đi cái phần ưu đãi. Cánh đồng vẫn dư dật những bông hoa.

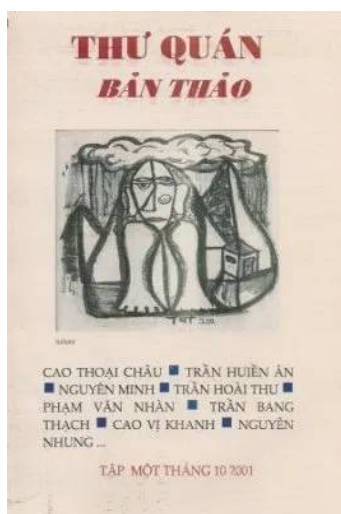
Để hôm nay thêm 18 nhánh bông trang hoàng trước cửa nhà

Mừng TQBT thêm một tuổi...

Trần Thị Nguyệt Mai

Chúc Mừng Thư Quán Bản Thảo 18 năm cùng bạn đọc

Thời gian như một chớp mắt. Mới ngày nào hai anh Trần Hoài Thư và Phạm văn Nhân cùng nhóm bạn thuộc “thế hệ chiến tranh” cho ra đời Thư Quán Bản Thảo (TQBT), trùng vào dịp cả nước Mỹ đang rung động với sự kiện 911 của bọn khủng bố Hồi giáo Al-Qaeda, nhằm mục đích giữ gìn và phổ biến những sáng tác của bạn bè thân hữu và những người làm văn học nghệ thuật của miền Nam trước 1975. Thế mà hôm nay TQBT đã vừa tròn 18 tuổi và đang bước vào năm thứ 19. Một chặng đường thật dài. Em xin được chúc mừng TQBT cùng hai anh.



Số báo đầu tiên

Nhìn lại con đường đã qua...

“Cuộc chơi bắt đầu. Tập 1 mỏng như một cái ngoắc tay rút rề. Cuộc chơi tiếp tục. Tập 2 dày thêm một ngón tay núu. Rồi những cánh tay choàng tới, ân cần... Bọn bè lần lượt trở về càng lúc càng đông... Từ một góc bàn viết gá nhờ giàn bếp, trong một gác lửng cheo leo giữa một chung cư ngất ngưỡng đến một chiếc bàn khuất lấp trong một góc quán cà phê ồn ào... xa hơn nữa, bất ngờ hơn nữa, những dòng thơ những trang chữ viết lén viết lút bay vụt sang từ bên kia biên dữ... Cứ vậy, bài vở lần lượt bay đi bay lại, rồi được sửa chữ, sắp trang... Những đêm sau một ngày vất vả ở hăng xưởng, những ngày thứ bảy chúa nhật sau một tuần lễ mưu sinh mệt dừ ... Vẫn vui, vẫn cặm cụi, vẫn cần nhần vì những trể nải, ... mà vẫn vui, vẫn cặm cụi và vẫn cần nhần... Xong một chặng đường, bài vở lại theo đường điện thư gửi vào qua một căn nhà khác ở Plainfield (NJ), chui xuống hầm và in thành tập bằng

một loại máy in “duy nhất”, thứ máy in được biến chế bằng đủ loại thập vật phế thải kể cả nồi niêu soong chảo của vợ nhà. Giấy, mực thì rình mua trên E-bay hay bán tháo bán đồ ở những cửa tiệm phá sản. Báo in xong cắt dán bằng tay, keo nung nóng đốt phồng tay là thường... Vẫn vui, vẫn say mê, vẫn hớn hờ mỗi lần nhìn thấy từng tập báo hoàn thành. Rồi cột rồi bó rồi vác từng thùng chất lên xe chạy ra nhà bưu điện, gửi đi tám hướng. Vác mệt còng lưng, dán tem mệt nghỉ. Vẫn vui, vẫn mừng... Cảm ơn, cảm ơn vô vàn những tấm lòng đã làm một việc gần như “khùng khịu” nhất đời để cuộc chơi chung của bạn bè còn có cơ tiếp diễn, để người quen kẻ lạ còn có chỗ trải bày tâm sự, để văn chương khỏi bị “cách” cái “mạng” oan tình.”⁽¹⁾

18 năm. 86 số báo không định kỳ vẫn đều đặn tới tay bạn đọc với số trang dày theo thời gian.

Số 1-17: Tuyển tập thơ văn

Số 18: Y Uyên + Tuyển truyện Y Uyên

Số 19: Nguyễn Nghiệp Nhượng + tập truyện NNN

Số 20: Nguyễn Bắc Sơn + thơ NBS (Chiến tranh VN và tôi)

Số 21: Võ Hồng

Số 22: Viết trong khói lửa

Số 23: Vũ Hữu Định + thơ VHD toàn tập

Số 24: Hoài Khanh + 4 tập thơ HK

Số 25: Văn thơ xứ Quảng

Số 26: Nguyễn Nho Sa mạc + Vàng Lạnh (thơ NNSM)

Số 27: Phan Nhự Thức + Đốt Tuổi (tái bản thơ PNT)

Số 28: Tuyển tập thơ văn mùa hạ

Số 29: Từ Thế Mộng + thơ TTM (Lẽo Đẽo Một Phương Quì)

Số 30: 3 tác giả (Trần Huiền Ân, Mang Viên Long &

Cao Thoại Châu)
 Số 31: 3 người viết
 Số 32: Trần Dạ Lữ
 Số 33: Tạp chí Ý Thức
 Số 34: Lê văn Trung + thơ LVT (Bi Khúc)
 Số 35: Trường xưa
 Số 36: Khuất Đầu + 3 tác phẩm của KĐ
 Số 37: Thư từ Tuy Hòa
 Số 38: Hơi thở đồng bằng
 Số 39: Tạp chí Trước Mặt
 Số 40: Những mùa Giáng sinh khó quên
 Số 41: Tuyển tập thơ văn mùa xuân
 Số 42: Mẹ
 Số 43: Cha
 Số 44: Tưởng niệm Thảo Trường
 Số 45: Mây Viễn Xứ - Giới thiệu Nhà thơ Lâm Hảo
 Dũng
 Số 46: Nhà văn Doãn Dân
 Số 47: Nhà thơ Luân Hoán
 Số 48: Tạp chí Bách Khoa
 Số 49: Lâm Vỹ Thủy + Thơ LVT (Sao em không về
 làm chim thành phố)
 Số 50: Nhà thơ Nguyễn Đức Sơn
 Số 51: Cối Đá Vàng + truyện dài CDV của Nguyễn thị
 Thanh Sâm
 Số 52: Khoa Hữu & Nh. Tay Ngàn + thơ KH (Lửa)
 Số 53: Tạp chí Văn
 Số 54: Ba lô mang theo hồn thơ văn
 Số 55: Dương Nghiễm Mậu + Bút ký DNM (Địa ngục
 có thật)
 Số 56: Những Vấn Đề Văn Học
 Số 57: Văn chương Blog
 Số 58: Tinh nhân bản trong văn chương miền Nam
 Số 59: Phùng Thăng + 2 dịch phẩm của PT (Những

ruồi, Kẽ lạ ở thiên đường)

Số 60: Tạp chí Sáng Tạo + sách báo ST (Thơ ST, Tuyển truyện ST, Thảo luận ST + Toàn bộ ST chụp lại)

Số 61: Hiện tượng những nhà văn nữ

Số 62: Tạp chí Khởi Hành

Số 63: 20 năm văn học miền Nam & tạp chí Văn Đê

Số 64: Tạp chí Trình Bày

Số 65: Tưởng niệm nhà văn Hoàng Ngọc Hiến & giới thiệu tạp chí Thời Tập + điểm sách của HNH

Số 66: Tạp chí Hiện Đại

Số 67: Trong Lớp Khói Màu & giới thiệu tạp chí Văn Nghệ

số 68: Văn chương chửi thề & giới thiệu tạp chí Nghệ Thuật

Số 69: Tạp chí Mai

Số 70: Nhà thơ Phạm Ngọc Lư & Biên Cương Hành + thơ PNL (Đan Tâm)

Số 71: Chiều đầy bông Phùng Thăng

Số 72: Giới thiệu tạp chí Văn Học (1962 – 1975)

Số 73: Giới thiệu tạp chí “di cư” Văn Hóa Nguyệt San (1952 – 1974)

Số 74: Báo sinh viên và Nguyệt san Tình Thương

Số 75: Những số báo văn học cuối cùng của miền Nam

Số 76: Nhà văn Lữ Quỳnh

Số 77: Nhà văn Triều Sơn

Số 78: Tạp chí Giữ Thơm Quê Mẹ

Số 79: Trần Hoài Thư vẫn còn mãi đam mê

Số 80: Cõi thơ Cao Đông Khánh

Số 81: Nguyễn Kim Phụng: người lính viết văn & dịch giả ở tiền đồn

Số 82: Nhà văn Trần Doãn Nho

Số 83: 10 khuôn mặt văn nghệ hy sinh trong chiến trận (Trầm Kha, Y Uyên, Phan Huy Mộng, Nghiêm Sỹ

Tuấn, Trần Như Liên Phượng, nhạc sĩ Dzũng Chinh, Hoài Lữ, Doãn Dân, Nguyễn Phương Loan, Song Linh)

Số 84: Tưởng nhớ 9 bằng hữu cộng tác viên (Nguyễn Bắc Sơn, Đinh Cường, Phạm Ngọc Lư, Hoàng Ngọc Hiến, Lê văn Thiện, Hoài Khanh, Từ Thế Mộng, Lâm Anh, Trần Văn Nam)

Số 85: Lữ Kiều Thân Trọng Minh

Số 86: Trần Phong Giao và những người viết trẻ

Những ngày đầu khi hai anh Thư và Nhân mới bước vào tuổi 60, vẫn còn khỏe để cáng đáng mọi việc. Chị Yến vẫn cùng anh Thư lái xe đi thư viện Cornell hay Yale để tìm Di Sản Văn Chương miền Nam... Hãy nghe anh Trần Hoài Thư chia sẻ nỗi khó khăn của một trong những lần ấy. Để hiểu. Và cảm thông.

“... 4 giờ sáng mùng 7 Tết Tân Mão, bắt đầu rời nhà. Rời nhà khi trời còn đen tối, khi tuyết bão, khi trời sương mù dày đặc. Khi chúng tôi đến Scranton, cách thư viện Cornell khoảng 50 dặm, vào lúc 8 giờ sáng thì đường đông đá. Chiếc xe chạy đầu chạy chậm lại khiến tôi, quen như một phản xạ, cũng đạp thắng, và đạp rất nhẹ. Vậy mà xe đã mất điều khiển trượt tự do. Hết trái, rồi qua phải, không thể kiềm chế nó nổi... Trong khi đó phía đường ngược chiều nằm phía bên trái, một chiếc xe *truck* chạy ngược lại. Tôi chỉ còn biết nhắm mắt. Tôi hiểu là tôi đang chờ một chuyện chẳng lành, vì có thể chiếc xe của tôi xe bay xuống đầu xe *truck*. Chân tôi lại đạp thắng, ra gì thì ra. Chiếc xe quay vòng trên đường rồi sau đó lao đầu vào vùng tuyết dày đặc bên đường... Rồi nằm ụ ở đó, chôn sâu dưới đống tuyết đến ngang tầm tay lái. Cửa xe không thể mở ra. Chúng tôi bị kẹt trong xe. Rất may là máy vẫn nổ, đèn vẫn sáng.

ảnh hưởng sau trận đột quỵ liệt nửa người bên trái vào cuối tháng 12/2012, sức khỏe và tinh thần chị cũng không còn như xưa. Anh Trần Hoài Thư trở thành một trong những *caregiver* của chị, với nhiệm vụ nấu ăn, giặt giũ.

“Với bàn chân với tội hình
Ta lê chân đến với mình hôm nay
Ngoài sân tuyết phủ ngập đầy
Chân mang bọc nhựa thay giày bột cao
Ngày xưa quanh quần chiến hào
Giày *saut* trận mạc, bạc màu núi sông
Bây giờ vợ vợ chồng chồng
Bao *nylon* bọc đôi bàn chân sưng
Ngày xưa lội suối băng rừng
Ngày nay lội tuyết
 ngập đường mênh mông
Ngày xưa là một quê hương
Ngày nay là một tấm lòng có nhau
Sá gì cái bàn chân đau
Thương ta
 mình gắng nuốt (cơm) vào, ta vui”⁽³⁾

Còn hai người "đầu tàu" của TQBT cũng “xất bất xang bang” vào cuối tháng 8, đầu tháng 9 này. Họa vô đơn chí. Anh Nhân bất ngờ phải vào cấp cứu trong bệnh viện. Bạn bè lo lắng tới tập viết điện thư hỏi thăm. Rồi các anh Nguyễn Xuân Thiệp (từ Dallas), Lương Thư Trung, Cái Trọng Ty, anh chị Phan Xuân Sinh và anh Tô Thâm Huy đã vào bệnh viện Memorial Hermann, Houston thăm anh. “Chưa biết bệnh tình nặng nhẹ ra sao, còn chờ kết quả thử nghiệm, nhưng anh Nhân rất vui có bạn bè vào thăm hỏi, ngồi nói chuyện sang sảng, kể đủ mọi chuyện, từ chuyện đánh vật với ma trong

nhà thương đến chuyện nằm trên giường dùng điện thoại viết bài cho TQBT số tới v.v...”⁽⁴⁾. Gần đây tôi mới biết thêm anh Nhân đã bị cắt bỏ túi mật vào hai năm trước (xin đọc bài viết ngắn "Tham Thực Cục Thân" của anh đi trong số này.)

Còn anh Trần Hoài Thư khi thức dậy “thấy nằm dưới chân giường với hai cục u như quả bóng bàn trên trán, thêm con mắt sưng húp thấy máu trào ra hai bên khõe dưới chân giường. Phải gọi 911. Nằm nửa buổi.”⁽⁵⁾



Hai nhân vật trụ cột của TQBT đầu tháng 9/2019

Nhưng bệnh tình và chuyện gia đình không ngăn hai anh tiếp tục cuộc chơi. Trong bệnh viện anh Nhân vẫn viết. Anh Thư vẫn tiếp tục bài vở, sáng tác, in ấn... để báo được phát hành.

“Con tôi đã thức dậy rồi
Đang thi nhau nhả những tờ giấy in
Đứa dưới hầm, đứa ở trên
Đứa chạy chậm, đứa “run” nhanh cấp kỳ
Đứa chớp đèn báo bị *jammed*

Đứa cho biết giấy đã voi cạn rồi
Vây mà vui quá là vui
Hình như xuân cũng về rồi, bạn ơi

Con tôi đã thức dậy rồi
Thư Quán Bản Thảo sắp ra đời, bà con!” (6)

Trong năm qua anh Trần Hoài Thư cũng đã nghiên cứu và thực hiện *flipbook* các tạp chí văn học nghệ thuật miền Nam như Sáng Tạo, Nghệ Thuật, Nghiên Cứu, Mai, Văn, Văn Học, Văn Nghệ, Tân Văn, Văn Hóa Nguyệt San, Văn Đề, Trình Bày, Hiện Đại, Tình Thương, Ý Thức... Một kho tài liệu quý báu của Di Sản Văn Chương miền Nam. Thật đáng ngưỡng mộ!

“Sáng thức dậy
Pha tách cà phê
Ngồi lại trước máy
tiếp tục layout cuốn Văn viết về Võ Phiến năm 1974
Đã được 77 trang
Vừa làm vừa đọc
Ít ra công việc cũng mang đến những niềm vui trí tuệ
Trí tuệ từ cách làm sao biến những hàng chữ mờ không
rõ nhòa nhạt vì quá lâu, nửa thế kỷ rồi còn gì
trở thành lung linh màu mực mới
từ *color* sang *black and white*
từ 2 *color* sang 16 *color*

Vui mừng đến muốn khóc
Khi trí não ta vẫn còn lạnh lặn
Để biết thêm về ngôn ngữ CSS, HTML5
Để vui vậy như con nít ráp Lego

...
Ồi trí tuệ

Tôi đang mang nó vào cuốn Văn về Võ Phiến này
Tôi sẽ làm những *margin* đều đặn
Những vết đen được tẩy đi
Những chữ mờ được rõ ra
Tôi sẽ viết *CSS custom class* để làm *flipbook* được đẹp hơn
Để cảm ơn ông” (7)

Không biết nói gì hơn, em xin chúc mừng cùng hai anh trong dịp này. Mong hai anh luôn được bình an và sức khỏe để tiếp tục dần bước trên con đường đã chọn. Để Thư Quán Bản Thảo tiếp tục là mái nhà của những anh em cầm bút và những bạn đọc còn yêu mến, mong chờ ngày Thư Quán Bản Thảo phát hành. Để được cầm trên tay tờ báo nặng trĩu tấm lòng với Văn Chương Miền Nam một thời rực rỡ.

Trần Thị Nguyệt Mai
14/9/2019

(1) Cao Vị Khanh - *Có Một Thời Như Vậy*
<https://tranthinguyetmai.wordpress.com/2018/09/03/co-mot-thoi-nhu-vay/#more-27552>

(2) Trần Hoài Thư, *Đi tìm Bàn Tay Cho Yến*, TQBT số 46 tháng 4/2011, tr. 5

(3) Trần Hoài Thư - *Sá gì với cái chân gout*

(4) Trích điện thư ngày 2/9/2019 của anh Tô Thẩm Huy

(5) Trích điện thư ngày 2/9/2019 của anh Trần Hoài Thư

(6) Trần Hoài Thư - *Con tôi đã thức dậy rồi*

(7) Trần Hoài Thư - *Cái Còn Lại*

PHẦN CHỦ ĐỀ

Trần Phong Giao và những người viết trẻ

Sơ lược tiểu sử



Trần Phong Giao tên thật là Trần Đình Tĩnh, bút hiệu Trần Phong, Thư Trung, Mồ Làng Văn. Ông sinh tại Nam Định. Năm 1954, ông di cư vào Nam. Từ năm 1960 đến năm 1963, ông làm thư ký tòa soạn báo Tin Sách do Trung tâm Văn Bút Việt Nam chủ trương. Thời gian này, ông cũng bắt đầu dịch một số tác phẩm văn chương, triết học của các nhà văn nổi tiếng thế giới, như Albert Camus, Jean-Paul Sartre, Paul Gallico.

Cuối năm 1963, ông làm thư ký tòa soạn tạp chí Văn (số đầu tiên là số Xuân Giáp Thìn, 1964) tại Sài Gòn do Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm.

Năm 1971, ông thôi làm ở tạp chí Văn, lập nhà xuất bản Giao Điểm và xuất bản tạp chí Giao Điểm, nhưng chỉ được ít số thì đình bản. Sau đó, ông có thực hiện một vài giai phẩm khác nữa (trong đó có tờ Chính Văn với nhà văn Nguyễn Mạnh Côn), nhưng không thành công. Cuối cùng ông trở lại công việc dịch sách và làm quản thủ thư viện Đại Học Cửu Long cho tới ngày 30 tháng 4 năm 1975. Bên cạnh các công việc trên, đầu năm 1975, ông còn giữ mục Giải đáp Thắc mắc Văn học trên tờ Thời Tập của nhà văn Viên Linh.

Sau một thời gian lâm bệnh (ung thư đại tràng), ông mất ngày 13 tháng 4 năm 2005 tại nhà riêng ở quận 6, Sài Gòn, thọ 73 tuổi

Sáng tác

- Ngồi lại bên nhau (tập truyện)
- Nửa đêm thức giấc (tiểu thuyết)

Dịch

- * Lưu đày và quê nhà (L'exil et le royaume) tuyển truyện của Albert Camus.
- * Guồng máy (L'engrenage) dịch tác phẩm kịch của Jean-Paul Sartre.
- * Niềm im lặng của biển cả (Le silence de la mer) của Vercors.
- * Sứ mệnh văn nghệ (Discours de Suède), diễn văn đọc tại lễ nhận giải Nobel Văn chương của Albert Camus.
- * Sự đã rồi (Les jeux sont faits) của Jean-Paul

Sartre. Trần Phong Giao dịch chung với Nguyễn Xuân Hoàng.

* Không một nắm mồ (Morts sans sépulture) của Jean-Paul Sartre.

* Con chim trốn tuyết (The Snow Goose), truyện của Paul Gallico. Trần Phong Giao dịch chung với Hoàng Ưng.

* Kinh nghiệm đời văn của Erskine Caldwell. Trần Phong Giao dịch chung với Nhã Diễm (Nhà xuất bản Văn Hóa, 2009).

Trần Hoài Thư

Viết về Trần Phong Giao qua những sách báo sưu tập

1. Trần Phong Giao và những đòn thù

Gần mười năm lèo lái con thuyền Văn, không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió, nhưng có lúc ba đào nổi dậy, sóng gió âm ảm.

Đầu dây mối nhợ là do cái mõ trong Mõ Làng Văn, và cái chôi Quét Sân Đình. Đó là bút danh tập thể, mà chúng tôi, sau một thời gian dài tìm tòi và phỏng vấn, biết gồm bộ ba: Trần Phong Giao, Trần Thiện Đạo và Nguyễn Minh Hoàng.

Tuy nhiên, người đứng ra chịu đòn dĩ nhiên là Trần Phong Giao vì ông là thư ký tòa soạn, chịu trách nhiệm về bài vở.

Một trong những người bị Mõ Làng Văn mang ra "quét" là nhà văn Duyên Anh khi ông này ca tụng dịch giả Vân Mông. Và Duyên Anh phản công lại, bằng những tuyệt chiêu, khiến sau đó Mõ Làng Văn phải dẹp bảng từ Văn số 58. Xin nhớ rằng Duyên Anh là vua chữ, người khai sinh ra tờ báo Con Ong. (Chúng

tôi đã có một bài rất chi tiết về vụ này kể cả bài phỏng vấn Nguyễn Minh Hoàng do chúng tôi thực hiện ở SG đăng trên tạp chí Thư Quán Bản Thảo số chủ đề tạp chí Văn Học).

Đòn thù thứ hai là vụ hai nhà văn nữ là Túy Hồng và Nhã Ca "tổ khô" ông Trần Phong Giao vì ông đã dám nói: *“Gái Huế, ái tình lãng nhãng thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân cũng là đúc kết của một vài anh em có vợ Huế khác...”* khiến ông phải ra công phân trần giải thích qua hai lần thư ngỏ.

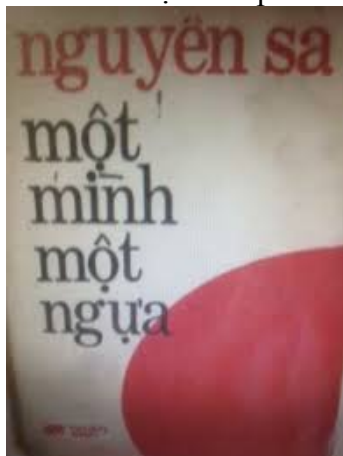
(Chúng tôi đi lại thư của hai nhà văn nữ Túy Hồng và Nhã Ca cùng với thư trả lời của nhà văn TPG ở phần sau).

Trong lá thư ngỏ thứ hai, ngay sau lá thư ngỏ thứ nhất được đăng ở số trước, ông đã giải thích tại sao lại dùng chữ "p" không viết hoa cho từ "phượng" trong cụm từ “phượng trong thành nội” một chủ đề của Văn số 132 ngày 15-8-1968:

Chị Nguyễn thị Hoàng, một nhà văn xứ Huế khác, đã ân cần căn dặn tôi đừng có viết hoa chữ “phượng” kéo rồi lại bị hiểu lầm là tôi muốn nhắc đến “một cô nào đó, tên đó, trong thành nội”.

Một điều nhỏ nhặt nhất, không ngờ nhất, có thể là cái có để gây ra ngộ nhận. Đời sống chúng ta, ngay trong địa hạt văn nghệ, – nơi mà những đồ kỵ, nhỏ nhen không thể được chấp nhận, – cũng ngọt ngào những chấp nhất, ngờ vực, tị hiềm. Người làm văn nghệ, bây giờ đây, cần có tới hai lần thận trọng mỗi khi mở miệng nói hoặc đặt bút viết. Đó là một kinh nghiệm, thực tiễn và cao giá. (1)

Đòn thứ ba, lần này là đòn độc địa nhất. Mà người đánh là Hư Trúc, tức nhà thơ Nguyên Sa. Mai Thảo ví “áo lụa Hà Đông là hình một con mèo nằm lim dim, bất động. Hiền từ, như ngủ. Nhưng coi chừng, bị va chạm là móng vuốt tức khắc” (1 bis) . Dĩ nhiên móng vuốt thì dùng để cào da thịt, nhưng ở NS, còn hơn thế nữa. Làm địch thủ phải “học máu”.



Đây là bí quyết ông dạy:

"... Văn nghệ là phải bay bướm. Không bay bướm không thành văn nghệ. Viết cái gì cũng phải cho đẹp. Cái chất văn nghệ là làm gì cũng lấy đẹp làm phương châm. Đặt tí một bài văn là phải đặt cho bay bướm, cho đẹp. Như "Một mình một ngựa". Nghe có cái vẻ đẹp kiêu hiệp, hơi cái lương, hơi Tam Quốc Chí. Hay "Khi con thú hốt hoảng" nghe có vẻ tình cảm. Đó là những cái tí tồi nhất cũng đã có tí bay bướm. Tuyệt đối không nói đến các chữ bẩn như cứt đất. Nghe ghê thấy mồ. Nó lộ ra cái tư cách không thơm. Tuy nhiên, với sa-đích chọn cái tí đó, tôi xin các bạn đừng trách, đừng khinh, mà nên thương hại. Bởi vì nó đã hoảng hốt đến cùng cực. Sa đích chuyên môn chê thiên hạ, nay bị chạm nọc sẽ tức học máu."...

... “Cái ông này tài thật lần nào ông ấy hốt hoảng cất tiếng cũng làm mình được một bữa cười no, lần nào cũng làm cho khoái chí tử. Kỳ thấy mờ.” (2)

Thật sự Trần Phong Giao có hốt hoảng hay không, hay vì ông muốn trần tình cho người đọc nhận rõ đâu là sự thật. Hay ông đã quên câu tục ngữ “Lời nói là bạc, im lặng là vàng” ?.

Để rồi cuối cùng ông thật sự rời bỏ báo Văn vào 15-10-1971 trước dự định 1 tháng rưỡi - cùng lúc với cuốn "Một mình một ngựa" của Nguyên Sa phát hành vào tháng 10-1971. Sau đây là một phần lá thư của ông Nguyễn Đình Vượng:

.... “Anh Trần Phong-Giao cho biết sức khỏe của anh sa sút cho nên bổn phận của tôi là phải nghĩ tới anh và tôi quyết định để anh nghỉ dưỡng- sức ngay từ bây giờ.”

Quả thật vậy không. Tôi nghĩ là không. Ngược lại, nó đánh dấu cho một trận chiến khác. Dĩ nhiên là ác liệt.

Bằng chứng là ngay sau khi ông nghỉ báo Văn, ông lại xuất bản Bán nguyệt san Giao Điểm. Lần này ông cho biết cái chổi sẽ tiếp tục quét lại như mấy hàng trên trang quảng cáo đăng trên tạp chí Bách Khoa ngày 15-12-1971:

Đầy đủ những mục thường xuyên do Ban biên tập cũ của Văn chủ biên như: Quét Sân Đình (Mở Làng Văn), Giải đáp thắc mắc (Thư Trung) v.v...

Hè tuần tháng 12-1971
xin mời quý bạn đến đọc :

GIAO-ĐIỂM

Tập san Nghiên cứu Sáng tác Phê bình Văn nghệ
xuất bản ngày 1 và 15 mỗi tháng
do Trần Phong-Gia và bạn hữu chủ trương

— Số 1 : chủ đề «VIỆT VỀ THẠCH-LAM», với
những bài viết của Vũ Bằng, Dương Nghiễm Mậu,
Đặng Tồn, Nguyễn Tường Quang, Huỳnh Phan
Anh, Đào Trường Phúc, Nguyễn Nhật Duật, Thư
Trương... và nhiều bài tiểu luận.

— Đây đủ những mục thường xuyên do Ban Biên
tập CC của Tập san VĂN chủ biên, như : Quét
sân đình (M5 Lăng Văn), Giải đáp thắc mắc
(Thư Trương v.v...)

Cũng lúc
xin mời bạn yêu văn đến đọc :

BÔNG TỐI CUỐI CÙNG

truyện dài trong ý nhắc của NGUYỄN-THỊ-HOÀNG
mang nhiều hiệu GIAO-ĐIỂM tái xuất hiện sau
bốn năm vắng bóng

Mọi thư bạc, xin gửi cho :
Trần Phong-Gia
150 Phan Thanh Giản, Saigon-3

Trang Quảng cáo (Bách Khoa ngày 15-12-1971)

Rõ ràng, ông không hốt hoảng. Ông vẫn đứng thẳng, tiếp tục con đường ông lựa chọn. Như ông đã từng “một mình một ngựa” để duy trì tạp chí Văn suốt gần 10 năm.

(1) Văn số 132 tháng 6-1968

(1bis) Mai Thảo. “Mẫu áo lụa Hà Đông trong thơ Nguyễn Sa”, tr. 136 (Chân Dung 15 Nhà Văn Nhà Thơ Việt Nam. Westminster, CA: Văn Khoa, 1985)

(2) Nguyễn Sa - Một mình một ngựa - Chương "Khi con thú hốt hoảng". Nguyệt san Nhân Văn số 3, 1971 trang 100

(3) Nguyễn Đình Vương - Thư Ngỏ, Văn số 189, trang 109

2. Trần Phong Giao, sau tháng 4 năm 1975

Sau năm 1975, Trần Phong Giao sống một đời sống cơ cực và bệnh hoạn. Theo lời kể của nhà văn Ngô Thế Vinh “cả hai anh chị đã phải chạy chợ kiếm sống với chiếc xe ba bánh, đậu trên đường Lê Thánh Tôn đứng bán từng bó củi, mấy nải chuối hay những bó rau tươi để nuôi đàn con. Ngày ra tù, tới thăm anh, vẫn ở trong con hẻm gần Cầu Kiệu, bên Tân Định, anh gầy sút đi nhiều hại chân đã rất yếu. Gia tài của anh đáng giá vòn vẹn còn một tủ sách, quý nhất là trọn bộ báo Văn đóng bìa da, một sự nghiệp của Trần Phong Giao nhưng rồi anh cũng đã không giữ được và phải đem bán cho một Việt kiều từ Mỹ về để có tiền chạy gạo và thuốc men. Trần Phong Giao mất trong sự túng quẫn và bạo bệnh (2005). (3)

Hoàn cảnh khó khăn này cũng được một người viết trẻ khác là nhà văn Mang Viên Long kể lại, trong một lần đến thăm nhà anh, như sau:

Anh Trần Phong Giao vui mừng tiếp tôi sau hơn 10 năm thất lạc tin tức. Chúng tôi hỏi thăm nhau đủ chuyện về đời sống, việc làm, tin tức bạn văn, và cả những dự tính. Anh Trần Phong Giao hỏi thăm tin vài anh em văn nghệ ở Tuy Hòa, miền Trung. Tôi “báo cáo” với anh những gì biết được, nhưng cũng rất mờ mờ vì sau 1975 tôi rất... mệt mỏi, ít khi gặp lại ai! Anh cho biết PNL có ghé thăm, đang đi KTM ở vùng Đồng Nai - Bảo Lộc gì đó, lại đang đi theo nhóm tìm vàng, đãi vàng - rất khó! Chợt để ý đến chiếc xe xích lô đang nằm một góc hiên nhà, trông sạch sẽ. Tôi cười: “Anh

cũng chạy xe nữa sao?”- Anh thản nhiên: “Thỉnh thoảng cũng làm “vài cuộc” kiếm tiền trà café mà!” - “Tôi cũng thích làm nghề này, nhưng ở quê đâu có ma nào trèo lên xích lô, vì không đủ tiền ăn, tiền đâu mà xe với cộ?”. (4)

Nhà thơ Trần Dạ Lữ kể lại rất rành rẽ vì sống gần ông:

Sau 75 là thời gian anh chị em văn nghệ tan tác. Tôi đi bán rau muống, đu đủ... thì anh Trần Phong Giao lại bùng bê khi chị Giao bán hủ tiếu... trước hẻm nhà dưới chân cầu Kiệu để kiếm sống. Anh làm công việc này cũng cần mẫn và lặng lẽ như khi làm thư ký tòa soạn bán nguyệt san VẤN vậy. Nhà cha mẹ vợ tôi ở Phú Nhuận rất gần nhà anh nên có rau ngon hay đu đủ tốt là tôi đạp xe đạp đem xuống biếu anh chị Giao. Ngược lại, anh chị có gì cũng chia sẻ với tôi. Điều đáng quý là dù cho vật đổi sao dời như thế nào thì chúng tôi cũng vẫn không quên nhau. Thời gian này, tôi biết anh chỉ còn một lá thân để sống. Tôi thì phải đi nông trường nên ít liên lạc với anh như trước. (5)

Trong một hoàn cảnh khó khăn như vậy, vậy mà khi nghe tin nhà thơ Thành Tôn được phóng thích, trở lại Saigon, ông TPG đã đến thăm với món quà: Một xấp giấy. Một cây viết. Một ký gao. Một hộp sữa. Và lời nói:

"Minh cũng không dư dả gì, nhưng nghe tin bạn mới rời khỏi trại cải tạo nên mình gửi một ít nhu yếu phẩm để bạn bồi dưỡng..."

Điều này chứng tỏ cái tình của ông dành cho những người viết trẻ trước 1975 vẫn trước sau như một.

Một chuyện lạ là ngày xưa, anh em chúng tôi tìm ông thăm viếng, thì bây giờ ông đã đi tìm chúng tôi, mà trường hợp nhà thơ Thành Tôn là một ví dụ điển hình. Trường hợp nếu tìm không được thì đăng báo tìm, lấy nguyên bút hiệu Trần Phong Giao, như bài viết ngắn *Bài Thơ Năm Trước* (tuần báo Văn Nghệ tp. HCM số 25 – 01/1992):

“Nay biết đâu nhờ phổ biến rộng rãi mà tôi (được gặp lại hoặc) được cho hay tin về một ‘cố nhân’, nghĩ cũng là chuyện đáng mừng”.

(Mời đọc bài của Lưu Vân đăng trong số này)

Điều này chứng tỏ tấm lòng của TPG đối với những người viết trẻ trước đây, trước sau vẫn như một.

(3) Ngô Thế Vinh: *Bốn mươi năm Dương Nghiễm Mậu và Tự truyện Nguyễn Du*. Nguồn: Internet

(4) Mang Viên Long: *Người thơ ký cần mẫn và nhiệt tình*. Đăng trong số này.

(5) Trần Dạ Lý: *Lá thư cuối cùng*. Đăng trong số này.

3. Ở một nơi có Trần Phong Giao

Câu trả lời thì ai ai cũng biết. Đó là tòa soạn báo Văn, 38 Phạm Ngũ Lão Saigon, nơi ông có mặt suốt 10 năm với chức vụ thư ký tòa soạn.

Nhưng nó khác với những tòa soạn khác, bởi vì các tòa soạn khác không có ai như Trần Phong Giao.

Thứ nhất là việc gây dựng tạp chí Văn trở thành một tạp chí văn học nghệ thuật có bề thế. Chuyện này ai ai cũng nói và nhiều người viết. Chúng tôi xin miễn nói lại.

Sau đây là những việc làm của TPG mà ít ai nhắc đến:

- Mang văn hóa đến gần quần chúng

Không phải riêng tờ Văn, TPG còn làm tờ Tân Văn, mỗi tháng ra một kỳ. Báo được bán với một giá rất rẻ, rất hợp túi tiền của độc giả sinh viên. Trong một bài đăng trên tạp chí Văn Học, nhà văn Duyên Anh viết về cuộc cách mạng này:

“Anh Trần Phong Giao, thư ký Tòa soạn Văn, đã làm một cuộc thí nghiệm hơi đáng lo trong việc in các tác phẩm sáng tác cũng như dịch phẩm bán với giá rất rẻ. Truyện dài “Tuổi nước độc” của Dương Nghiễm Mậu, dày ngót 200 trang, in rất mỹ thuật, đề giá có 20 đồng. Truyện dịch của Lê Huy Oanh, truyện sáng tác của Nguyễn Mạnh Côn đều đồng giá 20 đồng cả.



20 đồng một tác phẩm văn nghệ, một món ăn tinh thần của cả một đời người, giá chỉ tương đương với một bát phở trong thời buổi tiền mất giá này! Mà phải đâu đã thu về đủ 20 đồng! Còn tiền trừ 30% cho nhà phát hành. Chưa kể tiền bản quyền mỗi lần in cho một cuốn là 10 ngàn đồng!

In 6000 cuốn, nếu bán hết mới có một chút lãi (...)

Ngày xưa, thi hào Tản Đà đã chủ trương sách in “xoàng xoàng” thôi, nhưng bán giá rẻ để phổ biến được nhiều. Ngày nay, anh Trần Phong Giao tiến bộ hơn Tản Đà, loại sách do anh chủ trương in thật đẹp, vẫn bán rẻ. Mục đích cũng giống mục đích Tản Đà.

(...)

Anh Trần Phong Giao đã thực hiện nổi một công việc cao quý, giúp ích cho cả tác giả lẫn độc giả... (6)

- Giúp đỡ bạn văn chí tình...

Trước 1975, chúng ta thấy có nhiều tờ báo văn nghệ. Bên cạnh Văn, nào là Bách Khoa, Văn Đền, Trình Bày, Ý Thức, Khởi Hành v.v... Đặc biệt là tuần báo Khởi Hành cơ quan ngôn luận của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân đội. Hội đã có công trong việc thực hiện một tuần báo văn học nghệ thuật khó quên là Khởi Hành. Tuy nhiên, Hội không giúp gì một cách thực tế nhằm “cứu” những hội viên để họ được cơ hội phục vụ ở những chỗ hạp với khả năng, ngoại trừ việc lập dự án giúp mua nhà mua đất ở gần SG cho hội viên, nhưng cuối cùng dự án cũng bị “xù” không rõ lý do dù mỗi tuần trên tuần báo KH đăng tấp nập những số tiền đóng góp của hội viên mang áo lính.

Kẻ viết này cũng là hội viên. Chỉ có một lần nhận giấy mời đi họp ở SG, mừng như bắt được vàng, nhưng làm sao mà đi khi nằm trên rường, hơn nữa mình đi thì ai thế? Ai cho phép? Ông Đại tá Hội trưởng TVT đâu có quyền bằng ông Đơn vị trưởng!

Như vậy, cái câu lập hội để lá lành đùm lá rách xem như không ổn chút nào. Nhưng mà không sao. Chúng tôi vẫn luôn luôn biết ơn Hội đã khai sinh ra một tuần báo văn học dưới sự chăm sóc của nhà thơ Viên Linh một tạp chí có tầm vóc là Khởi Hành, để chứng tỏ văn chương miền Nam không phải là văn chương đô thị mà là văn chương ngoài vòng đai.

Chỉ có Văn mới chứng tỏ cái câu: “lá lành đùm lá rách”.

- Qua việc Văn thực hiện số chủ đề về Tolstoy, như thư ký TPG giải bày tại sao:

“ ... Do một sự tình cờ, chúng tôi được biết Thầy Từ-Mẫn, người trông coi nhà xuất bản Lá Bối, đã phải đi vay nợ lãi, của nhiều người, mới đủ số vốn để ấn hành bản dịch *Chiến tranh và Hòa-bình*. Số tiền nhà xuất bản đi vay nặng lãi đâu tới trên một triệu đồng. Sau khi phát hành hai cuốn đầu (trong 4 cuốn trọn bộ), nhà xuất bản mới chỉ thu lại được đâu vừa đủ để trả tiền lời cho số tiền đã vay. Số tiền gốc, vẫn còn nằm nguyên, bất động.

Xúc động trước sự hy sinh cho văn hóa (thật ra, chúng ta còn từ nào khác với từ hy sinh, trong trường hợp này) của bậc chân tu, anh em chúng tôi đã bàn nhau, tìm cách “tiếp tay” với nhà Lá Bối. Do đó, số VẦN này được đặc biệt chuẩn bị ấn hành, cách gấp rút. Để độc giả của VẦN, – những bạn ưa thích đọc văn dịch – làm quen với Tolstoy, biết tới sự xuất hiện của một tác phẩm cổ điển giá trị, đã từng được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng, phổ biến trên khắp toàn cầu: *Chiến-tranh và Hòa-bình*. ” (7).

- hay qua những lời kêu gọi thống thiết giúp đỡ một bạn văn bị hoạn nạn là nhà thơ Đỗ Tấn trong biến cố Mậu Thân ở Huế 1968:

“Nhà thơ Đỗ Tấn, tác giả Thơ Trắng... cùng gia đình vẫn ở trại tạm trú, neho nhóc, mỗi ngày một đầu người lãnh một lon rượu gạo. Quần áo chỉ có một bộ chạy giặc mặc mãi đến hôm nay “hôi thối không thể tả được”.

(Ôi, ông Duy-Lam ơi, ở gần Huế nhất, có phương tiện liên lạc với Huế nhất, giờ đây chỉ có mình ông. Yêu cầu ông tìm mọi cách giúp cho Đỗ Tấn cùng vợ

và hai con hấn thoát khỏi cảnh hôi thối. Ông hãy gửi góp quần áo, chăn mùng, khăn, vải... ra cứu giúp hấn (nhờ Đài Phát-thanh Huế chuyển). Tất cả mọi phí khoản, xin ông tính với Văn. Phải kêu cứu ông vì chúng tôi không có cách gửi. Nếu ông không tìm mọi cách cứu giúp ngay Đỗ Tấn, thì, ôi ông Duy-Lam ơi, cả ông lẫn chúng tôi, chúng ta sẽ cùng bị hôi thối lây đó nhé!).”

(Văn số 103 ngày 1-4-1968)

Một ví dụ khác để chứng tỏ sự chí tình này của ông Trần Phong Giao được nhà văn Thế Phong kể lại như sau:

Về nhà văn Trần Phong Giao (tác giả ” Ngồi lại bên cầu ”)- tự “ Trần Phóng ”(sước danh do Duyên Anh đặt) có thù tôi thì chẳng có gì oan uổng . Bởi lẽ, tôi đã ” đạo ” 10 ngàn đồng bạc mà anh đã để dành trong bao phong bì ghi ” của triều phủ Trần Hoài ” tại ” phòng văn tọa lạc tại đường Phan Thanh Giản, Cap Saint Jacques . Ra xe trục chỉ Saigon vậy tôi đã có tiền để trả hết món nợ ” com hàng, cháo chợ, vợ người dưng ” qua 8, 9 tháng ăn chịu, nợ tiền nhà thuê ở Xóm Chùa Tân Định, để nằm lì viết bộ sách “ Lược sử văn nghệ Việtnam ”(4 tập).() Và tôi chưa có cơ hội nào hoàn trả món nợ kia cho ân nhân: nhà văn, thư ký tòa soạn tạp chí ” Văn ” Trần Phong Giao.*

Phải nói thật, đã có 1 lần gặp ân nhân- bữa ấy mặt mũi anh nhem nhuốc, thân hình gầy guộc, lưng khom, tóc tai bờ phờ, đang bước lảo đảo từ Nhà hàng Thanh Thế (Sabourain- mới đổi tên đường Tạ Thu Thâu)- gặp tôi, ân nhân nắm lấy áo tôi:

-...tao bị ốm mới ra nhà thương, chẳng còn tiền nong gì; mày có tiền không thì trả nợ tao đi !

Cho tay vào túi quần, xem còn ít tiền nào không, vét sạch đưa hết cho anh, và năn nỉ:

-... với mày, lúc nào cũng là ân nhân của tao, không chỉ đời

thường mà cả trong chữ nghĩa nữa.." (7 bis)

. Tấm lòng ấy càng sâu đậm đặc biệt đối với những người viết trẻ. Ít thấy tờ báo nào lại đăng những tin tức về những người viết trẻ nhiều như Văn. Ví dụ:

tin anh em xa gần

Có nhiều bạn trách cứ chúng tôi là tuy ra báo sớm hơn cả nhưng đã không loan nhiều tin về anh em trong giới văn nghệ. Lời trách cứ tuy rất hữu lý nhưng xét cho cùng thì cũng rất... dễ tha thứ. Bởi lẽ tin tức thì nhiều quá, và khó kiểm chứng quá !

Chẳng hạn như nhà thơ Phạm-đình Bách đã tạ thế tại Đà-nẵng vì bị trúng đạn, chứ không phải bị hạ sát tại Huế, như có báo đã loan.

Chẳng hạn như khi chúng tôi viết những dòng này thì *chắc chắn* là Trịnh Công Sơn đang ở Đà-nẵng, chứ không... như bao nhiều tin đã loan.

Chẳng hạn như gần đây nhất, một bạn thơ từ Huế biên thư cho biết anh em văn nghệ trẻ ngoài nớ đều được bình an, duy có Trần Dạ Lữ là bị VC bắt tội đi. Cùng lúc, chúng tôi nhận được thư của chính Trần Dạ Lữ báo tin bình an.

Chính vì không muốn loan tin « với sự dè dặt thường lệ » không muốn tự cải chính, hoặc bị yêu cầu đính chính (một cách chẳng lấy gì làm đẹp dễ cho lắm, như có trường hợp đã từng xảy ra cho một nhật báo lớn ở đây) tuy mình loan tin với hảo ý rõ rệt, nên chúng tôi đã chỉ loan những tin *dịch xác*. Tuy chậm nhưng chắc chắn.

Sau đây là một số tin tức mới nhất về một số anh em xa gần :

Ngoài Huế, gia đình nhà văn Phan Du được bình an. Căn nhà của anh ở Tây-lộc, bãi chiến trường ác liệt, đã đứng vững như nhờ phép lạ ; nó chỉ bị hư hại xoàng, trong khi các nhà kế cận bị sụp đổ cả. Hiện anh đã về nơi nhà cũ, và hẹn sẽ có sáng tác mới gửi tới độc giả Văn ngày gần đây.

Họa sĩ Tuấn-Khanh cũng được bình yên.

Họa sĩ Đinh Cường cũng gặp may : căn nhà xinh xắn của anh trong khu thành nội đã không bị hư hại gì cả.

Các bạn thơ trẻ như Hồ Minh Dũng, Mường Mán, Ngụy Ngũ, Trần Dạ Lữ... đều thoát nạn, tuy nhà cửa bị tiêu tan nhưng ai nấy đều vui mừng như « mẹ đẻ lần thứ hai »...

Nhà thơ Đỗ Tấn, tác giả *Thơ Trắng...*, cùng gia đình vẫn ở trại tạm trú, nhoe nhóc, mỗi ngày mỗi đầu người lãnh một lon rưỡi gạo. Quần áo chỉ có một bộ chạy giặc mặc mãi đến hôm nay, « *hôi thối không thể tả được* ».

(Ồi, ông Duy-Lam ơi, ở gần Huế nhất, có phương tiện liên lạc với Huế nhất, giờ đây chỉ có mình ông. Yêu cầu ông tìm mọi cách giúp cho Đỗ Tấn cùng vợ và hai con hẳn thoát khỏi cảnh hôi thối. Ông hãy gửi gấp quần áo, chăn mùng, khăn, vải... ra cứu giúp hẳn (nhờ Đái Phát-thanh Huế chuyển). Tất cả mọi phí khoản, xin ông tính với Văn. Phải kêu cứu ông vì chúng tôi không có cách gửi. Nếu ông không tìm mọi cách cứu giúp ngay Đỗ Tấn, thì, ối ông Duy-Lam ơi, cả ông lẫn chúng tôi, chúng ta sẽ cùng bị hôi thối lây đó nhé!).

bị thương trong thành phố

Trần Hoài Thư, một tác giả trẻ nhiều triển vọng, quen thuộc với độc giả *Bách-Khoa, Văn...* vừa bị thương khi đem quân về tiếp viện một thị trấn ngoài Trung, trong cuộc binh biến đầu Xuân vừa qua.

Trong thư gửi tòa soạn *Văn*, Trần Hoài Thư than là đi rừng đi núi mãi không sao, ngày đầu xuân về thành phố thì lại bị « kẹt » ; cứ ao ước về thành phố xả hơi ít ngày, nay lúc được về lại là để nằm trên giường bệnh. Trong lúc đó lại có tin gia đình anh ở ngoài Huế bị tan hoang nhà cửa...

Không phải những tin tức trên được đăng lên như tin sinh hoạt văn nghệ thường tình mà đăng với niềm mong mỏi.

Thật khó có một tờ báo nào, ngay cả tờ Khởi Hành tự

hào là tờ báo của Hội văn nghệ sĩ quân đội lại đăng những lời cầu mong ưu ái như sau:

“Sinh thú duy nhất của Lê văn Thiện là viết văn, nên nguyện vọng của anh là khỏi phải đi hành quân, để có nhiều thì giờ hơn dành cho việc sáng tác.”

(Lê văn Thiện: *Người anh lớn*, đăng trong số này)

hay với THT:

Mặc dù mắt bị cận thị rất nặng, Trần Hoài Thư hiện đang phục vụ trong một đơn vị thám-kích. Sau những ngày giờ hành quân gian khổ, anh chỉ có sinh thú độc nhất là đọc sách báo và sáng tác thơ văn — một sinh thú mà anh rất ít được hưởng vì nhiệm vụ tác chiến thường quá nặng nề.

Hỉ vọng và cầu chúc là sau ngày rời bệnh viện, Trần Hoài Thư sẽ may mắn hơn, được chuyển về phục vụ ở một đơn vị nào đó, nơi mà ngoài phần quân vụ cần thiết, anh sẽ có được một số thời giờ nhiều hơn dành cho công việc sáng tác...

Có vài trường hợp được thành công.

Người thứ nhất là Y Uyên. Nhưng Y Uyên chưa kịp về SG trình diện đơn vị mới thì không may nằm xuống ở chân đồi Nora.

Người thứ hai là nhà thơ Thành Tôn:

“... Hồi đó khoảng những năm 1965, 66... Thành Tôn đang dạy học ở trường Phan Thanh Giản, Đà Nẵng. Đi dạy nhưng anh cư trú không ổn định, thường thay đổi địa chỉ nên Giấy Gọi Đi Thủ Đức theo lệnh Động Viên không đến tay anh. Một hôm xong buổi dạy ra về, thì anh gặp một toán cảnh sát đang đón đường hỏi giấy tờ quân dịch của thanh niên. Thành Tôn bị chặn hỏi và bị "hốt" ngay, vì lứa tuổi anh đúng ra là phải bị động viên vào Thủ Đức khóa trước, sao còn ở ngoài đi dạy tà tà vậy. Anh bị đưa vào trại Nhập Ngũ số 1, để đi thụ huấn

tân binh quân dịch, vì anh thuộc diện không tuân hành lệnh Tổng Động Viên.

Anh bị đưa vào Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, thụ huấn 9 tuần để ra làm tân binh, *deuxième cuirassé* (binh nhì). May nhờ có nhà văn Trần Phong Giao, lúc này làm Tổng Thư Ký Tạp chí Văn, khi biết tin Thành Tôn “bị nạn”, liền viết đơn lên Nha Động Viên Bộ Quốc Phòng, giải thích sự việc, là vì địa chỉ anh thay đổi nên không nhận được lệnh gọi đi Thủ Đức, chứ không phải anh trốn lính. Lúc này Nha Động Viên do Thiếu tướng Bùi Đình Đạm làm Tổng Giám Đốc, biết được nỗi oan ức của Thành Tôn, nên ra lệnh chuyển anh qua tiếp tục Khóa 2 Thủ Đức... Thế là Thành Tôn trở thành Sĩ Quan, và khi ra trường, xin về phục vụ tại Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Quảng Tín. Thành Tôn làm ở đây đến tháng 3.1975.” (8)

Người thứ ba là kẻ viết bài này. Mặc dù không nhờ trực tiếp nhưng nhờ gián tiếp. Tôi đã cất những mẫu tin viết về tôi, kèm lá thư đề gởi thẳng cho trung tướng Trần văn Trung tổng cục trưởng tổng cục CTCT. Không ngờ thay vì bị phạt vì không tuân theo hệ thống quân giai mà dám gởi thẳng Trung tướng Trung, tôi lại được Trung tướng Trung chấp thuận tôi chuyển ngành từ bộ binh sang làm phóng viên chiến trường. Ngoài ra còn cho thêm một ân huệ nữa là tự do chọn một nơi mình thích. Tôi chọn Cần Thơ vì nơi này là quê vợ. Vậy đó. Dù không được ông TPG trực tiếp giúp đỡ nhưng nhờ những mẫu tin mà chỉ có Văn mới loan trong khi các báo khác thì thờ ơ chẳng bận tâm chút nào.

Rõ ràng ông luôn luôn hướng đôi mắt và tấm lòng

dành cho những người viết trẻ. Điều này được viết rõ qua bài viết của Phạm văn Nhân, Trần Dza Lữ, và Lê văn Thiện. Ông hướng vì ông cảm thấy chúng tôi là những bia người: Cái màn đen của mất mát, đau thương bao trùm cả nước, không chữa ai, nhưng thua thiệt nhất là dân quê và lớp trẻ, như anh bạn ngồi kia”. Người bạn ngồi kia là Lê văn Thiện. Và là chúng tôi. Những người viết trẻ đang có mặt trong màn đen.

Nhưng mà, với một thư ký tòa soạn, làm sao ông có thể cứu được chúng tôi chứ. Văn không phải là một nơi tập trung những quyền lực dù người ta hết lòng tung hô: Cây bút là một sư đoàn.

Không. Ông cứu chúng tôi không phải bằng một tờ sự vụ lệnh mà bằng những trang báo, giúp chúng tôi có thể nói lên tiếng nói của tuổi trẻ bia người của chúng tôi, và để cho văn học miền Nam có thể chấp đôi cánh đại bàng thay vì những cánh bồ câu chim sẻ!

Ông đã trả danh dự lại cho chúng tôi. Bởi vì ông biết tờ Văn muốn sống phải cần chúng tôi!

(6) Duyên Anh - Tạp chí Văn Học số 57 ngày 1 tháng tư 1966, mục *Chân trời văn học*.

(7) Trần Phong Giao, *Vài cảm nghĩ xuôi dòng*, Văn 128

(7bis) Thế Phong: *Hà nội - nơi có một lần chúng ta thân ái*. nguồn: Internet

(8) Trần Yên Hòa: *Một Thành Tôn Khác*. Nguồn: banvannghe.com

4. Trần Phong Giao và nỗi hy sinh to lớn

Nếu tấm lòng của Trần Phong Giao đối với những người cầm bút trẻ ở ngoài vòng đai là lai láng thì ngược lại - đối với giới làm văn nghệ ở SG, nó thật ê chề chua chát.

Và cái ê chề thứ nhất, là việc Mõ Làng Văn mang Duyên Anh ra mà “quét” vì DA đã viết bài khen ngợi dịch giả Vân Mông.

Cái ê chề thứ hai là vụ ông nhận định về gái Huế khiến ông phải viết hai lần thư ngỏ.

Vụ thứ nhất bắt đầu từ Văn số 58, ông chỉ có một bài ngắn trần tình. Nhưng vụ thứ hai, xảy ra vào năm 1968, bắt đầu từ một bài viết trong số đặc biệt chủ đề “Thương nhớ Y Uyên”, qua lá thư Tuy Hòa ngày 17-4-1967 (Văn 129), đề hai nhà văn nữ gốc Huế là Túy Hồng và Nhã Ca mới tức lòng lộn viết thư lên tiếng đăng trên tuần báo Khởi Hành, khiến ông phải ra công phân trần giải thích qua hai lần thư ngỏ.

Sau đây là lá thư của Nhã Ca và Túy Hồng (được đăng trên Tuần báo Khởi Hành số 3 ngày 15-5-69)

Thư lên tiếng của nhà văn Túy Hồng, Nhã Ca.

Kính gửi anh Trần Phong Giao, Thư ký Tòa soạn Báo Văn

Chúng tôi là những gái Huế viết văn, viết được sáng tác nào là gửi đăng trên các báo, rồi sau đó mới xuất bản thành sách. Một trong những tờ báo đăng bài chúng tôi là báo “Văn”, một tờ báo khả ái, linh động và còn là diễn đàn chung cho những cây bút mới. Bài của chúng tôi gửi đăng ở “Văn” tuy ít ỏi, nhưng cảm tình của chúng tôi đối với “Văn” hay nói đúng hơn, đối với anh Trần Phong Giao bao giờ cũng chan chứa và tròn trịa... Cảm tình đó, chúng tôi tin rằng, bất cứ ai đã từng cộng tác với “Văn” đều thấy rõ. Dùng một cái, chúng tôi tình cờ thấy trên một số báo “Văn” thương nhớ Y Uyên, có đăng một lời nói của anh Trần Phong Giao: “Gái Huế, ái tình lãng nhăng thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân cũng là đúc kết của một vài anh em có vợ Huế khác... Quả là một câu nói ngùn ngụt hắc ý đối với một quê hương đã đi vào văn nghệ bằng một vẻ đẹp và một linh hồn, một quê hương chiến tranh mà tổng số những đứa con gái lấy Mỹ đêm không vượt quá xa những móng của 10 ngón tay, một quê hương đã từng ép xác đàn bà bằng một lối giáo dục của khối đá ngàn cân đè nặng (8 chữ đọc không rõ)... một quê hương thâm u của những bà Chúa, những Công tăng Tôn nữ nhìn đời không quá cái hàng rào vương giả... và, một quê hương còn lại sau cuộc thảm sát ... Đành rằng chỗ đất nào cũng có người thom kẻ thối, gái Huế cũng như gái Bắc, gái Nam... gái xứ nào chẳng có đứa làm đĩ, chữa hoang, ngoại tình, giết chồng người khác, ăn cắp, ngủ lang, hàm hồ, chua ngoa, ác độc... nhưng, không bao giờ ta nên căn cứ trên một thiểu số người làm bậy rồi quyết đoán cả một tỉnh lý, quận lý.

cả một thành phố, cả một cố đô, cả một quê hương... toàn thể phụ nữ đều làm vậy như nhau, đều lăng nhăng nhèn nhện như nhau để đến nỗi một người, một người thôi, phải lên cái tiếng lớn cười mũi vào cái thể thống của một quê hương... Tất cả một xứ Huế con gái chỉ đáng cho ông nhà văn tính chuyện lăng nhăng hay sao? Tất cả xứ Huế con gái đều là những kẻ nhẹ tư cách, rẻ nhân phẩm nên không ai buồn để ý đến chuyện “xây dựng gia đình với!” hay sao? ... Thật tội nghiệp cho những nắm mồ non thiếu nữ vùi chôn trong năm thảm sát Mậu Thân, thật tội nghiệp cho những người con gái dài tóc còn sống dư sau vụ vạ huyết vừa rồi phải bê những rổ rau quả ra ngồi bán bên đường khi con đòi đến liền sau cuộc thảm sát, và cũng thật tội nghiệp cho những cô gái Huế yêu văn chương vẫn nghiền ngẫm đọc báo “Văn” lâu nay (xin quả quyết rằng khắp trên mấy miền quê hương gái Huế chịu đọc sách báo và đọc báo “Văn” nhiều nhất)... Chúng tôi, những gái Huế viết văn đã bỏ quê hương mà đi nên may mắn còn sống để góp mặt vào cái chiếu làng văn miền Nam này. Chúng tôi là những kẻ quen thân với anh Trần Phong Giao, là những kẻ lấy chồng Bắc, nghĩa là những kẻ ở trong cái mục “đúc kết kinh nghiệm” của anh Trần Phong Giao, mỗi kẻ biết cầm một cây bút của cái giá đưng bút miền Nam này... thấy thể diện của quê hương mình bị cào xước như vậy nên chúng tôi phải có một phản ứng để trả lời câu nói khinh nhờn của anh Trần Phong Giao đăng trên báo “Văn” Túy Hồng và Nhã Ca từ nay xin thôi không cộng tác cùng báo “Văn” nữa.

Quê hương đang là một vòm trời đen. Kẻ làm văn không sử dụng ngòi bút của mình trên những giọt nước mắt, lại đi lai rai từng hàng cho cái bầu hình thức, thể thống... nghĩ thật tự mình lấy làm bất mãn, nhưng quê

huong còn cả tương lai, ngòi bút của mình nhận thấy rằng có những điều nói trước được và có những điều cần phải nói sau...

Túy Hồng, Nhã Ca .

*Dưới đây là lá thư trả lời của Trần Phong Giao
(đăng trên Văn số 131 ngày 1-6-1969):*

THƯ NGỎ

kính gửi hai chị TÚY-HỒNG và NHÃ-CA

Thưa hai chị,

Tôi đã đọc lá thư ngỏ của hai chị đăng trên tuần báo Khởi Hành.

Câu văn của tôi vốn đã không được rành rẽ, bị đem ra khỏi mạch văn của nó lại càng dễ gây thêm sự hiểu lầm. Có điều tôi xin được nói lại cho rõ để tránh gây hiểu lầm thêm nữa: tôi không có ý đánh giá người phụ nữ Huế như hai chị nghĩ.

Câu văn-nói của tôi chỉ là một lời khuyên thân tình, được nhớ lại trong một dịp đau buồn. Câu đó không có dụng ý giễu cợt hay bĩ thỉ người bạn của người bạn trẻ thân mến và đáng thương xót của tôi. Nó càng không có ý miệt thị các bạn đọc phái đẹp ở đất Thần kinh. Thật tình, đó là một lời báo trước về tính hạnh khắc khổ, đoan trang của người gái Huế, khi đã trở thành người vợ, người mẹ – người vợ và người mẹ biết, và dám quyết tâm bảo vệ gia đình. Đó, theo như tôi vẫn nghĩ, là một lời khen thay vì một lời chê. Không “xây dựng”, nói tóm lại, có nghĩa là “khi chưa bỏ hẳn được tính phóng túng hào hoa (nói cho rõ hơn, trong mạch văn câu tôi viết: khi còn thấy mình là một nhân

*vật tiểu thuyết thì đừng có nghĩ đến lập gia đình vội.”
Phản khác, tôi nghĩ câu văn đó chỉ là một câu văn nói
có giới hạn hạn hẹp của nó trong một bài sáng tác.
Mọi suy diễn ngoài phạm vi văn chương được gán
ghép cho câu nói đó không phải là ý tưởng của người
viết.*

*Tuy nhiên, sự hiểu lầm đã có rồi. Tôi chỉ còn mong
ước rằng những thiện cảm của tôi dành cho xứ Huế-
đau-thương, những hảo ứng của nhiều anh chị em văn
nghệ xứ Huế giàu-văn-nghệ-tính dành cho tôi trong
nhiều năm tháng qua, giúp tôi khỏi bị bạn đọc trách cứ
nhiều hơn.*

*Hai chị không được vui, cùng quyết định không hợp
tác với báo VĂN^(*) nữa. Các bạn đồng nghiệp đều lấy
làm tiếc, và riêng tôi rất ân hận, vì một lời nói không
mấy quan trọng (một lời nói lèm nhèm) rất nhiều bạn
đọc báo VĂN sẽ không được thỉnh thoảng đọc tác
phẩm của hai chị. –*

*Tôi mong là sự hiểu lầm rồi qua đi. Và tôi tin là tình
thân hữu giữa những người làm văn nghệ sẽ không vì
một sự hiểu lầm nhỏ mà bị sút mẻ.*

*Với niềm tin đó, tôi xin trang trọng gửi tới hai chị, –
cùng toàn thể bạn đọc nữ giới ở Huế, – lời xin lỗi chân
thành nhất của tôi.*

Trần Phong Giao (18.5.1969)

() Nhân đọc nhan đề “Túy-Hồng Nhã-Ca lên tiếng về một
nhận định của báo Văn”, chắc hẳn của tòa soạn KHỎI
HÀNH, tôi cũng xin minh xác rằng một bài báo mang tên
Trần Phong Giao, không thể được coi như một nhận định
chung của cả tòa báo.*

Đó là thư ngỏ lần thứ nhất. Sau số báo này, ông lại thêm một thư ngỏ thứ 2. Lần này đăng trên Văn số 132 tuyển tập những cây bút trẻ ở Huế dưới chủ đề “phượng trong thành nội”:

Số báo đang nằm trong tay bạn đây đã được sửa soạn từ hơn hai tháng trước. Khởi thủy nó có một chủ đề khác, nhưng sau đó đã được thay đổi vì người viết lá thư này muốn tránh một ngộ nhận có thể xảy ra. Vào phút chót, Trần Doãn Nho, một tác giả trẻ xứ Huế có góp mặt trong những trang trên, đã chọn hộ một chủ đề mới: “phượng trong thành nội”.

Chị Nguyễn thị Hoàng, một nhà văn xứ Huế khác, đã ân cần căn dặn tôi đừng có viết hoa chữ “phượng” kéo rồi lại bị hiểu lầm là tôi muốn nhắc đến “một cô nào đó, tên đó, trong thành nội”.

Một điều nhỏ nhặt nhất, không ngờ nhất, có thể là cái cớ để gây ra ngộ nhận. Đời sống chúng ta, ngay trong địa hạt văn nghệ, – nơi mà những đồ kẹ, nhỏ nhen không thể được chấp nhận, – cũng ngọt ngạt những chấp nhất, ngờ vực, tị hiềm. Người làm văn nghệ, bấy giờ đây, cần có tới hai lần thận trọng mỗi khi mở miệng nói hoặc đặt bút viết. Đó là một kinh nghiệm, thực tiễn và cao giá.

Khi nói chuyện về ngành xuất bản trên đài phát thanh SG ông đã nói về “Sự hy sinh của những người làm văn hóa”. Sự hy sinh ông đề cập là sự hy sinh đồng dạng mà bất cứ một người làm văn hóa nào cũng đã

chấp nhận tự nguyện. Nhưng ở Văn, ngoài cái chung chúng ta còn thấy ở TPG một sự hy sinh vô bờ, chịu đựng vô bờ. Với một kiến thức cao về ngoại ngữ và dịch thuật, và khả năng về lãnh vực viết lách, lẽ ra ông đứng ở ngoài cuộc chiến tranh lạnh này. Lẽ ra ông đứng ngoài cuộc để khỏi phải *“Người làm văn nghệ, bây giờ đây, cần có tới hai lần thận trọng mỗi khi mở miệng nói hoặc đặt bút viết.”* Để khỏi ai đó làm nhưng ông nhận tội. Ai đó đánh nhưng ông đưa lưng ra để đỡ giùm. Hết Duyên Anh dùng Văn Học, rồi đến Nguyên Sa dùng báo Sóng của Chu Tử ký tên Hư Trúc, hay hai bà Nhã Ca, Túy Hồng mượn báo Khởi Hành đánh ông tội bởi hoa lá, bắt ông phải viết hết trần tình này đến trần tình khác.

Chiến tranh nóng ở ngoài vòng đai. Chiến tranh lạnh ở Saigon. Giữa cuộc nội chiến ác liệt như vậy mà ông Trần Phong Giao vẫn gồng mình để leo lái tạp chí Văn khiến nó trở thành một tạp chí văn học có tầm vóc lớn của miền Nam... Thương ông, phục ông là ở chỗ đó.

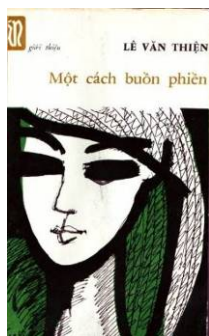
Có phải vậy không?

Người Anh Lớn

+ Lê văn Thiện

(1947 – 2018)

Đầu tháng 6 năm 1969 đơn vị tôi nằm trên một ngọn đồi cao giữa rừng xanh núi đỏ, cách Pleiku 40 phút bay trực thăng, về hướng tây bắc. Một buổi trưa chúng tôi nhận tiếp tế. Như thường lệ, ngoài thực phẩm, quân dụng, còn có báo chí, thư. Hôm đó tôi nhận món quà bất ngờ: tập truyện “Một cách buồn phiền” mới ra lò, do tạp chí *VĂN* xuất bản. Tôi mừng hết lớn! Cho tới nay, qua 40 năm, tôi vẫn còn nhớ cảm giác sung sướng, ngây ngất do cuốn sách mang lại. Mới cầm bút hơn ba năm, viết chừng chục rưỡi bài ngắn ngắn, đã có tác phẩm in, không mừng sao được!



Cuốn truyện hơi mỏng nhưng in đẹp. Tôi cầm nó bằng hai tay, ngắm không biết chán, bụng dạ “nhảy nhót”, hệt như cảm giác lần đầu ẵm thằng con đầu lòng, (sau đó chín năm), lúc nó mới chào đời... Kèm theo sách có lá thư của anh Trần Phong Giao, chủ bút tạp chí *Văn*. Thư đánh máy, chỉ dài hơn nửa trang. Trong đó, anh

hỏi thăm sức khỏe, thông báo ngắn gọn việc in ấn, và dặn tôi: có dịp vào Sài Gòn nhớ ghé lại 38 Phạm Ngũ Lão chơi, để biết mặt nhau.

Hơn bốn tháng sau, được nghỉ phép, tôi không về nhà, vù thẳng vào Sài Gòn “để biết mặt nhau”. Tôi tới tòa soạn *Văn*, gặp bác Nguyễn Đình Vượng (chủ nhiệm). Nói chuyện với bác chục phút, tôi xin cáo từ... Cái tòa soạn *Văn* khiến tôi chứng hửng! Xưa giờ, tôi cứ tưởng nó là một tòa nhà đồ sộ, với người ra người vào tấp nập, sách báo ngồn ngộn, máy in gồ ghề. Ngờ đâu nó nhỏ xíu, như tiệm tạp hóa ở làng, chỉ có một cô gái đánh máy ở góc phòng đằng xa và một anh chàng loay hoay kiểm báo giữa phòng. Bác Vượng chống cằm nhìn ra đường như đá vọng phu!... Tôi thả bộ xuống chợ Bến Thành, qua Lê Lợi, nhìn lướt qua mấy nhà sách, rạp xi-nê, nhìn cho biết. Đúng là anh Mán chiêm ngưỡng dung nhan phố phường! Tới trước rạp Rex, tôi đón xích lô máy đến Tân Định. Ngồi trên loại xe này vui, ngộ. Tất nhiên nó thua xa trục thẳng, nhưng thú vị và hồi hộp, bởi luôn thấy như mình sắp lao thẳng vào đầu những chiếc xe hơi chạy ngược chiều! Đây là lần đầu tiên tôi đi xích lô máy, thấy hiệu sách Khai Trí và rạp Rex.

Nhà anh Trần Phong Giao nằm trong một con hẻm, đường Hai Bà Trưng, cũng dễ tìm... Anh Giao ở nhà một mình. Căn phòng nhỏ đầy sách báo, quần áo vứt lung tung. Anh đang cầm cùi đánh máy, đánh một trang bản thảo dịch một bài báo của Pháp. “Lê văn Thiện phải không?” - Anh hỏi, khi tôi chưa kịp nói tiếng nào. Rồi, anh tiếp: “Thiện đen, nhỏ con, Nguyễn Lệ Uyên tả như thế!”. Chúng tôi trò chuyện như đã quen nhau lâu đời. Anh nói chậm, rõ, nhiều lúc đang nói bỗng dừng ngang, như bận nghĩ gì đấy, vài phút

sau mới nói tiếp. Anh hỏi tôi tình hình miền Trung nói chung và chuyện hành quân đánh đấm. “Cũng may, mấy tháng gần đây yên tĩnh”. Anh nhắc tên các anh em cầm bút trẻ còn đang lún sâu trong cuộc chiến, Trần Hoài Thư, Doãn Dân, Hà Thúc Sinh, Y Uyên mới qua đời vài tháng. Cái chết ấy là một “thực tế” hùng hồn, nó nói rằng súng đạn không phải là con ngáo ộp, chẳng kể ai đó là “ông” hay “thằng” ... Nói chuyện chừng hơn nửa tiếng, anh Giao nhờ một cô bé ra đầu ngõ mua hai ly chè đậu xanh đãi tôi. Anh moi dưới gầm giường ra một túi nhựa cũ, bỏ vào đó cuốn “*Buồn Nôn*” (J.P. Sartre), hai tập tạp chí *VĂN* tặng tôi. Xong, anh tiếp tục đánh máy. Tôi ngồi thêm một lúc, đọc qua vài tờ nhật báo, rồi về. “Cậu về đâu, chừng nào trở ra?” - Anh hỏi. Tôi nói, sẽ ở chơi vài ba hôm và đọc một số nhà trên đường Đỗ Thành Nhân, bên kia cầu Calmette.

*

Cuối tháng 9 năm 1972, tôi gặp anh Trần Phong Giao lần thứ hai. Hôm đó trời mưa, mới sáng sớm mà như sắp tối. Anh Giao đưa tôi ra chợ Thái Bình (ngay trước mặt tòa soạn *Văn*), nói là đi uống cà phê. Nhưng tới nơi anh gọi bia. Dù mưa nhưng ở đây vẫn đông người. Tôi hỏi nhận định của anh về cuộc hội đàm Paris, là chuyện thời sự đang chiếm nhiều diện tích các mặt báo. Anh bảo, có lẽ chẳng nên để tâm làm gì, biết cũng như không. Dân miền Nam vô duyên, xui. Số phận của mình hoàn toàn do người khác định đoạt. Không phải mới đây, hồi năm 1954 cũng thế. Bàn bên cạnh, hai thanh niên say cãi nhau to tiếng. Một anh đứng dậy vừa hét vừa múa may, làm hai ly bia ngã đổ... Trở lại câu chuyện, anh Giao nói: Đã không có một vai mạnh trên chính trường, mấy vị đứng đầu của chúng ta lại yếu kém. Đình Diệm nặng nề, chậm lụt, lạc hậu như

cái cối đá. Văn Thiệu thì vô biên, biết con khi gì về chính trị. Mình đứng (do mình bảo vệ nhà mình) thì chịu lép đủ đường, bị ràng buộc, thúc ép mọi mặt, phải đóng vai con rối, cây tầm gửi, có miệng mà không nói được. Còn họ, mấy ông Cộng lại lãnh nguyên chiếc áo “chính danh” (áo đuổi Mỹ xâm lược), như cáo già được giải Nobel đạo đức! Tôi cười muốn sặc!... “Nay tình hình đã tương đối rõ. Chắc cậu cũng nghe thiên hạ nói om sòm về bữa tiệc 42 món Mao đãi Nixon? Đau xót chỗ đó, chó má cũng chỗ đó! Họ là những kẻ đánh cờ, chúng ta là con cờ, kể cả miền Bắc, (cố nhiên “họ” không nhận mình là con cờ). Nhưng dân Nam có một may mắn, là *không cầm چرا cắt đôi đất nước*. Cái may ấy rất lớn. Chia hai Việt Nam là tội ác, trọng tội. Tất cả mọi điều tàn, tang thương đều từ đó ra”. Anh uống chậm như nói, trước sau chỉ một chai (bia con cộp). Anh hỏi, dân các buôn làng hẻo lánh sống thế nào, tình hình chiến sự của các tỉnh Tây nguyên năm nay có khác gì năm ngoái. “Trước đây có lần Trần Hoài Thư kể chuyện, trong các vùng tranh chấp ở Bình Định, nhiều nơi người ta dán câu khẩu hiệu này trên vách nhà: “Mỹ thua, Mỹ về Mỹ, các bạn thua, các bạn về đâu?” Câu hỏi ấy hay, đơn giản mà có sức nặng! Cuộc hội nghị ở Pháp, nay đang trôi dạt về giai đoạn cuối, tôi nhớ câu khẩu hiệu bình vận đó.” Im lặng khá lâu, rồi anh nói, rất nhỏ: “Một điều ta thấy trước, có một mặt Mỹ chắc thắng là tiền bạc. Chúng thu được núi tiền, qua việc tiêu thụ vũ khí... Dân mình thì sao? Cả dân tộc bị xua ra làm bia đỡ đạn, để chúng nó thử nghiệm các học thuyết, thử mức tinh nhạy hiệu nghiệm của các loại súng mới... *Sẽ không có chiến thắng nào dành cho những tấm bia thịt*, chắc chắn như thế!” Một cô gái đến bảo anh Giao về, có khách cần gặp. Anh đưa tôi ra đường, bắt tay, chúc may mắn. (May mắn

chính là thứ tôi cần nhất trong những năm chiến tranh). Chờ anh qua đường xong, tôi đón một chiếc xích lô máy về Khánh Hội.

Một ngày tháng 8 năm 1973, khoảng 9 giờ sáng, tôi đến 38 Phạm Ngũ Lão thăm anh Trần Phong Giao lần thứ ba. Anh đang tiếp hai ông khách. Cả hai đều lớn tuổi, diện đồ vest dáng như sắp đi dự đám tiệc. Họ nói chuyện nhỏ, nhát gừng, bàn về nhiều đề tài. Một cô gái mang trà thuốc ra mời tôi. Tôi ngồi chờ ở bàn có máy đánh chữ.

Khi nói về tình hình chính trị, những vụ việc nóng hổi mới xảy ra, chỉ về phía tôi, anh Giao nói với khách: “Cái màn đen của mắt mát, đau thương bao trùm cả nước, không chữa ai, nhưng thua thiệt nhất là dân quê và lớp trẻ, như anh bạn ngồi kia”. Hai vị khách gật gù. “Họ chẳng vay gì cả mà phải trả”, một người nói. “Lính ở ngoài mặt trận đa số là dân trung lưu và nghèo. Họ chiến đấu để bảo vệ cái nghèo.” - Anh Giao đùa. Ông khách già nhất nói: “Các đạo diễn của màn kịch lớn này kỳ tài. Họ làm cho hàng chục triệu diễn viên (là dân Việt) quay cuồng, điên đảo, mù mị. Vô cùng quái đản. Một quyền thế vô hình, một áp lực siêu thực bồng từ trời cao chụp xuống, bủa vây, chẳng em nào chạy thoát!” Dân ta chỉ còn một cách là phải dần thân, chịu đựng và tự an ủi mình: “Ráng lên, mọi người đều khổ cả chẳng riêng ai.” Nghĩ mãi, tôi vẫn không hiểu được tại sao trên thế giới bao la, chỉ có ba nước chia hai, trong đó lại có mình! Kẻ điên mới thờ ơ với sự tồn vong của đất nước, tôi hoang mang! “Kể ra ba Tàu cũng cao tay. Năm ngoái nhìn cảnh Nixon, Kissinger cụng ly với Mao, Chu, tôi sáng mắt... Miền Bắc học được bài gì của Tàu?”. “Nhiều bài, trong đó có những bài lẽ ra không nên học: xả thân, nhồi sọ, hy

sinh, tẩy não, biến người”. “Và cải cách, đầu tở địa chủ.” “Độc sử và độc truyện, ta thấy rõ Đại Hán không thiện chiến, nhưng về khoản tàn nhẫn, ác thì họ có thừa. Từ xưa, hàng ngàn năm trước, họ đánh lẫn nhau không biết bao nhiêu lần. Trong đó có vô số trận, tử sĩ phơi thây đầy đất, ngàn xác, vạn xác. Gần đây là Cách mạng văn hóa, hơn 20 triệu bỏ mạng. Hơn 20 triệu, thực khó tin.” Hai vị khách nói, anh Giao chỉ chêm vào vài câu ngắn. “Hãy nghĩ xem, nếu các vị Bắc rồ chịu ở yên...” “Sao lại rồ, Bắc hùng, anh hùng.” “Không phát động giải phóng, hai miền làm ăn yên lành, không đổ nát chết chóc, hao tổn máu xương thì nay thế nào?” “Tiếng giải phóng, biến hóa tuyệt diệu. Nó giống như bọn Mãn Thanh vào khai hóa người Hán!” “Đã lâu, người ta đặt câu hỏi: Sao dám chớp bu Bắc cộng nhất quyết mở cuộc chiến này, có phải vì họ tin chắc thắng, hoặc do Nga xúi, do thương dân miền Nam?” “Do say mê quyền lực và điên rồ, tàn độc... Vụ cải cách ruộng đất (3/1954 - 7/1956) đã bộc lộ rõ bản chất của họ. Đó là kịch bản của Mao. Đọc qua chừng chục trang đã thấy ngay nó tào lao, man rợ, thế mà TA rước về, diễn say sưa!” Anh Giao cười, “Tôi có một chữ “NẾU”: Nếu nước ta nằm cách Trung Hoa 500 cây số, thì ta có giàu mạnh không?”

Khách về. Anh Giao lại đưa tôi ra chợ Thái Bình uống vài ly bia. Lại tới trùng cái sạp chúng tôi đã ngồi năm trước. “Chỗ này mới ngon, tử tế”. Tôi không rõ nó tử tế ở điểm nào! Chúng tôi ngồi nhâm nhi, lai rai, chẳng có gì phải vội. Anh Giao nói, mấy ông bạn trẻ dạy học thường ghé đây thăm anh, như Hạc Thành Hoa ở Sa Đéc, Nguyễn Lệ Uyên ở Gò Công. Tôi kể anh nghe những chuyện vui vui về mấy xóm làng người Việt ở Campuchia, gần bên phà Neak Luong. Anh nhắc lại

một ý đã nói năm ngoái: Mỹ rời xứ này như tháo chạy, nhưng nó (cùng với Trung cộng) vẫn thắng. Lúc ấy tôi không hiểu, mãi 30 năm sau, nhớ lại, tôi mới thấy anh đúng. Không phải nhà tiên tri, nhưng anh đọc nhiều. (Đạo đó tôi đang đi lòng vòng, quanh các tỉnh miền Tây: Mộc Hóa, An Giang, Châu Đốc, Kiên Giang, Chương Thiện...) Anh hỏi tôi đã đọc E.M. Remarque chưa? “Đấy, viết với bản sắc riêng, nhiều truyện của ông ấy chẳng thấy tàu bò, máy bay, súng bom gầm gào nhưng không khí chiến tranh đậm đặc. Cùng ở chiến trường, nhưng không nên viết giống nhau. Nó như tình yêu vậy, mỗi người tiếp cận cảm nhận về người tình một kiểu.”

Đã khá trưa, chúng tôi chia tay nhau. “Con người ai cũng chỉ sống một đời, nhưng chúng ta sống quá nhọc nhằn.” - Anh nói lúc bắt tay tôi. Không ngờ đó là lần cuối tôi gặp anh...

Đến nay, trong trí tôi, anh Trần Phong Giao vẫn là một người hiền hậu, non 50 tuổi, dáng như thầy giáo, chịu nghe, ăn nói tử tốn, sống với anh em văn nghệ bằng tinh thần yêu thương, đùm bọc chí tình...

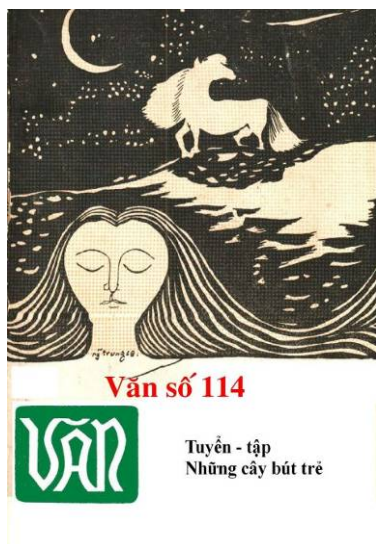
Trong lời giới thiệu một cuốn sách của tôi, anh viết: “Sinh thú duy nhất của Lê văn Thiện là viết văn, nên nguyện vọng của anh là khỏi phải đi hành quân, để có nhiều thì giờ hơn dành cho việc sáng tác.” Đây là tâm lòng của người cha, người anh ruột thịt. Vậy nên, trong đời mình, xưa còn trẻ hay nay đã già, lúc nào tôi cũng biết ơn, nhớ anh./.

Lê văn Thiện

12/2010

VĂN và Ông Trần Phong Giao

NGUYỄN LỆ UYÊN



Có thể nói, thập niên 60 là thời kỳ “nở rộ” của các tạp chí văn học miền Nam, với những tên tuổi lớn như Sáng Tạo của Mai Thảo; Văn Nghệ của Lý Hoàng Phong, Dương Nghiễm Mậu; Hiện Đại của Nguyên Sa và trước đó là Chi Đạo của Nguyễn Mạnh Côn, Mặc Đỗ... Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau các tạp chí này lần lượt tự đình bản. Duy nhất chỉ còn ba tờ “sống lâu” là Bách Khoa, Văn và Văn Học, sau đó là những Văn Đề, Nghệ Thuật, Tiếng Nói, Tin Văn, Thời Tập,

Khởi Hành, Ý Thức... và chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn.

Bách Khoa có lối đi riêng: kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, phần văn học chỉ chiếm một số trang khiêm nhường. Văn Học cũng vậy. Sau khi Dương Kiên ra đi, Phan Kim Thịnh thay thế thì Văn Học trở thành chuyên san về các nhà văn nhà thơ Việt Nam một thời ghi dấu ấn đậm nét cho dòng văn học Việt Nam với những bài nghiên cứu, phê bình và đăng tải lại các tác phẩm của họ.

Giữa “rừng” sách báo thời đó, Văn có cách chọn lựa của riêng mình. Đó là tạp chí chuyên về văn học nghệ thuật. Ngay từ số đầu tiên ra mắt ngày 1.1.1964, phía dưới logo Văn, nơi trang bìa có ghi Tập san văn chương tư tưởng nghệ thuật. Nhưng đến số 10 (chủ đề Văn hóa Phật giáo) trở đi, tiêu chí ban đầu của tạp chí lại đổi thành Tập san của những người ham đọc, hiểu học, ưa suy nghĩ. Chính tiêu chí này, cả ông chủ nhiệm lẫn thư ký tòa soạn (đặc biệt là ông thư ký Trần Phong Giao) bị nhận nhiều lời chỉ trích khá nặng nề. Và hình như, để cho những chỉ trích kia thêm “nặng ký”, họ lại chế thêm dầu vào mấy dòng chữ Ban tuyên đọc trong mục hộp thư thường kỳ trên các số báo, cho rằng đó là cách làm của kẻ bề trên, ban phát ơn huệ cho anh em mới cầm bút. Sau này có dịp gặp anh Dương Nghiễm Mậu ở Cần Thơ, tôi hỏi một cách tế nhị về cái Ban ấy, và biết thêm thông tin: Một mình ông Giao làm không xuê: vừa trả lời thư, sắp xếp đặt bài, làm thầy cò sửa *morasse*, phát hành; vừa đọc vừa viết nên phải mời thêm hai vị nữa để chọn lựa bài vở của những người mới cộng tác lần đầu với Văn. Sau này thân quen, tôi hỏi ông thư ký Văn và chỉ nhận được câu trả lời là một nụ cười; một nụ cười rất “Ca Diếp”!

Từ khi biết đọc, tôi đã đọc rất nhiều sách báo, đủ loại thượng vàng hạ cám, cốt nhét cho đầy cái đầu đói khát, nhưng một cách chủ quan và rất “duy ý chí”, tôi thấy ở đất nước khốn khổ này, cho tới giờ phút này, chỉ có duy nhất hai ông là có tầm cỡ làm báo văn học. Đó là ông Trần Phong Giao trong này và ông Nguyễn Ngọc ngoài kia. Cả hai đều có cặp mắt xanh, phát hiện ra những tài năng văn học cho nước nhà. Công lao ấy, tôi nghĩ, sau này những nhà viết văn học sử sẽ dành cho hai vị một chỗ đứng trang trọng nhất!

Riêng ở miền Nam, trong thời kỳ chữ nghĩa đa chiều bởi tính tự do dân chủ thật sự, Văn đã làm tròn thiên chức của một tờ báo (văn học) lớn nhất nước: giới thiệu các trào lưu văn học phương Tây (có cả văn học Nga La Tư, Mỹ La Tinh...), Châu Á (Ấn Độ, Nhật Bản, Nam Triều Tiên...) và bên cạnh những nhà văn tên tuổi, Văn còn có công lớn, khám phá những tài năng mới, có thể kể tên: Y Uyên, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Ngụy Ngữ, Trần thị NgH., Trần Hoài Thư, Kinh Dương Vương, v.v... và v.v... Chủ đích này, có thể thấy ngay ở số 11 ngày 1.6.1964, với chủ đề NHỮNG CÂY BÚT TRẺ ĐANG LÊN. Trong Thư gửi bạn đọc, có đoạn: “Trong số báo này (...) chúng tôi xin mời bạn đọc những sáng tác mới nhất của những cây bút trẻ đang dồi dào phong độ. Văn nghiệp của những cây bút góp mặt nơi đây mặc dù còn đang được xây đắp bằng rất nhiều công khó, cũng đã có được ít nhiều sắc thái riêng biệt khả dĩ xác nhận sự hiện diện của họ trên văn đàn. Họ đang cố vươn tới, đi lên. Nội sự cố gắng đó thiết tưởng đã đủ để bạn đọc tiếp nhận tác phẩm của họ bằng rất nhiều thiện cảm.” Những “Họ” trong số chủ đề này là: Trần Như Liên Phụng, Dương Nghiễm Mậu, Huy Lực, Luân Hoán, Hoàng Đông Phương,

Nguyễn Đức Sơn, Thao Trường, Thế Nguyên, Viên Linh, Thế Uyên, Nguyễn Quang Hiện.



Cứ thế, Văn đều đặn giới thiệu đến độc giả Việt Nam các nhà văn thời danh thế giới: Boris Pasternak, F. Sagan. A. Camus, J.P. Sartre, Hemingway, J. Steinbeck, Lỗ Tấn, Kawabata, Nguyễn Du, Lâm Ngữ Đường, Tản Đà... cùng những tuyển tập thơ văn của các tác giả trong nước, tạo thành một vườn văn đầy hương sắc, tạo được lòng mến mộ của độc giả với tờ báo bởi những thông tin đa chiều, những khuynh hướng văn học trên thế giới được cập nhật đều đặn mỗi nửa tháng.

Riêng với những người viết trẻ, Văn luôn là cánh cửa mở. Tất nhiên mỗi tác giả khi bước qua cánh cửa này luôn phải mất nhiều công khó, như trong Thư gửi bạn đọc ở số 11. Đây có lẽ cũng là niềm tự hào của những người viết trẻ khi được Văn chọn đăng tác phẩm của mình, như là bước khởi đầu cho sự thành công sau này. Còn thành công đến đâu, dài hay ngắn thì bản thân mỗi tác giả lại phải cố vươn tới, đi lên.

Trong số những người viết trẻ đến với Văn, duy nhất chỉ có Cảnh Cừ luôn làm ông Trần Phong Giao nuối tiếc và buồn không ít. Không rõ, những anh em cùng lứa với chúng tôi hồi đó, ông có tâm sự về chuyện này hay không, nhưng với tôi, mỗi khi có dịp gặp nhau là ông lại nhắc đến, coi đó là một “tai nạn” nghề văn. Có lần, ông kêu tôi và Trần Hoài Thư đi uống la-ve ở đường Nguyễn Kim, Chợ Lớn, gần sân vận động Cộng Hòa, ông nói: “Cảnh Cừ là trường hợp ngoại lệ, độc nhất vô nhị của Văn, *lủy** gửi truyện đầu tiên, *moa*** mở ra đọc. Chỉ vài đoạn đầu đã làm *moa* ngạc nhiên, thích thú vì quá hay, và quyết định cho đăng ngay, không cần qua Ban tuyển đọc. Cứ ngỡ rằng sẽ có một văn tài xuất hiện, nhưng sau đó truyện thứ hai *lủy* gửi đến làm *moa* vô cùng thất vọng. Nhưng để khuyến khích *lủy*, *moa* cho đăng. Khi gửi báo biểu và nhuận bút, *moa* kèm theo lá thư rất chân tình, đại ý truyện này (truyện thứ hai của Cảnh Cừ) viết quá dễ dãi ...”. Điều mà ông gọi là “độc nhất vô nhị” chính là truyện ngắn “Thư từ Tuy Hòa” của Cảnh Cừ được chọn đăng trên Văn số 45. Đây là truyện ngắn hay, rất hay của anh, viết về nỗi cô đơn của nhân vật nữ xưng tôi. Truyện có vẻ như tự truyện của cô gái trên chuyến tàu hỏa đi qua vùng cát cháy Vạn Giã, Tuy Hòa, lang thang trên các con phố Quy Nhơn để nhớ đến những kỷ niệm nhỏ về “Anh” nào đó vừa “dính men” chen vào góc ngách tình cảm của cô. “Anh” chỉ còn là cái bóng bên cạnh khiến cô gái càng thêm “trống”, cô đơn hơn bao giờ. Đọc truyện này, khiến tôi liên tưởng đến truyện Người đàn bà ngoại tình của A. Camus! Một truyện ngắn đầu tiên của một Cảnh Cừ chưa tên tuổi đã khiến người đọc sững sờ vì cái *style* rất riêng, cốt truyện rất lạ, thứ truyện không truyện.

Người thứ hai làm cho ông buồn nhiều, đó là Y Uyên. Cái chết của Y Uyên như một nỗi ám ảnh lớn đối với ông và như thể do chính ông gây ra. Sau số Văn tường niệm nhà văn tài hoa mệnh bạc này (số 129, ngày 1.5.1969), ông có nhờ chúng tôi sưu tập lại những truyện ngắn của Y Uyên chưa từng công bố, sau đó xuất bản với tên “Có loài chim lạ” trong tủ sách Nguyệt san Tân Văn số 44 tháng 12.1971. Trong khi làm công việc sắp xếp, ông hỏi tôi (vừa từ Gò Công lên): Cậu có biết anh Nguyễn Hiếu Học ở Phan Thiết không? Tôi trả lời không. Ông nói, nghe đâu khi đóng quân ở Phan Thiết, Uy viết được gì đều gửi lại ở nhà Nguyễn Hiếu Học không mang theo chỗ đóng quân. Nếu có được thì hay quá! Tôi nói anh có thể nhờ các anh Từ Thế Mộng, Nguyễn Bắc Sơn hay Lê văn Chính hỏi giúp. Sau đó một thời gian, tôi hỏi có tin gì về những bài lai cáo của anh Uy ở Phan Thiết? Ông lắc đầu tỏ vẻ chán nản và rủ tôi qua bên Thủ Thiêm uống bia. Uống đâu chừng hai ly, mắt ông đỏ lên, ngân ngán: “Bao công lao chạy cho được cái giấy tuyên chuyển đều đổ sông đổ bể! Cầm được bưu điệp trong tay rồi còn quay ra đơn vị làm gì để đến nỗi bỏ mạng? *Moa* đã viết thư, gọi điện ra Phan Thiết nhắc rồi: có là đi ngay, về ngay. Tình hình phức tạp lắm... Vậy mà...”.

Người thứ ba đã làm ông lo lắng không ít, đó là trường hợp Người em xứ xương rồng. Anh bỏ đơn vị trốn vào Tuy Hòa, Nha Trang... vì không kham nổi mỗi đêm phải dẫn Trung đội “thăm kích” với cặp kính trên 7 độ! Ông lại tìm đủ mọi cách để cứu “Người em” và cuối cùng chính ông cũng tội nguyện: “Người em” được chuyển về viết quân sử ở Quân Đoàn 4, đêm không còn phải đi bằng chân lặn tay để dẫn Trung đội đi kích

như trước ở cầu Bà Gi!

Nhắc đến ba trường hợp này để thấy ông sống với anh em bằng cả tấm lòng, không hề phân biệt lớn nhỏ, đã thành danh hay chưa.

Đúng như nhiều người nhận xét, mới nhìn thấy lần đầu, trông tướng mạo ông cứ lừ lừ như ông Tiêu cầm đại đao trong cửa Phật, nhưng tiếp xúc qua một vài lần, cái khoảng cách trước sau không hề tồn tại trong lối ứng xử của ông. Nếu như chỉ nhìn thấy ông ngồi vừa gõ máy chữ hay sửa bài vừa tiếp khách mà không “cần” ngó mặt khách thì có vẻ ông Trần là con người cao ngạo để người khác chỉ trích. Nhưng đó là cá tính. Con người ông không phải vậy. Vì những khi gửi báo biểu ông luôn viết kèm lá thư dài ngắn với những lời lẽ rất chân tình như thể giữa ông và người nhận thư là anh em thân thiết. Ngay cả khi rời Văn ra riêng với Giao Điểm, sau đó là Chính Văn của Nguyễn Mạnh Côn hay lúc qua làm thủ thư ở Đại Học Cửu Long thì cái sự “chức tước” đối với ông chỉ có ở tấm lòng với nhau: Nhà văn lớn, nhà văn bé ông đều cư xử như nhau. Mọi người quý ông là ở chỗ đó, và trách ông cũng chính ở chỗ đó!

Viết lại những dòng ngắn này như một nén nhang nơi chốn xa xôi, thấp lè để tưởng nhớ ông, như một người Anh Cả hết lòng với lũ trẻ, luôn mong chúng “nên người”.

Nguyễn Lệ Uyên

(nguồn: Trang sách và những giấc mơ bay tập II, Thư Ấn quán xb năm 2012)

** luy: từ chữ "lui" tiếng Pháp nghĩa là anh ấy, cậu ấy.*

*** moa: từ chữ "moi" tiếng Pháp nghĩa là tôi.*

Trần Doãn Nho

Vài kỷ niệm với Trần Phong Giao

Trước hết, xin đọc một đoạn văn, trích từ tiểu thuyết “Mùa Biển Động” của Nguyễn Mộng Giác:

Giữa hai đồng giấy cao ngất cạnh lối hẹp đi ra sau là cái bàn gỗ nhỏ. Một người đàn ông tóc cắt ngắn mặc sơ mi trắng cụt tay đang chăm chú đánh máy. Ông đánh chậm bằng hai ngón trỏ, mắt dăm dăm nhìn vào từng chữ một. Ngừ đến trước bàn mà người đàn ông chăm chỉ vẫn không hay biết. Chàng lúng túng, gặng chờ cho ông ta đánh máy xong một hàng, đẩy cần máy chữ sang hàng khác, mới lên tiếng:

- Anh cho tôi hỏi thăm, ông chủ bút đã tới chưa?

Người đàn ông nghe được câu Ngừ hỏi, nhưng vẫn chăm chú tiếp tục công việc. Ngừ không thể đoán được ông ta có khó chịu vì bị quấy rầy hay không. Chỉ thấy ông hỏi:

- Có việc gì gấp không? Bài vở hay trị sự quản lý?

- Cũng không có việc gì gấp. Tôi vừa ở Pleiku xuống. Ông chủ bút có viết thư nhắn là có dịp về Sài Gòn, nhớ ghé chơi. Thế thôi!

Người đàn ông ngừng đánh máy, ngừng lên. Đôi mắt ông nhìn thẳng cổ làm ra vẻ nghiêm trọng, nhưng Ngừ lại nhìn thấy ở đó sự mệt mỏi, thờ ơ. Ông hỏi:

- Anh tên gì?

Ngừ khó chịu như đang bị tra vấn. Chàng đáp cộc lốc:

- Ngừ.

- *Cái gì Ngừ?*

Ngừ không chịu đựng thêm được nữa. Giọng chàng run lên vì giận:

- *Anh cho tôi gặp ông chủ bút!*

- *Tôi là chủ bút đây!*

Ngừ bị bất ngờ, khựng lại.

(“Mùa Biển Động”, tập 4, trang 859-860)

Nhân vật “người đàn ông” trong đoạn văn trên, tuy là hoàn toàn hư cấu, nhưng qua đó, tôi lại nhìn thấy phản ảnh một nét khá điển hình của nhà văn Trần Phong Giao. Chả là vì, tôi cũng đã từng có cùng một kinh nghiệm khi lần đầu tiên gặp người tổng thư ký tòa soạn này của tờ tạp chí Văn ngày nào.

Đó là năm 1969. Tôi từ Huế vào đi học và đi làm ở Sài Gòn, trọ ở đường Phát Diệm, cách tòa soạn Văn khoảng chừng hơn cây số. Hôm đó, lần đầu tiên đến tòa soạn báo Văn – thực ra, chỉ là một cái phòng nhỏ nằm sát lề đường Phạm Ngũ Lão, bệ bộn giấy tờ, sách báo – trong tâm trạng hồi hộp, tôi gặp một người đàn ông đang chăm chú nhìn lên cái bàn máy chữ nhỏ, gõ lọc cọc.

Nghe tiếng tôi chào, người đàn ông vẫn cằm cúi làm việc, dường như chẳng hề biết có người đang đứng sát bên. Khi nghe tôi hỏi xin được gặp ông thư ký tòa soạn, thì người đàn ông đáp, trong lúc vẫn không rời bàn máy chữ, “Câu cần gặp có việc gì?” Tôi nói tên, tưởng là ông sẽ ngừng đánh máy, quay đầu lui, chào hỏi, nhưng không, ông chỉ nói: “Thế à!” một cách dừng dưng và... vẫn tiếp tục làm việc.

Chán nản và bối rối, tôi chào ra về. Lúc này, ông ta mới ngẩng mặt lên nói: “Khi nào rảnh, nhớ ghé chơi.” Tôi rời tòa soạn báo Văn và người chủ bút Trần Phong Giao trong một cảm giác hụt hẫng đến gần như tuyệt vọng.

Bực thì bực, nhưng vẫn ghé, vì tòa soạn nằm trên đường đi về hằng ngày. Dần dà rồi cũng quen thân. Biết tính anh, tôi chỉ ghé khi nào thật cần và thường là vào buổi chiều khi anh sắp nghỉ việc. Thỉnh thoảng, ít việc, anh rủ tôi ra chợ Thái Bình nằm ngay trước tòa soạn, uống nước, chuyện gẫu.

Có lần anh rủ tôi về căn nhà nhỏ ở dưới chân cầu Kiệu, đường Hai Bà Trưng để uống rượu. Tóm lại, tôi được gặp một Trần Phong Giao hoàn toàn khác, thân tình, chu đáo, và đầy thiện chí. Chính Trần Phong Giao này là người đã tạo cơ hội cho tôi bước vào làng văn.

Tôi thích viết từ nhỏ. Gửi hết báo này đến báo nọ, chẳng ai thèm đăng. Cho đến lần đó, khoảng giữa năm 1968, tôi được toại nguyện... hụt. Số là trong một số báo Văn, phần nhắn tin cho tôi, tòa soạn cho biết: Ban Tuyển Đọc đã chọn truyện “Dấu Tích Đời” để đăng, nhưng đáng tiếc là truyện có nhiều chi tiết không thể lọt qua được lưới kéo kiểm duyệt, những chi tiết mà nếu bỏ đi thì truyện sẽ không còn đứng vững, tòa soạn mong bạn gửi cho sáng tác khác.

Một lời nhắn tin rất ngắn, nhưng rất dài đối với tôi. Tôi vừa cảm thấy sung sướng vừa thất vọng và ảm ức. Trong lúc tôi cặm cụi cố viết một truyện khác, thì bất ngờ làm sao, chừng hai tuần sau đó, tôi nhận được thư từ tòa soạn Văn, một lá thư đánh máy rất cẩn thận với cái “logo” báo Văn ở đầu trang. Thư ký tòa soạn Trần Phong Giao “vui mừng” báo cho biết là, bằng một cố

gắng riêng, ông đã được sở kiểm duyệt cho “đi” truyện ngắn “Dấu Tích Đời.”

Không lâu sau đó, “Dấu Tích Đời” – kể chuyện một bà mẹ tưởng con gái mình đi làm ăn lương thiện để nuôi mình, cuối cùng khám phá ra là cô dối mẹ, hành nghề mại dâm với lính Mỹ – xuất hiện trên Văn 121, số kỷ niệm Đệ Ngũ Chu Niên, phát hành vào đầu năm 1969.

Với truyện ngắn đó, tôi bắt đầu được anh xếp vào hàng ngũ “những cây bút trẻ”, nhóm từ mà cho đến bây giờ nghe lại, vẫn cảm thấy nao lòng, vì nó nhắc nhở đến những buồn vui thời tuổi trẻ. Nếu không có sự quan tâm của anh, có lẽ nó sẽ không được đăng. Và nếu không được đăng, không biết tôi còn đủ tự tin tiếp tục viết và gửi để chỉ thấy tên mình nằm dài dài trong hộp thư tòa soạn! Sau đó, thì hầu như truyện nào tôi gửi cho Văn cũng được “qua cầu.” Và (tôi nghĩ, biết đâu) nhờ có mặt trên Văn, truyện và các bài viết khác của tôi cũng đã dễ dàng xuất hiện trên một số báo văn học khác như Văn Đề, Bách Khoa, Khởi Hành và cả tạp chí Đối Diện. Tóm lại, “Dấu Tích Đời”, hiểu theo một nghĩa nào đó, thì như một cái vé vào cửa “văn giới” đối với tôi.

Như Trần Hoài Thu nhận xét, ít có tờ báo văn học nào ở Sài Gòn thời đó mà quan tâm nhiều đến những cây bút trẻ đang cầm súng chiến đấu trên các chiến trường như Trần Phong Giao.

Tôi còn nhớ, có lần anh cho biết là đã nhờ người quen trong Tổng Tham Mưu kéo Y Uyên – lúc đó đang ở một đơn vị chiến đấu ngoài mặt trận ở Tuy Hòa – về Sài Gòn hay về một hậu cứ an toàn nào đó. Nhưng đáng tiếc là, một thời gian ngắn trước khi nhận được giấy chuyển chuyển, Y Uyên đã tử trận đầu năm 1969.

Để tưởng niệm nhà văn tài hoa bạc mệnh này, Trần Phong Giao thực hiện ngay một số tưởng niệm Y Uyên, số 129, ấn hành vào tháng 3/1969. Đó là một số báo khá dày, với sự đóng góp của nhiều bạn văn và nhà biên khảo. Với sự khuyến khích của Trần Phong Giao, tôi viết bài “Khuôn mặt chiến tranh trong tác phẩm Y Uyên”, phân tích cách mô tả chiến tranh trong các truyện ngắn của anh. Tất cả tiền nhuận bút của số báo này đều được các tác giả đồng ý gửi về cho gia đình Y Uyên để làm tấm bia mộ cho anh, gọi là chút tấm lòng của những bạn văn đối với người quá cố.

Ngoài việc trông coi tờ Văn, Trần Phong Giao còn là chủ biên của một tập san khác: Tân Văn, nguyệt san nghiên cứu, phê bình và sáng tác, phát hành đồng thời với tờ Văn, chủ yếu nghiêng về biên khảo. Biết tôi cũng thích viết tiểu luận, anh mời tôi viết bài thường xuyên cho tập san này.

Tôi cảm thấy vinh hạnh vì được tin cậy, nên nhận lời. Và viết ngay bài điểm sách “Một Cách Buồn Phiền”, tác phẩm đầu tay của Lê văn Thiện, bút hiệu là Văn Lê Thiên, in trên Tân Văn số 13, tháng 5/1969. Văn Lê Thiên là một cây bút trẻ (cũng là lính) thường xuất hiện trên Văn, do tạp chí Văn vừa xuất bản lúc đó. Anh giúp tôi viết thêm, nhưng tôi ham sáng tác, lại bận bịu việc học, việc làm nên hứa hoài hứa mãi mà không có thêm bài nào. Sau đó, tôi phải trở về Huế dạy học, rồi nhập ngũ. Đến năm 1971, Trần Phong Giao chia tay với nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, tờ Văn chuyển qua Nguyễn Xuân Hoàng và Tân Văn thì đình bản. Đành thôi!

Từ đó, tôi không gặp lại Trần Phong Giao cho đến năm 1985. Vào thời gian này, sau khi đi tù về, tôi thường hay ra vào Sài Gòn chạy vạy kiếm sống. Hôm đó,

Đó là lần cuối tôi gặp Trần Phong Giao. Theo lời anh Nguyễn Khiêm, trong một bài báo trên Người Việt, “*Tưởng nhớ Trần Phong Giao*”, anh mất tháng 4/2005, ở Sài Gòn vì ung thư đại tràng.

Tham khảo:

[illegible]

CAO THOẠI CHÂU

Tạp chí Văn, Trần Phong Giao và tôi

Thơ tôi đăng trên báo khá muộn so với tuổi tôi. Bài thơ đầu tiên lại là một bài lấy cảm hứng từ nghề nghiệp, tâm trạng một thầy giáo vừa bước vào nghề thời chiến tranh đang leo thang lấp ló cửa ngõ các thành thị miền Nam. Năm 1963, tạp chí VĂN đăng bài “Chỗ ngồi của nhà giáo thời chiến”; đồng thời cũng là VĂN đã bóc tem bút danh Cao Thoại Châu mà tôi chọn và dùng nó suốt đời mình.

Khi chọn báo để gửi, tôi đã nghĩ tới tờ VĂN lúc đó vốn có tiếng là chọn bài nghiêm ngặt, chọn địa chỉ này tôi nghĩ mình có thể khẳng định được chỗ đứng nhanh chóng hơn nếu mình thật sự có tài và có duyên nợ với thi ca còn không thì bỏ nó chứ quyết không làm một người viết làng nhàng. Và những gì diễn ra sau đó cho thấy suy nghĩ của tôi có phần đúng.

Tất nhiên cảm giác của tôi vào một buổi chiều trong thị xã miền biên giới - Châu Đốc, nơi tôi làm thầy giáo - là rất lâng lâng khi ghé mua tờ VĂN thấy có bài của mình. Cảm tưởng này còn được gia cố thêm khi vài ngày sau đó tôi nhận thư của tòa soạn ký Trần Phong Giao. Trong thư, anh Giao tỏ ra chăm sóc tôi và tin tôi có thể đi xa hơn. Và cũng qua thư, tôi hiểu tờ báo này “trọng dụng” những cây bút trí thức và... lính! Thư đó và những thư sau, Trần Phong Giao hay gọi tên thực

của tôi, hình như đó là kiểu của anh.

Điều tôi lưu ý tiếp theo với VĂN lại là cách làm việc giao tiếp phát hiện và trân trọng với cộng tác viên của người thư ký tòa soạn. Từ bài thứ hai của mình, tôi không còn nằm trong “Những bài mới nhận được” mà là một vài dòng nhắn riêng của anh Giao, làm cho tôi có cảm giác mình không còn xa lạ với tờ báo nữa. Từ năm 1963 đó cho đến khi miền Nam có chủ mới, bút danh của tôi trở thành quen thuộc của tờ VĂN và điều này có nghĩa một sự quen thuộc của những người viết lúc bấy giờ. Những cây bút chủ về sáng tác trên VĂN cùng thời với tôi ngày ấy tôi thật khó quên cho mãi đến bây giờ như Lương Thái Sỹ, Nguyễn Chí Kham, Hồ Minh Dũng, Yên My Trần Hữu Lục, Triều Uyên Phương, Chu Trầm Nguyên Minh, Tàn Hoài Dạ Vũ, Hạc Thành Hoa, Y Uyên...

Một tờ báo làm được cây cầu cho một tác giả đi vào nghiệp viết như VĂN đã làm, theo tôi là một tờ báo có trách nhiệm với văn chương. Có điều là, trong từng ấy năm tôi chỉ gặp anh Giao có hai lần. Lần thứ nhất vào năm 1972 khi tôi chạy theo đoàn người di tản khỏi Pleiku trong Mùa Hè Đỏ Lửa về Sài Gòn. Trần Phong Giao nhắn tôi đến nói là có việc cần. Một người ngăm ngăm đen và to con lúc nào cũng thấy hít dầu gió, tiếp tôi. Là người ít nói không quen những giao tiếp văn nghệ nhưng tôi thấy Trần Phong Giao còn ít nói hơn. Vừa làm việc anh vừa nói dường như chỉ một câu thăm hỏi gia đình ra sao trên đường di tản. Trao cho tôi một phong bì, anh nói: “Nhuận bút của cậu đó”, tôi hiểu vì thời ấy thơ không có nhuận bút bao giờ. Có thói quen khi làm việc không chia sẻ nên tôi chào anh mà ra về sau chỉ khoảng 15 phút.

Lần thứ hai tôi gặp anh là sau 1975, lúc tôi tìm lại những bài thơ trên VĂN để chuẩn bị in Bản Thảo Một Đời. Quả đúng là con người mẫn cán và ngăn nắp, anh cho tôi coi đủ những số báo mà tôi cần, còn nhắc tôi những bài tôi không nhớ ra. Anh nói: Hai bài “Mời em uống rượu” và “Để nhớ lúc Trâm xa” là hai bài thơ hay. Đó là lần duy nhất tôi được nghe Trần Phong Giao nói về thơ mình. Hôm ấy hai anh em nhìn nhau hơi có phần tâm trạng khi ngồi ở một cái quán nhỏ tại Đakao, anh đãi tôi thịt dê và lần đầu tiên tôi biết tới thịt của con vật đầy tai tiếng này.

Lúc nhìn tủ sách nhà anh thấy những tờ VĂN xếp thẳng thớm trong tủ tôi thấy lòng mình có một cái gì đó như là bùi ngùi nhận ra đã hết hẳn những ngày tháng cũ trước làn sóng mới trùm phủ lên những người viết gọi là của Sài Gòn cũ. Một tờ báo khẳng định được tôn chỉ của mình, khẳng định được báo cho ai và do những ai viết như tờ VĂN, theo tôi là một tờ báo làm một cách tròn trịa vai trò của nó. Tôi còn nhớ, những lần đi chấm thi ở các tỉnh miền Trung thấy giới trẻ ở đó dường như coi VĂN là một cái đích mà họ phải đến, họ nhìn những ai có bài đăng trên đó như là... người thành công! Những người viết thuở đó còn đến hôm nay chắc sẽ hài lòng khi tôi nói chúng ta hầu như đều đi qua cái “cửa” VĂN này.

Giờ thỉnh thoảng đi qua con đường cũ thấy không còn dấu tích vật chất nào của tờ VĂN, những lúc như vậy tôi tự nhiên nghĩ tới những dấu tích văn chương của nó để lại hết sức lớn lao. Và làm sao mà lòng tôi không khỏi ngậm ngùi! "Thiên niên cự thất thành quan đạo/ Nhất phiến tân thành một cổ cung", và "Những người

muôn năm cũ/ Hồn ở đâu bây giờ?". Người xưa viết
chẳng có sai một chút nào!

(nguồn: Internet)

██████████

Trần Dzạ Lữ

Lá Thư Cuối Cùng



Ngày 24 tháng 2 của năm 1994 tôi nhận được thư của anh Trần Phong Giao qua đường bưu điện Phú Nhuận. Vội vàng mở ra xem. Anh vẫn gõ máy chữ cũ. Bài thơ MỘ HOÀI ĐỘC ẦM được đánh máy cẩn thận. Phía trên chữ viết tay của anh: Thân gửi Trần Dzạ Lữ. Cuối bài thơ là chữ ký của anh. Tôi đọc đi đọc lại bài thơ lục bát gồm 7 khổ. Thơ khái quát cao về thân phận con người - trong đó là thân phận của chính anh đi qua trần thế của một dịch giả, nhà văn, nhà thơ luôn khiêm cung dù trang viết của anh rất đáng tự hào... Bài thơ là lời tiên tri về một chuyến đi xa lạnh lẽ và xót xa... Tôi đọc đề rung rung, se lòng bởi tôi đã thấu hiểu lẽ đời: Khi sống có sum vầy bao nhiêu thì khi từ giã cõi đời rồi cũng một mình đi vào thiên thu, không có ai cùng

đi cả.

Tôi nhớ anh vào thập niên 60 là một thư ký tòa soạn bán nguyệt san VĂN cần mẫn và trung thực khi đọc và chọn bài gửi về cộng tác. Ngoài một số nhà văn, nhà thơ thế hệ 54 tài hoa luôn đổi mới trong sáng tạo anh luôn trân trọng, Trần Phong Giao còn ưu ái và chăm chút những người viết trẻ. Trong đó có những cây viết ở Huế như Hồ Minh Dũng, Ngụy Ngử, Mùng Mán, Lê Bá Lăng, Nguyễn Miên Thảo, Từ Hoài Tấn, tôi và một số anh chị em nữa... Và thời ấy, anh đã khám phá, giới thiệu một số tác giả trẻ khác rất tài hoa như: Y Uyên, Nguyễn Lê Uyên, Sương Biên Thùy, Nh. Tay Ngàn, Trần Như Liên Phụng, Khê Kinh Kha, Mang Viên Long, Trần Hoài Thư, Lâm Hảo Dũng, Lâm Chương... Không lạ gì quan điểm của Văn và Ban Tuyển đọc khi chọn tiêu đề: Tập san của những người ham đọc, hiếu học và ưa suy nghĩ... Do vậy mà Văn là một tạp chí nổi trội ở Sài Gòn thời ấy.

Tôi nhớ Trần Phong Giao dù cuộc sống thanh bần nhưng tấm lòng vợ chồng anh luôn rộng mở để chào đón và đãi ngộ anh chị em văn nghệ. Căn nhà nhỏ dưới chân cầu Kiệu thật khiêm tốn nhưng trong đó chứa cả một bầu trời kỷ niệm. Năm 1973 lúc thụ huấn ở Thủ Đức, thứ bảy tôi hay về số 473/2 Hai Bà Trưng, Tân Định (quận 3) thăm anh. Gặp gỡ, anh hay cho tôi uống bia con Cọp và chị Trần Phong Giao thì nói: “Chú đừng ngại. Nhà nhỏ nhưng có căn gác phía trên chú ngủ lại cũng tốt.” Chị lại treo sẵn mừng cho khách. Chị thật chu đáo. Đúng là người vợ hiền hậu, đảm đang và chính xác là “hậu phương lớn” cho chồng.

Tôi nhớ sau khi thôi làm ở Văn năm 1971, anh làm tờ Giao Điểm, cũng viết thư nhắc tôi gửi bài. Nhưng Giao Điểm ra được vài số rồi cũng yếu mệnh.

Sau 75 là thời gian anh chị em văn nghệ tan tác. Tôi đi bán rau muống, đu đủ... thì anh Trần Phong Giao lại bung bê khi chị Giao bán hủ tiếu... trước hẻm nhà dưới chân cầu Kiệu để kiếm sống. Anh làm công việc này cũng cần mẫn và lặng lẽ như khi làm thư ký tòa soạn bán nguyệt san VĂN vậy. Nhà cha mẹ vợ tôi ở Phú Nhuận rất gần nhà anh nên có rau ngon hay đu đủ tốt là tôi đạp xe đạp đem xuống biểu anh chị Giao. Ngược lại, anh chị có gì cũng chia sẻ với tôi. Điều đáng quý là dù cho vật đổi sao dời như thế nào thì chúng tôi cũng vẫn không quên nhau. Thời gian này, tôi biết anh chỉ còn một lá thân để sống. Tôi thì phải đi nông trường nên ít liên lạc với anh như trước.

Sang gần năm 2000, tôi tìm thăm anh ở căn nhà cũ thì được biết anh đã dời chỗ ở đâu bên quận 6. Hỏi một số bạn bè thì chẳng ai biết địa chỉ. Tôi lại lao vào cuộc áo cơm để nuôi vợ con, không còn biết ngày đêm là gì.

Năm 2005 nghe tin anh mất tôi rất ngậm ngùi, thương cảm dầu rằng sinh, lão, bệnh, tử là quy luật của muôn đời. Chỉ tiếc là những phút giây cuối đời tôi không có mặt để tiễn đưa anh về chốn vĩnh hằng. Đành cúi đầu thương nhớ vậy.

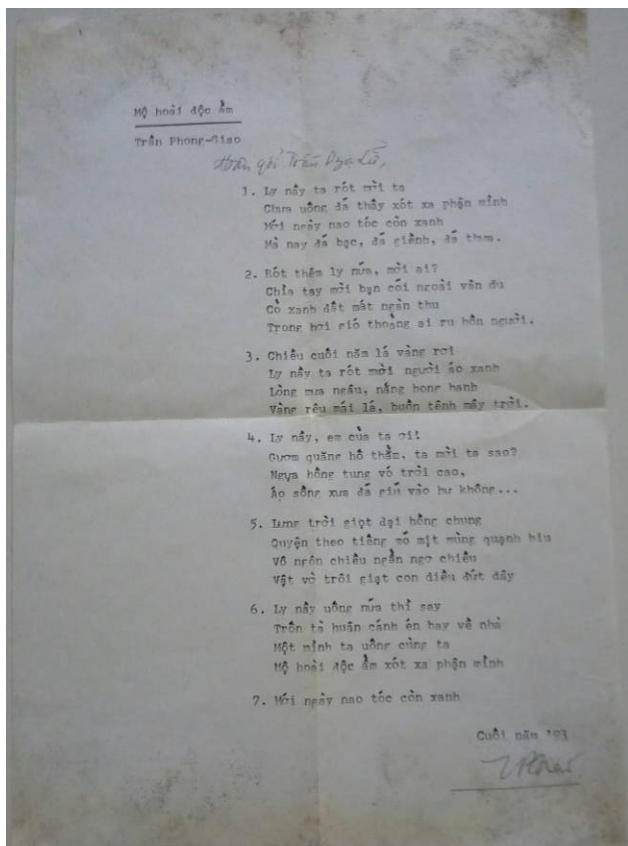
Tôi nhớ anh, một chủ biên tờ Tin Sách (nguyệt san do Trung Tâm Văn Bút VN xuất bản), một thư ký tòa soạn đáng kính nể của bán nguyệt san Văn.

Tôi nhớ anh, một dịch giả tài hoa của những tác phẩm Con Chim Trốn Tuyết của Paul Gallico (cùng với Hoàng Ưng), Không Một Năm Mò của Jean-Paul Sartre, Sứ Mệnh Văn Nghệ, diễn văn của Albert Camus đọc lúc nhận giải Nobel, Kinh Nghiệm Đời Văn của Erskine Caldwell (chung với Nhã Diễm).

Tôi nhớ anh, một nhà văn với giọng văn nhẹ nhàng

nhưng sâu lắng, đầy trăn trở với các tác phẩm:

- Ngồi Lại Bên Cầu (tập truyện)
- Nửa Đêm Thức Giấc (tiểu thuyết)



Tôi nhớ anh, Trần Phong Giao còn là một nhà thơ giống lên tiếng lòng mình khi bước qua dâu bể thế gian trùng trùng... Tiếng lòng ấy gây xúc động và lan tỏa rất xa qua bài thơ:

MỘ HOÀI ĐỘC ẨM

1. Ly này ta rót mời ta
Chưa uống đã thấy xót xa phận mình
Mới ngày nao tóc còn xanh
Mà nay đã bạc, đã giềnh, đã thừa.
2. Rót thêm ly nữa, mời ai?
Chìa tay mời bạn cỗi ngoài vân du
Cỏ xanh đất mát ngàn thu
Trong hơi gió thoảng ai ru hồn người.
3. Chiều cuối năm lá vàng rơi
Ly này ta rót mời người áo xanh
Lòng mưa ngâu, nắng hong hanh
Vàng rêu mái lá, buồn tênh mây trời.
4. Ly này, em của ta ời!
Gươm quăng hổ thẳm, ta mời ta sao?
Ngựa hồng tung vó trời cao
Áo sông xưa đã giữ vào hư không...
5. Lung trời giọt đại hồng chung
Quyện theo tiếng mõ mịt mùng quạnh hiu
Vô ngôn chiều ngẩn ngơ chiều
Vật vờ trôi giạt con diều đứt dây
6. Ly này uống nữa thì say
Trốn tà huân cánh én bay về nhà
Một mình ta uống cùng ta
Mộ hoài độc ẩm xót xa phận mình
7. Mới ngày nao tóc còn xanh

Trần Phong Giao
(Cuối năm 1993)

Mới đó mà 14 năm anh Trần Phong Giao già từ cõi tạm.

Chớp mắt đã là thiên thu...

Một ngày của trời thu tháng tám Sài Gòn, tôi lang thang qua cầu Kiệu để nhớ, để mừng tượng căn nhà cũ của anh và thấy rõ một Thư Trung, một Mõ Làng Vắn... vẫy tay gọi, mừng vui anh em, bạn bè... như anh chưa bao giờ rời bỏ trần thế...

Trần Dạ Lữ

MANG VIÊN LONG

Trần Phong Giao, Người Thư Ký Tòa Soạn Cần Mẫn & Nhiệt Tình

Trước năm 1969, đang dạy học ở Tuy Hòa, tôi cũng thường có dịp vào Sài Gòn để in sách, hay dự vài kỳ thi, nhưng không nghĩ đến việc ghé thăm anh Trần Phong Giao ở 38, Phạm Ngũ Lão, bởi chưa được quen thân cho lắm! Tôi thường gặp quý anh Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan ở nhà in Lê Thánh Tôn (cũng là tòa soạn báo Trắng Đen) vì tòa soạn Tạp chí Văn Đê (cũng đặt tạm tại đây) mà tôi đang được anh Đỗ Tiến Đức giới thiệu với chị Thanh (chủ nhà in) để in sách.

Năm 1969, sau khi Nhà văn Y Uyên chết ở Nora, theo lời mời của Tạp chí Văn về số đặc biệt Tưởng niệm dành cho Y Uyên, tôi có viết “*Y Uyên, Trong Tình Thân Cũ*”, được anh TPG báo tin sẽ đăng, nhờ tôi “mời thêm” những thân hữu khác của Y Uyên ở Tuy Hòa viết bài. Tôi viết thư đề nghị anh liên lạc với chị Nguyễn Thị Tầu (chị ruột của Y Uyên đang ở Gò Vấp) bởi chị luôn gần gũi, yêu thương, chăm sóc Y Uyên, và viết cũng rất tốt! Chính anh TPG đã gặp gỡ, khuyến khích, nhờ chị, đầu ban đầu chị từ chối - “cảm thấy rất khó yên tâm mà ngồi viết lại ngay bây giờ!”.

Số báo Văn xuất bản - “*Số đặc biệt Thương Nhớ Y UYÊN*”, được rất đông anh chị cầm bút thuở ấy viết bài, ghi nhận, chia sẻ cùng nhà văn tài hoa mệnh bạc Y Uyên đã sớm từ già bằng hữu và ước mơ khi vừa 26 tuổi! Tôi nhắc nhớ đến Y Uyên - cũng là nhắc

nhớ đến tấm chân tình rất đáng trân quý của người chủ trương báo *Văn* là Ông Nguyễn Đình Vượng (Ông Nguyễn Đình Vượng - còn là người chủ trương nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, và nguyệt san *Tân Văn*), thư ký tòa soạn là anh Trần Phong Giao. Tập thể tòa soạn báo *Văn* đã luôn dành cho những cây bút cộng tác với báo sự quý mến, chia sẻ kịp thời. Cái tình của *Văn* đối với tất cả anh chị em cộng tác là rất đáng trân trọng. Đó cũng một phần do sự “tham mưu” tế nhị, khéo léo, nhiệt tình của anh TPG nữa.

Di cảo “*Có Loài Chim Lạ*” của Y Uyên đã được Văn in ấn phát hành đúng vào dịp Kỷ niệm một năm ngày mất Y Uyên. Trong tác phẩm này, anh TPG đã viết thư đề nghị tôi đồng ý cho sử dụng truyện ngắn viết về chuyện tình của Y Uyên và Ng - đó là truyện “*Một Câu Chuyện Tình*” của tôi viết về cuộc tình dang dở nhưng rất đẹp của Y Uyên & Ng vừa gởi cho Văn (Trong truyện tôi có ghi lại những bức thư của Y Uyên gởi cho Ng. Chính cô trao cho tôi, cho phép tôi sử dụng khi viết).

Trước khi tập truyện di cảo của Y Uyên phát hành, anh TPG lại có thư hỏi tôi: “Khoản tiền nhuận bút truyện của cậu in trong tập sách tòa soạn sẽ gởi riêng cho cậu hay sao?”. Tôi vội gởi điện tín phúc đáp: “*Xin anh vui lòng gởi cùng với số tiền sách cho gia đình Y Uyên vậy, rất cảm ơn!*” (Thật ra, khi nghe anh TPG đề nghị, tôi đã nghĩ đến việc này rồi. Số tiền nhuận bút tuy ít, nhưng gia đình Y Uyên lúc này cũng đang cần!). Anh Trần Phong Giao đã thay mặt tòa soạn *Văn* (và *Tân Văn*) viết trang đầu sách như sau: “*Nhân giáp ngày giỗ Y Uyên, chúng tôi cho ấn hành tập truyện cuối cùng của anh, gọi là thấp nén tâm hương tưởng niệm người đã khuất (...)*”. Tôi lại nhắc đến kỷ niệm nhỏ này - để muốn nói lên sự biết ơn

của người cầm bút đối với *Văn* khi tình trạng cô độc và hầu như bị bỏ rơi của giới cầm quyền thời ấy với anh chị em văn nghệ sĩ.

Khi truyện ngắn đầu tiên của tôi gởi cho Tạp chí Văn được chọn đăng, anh Trần Phong Giao gởi thư riêng báo tin, cho biết sẽ giới thiệu trong số Văn đặc biệt về những cây bút trẻ - đó là truyện “*Dáng Mộng*”, tôi vừa viết xong ở thị trấn La Hai (huyện Đồng Xuân - Phú Yên) khi ra thăm người đồng nghiệp hai ngày đang dạy ở đó. Đây là một huyện miền núi, thường “mất an ninh”, vì có nhiều cuộc pháo kích qua lại, hay bị lấn chiếm, giành giật. Được sống hai ngày đêm, nhưng tôi đã “chứng kiến” bao cảnh chiến tranh đau lòng!

Mùa hè năm sau, tôi lại vào Sài Gòn, lần này tôi “mạnh dạn” ghé thăm anh Trần Phong Giao ở 38, PNL vì trong các thư liên lạc, thăm nhau, tôi đã có hứa. Gặp anh ngay ở phòng trước - nơi dành cho “thư ký tòa soạn”. Anh Trần Phong Giao - một con người kiệm lời, chừng mực và rất sành sỏi trong chuyện quản lý một tờ báo. Trước, tôi có đọc anh qua vài tác phẩm truyện dịch của nhà xuất bản Giao Điểm do anh chủ trương, và qua các bài tiểu luận phê bình rất bản lĩnh của anh trên vài tờ báo văn nghệ - nên rất quý trọng anh.

Tôi đứng trước bàn anh đang ngồi cắm cúi đọc bài (có lẽ bản thảo của anh em gởi đến, rất chăm chú), chợt ngẩng lên nhìn, anh không nhận ra ai. Tôi cười, giới thiệu: “Chào anh, tôi là Mang Viên Long ở Tuy Hòa mới vào.” - Anh chợt vui: “A! Ông Mang Viên Long đây hả?”. Anh nhìn chiếc ghế trông cạnh bàn “Câu ngồi chơi đi!”, nhưng tôi vẫn còn e ngại, đứng yên.

Người đàn ông mặc bộ pyjama màu xanh nhạt, cao dong dỏng, tóc đã điểm hoa râu, trông đáng đạo

mạo từ phòng trong bước ra nhìn tôi cười chào “Em ngồi chơi đi!”. (Sau này, tôi mới biết đó là ông Chủ nhiệm báo Văn - nhà in, nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng). Tôi vui vẻ ngồi tiếp chuyện anh. Anh hỏi thăm tôi về việc dạy học ở Tuy Hòa, về anh em văn nghệ ngoài Trung, và động viên tôi thường xuyên gửi bài cho Văn. Anh rất thẳng thắn và chân tình. Lần đầu gặp anh cho tôi cảm nhận - người thư ký của một tòa soạn báo văn học đã có ảnh hưởng quan trọng thế nào đối với người cộng tác. Có thể nói, anh Trần Phong Giao là người đã góp nhiều công sức để Tạp chí Văn vững mạnh - là tờ báo văn nghệ đúng nghĩa, và giá trị lúc bấy giờ. Biết anh đang rất bận rộn công việc với xấp bản thảo đặt trên bàn, còn tôi cũng chẳng có gì mới lạ để trò chuyện thêm, nên tôi xin “*đi lo một ít việc cần, rồi ngày một phải về lại Tuy Hòa, vì không thể nghỉ lâu!*”. Anh đứng dậy, vui vẻ bắt tay tôi, hẹn dịp khác ở lại đi chơi đâu đó lâu hơn; tôi cười đồng ý, cảm ơn.

Những ngày đang chuẩn bị rời trường học, chia tay học trò, tạm xa Tuy Hòa để thi hành lệnh tổng động viên - tôi nhận được thư của Tòa soạn Văn, do anh Trần Phong Giao viết: “Sắp đến Tân Văn sẽ chọn của Long các truyện ngắn đã đăng trên Văn và Văn Đề, để xuất bản tập truyện - tựa đề cho tập truyện tôi đã chọn - “*Có Những Mùa Trắng*” - Long thấy có được không? Có ý kiến gì bổ túc thì thư cho biết sớm nhé? (...) Anh TPG đề nghị tôi gửi thêm cho anh khoảng 6 truyện ngắn, để chọn thêm. Tôi gửi ngay cho anh 6 truyện tôi thích. Lại có thư hỏi: “Tôi lấy tựa cho tập truyện là “*Có Những Mùa Trắng*” - cậu thấy sao?”. Tôi cảm thấy “cái tên” ấy cũng rất đẹp, thơ mộng - một trong các truyện tôi thích nhất!

Tập truyện in xong, phát hành rộng rãi - một

buổi sáng chủ nhật được đi phép ra thành phố Nha Trang, tôi ghé hiệu sách mua báo như lệ thường - bắt gặp "*Có Những Mùa Trăng*" được bày bán ở đó. Tôi mua một cuốn - và về viết thư thông báo "địa chỉ mới KBC..." của tôi cho anh Trần Phong Giao - tòa soạn *Văn*. Một tuần sau, sách đã gửi bảo đảm đến cho tôi ngay. Sau đó, tôi nhận được 3 tờ bưu phiếu tiền nhuận bút, mỗi tờ 10 ngàn đồng (tính theo giá vàng thì cũng... xấp xỉ 3 lượng). Tôi mua chiếc máy đánh chữ mới hiệu Brother de luxe của Nhật gần 9 ngàn, gửi cho người anh đông con ở Nha Trang vừa được lệnh chuyển vào Saigon 10 ngàn, mua ít quà cho đứa con gái đầu lòng, cho "bà xã" chuối hạt trai, còn lại dư tiền lai rai đây đó với bạn văn!

Tôi nhớ, cũng vào khoảng năm 1973, Tạp chí Văn lại cho in số Văn đặc biệt giới thiệu "6 Nhà văn trẻ" - mỗi "người viết trẻ", đều được một "người viết lớn" viết gần một trang giới thiệu, nhận xét. Anh Trần Phong Giao lại liên lạc thông báo với tác giả - và cho tôi biết thêm "*Nhà văn Mai Thảo sẽ viết giới thiệu truyện của Long đây, ông ấy bảo đã đọc của Long nhiều khi chọn đăng trên Văn Đền (...)*" - Truyện "*Nương Sấn*" của tôi được Nhà văn Mai Thảo viết. Cách làm này của Văn, giúp hai thế hệ cầm bút gần gũi nhau, cảm thông, góp ý vui vẻ. (Sau 1975, tôi không còn số báo kỷ niệm ấy nữa - nhưng còn nhớ các tác giả trẻ được chọn giới thiệu trong tuyển tập là: Trần Hoài Thư, Ngụy Ngữ, Kinh Dương Vương, Mang Viên Long, Hoàng Ngọc Hiến, Mùng Mán, Hồ Minh Dũng...). Tôi nhận ra rằng, anh TPG, ngoài sự làm việc cần mẫn, chững chạc, nghiêm túc, có công tìm kiếm nhiều cây bút trẻ có tiềm năng, còn có nhiều kinh nghiệm, sáng kiến hay, cần thiết cho tạp chí Văn ngày một đổi mới, trong những năm anh đảm trách Thư ký

tòa soạn.

Khi mãn thời gian tập tành bò lết ở quân trường Đồng Đế - tôi được trả lại Bộ Giáo Dục để trở về nhiệm sở cũ (Trường Trung học Tổng hợp Nguyễn Huệ, Tuy Hòa - Phú Yên) - tiếp tục việc “cầm phấn chuyên nghiệp” của mình ngay từ đầu. Mùa hè năm ấy, khi đã hoàn tất chuyện làm thư ký cho hội đồng thi Tú Tài Toàn phần ở Nha Trang - tôi có dịp vào Saigon - và ghé 38, Phạm Ngũ Lão. Tôi đến vào buổi chiều - gần hết giờ làm việc. Anh Trần Phong Giao đang tiếp một người bạn trẻ là một nhà thơ (đến nay thì tôi không còn nhớ tên) - anh vui vẻ hỏi tôi: “Chiều nay cậu đi “chơi hoang” một bữa với bọn tớ không?”. Tôi không hiểu rõ ý anh - nhưng nói rất vui được “tháp tùng” cùng anh một bữa cho biết mùi Saigon. Chiếc xe *Jeep* của người bạn chở chúng tôi qua cầu chữ Y thì phố vừa lên đèn. Xe dừng lại ở một quán như một ngôi biệt thự - có trồng nhiều cây cảnh và nhiều đèn màu. Chúng tôi uống bia và nhâm nhi món thịt nai chính hiệu. Ba cô chiêu đãi viên phục vụ cho bàn chúng tôi đều trẻ, đẹp - rất *modern*! Anh Trần Phong Giao cho biết, cô đang ngồi rót bia cho tôi vừa mới từ Campuchia sang đó. Tôi không mấy để ý, nhưng nhìn thấy nước da ngăm ngăm đen của cô - tin là vậy. Thật ra, buổi “đi chơi hoang” của chúng tôi lúc ấy - giống như vào quán bia ôm bây giờ thôi! Để có chút thư giãn, cười cợt, và chuyện trò thoải mái hơn bất kỳ nơi đâu.

Sau 1975 - tôi đang tiếp tục nghề dạy học ở nhiệm sở cũ (Trường trung học Nguyễn Huệ) - bị gọi đi học tập vào đầu năm 1978 cùng với các bạn đồng nghiệp cùng cảnh ngộ. Tôi về lại quê giữa năm 1978 khi đã “vào trại” 9 tháng. Không được trở lại nghề cũ, tôi làm đủ nghề, để sống! Vào khoảng năm 1987, tôi lang bạt vào Saigon. Tôi tìm đến thăm anh Trần Phong

Giao ở con dốc bên này cầu đường Hai Bà Trưng. Thăm anh Lê Ngô Châu ở tòa soạn BK (160, Phan Đình Phùng).

Anh Trần Phong Giao vui mừng tiếp tôi sau hơn 10 năm thất lạc tin tức. Chúng tôi hỏi thăm nhau đủ chuyện về đời sống, việc làm, tin tức bạn văn, và cả những dự tính. Anh Trần Phong Giao hỏi thăm tin vài anh em văn nghệ ở Tuy Hòa, miền Trung. Tôi “báo cáo” với anh những gì biết được, nhưng cũng rất mờ mờ vì sau 1975 tôi rất... mệt mỏi, ít khi gặp lại ai! Anh cho biết PNL có ghé thăm, đang đi KTM ở vùng Đồng Nai - Bảo Lộc gì đó, lại đang đi theo nhóm tìm vàng, đãi vàng - rất khổ! Chợt để ý đến chiếc xe xích lô đang nằm một góc hiên nhà, trông sạch sẽ. Tôi cười: “Anh cũng chạy xe nữa sao?”- Anh thản nhiên: “Thỉnh thoảng cũng làm “vài cuộc” kiếm tiền trà cà phê mà!” - “Tôi cũng thích làm nghề này, nhưng ở quê đâu có mà nào trèo lên xích lô, vì không đủ tiền ăn, tiền đâu mà xe với cộ?”.

Ngồi ghi lại đôi điều về anh - Trần Phong Giao, người bạn văn vong niên một thời tuổi trẻ, khi tóc mình đã bạc, mắt đã mờ - nhưng tâm trí tôi vẫn luôn nhớ hình ảnh anh, tấm chân tình của anh, những kỷ niệm nhỏ xa xưa với anh, như một phần đời sống đích thực không thể phai mờ của chính mình.

Quê nhà, đầu tháng 9.2019

MANG VIÊN LONG

LUÛ VÂN

trò chuyện với bạn về trần phong giao

Đầu thập niên 60 của thế kỷ trước, khi tôi đang theo học trường Sư Phạm Sài Gòn thì miền Nam có rất nhiều đảng phái chính trị và nhiều phong trào với những xu hướng và mục đích chính trị khác nhau. Và có lẽ cũng từ thực tế đó, miền Nam có rất nhiều nhật báo và tạp chí. Ngoài những tạp chí được coi là có giấy phép, là các tuần báo hay bán tuần báo, nguyệt san hay bán nguyệt san thì còn có rất nhiều những tập san chuyên ngành định kỳ hoặc không định kỳ, và những giai phẩm văn nghệ của một số anh em văn nghệ trẻ tập hợp lại: Viết, in ấn và để rồi... phổ biến hạn-chế. Những mảnh đất đó dù như thế nào cũng là nơi để gieo trồng những hạt giống mới, là sân chơi cho những cây bút trẻ lớn lên từ những phong trào văn nghệ sinh viên học sinh gửi gắm tình cảm, tâm hồn cũng như những hoài bão và khát vọng của tuổi trẻ của mình qua những trang viết đầu tay.

Thời ấy, đối với những người trẻ có một niềm đam mê văn học, khi nhắc đến tạp chí *Sáng Tạo* thường thì anh em viết đều nghĩ đến một người như Thanh Tâm Tuyền, *Văn Học* là Phan Kim Thịnh, *Phổ Thông* là Nguyễn Vũ, *Thời Nay* là Khánh Linh, *Tiếng Nói* là Trần Dạ Từ, *Thời Tập* là Viên Linh, *Thứ Tư Tuần San* là Nguyễn Thụy Long, *Nghệ Thuật* là Mai Thảo... Và với tạp chí *Văn* thì lại là Trần Phong Giao, người tự nhận mình là một Thư ký tòa soạn của bán nguyệt san thuần túy về văn học.

Người bạn thơ quá cố của tôi – anh Nguyễn Bạch

Dương – vẫn cho rằng những người viết trẻ miền Nam thừa ấy, khi có bài được chọn đăng trên tạp chí Văn là có thể coi như đã khẳng định được mình, bởi chỉ ở tạp chí Văn mới có một Ban tuyển đọc tác phẩm (có lẽ là ba nhà thơ hay nhà văn thành viên) đọc và chọn đăng các sáng tác của rất đông những người viết gửi về cộng tác.

Trong đời văn của mình, dù xuất thân từ một cái nôi văn-nghệ-tinh-lẻ ở miền Tây Nam bộ và sớm có thơ đăng trang văn nghệ của nhật báo Đồng Nai ở Sài Gòn vào năm 15 tuổi (1961), nhưng hình như là phải đến năm 1963 hay 1964, tôi mới có bài được chọn đăng trên tạp chí Văn (số 37): đó là bài thơ tôi viết sau cái chết của thầy giáo Trần Văn Thạch – tức nhà thơ Hoàng Yên Trang (Trần Như Liên Phượng), một người trong nhóm *Tiếng Động Mùa Hạ* (có Lan Sơn Đài và Triều Uyên Phượng) khá nổi ở tỉnh Sóc Trăng cùng thời với nhóm *Cung Thương Miền Nam* có Trần Phù Thế, Nguyễn Lê Tuấn và Mây Viễn Xứ (bút hiệu cũ của Lâm Hảo Dũng) thời bấy giờ.

Thực ra, để nhắc tới một người mà mình không biết gì nhiều về thân thế và sự nghiệp của người ấy là một điều hết sức khó khăn. Khó khăn vì sự biết của mình quá nghèo nàn, nên tôi chỉ muốn nhắc về anh Trần Phong Giao với một vài ký ức nho nhỏ mà tôi có biết, có nhớ và luôn trân trọng.

Anh Trần Phong Giao không còn làm Thư ký tòa soạn bán nguyệt san Văn từ năm 1971, mà sau này tôi nghe ai đó đã nói anh dành thời gian sau đó của mình để dịch sách và soạn từ điển, nhưng từ điển bằng ngôn ngữ nào thì tôi không biết. Và trước bao nhiêu chuyện đời vật đổi sao dời, tôi có thể tin rằng anh cũng phải bỏ lại sau lưng mình biết bao nhiêu điều vụn vặt, như trong vị trí một Thư ký tòa soạn, ngày xưa anh đã biết

không ít những người viết trẻ, những người mà không phải hai mươi năm sau anh còn nhớ họ là ai nếu không có cơ duyên gặp lại.

Đường Phạm Ngũ Lão ngày nay được coi là phố Tây-ba-lô, nhưng ngày xưa nó là đường của các tòa soạn báo. Tòa soạn tạp chí Văn nằm ở số 38 con đường này. Nhà tôi ở trọ để đi học thì ở trong con hẻm nhỏ góc Phát Diệm và Nguyễn Cư Trinh, đi bộ để gửi bài cho Văn cũng rất dễ dàng. Nhưng thường thì tôi rất ít khi gặp anh Trần Phong Giao. Sau này, khi đi làm xa Sài Gòn, thỉnh thoảng tôi vẫn nhận được qua Hộp thư lưu trữ (Poste Restant) những bức thư rất ngắn, thường là nửa khổ giấy trắng có in chữ triện màu đỏ là logo tạp chí Văn. Đó là lần anh trả lời tôi rằng tôi nên chọn tác phẩm khác hơn *Of Human Bondage* của W. Somerset Maugham để dịch vì đã có dịch giả bậc thầy dịch quyền này rồi. Và một lần khác mà tôi rất nhớ là khi anh gửi cho tôi bản thảo bài thơ *Khi Cuộc Chiến Tàn*, trên đó anh viết “*Bài đã lên khuôn nhưng không đăng được. Gửi cậu làm kỷ niệm*”. Đó cũng là lần tôi thấy nét chữ viết tay của anh Trần Phong Giao, bởi anh thường viết cho tôi (chắc cũng như cho những người khác) bằng máy đánh chữ, bắt đầu là “Thăm cậu” và cuối cùng là hai chữ “Tình thân” trước khi anh ký tên.

Sau năm 1975, có một khoảng thời gian gần 10 năm (1989 -1998) tôi lưu lạc trên đất Bắc, nên bạn bè thường cho rằng cái bút danh của tôi nó vận vào đời mình cũng như tập truyện ngắn đầu tay mang tên *Xe Lửa Chạy Đường Vòng* (Vùng Lửa, 1967) đã dự báo cho tôi một cái vòng không tròn đi đâu cho thoát. Một lần về Nam (1995), anh Ngô Nguyên Nghiễm cho tôi biết rằng anh Trần Phong Giao hai lần gửi thư ra Hà Nội theo địa chỉ bạn tôi cho (40 Phố Nhà Chung, Quận Hoàn Kiếm), nhưng thư đã bị phát hoàn. (Đó là thời

gian năm 1992, tôi đang làm việc ở Yên Bái). Tôi tìm đến thăm anh ở trong một khu phố gần chân Cầu Kiệu (đường Hai Bà Trưng, Tân Định). Anh cẩn thận cắt từ tuần báo Văn Nghệ Tp. Hồ Chí Minh trang báo có bài anh viết để nói về bài thơ *Khi Cuộc Chiến Tàn* của tôi mà tạp chí Văn (khoảng năm 1968 – 1969) không giới thiệu tới người đọc được vì một lý do là bài thơ bị Sở Kiểm Duyệt thuộc Bộ Thông Tin Sài Gòn cũ đục bỏ 15 trong số 31 câu của bài thơ. Anh còn không cho tôi được từ chối cái phong bì anh mang từ trên gác xuống có ba mươi ngàn đồng gọi là tiền nhuận bút. Đó là một lần duy nhất tôi có thể thông thả ngồi uống nước chè xanh, trò chuyện với anh, tại nhà riêng của anh, được nhìn thấy anh trong bộ quần áo bình dị mặc ở nhà và được ngắm nhìn hai bức tranh sơn dầu rất đẹp của họa sĩ Đinh Cường và họa sĩ Rừng mà anh đã treo trang trọng trên bức tường đối diện với *salon* chúng tôi đang ngồi.

Đọc trong bài anh viết tháng XII.91 và gửi đăng trên báo Văn Nghệ Tp. HCM số 25 (từ 23/01/92 đến 29/01/92), tôi biết là thời gian của mỗi một con người sau bao nhiêu vất vả của đời thường sẽ để lại trong ta rất nhiều điều khi nhớ, khi quên ... Đó là anh đã nhớ trong 10 năm làm Thư ký tòa soạn tạp chí Văn, anh đã bao lần được Sở Kiểm Duyệt chế độ Sài Gòn mời lên “để khuyến cáo rằng đừng có đăng thơ văn phản chiến”. Nhưng tôi biết rõ là anh đã quên là mấy lần anh có gặp tôi ở Tòa soạn báo Văn, mà tôi còn nhớ rõ: Đó là lần đầu tiên tôi có truyện ngắn *Vết Sẹo* được chọn đăng trên Văn số 59 (p.123 đến p.132 ngày 01.06.1966) và cũng trên trang 2 trong số này (trang dành riêng cho các bậc tiền bối như Đông Hồ, Bùi Khánh Đản, Vũ Hoàng Chương...) lại đăng bài thơ *Buổi Chiều Ở Sài Gòn* của một hậu sinh như tôi.

Khi tôi mang bài mới đến gửi tại tòa soạn, anh Trần Phong Giao đang đứng sau cái bàn làm việc bừa bộn giấy tờ thấy tên tôi trên bản thảo (mà tôi thường viết bằng bút bi trên mặt lưng giấy in ronéo khổ 21×33 của bản tin ngắn do Thông Tấn Xã Việt Nam thời đó phát hành hằng ngày cho các nhật báo), thì anh đã hỏi: “Cậu đây hả? Lưu Vân đấy à?”. Rồi anh móc trong chiếc cặp da lấy ra hai trăm đồng đưa tôi: “Cậu cũng biết là từ truyện ngắn thứ hai được đăng, tòa soạn mới trả nhuận bút. Tiền này là tiền tôi thưởng cho cậu!”.

Thể lệ của tạp chí Văn khi chọn bài để đăng thì tôi vẫn biết. Nhuận bút dành cho truyện ngắn thì từ truyện thứ hai được chọn đăng mới có (và hình như cũng chỉ ở mức hai trăm đồng), riêng thơ được đăng là hai tập báo biểu, dù đó là bài được đăng trên báo Xuân. Hai trăm đồng nhận từ tay anh Trần Phong Giao lúc ấy thật vô cùng quý báu mà tôi không thể nào quên, trong khi anh thì không hề nhớ và còn viết rằng “*nhưng tôi vẫn tiếc là chưa gặp mặt tác giả lần nào*” (VN Tp. HCM số 25).

Hai lần khác, tôi đã đến 38 Phạm Ngũ Lão gặp anh theo lời nhắn tin trên Văn: Lần đầu, tôi đến để nhận lại bản thảo truyện ngắn *Đuối Dù Trái Sáng* để về tự cắt gọt lại khi anh phê bình là “Cậu viết gì như Lê Xuyên vậy?”. Và lần thứ hai, sau khi truyện ngắn này được đăng, tôi đến để nhận được ba trăm đồng tiền nhuận bút và một cái thư của Hồ Minh Dũng từ Huế viết gửi tôi, có câu: “Tôi và Mùng Mán cũng thường nhìn thấy trái sáng hằng đêm, nhưng không viết được như anh.”

Lâu nay, từ sau ngày anh mất, tuy có nghe nói anh có một người con – hình như là con gái – đã làm việc cho báo Sài Gòn Giải Phóng, nhưng nhiều bạn bè và tôi cũng chưa tìm gặp được để viếng thăm và tìm hiểu

thêm tư liệu về một người có nhiều năm gắn bó với văn học miền Nam trong thời chiến.

Và vì nhiều lý do, tôi cũng chỉ biết xin mượn *nguyên văn* câu cuối cùng trong bài viết ngắn của anh Trần Phong Giao về tôi trong bài *Bài Thơ Năm Trước* (VN Tp. HCM số 25 – 01/92) rằng: “*Nay biết đâu nhờ phổ biến rộng rãi mà tôi (được gặp lại hoặc) được cho hay tin về một ‘cố nhân’, nghĩ cũng là chuyện đáng mừng*”./-

L.V.

(Long Thành, 13.10.09)

Phụ bản 1: Bài thơ “Khi Cuộc Chiến Tàn” không được giới thiệu trên tạp chí Văn vì lười kéo kiểm duyệt của Sở Kiểm Duyệt Sài Gòn (giai đoạn 1968-1969).

khi cuộc chiến tàn

Khi cuộc chiến rất vô cùng mệt mỏi
và không còn tiếp tục được nữa
thì một số trong chúng ta riêng rẽ một chỗ ngồi
với bánh xe tay lăn lăn – đi tìm giấc ngủ

kẻ bán rẻ giác quan
cho không thân xác
cho không cuộc đời.

Khi cuộc chiến tàn như đóm lửa nguội dần sức nóng
thành phố sẽ buồn thiu
chợ không là chợ
nhà không là nhà
người người xa lạ.

Sẽ có nhiều thứ được chất đống
ta sẽ đi buôn – ít vốn nhưng nhiều lời
những bè bạn chắc sẽ cần các khẩu súng dài,
các kiểu mã tấu – để làm nạng chống
những đứa trẻ chắc sẽ cần những mảnh bom

để làm chiếc bánh cát trên bãi biển
một ngày nóng như bây giờ
những người vợ chắc sẽ cần những vỏ đại bác
làm lọ cắm hoa bàn thờ chồng
(những người chồng buổi sáng còn ấm vòng tay,
buổi chiều đã lạnh)
những người mẹ chắc sẽ cần rất nhiều bao cát
để lấp thêm mồ con
những nông dân chắc sẽ cần những ao bom trong
ruộng lúa
để thả cá
và những người lính ngoại quốc chắc sẽ cần những đứa
con lai
để mang về xứ như một chiến lợi phẩm.
Rồi chắc mọi người trong chúng ta
sẽ cần rất nhiều thuốc đạn để làm pháo bông
đốt trong đêm mừng
mừng những người đã chết thật vô cớ
mừng sự sống chúng ta thật ngu xuẩn
bởi chúng ta sẽ còn thấy sự tàn tật trong tâm hồn mình
bởi thức ăn đã khét thuốc súng,
đã cay sè nước mắt,
đã đáng mùi máu người
và bởi tình yêu thì bay cao
khi một số lớn con trai đã cho không hơi thở họ.
Khi cuộc chiến đã rời xa tay người nắm giữ
thì chúng ta còn phải học những bài tập làm quen
với các khoảng trống to lớn trong gia đình
thân nhân – bè bạn – và chính mình.

L. V.

*(Cuối năm Mậu Thân –
đầu năm Kỷ Dậu)*

Phụ bản 2: Thủ bút và bài viết “Bài Thơ Năm Trước” của Trần Phong Giao cùng với bài thơ “Khi Cuộc Chiến Tàn” của Lưu Văn trên Văn Nghệ TP HCM tháng 1/1992

Viết: Nghệ TP/HCM
Số 25 - 1/1/92 - 23/1/92 - 2/1/92

**Bài thơ
năm trước**

Giữa mô giấp tờ lớn vẫn chạy
được trong cơn hòa hoãn về sau là
bút gập mới bài thơ đã được xếp chỗ
thành hai tầng lập chỉ Văn (Sài Gòn,
trước 1975)

Bài thơ nhận đề Khi cuộc chiến
tàn của Lưu Văn, thể tự do dài 31 câu.
Trên bản in có tới 15 câu, mà toàn là
lãng bút dở, bên là cổ ngữ “Sân Tọa
là chầu chầu” của nhân viên thuộc Sở
Kiểm duyệt Bộ Thông tin (ché độ cũ).
Bị đục bỏ, bài thơ lại thành khổ
khổng lồ không đáng và gửi bản vô
(morrise) lại làm kỷ niệm.

Trong mười năm làm báo (1960-
1973) tôi đã làm tờ Bộ Thông tin
“mới” lên nhiều lần đã được khuyến
cáo là đúng có đăng thơ văn phản
chiến.

Văn đã từng dùng nhiều thơ và
truyện ngắn của Lưu Văn, một cây bút
học được Ban Tuyên giáo Tác phẩm
chương một văn học là “độc” (cơ tài năng)
tác giả lần nào Từ sau ngày đòi lại
chí Văn (cuối 1971) thì tôi không còn
hay tin gì về Lưu Văn nữa. Hồi thủa
cùng không anh em nào biết. Chúng
rõ chữ ấy còn sống không? Hay lưu
lạc phương nào? Có còn viết văn làm
surrealist là guerre, cái commedia
littéraire, làm dịch là nó đều cuộc
nó. Nếu Lưu Văn đã bước rọi cây
viết, nghĩ cũng là đầu đang liệt.

Cuộc chiến tàn đã tàn, tôi xin
lục và gửi dưới đây cây nguyên văn
bài thơ năm trước, bài thơ mà chủ đề
cũ đã không duyệt bỏ từ câu thứ 13
“những kẻ bạn chiến sẽ cần” - tôi
hết câu thứ 27 “khi một số tên con
lên đã cho không họ trở lại”.

Mười tám câu thơ bị đục bỏ là
phần thơ được hòa hai chục năm và
rộng rãi nó lại góp lại thành khổ thơ
hay lại về một “cổ nhân”, nghĩ cũng
là huyền diệu mạng.

TRẦN PHONG GIAO
(XII 191)

LƯU VĂN

KHI CUỘC CHIẾN TÀN

Khi cuộc chiến tàn vô cùng mệt mỏi và không
còn tiếp tục được nữa
thì một số trong chúng ta đứng về một chiếc máy
với bánh xe tay lái lăn đi tìm giấc ngủ
kể bản về giấc mộng
cho không thần xác
cho không cuộc đời

Khi cuộc chiến tàn như đêm lửa người dân
sức nóng

Thành phố sẽ buồn thiu
cho không là chợ - nhà không là nhà
người người xa lạ
sẽ có nhiều thứ được chế cũng
ta sẽ đi buôn lì vốn những nhiều khi
những kẻ bạn chiến sẽ cần các loại mìn chày
các kiểu mìn tiểu để làm năng chúng
những đứa trẻ chắc sẽ cần những viên bom để
làm chiếc thuyền cái tên bất tận một ngày tương lai

những người vợ chắc sẽ cần những vật của trẻ
lắm từ Gấm bọc quần áo của trẻ
những người chồng buồn sùng sục ăn uống
huân thưu của trẻ
những người mẹ chắc sẽ cần gói thuốc của trẻ
những đứa con lại đã cho không tên họ

những nóng dân chắc sẽ cần các áo bọc trong
những đứa con lại đã cho không tên họ
những đứa con lại đã cho không tên họ

những chiếc máy người trong chiến
những chiếc máy người trong chiến
những chiếc máy người trong chiến

mừng những người đã chết thất và có
mừng sự sống chúng ta thất ngư xuân
bởi chúng ta sẽ còn thấy sự tàn lụi trong tên
bởi thực ăn đã chết thuộc súng đã rơi anh
mất đã dâng máu máu người
và bởi tình yêu thì bay bay
khi một số tên con lại đã cho không tên họ

Khi cuộc chiến đã tàn và tay người nắm giữ
thì chúng ta còn phải học những bài tập lên quan
với các khoảng trống to lớn trong gia đình
thời nhân, bề bạn và chính mình

những kẻ bạn chiến sẽ cần các loại mìn chày
các kiểu mìn tiểu để làm năng chúng
những đứa trẻ chắc sẽ cần những viên bom để
làm chiếc thuyền cái tên bất tận một ngày tương lai

những người vợ chắc sẽ cần những vật của trẻ
lắm từ Gấm bọc quần áo của trẻ
những người chồng buồn sùng sục ăn uống
huân thưu của trẻ

những người mẹ chắc sẽ cần gói thuốc của trẻ
những đứa con lại đã cho không tên họ
những đứa con lại đã cho không tên họ

những chiếc máy người trong chiến
những chiếc máy người trong chiến
những chiếc máy người trong chiến

mừng những người đã chết thất và có
mừng sự sống chúng ta thất ngư xuân
bởi chúng ta sẽ còn thấy sự tàn lụi trong tên
bởi thực ăn đã chết thuộc súng đã rơi anh
mất đã dâng máu máu người
và bởi tình yêu thì bay bay
khi một số tên con lại đã cho không tên họ

(nguồn <https://damau.org>)

TRANG

*TRẦN
PHONG
GIAO*

Nhớ Y Uyên

Bài viết của Trần Phong Giao



Bây giờ, thú thật, tôi không còn nhớ nổi những liên lạc đầu tiên giữa Y Uyên và tôi. Có điều chắc chắn đó là, ít nhất trong giai đoạn khởi đầu, mỗi liên lạc bình thường giữa một thư ký tòa soạn và một nhà văn trẻ có nhiều triển vọng.

Một trong những chủ trương của VĂN, ngay từ những số đầu tiên, là quy tụ, hướng dẫn và khám phá những cây bút trẻ. Nếu việc “bắt liên lạc” với Thế Uyên là do

anh Nguyễn Mạnh Côn, thì việc tìm tới Y-Uyên hẳn do anh Võ Phiến. (Tôi không nhớ rõ, vì lỡ để lạc đầu đó những thư từ liên lạc với Y-Uyên).

Y-Uyên có mặt trong VĂN số 6, tuyển tập đầu tiên giới thiệu những cây bút trẻ. Đăng truyện *Bám đốt ngón tay* rồi, tôi có gửi cho Y-Uyên một lá thư. Thư này dường như làm cho anh không hài lòng, nên mãi lâu lắm về sau, tới số 18, VĂN mới lại đăng truyện *Sương rơi ngoài vườn*. Cùng với bưu phiếu nhuận bút, lại có một cánh thư dài của tòa soạn. Mặc dù thư được viết rất khéo léo, nhưng chắc chắn cũng đã không làm cho người nhận vui lòng. Gần tết Ất Ty, nhận được bài mới của Y-Uyên, tôi biết là anh buồn mà không giận (truyện *Vết chân thân thoai* đăng trong VĂN số 28).

Tới đây ghi dấu giai đoạn “căng thẳng” quan trọng trong mối giao tình giữa Y-Uyên và tòa soạn VĂN. Những bài anh gửi về, liên tiếp bị chúng tôi gửi trả lại anh, kèm theo những lá thư luôn luôn thúc giục đòi hỏi nơi văn tài anh một cái gì “khác hơn thế nữa, mới hơn thế nữa.” Tôi nhớ, vào dạo đó, có một lần tôi viết gửi anh đại ý “cậu có cố chải sợi tóc làm tư đi nữa thì giỏi lắm cậu cũng chỉ bằng được Võ Phiến là cùng; hãy viết khác đi, hãy dời bỏ những thăm dò ngược về quá khứ, hãy xông vào cuộc đời trước mặt, chất liệu truyện hãy lấy ngay từ cuộc sống thường nhật, cuộc sống của một thầy giáo dạy trường làng miền Trung đang chìm trong khói lửa...”

Thiết tưởng tôi cũng cần mở một dấu ngoặc để nói rõ thêm về sự “trả lại bài” của các cộng tác viên. Chúng tôi làm việc đó chỉ vì mong muốn các bạn mình sẽ đi xa, đi nhanh hơn. Nếu các bạn đó đưa bài gì chúng tôi cũng cứ thế mà đăng thì, chao ôi, yên ổn quá. Sẽ chẳng làm gì có chuyện mất lòng mất bề với bất cứ ai...

Cùng lúc với Y-Uyên, chúng tôi còn trả lại bài của nhiều anh em khác. Có người, giận, không bao giờ đưa bài cho VĂN nữa, nay đã trở thành một tác giả có sách bán chạy. Một tác giả khác, bạn thân của Y-Uyên, đưa chúng tôi ba truyện, chúng tôi đăng một, hoàn lại hai. Anh bạn này giận, không cho truyện nào khác. Ít lâu sau, gặp chúng tôi, anh kêu “Nhất, truyện *Bão khô* của Y Uyên là nhất.” Chúng tôi chỉ còn biết cười buồn, vì biết làm sao hơn với người tự bằng lòng đứng giậm chân một chỗ!

Khác với mấy bạn vừa kể, Y-Uyên lẳng lẳng viết, có phần nào nghe theo ý kiến của các anh em trong tòa soạn VĂN. Truyện ngắn *Tượng đá sườn non* đăng trong VĂN số 40, tôi còn nhớ đã gửi cho Y-Uyên hai bưu phiếu, một bưu phiếu nhuận bút và một “để cậu đi nhậu với một vài người bạn ngoài đó, coi như đi nhậu với anh em trong này, để ghi dấu ngày cậu bắt đầu viết *khác*...”

Truyện đăng trong VĂN số 42 (cái nhan đề do tòa soạn đặt: *Có heo may Hà Nội*) là một trường hợp ngoại lệ, cho hợp với chủ đề số báo.

Truyện *Tiếng hát của người gác cầu* đăng trong VĂN số 46, ngoài bưu phiếu nhuận bút, tôi có gửi Y-Uyên hai lá thư. Một thư viết trên giấy mang tiêu đề của nhà xuất bản Giao Điểm, hẹn sẽ in một tập truyện của anh, gồm một số truyện do tôi lựa chọn. Thư sau, tôi còn nhớ đã viết trong một buổi tối kẹt mưa phải ngồi lại tòa soạn tới khuya, thư viết dài tới bốn trang giấy pelure. Trong thư này tôi thuật lại trường hợp đặc biệt của đoàn tác *Thư từ Tuy Hòa* (của Cảnh Cửu, đăng trong VĂN số 45): đọc bài này, tôi thích quá, không chuyển cho Ban Tuyển Đọc tác phẩm như những bài lai cáo khác, tự ý cho đăng ngay vào trong một số không phải là tuyển tập thơ văn (số 45 là số giới thiệu Françoise

Sagan). Bài đăng rồi, anh em “chịu” tôi là tỉnh, và đồng ý nên khuyến khích tác giả. (Đáng tiếc thay, tác giả này đã làm chúng tôi thất vọng. Mặc dù sau đó chúng tôi đã cố vớt, cố đăng thêm một hai đoạn thiên nữa của anh, nhưng anh đã không thể đi được xa hơn). Tôi lưu ý Y-Uyên về cái “không khí đặc biệt Tuy Hòa” trong đoạn tác vừa kể. Tôi còn dẫn Camus (on ne pense que par des images), dẫn thêm nhiều kinh nghiệm khác rút trong cuốn *Esquisse d'un roman* v.v..., và dặn cậu có thể rời bỏ những nhân vật thầy giáo, cô giáo rồi đó.

Truyện *Những ngày cuối năm trên miền núi* đăng trong VĂN số Xuân Bính Ngọ; truyện *Bên ngoài khán đài* đăng trong VĂN số 52, ngoài bưu phiếu nhuận bút, tôi không viết gì. Điều ấy dường như làm cho Y-Uyên thất thối, Uy viết gửi tôi, rào đón, ngần ngại. Tôi trả lời: được rồi, cứ tiếp tục, tôi sẽ in những truyện đó trong tập truyện đã dự trù.

Đầu tháng 8/1966, nhận được truyện *Bão khô*, tôi vội viết ngay cho Y-Uyên: tới rồi, cố giữ lối viết đó, không khí đó, cái *souffle* đó. Trong thư, tôi kể tên sáu truyện đã chọn và đề nghị đặt nhan tập truyện là *Bão khô*, nhà Giao-Điểm sẽ lo ngay việc xuất bản. *Bão khô* đăng trong VĂN số 58 rồi, tôi viết gửi Uy, đại ý nói: từ nay, cậu gửi bài về, tôi không đọc lại nữa, cứ thế cho xếp chữ in ngay. Ít lâu sau, tôi nhận được thư Uy, có vẻ xúc động trước lời ngợi khen biểu lộ qua sự tin cậy của tôi, nhưng lúng túng vì nhà Thời Mới đã lấy trước mắt hai truyện tôi chọn để in thành sách (*Mùa Xuân qua đèo* và *Tiếng hát của người gác cầu*), Uy đề nghị tôi thay thế bằng hai truyện khác: *Ngoài khán đài* (VĂN số 52) và *Cái cối xay dưới đồng bằng* (Nghệ Thuật số 51). Tôi trả lời Uy đại ý không tiếc vì hai truyện đã bị “phồng tay trên”, nhưng chỉ tiếc là nếu nhà Thời Mới

in hai truyện đó với những truyện Uy viết trước *Tượng đá sườn non* thì hơi uổng, vì sách sẽ không được “nhất trí”. Tôi cũng tiếc *Bão khô* không được là tác phẩm đầu tay của Uy.

Đoản văn *Trong ánh sáng lân tinh* là trích đoạn truyện dài. Uy yêu cầu tôi đăng để “có trớn viết tiếp”, và Uy cũng hỏi han tôi nhiều về sự khác biệt giữa truyện ngắn và truyện dài. Tôi thu thập ý kiến của nhiều anh em và đã trả lời Uy trong một thư khá dài.

Truyện *Kiểm diện* đăng trong VĂN số 66, Uy đã viết vội để cuốn *Bão khô* có đủ số trang.

Những đoản tác đăng sau đó trên VĂN, hoặc là trích đoạn truyện dài, hoặc là đoản thiên, đều không có gì đặc sắc (*Gió cuối năm*, VĂN số 71; *Dáng thú*, số Xuân Đinh-Mùi; *Cái xương lá mục* số 87; *Pho tượng đứng đó*, số 92; *Có mùa hoa nào lấy vợ*, số 97), nhưng tôi không nói gì với Uy về những nhận xét của riêng tôi hoặc của anh em, bởi lẽ tôi biết Uy đã hoàn thành những sáng tác đó trong một nỗi ám ảnh nặng nề: ám ảnh bị gọi lính. Sau lần vào quân trường mấy ngày rồi lại được về vì “thặng dư tài nguyên”, Uy có than thở với tôi “rã rời, hết muốn viết, anh ạ.”

Truyện dài *Ngựa tía*, thật ra, nhà Giao-Điểm in. Sau khi đọc một vài trích đoạn, tôi có viết thư cho Uy, trình bày những nhận xét cùng đề nghị của riêng tôi. Uy không trả lời thư này và cũng không thấy gửi bản thảo cho tôi, tuy là cách đó ít lâu Uy nói “sắp viết xong những trang cuối.” Tôi còn đang đinh ninh là Uy còn đang sửa, viết lại không chừng, thì một hôm anh Võ Phiến đến đưa cho tôi tập bản thảo *Ngựa tía*, nói “ông in đi, tôi đi khắp cả mà không nhà in nào dám nhận, vì tác giả viết chữ nhỏ quá, khít quá, thợ sắp chữ không nổi.” Tôi nhận tập bản thảo rồi viết gửi Uy. Trả lời: tôi biết là anh không thích, nhưng nếu có thể thì anh in

giùm, tôi sắp đi lính v.v...

Từ Tuy Hòa, Y-Uyên vào Sài Gòn, lấy khoản tác quyền *Ngựa tía* để “đi thanh toán một chuyện tình cảm vương mắc đã từ lâu, mong là lần này nó sẽ dứt khoát.” Dứt khoát rồi, anh chàng buồn, đòi tôi dẫn đi uống rượu say mềm, đêm khuya tôi phải chở về nhà; ít bữa sau anh chàng trở ra Tuy Hòa, quên cả ghé nhà in ký tên trước lên cahier đầu sách. (Chuyện về này, Y-Uyên đem biểu thân phụ tôi một chai rượu sâm Cao-ly. Chai rượu nay mới vơi có phân nửa, mà người cho rượu đã ra người thiên cổ!)

Thời gian sau đó và suốt cả thời gian sống trong quân trường Thủ Đức, Uy không viết được gì. Mãn khóa, ngay sau khi trở lại miền Trung, Uy gửi về đoàn tác *Cao nhất*, một vài ghi chép đầu tiên cho một thiên truyện dài sẽ được khởi viết “*trong những ngày không phải xuống đồi dẫn lính đi lấy nước.*” (trích thư 4-10-1968).

Thư 3-10-68 (có bản kèm chụp trang thứ nhất, in đầu số VĂN này) Y-Uyên nhờ tôi hai việc:

Việc thứ nhất: “*có một thằng bạn văn vừa mới chết một cách thê thảm, để gián tiếp báo tin cho một số bạn bè và coi như thả cho nó một nén hương, nhờ anh đăng cho ít lời chia buồn (đính kèm) ...*”

Việc thứ hai: “*... nếu anh thấy có thể in giúp được tập “Đuốc sậy” mà không phiền lòng anh Võ Phiến, nhờ anh in cho một tập nữa...*”

Việc thứ nhất, tôi đã cho đăng mẫu “chia buồn”, ngay trong VĂN số 118. Việc thứ hai, hôm mới đây, gặp Võ Phiến, tôi nói: “Nếu ông không in *Đuốc sậy*, ông có thể chuyển nó cho tôi. Tôi sẽ in, mặc dù hai lần in sách của Y-Uyên rồi, lần nào tôi cũng bị lỗ khá nặng...” Võ Phiến xem thư Y Uyên, rồi ít bữa sau, anh đưa tập bản thảo *Đuốc sậy* tới giao cho tôi. Chúng tôi dự định tập

hợp tất cả những truyện ngắn khác chưa in thành sách của Y-Uyên, phân loại lại, rồi sẽ in, có lẽ thành hai hoặc ba tập.

(Nhân đây, xin được thừa thêm một chuyện: Chúng tôi được biết, trước ngày nhập ngũ, hồi còn ở ngoài Trung, Y-Uyên có viết được một số đoản tác, giao cho những anh em có ý định ra báo, in tuyển tập, nội san v.v... Chúng tôi rất mong những anh chị em nào còn giữ được những bản thảo chưa in của Y-Uyên vui lòng gửi cho chúng tôi, để việc xuất bản được thêm phần đầy đủ. Trường hợp anh chị đã cho in những sáng tác đó trong những ấn bản phổ biến hạn chế tại địa phương, cũng xin vui lòng gửi cho chúng tôi một bản. Muôn vãn cảm tạ.)

Trên đây chúng tôi đã ôn lại mối giao tình giữa Y-Uyên, tác giả và chúng tôi, thư ký tòa soạn VĂN.

Nhắc lại những kỷ niệm về Y-Uyên thì thật không có gì đáng nhớ. Tìm trong xấp thư cũ, thấy một vài điểm mà các bạn khác, trong những bài đăng cùng số này, chưa nói tới, tôi lục chép ra đây, nghĩ cũng là để “soi sáng” thêm về cuộc sống của Y-Uyên.

“... Trong đó anh kêu “thảm lắm!” thì ngoài này cũng kêu “bực lắm!”. Suốt từ đầu niên học tới giờ, làm hiệu trưởng một cái trường toàn đàn bà với ông già, tinh thần như chỉ còn một chút công văn, chỉ thị. Ngoài một truyện gửi về cho Nghệ-thuật số gần đây vì dịp hè có hứa với anh Viên Linh, không còn viết được gì. Đầu óc lớn vồn toàn chuyện bỏ nghề mà không quyết định vì thấy kém thực tế. Nhận thư anh, mừng vì có phút được kéo khỏi những lo toan thường trực vụn vặt, nhưng cũng ngại không có bài gửi về anh kịp thời. Dù sao cũng phải gắng như từ trước tới giờ vẫn gắng nghe theo lời anh. Nhất là tại nghe anh nói “một tuyển tập lạ lắm”, thấy hấp dẫn không ít. Về... muốn hỏi ý kiến

anh trước...”

(Trích thư Tuy Hòa, 15-10-1966)

Thì ra cu cậu cũng có lần tính bỏ nghề. Không phải vì sợ bị “sa lầy” trong nghề dạy học, mà vì thấy “kém thực tế” – ôi, cái thực tế đã làm thui chột biết bao tài năng ở đất nước ta!

“... Ở ngoài này cháy đều đều – mùa lạnh, cần lửa mà. Lại vừa gặp một “cú” tình cảm nên bỗng dưng thấy mình không còn là một tên viết lách mà là một nhân vật tiểu thuyết của bà Tùng-Long, – cái đó mới lý kỳ...”

(Trích thư Tuy Hòa, 15-12-1967)

(Lửa ở thư trên là lửa đam mê của thú đánh bài; cháy là cháy túi. Thư còn yêu cầu gửi một số VĂN trong đó có đăng bài của Uy tặng một cô gái ở đường Duy Tân, An Cựu, Huế)

Cô gái Huế này tôi không rõ là ai (báo nhờ gửi cho một người đàn ông, cậy chuyển lại), nhưng khi nghe Y-Uyên hỏi ý trong chuyến về Sài Gòn, tôi có lèm nhèm, đại ý “gái Huế, ái tình lãng nhăng thì được, còn cái mục xây dựng thì đừng, ấy là dựa theo kinh nghiệm bản thân của một vài anh em có vợ Huế khác.” Y-Uyên gật gù. Không biết trong “vụ” này, cu cậu đã làm nhân vật tiểu thuyết đến đâu, được bao lâu?

“Hỏi này đã hết sức tu thân, không hiểu các anh ở nhà có còn tiếp tục cái chuyện ‘coi như cho ăn mày...”

(Trích thư Tuy Hòa, 17-4-1967)

Hắn đến tòa soạn và đòi đưa đi chơi. Chơi cái gì? Đang hẹn đến NĐT làm canh xì còm đây. Nghe thấy chữ “xì”, mắt hắn sáng hẳn lên. Gặp đồng đảo anh em quanh chiếu bạc, hắn mừng ra mặt. “Mòng đây, mòng mới từ Tuy Hòa về đây. Tây tây xì, đi hai chục.” Anh em nhao nhao: “Hai chục rẻ quá, coi như cho ăn mày...” Hắn thích thú lồi nói đó. Ra tới Tuy Hòa còn

tiếc cái không khí đó, cái không khí không thể nào có ở bất cứ một nơi nào khác, với anh em bạn bè nào khác...

“Nhận được thư anh giữa lúc đang bệnh, lo bài gửi về sẽ không kịp đúng kỳ hạn quá. Bây giờ viết hết được dòng cuối mới thấy mừng. Mừng như thoát nợ. Mừng hơn hết mọi lần khác. mấy hôm trước cứ ân hận không biết rõ ngày số Nắng Hè ra nên mới lâm vào cảnh “cuối cùng vẫn phải viết”. Ngày hôm qua vừa đi mổ cái nhọt, từ nay mỗi sáng phải lên bệnh xá một lần, như vậy không mong gì tính chuyện về Sài Gòn. Lá thư vừa rồi của anh có điều gì bất thường, đọc đi đọc lại vẫn không có được một giải thích hợp lý. Ở nhà có điều gì “kẹt” bất ngờ chăng? Đã định viết hỏi anh ngay hôm nhận được thư nhưng lại nghĩ phải viết bài trước đã, hậu tính. Giờ thì có thể nghỉ ngơi, muốn chương về đọc và chờ thư anh...” (Trích thư Tuy Hòa, 3.5.1967)

Mới đây nhận được bài của anh Trần Huyền Ân, tôi đã phì cười khi thấy anh nhắc lại chuyện đã làm cho Y-Uyên thất mắc trong thư dẫn trên. Tôi phì cười cũng như Y-Uyên nói “buồn cười”. Số Nắng Hè tôi có ý định đăng bài của những anh em có mặt trên chiếu bạc nhà NĐT hôm Y-Uyên về chơi. Góp bài không đủ. Trong số người vắng mặt, có cả Y-Uyên, mặc dù hắn bị đau (phải đi mổ nhọt) vẫn cố viết bài gửi về mà không kịp kỳ báo. Cu cậu cố viết bài tuy đau, có phải tại vì đã “sợ” lời “đe dọa” của tôi? Nếu đúng thế, nghĩ thật tội nghiệp, tội nghiệp vì chuyện chỉ đáng “buồn cười”!...

“Lộ xỉ, lộ hầu, tướng đi không chắc bước... tay này chết yếu”, một nhà văn lão thành đã nói bằng quơ như thế, khi cụ nhìn theo Y-Uyên lúc đó mới vừa bước ra khỏi cửa tòa soạn.

Nghe lời vị tức nho cao niên nọ nói mà tôi bỗng rùng mình. Lúc đó Y-Uyên đang thụ huấn trong quân trường. Tôi có nói với một vài chỗ quen biết nhờ lưu ý kéo cho hấn đi ngành. Tôi được trả lời là cứ yên chí. Vốn tính cả tin, tôi yên chí mãi. Mãi cho tới hôm hấn mãn khóa, về chơi nhà tôi, ngật ngưỡng nốc cạn ly *Cognac*, chậm rãi ngã lưng vào thành ghế bành, rồi mới khặc khừ “em đi địa phương quân anh ạ.” Tôi bảo hấn, nếu được chọn, chọn ngay vùng I cho tôi nhờ. Ít bữa sau, hấn ghé báo quán, cho biết đâu hấn được đi Côn Lôn, nhưng hấn tình nguyện xin đi Bình Thuận. Tôi xô ghế đứng lên, nói như quát: “Cậu quên lời tôi dặn rồi à?” Hấn nhìn tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi, tia nhìn mới thanh thản và trong sáng làm sao, và hấn đáp ứng: “Tôi... tôi có duyên nợ với vùng duyên hải Trung-phần lắm mà anh...” Bữa đó tôi giận lắm, giận hấn, giận những người tôi cậy nhờ, giận tôi, giận tất cả, nên tôi để mặc hấn ra về mà không buồn dẫn hấn đi nhậu một bữa tiễn hành như đã dự trù từ trước. Duyên nợ? Hừ, duyên nợ cái mốc xì! Đại gái, hầu hết nếu không muốn nói tất cả những thằng con trai mới lớn đều đại gái. Tôi đã nghĩ về Y-Uyên như vậy khi nhìn theo hấn leo lên chiếc xe “lam” ngừng bên mé đường bên kia rước khách...

Ít tuần sau, nhận được thư hấn báo tin nơi đóng đồn cũng nhàn, lại có an ninh, viết lách được nhiều, tôi cũng thấy nguôi ngoai.

Ít lâu sau, chúng tôi được biết quân đội đã chiếu cố tới hấn. Một bưu điệp đã được gửi ra tiểu khu nơi hấn trú đóng, cho hấn nộp đơn xin chuyển về Sài Gòn. Chờ lâu chưa thấy hấn về, một nhà văn bạn lại xin với thượng cấp cho hấn được đặc cách chuyển về Sài Gòn.

Tôi được tin văn hữu nọ đã lo xong mọi thủ tục cần

thiết, (việc gọi Y-Uyên về Sài Gòn chỉ còn là việc thu xếp trong vòng vài ngày), ngay sau lúc một cú điện thoại khác báo tin Y-Uyên đã tử trần, chiều hôm trước, tại Phan Thiết. Trả lời anh bạn văn tôi cố lấy giọng bình tĩnh: “Cám ơn anh. Có điều muộn mất rồi vì Y-Uyên đã tử trần.” Đầu dây bên kia, anh bạn văng tục và nói cao giọng: “Này, ông đừng hòng qua mặt tôi bằng lối đùa cợt bậy bạ đó...” Như mọi người, anh không tin là Y-Uyên đã chết. Anh chỉ tin điều đó vào buổi sáng hôm sau, khi anh, mặc quân phục vào, cùng mấy quân nhân khác đặt tay vào sợi dây chảo, từ từ thả chiếc quan tài bọc xác Uy xuống sâu trong lòng đất lạnh.

TTY, xin cho tôi được cảm ơn anh lần nữa. Con người ta sống, chết, riêng tôi tin là có mệnh số. Riêng anh, anh đã lo lắng giùm Uy nhiều hơn là lo cho một bạn văn không thân thiết, với trọn vẹn tấm lòng thẳng thắn và đôn hậu. Tấm lòng đó đã làm anh khác hẳn với những người khác, – những người miệng đã nói với chúng tôi nhiều điều nhân nghĩa, nhưng rút cục chỉ toàn là “đánh trống bỏ dùi” ...

Mặc dù tin nhắn thân nhân phải ra ngay nhận xác, nếu không sẽ không kịp; mặc dù tôi đã gặt hết mọi công việc, lao xe như bay lên Gò Vấp, báo tin cho gia đình Uy; mặc dù nước mắt đã ứa ra... chính tôi, tôi vẫn chưa kịp tin là Uy đã chết. Chết. Tại sao lại chết, trong lúc biết bao người chăm lo cho mạng sống của Uy? Biết bao nhiêu người chạy theo kim đồng hồ, cố kéo Uy về chốn an toàn?

Kỷ niệm của tôi về Y-Uyên thật ít (một vài lần dẫn nhau đi ăn nhậu, đánh bài, du hí; một vài lần hẳn đi phép ghé nhà tôi “tắm một cái rồi thay đồ, vào trường cho khỏe” ... có đáng gọi chăng là kỷ niệm?) nhưng tôi thật tình quý mến Y-Uyên.

Tôi coi Y-Uyên như em. Tôi đã làm tất cả những gì có thể làm cho Y-Uyên nhà văn, Y-Uyên chuẩn úy. Việc làm của tôi có thể không có kết quả, hoặc kết quả chỉ đến quá muộn màng, quá chậm. Giờ đây, tất cả những gì tôi còn có thể làm cho hấn, ấy là tôi nghĩ thế, là thu nhặt những gì hấn đã viết rải rác đem in thành sách. Những cuốn sách đó có chịu đựng được sự thử thách của thời gian không, đó là một việc. Đối với riêng tôi, việc in chúng ra là việc cần làm. Tôi sẽ làm. Và tôi thiết tha mong mỗi anh chị em khắp nơi sẽ để tâm giúp đỡ tôi trong công việc đó. Không phải vì tôi, hấn thế. Mà vì bạn của chúng ta, vì Y-Uyên...

Trần Phong Giao (17-4-1969)

Nguồn: *Tạp chí VĂN, Sài Gòn, số 129, số đặc biệt thương nhớ Y Uyên*

Thư Ngỏ Của Trần Phong Giao Gửi Viên Linh.

Độc giả và những người làm một tạp chí văn chương

(TQBT sưu tầm)

Mở đầu cho sự hợp tác với diễn đàn văn nghệ này từ năm thứ hai của nó, anh Trần Phong Giao gửi cho Thời Tập một bài viết xoay quanh việc làm một tạp chí văn chương – mà anh đã có đầy đủ kinh nghiệm sau gần mười năm điều khiển bán nguyệt san Văn. Bài của anh Trần Phong Giao dưới hình thức một lá thư ngỏ gửi cho người chủ trương diễn đàn này – nói về rất nhiều việc, từ độc giả một tờ báo văn chương qua những người cộng tác là các nhà văn nhà thơ, cho đến người làm tờ báo đó, và các đồng nghiệp. Chính vì những điều này – được chia thành các đề mục I, II, III... do chúng tôi đặt – bài viết sẽ được đăng trọn. Nó liên hệ đối với những người yêu chuộng báo văn chương, tuy trong đó có những điều riêng tư của người viết – và của những người được nói đến – và hẳn đó là những điều hy vọng sẽ được coi là thường tình nếu bạn đọc chấp nhận đọc một lá thư ngỏ: Thư Ngỏ Của Trần Phong Giao Gửi Viên Linh.

Sở dĩ có thư này vì trong *Thời Tập* số trước (17), trả lời ông bạn Vũ Phan L. ở Bình Định, bạn Viên Linh đã gọi đích danh tôi ra mà cho rằng “người tổ chức một tạp chí văn nghệ có tài phải là anh Trần Phong Giao”. Tôi tin là ông bạn họ Vũ ở Bình Định sẽ không tin điều

bạn khẳng định. Thư này sẽ nói rõ vì sao.

I

Độc Giả Miền Trung Và Một Tạp Chí Văn Chương

Nhớ lại cách đây không lâu, anh Võ Phiến, từ Bình Định về, có cho tôi biết là anh em văn nghệ ngoài nó có nhắc tới tôi và khen tôi là “khôn”. Khôn vì tôi đã thôi không làm báo. Và vì không làm báo nữa nên tôi còn giữ được “cái huyền thoại là người làm báo giỏi”. Anh em ở Bình Định đã có lý. Không cứ gì người cầm bút, ngay các độc giả trung bình ở miền Trung đã rất tinh tường.

Tôi nói thế không phải để “nịnh” độc giả của một miền mà chỉ là nói lên một sự thực: Tập san văn chương nào không được độc giả miền Trung – cái miền Trung khô cằn sỏi đá nhưng ham đọc nhất nước – ủng hộ, thì sẽ có cơ duyên mất đi chừng phân nửa độc giả tính chung trong nước. Điều đó đã xảy đến với tạp chí mà ta tạm gọi tên là *Pb*. Một cây bút trẻ ở Tuy Hòa, nhân vui câu chuyện, cho biết ông già của ảnh mua tạp chí *Pb* trong nhiều năm liên tiếp. Thế rồi, đột ngột, ông cụ “chê”, không mua tiếp nữa, vì “nó đã sút kém đến trở thành vô bổ” (những chữ trong dấu ngoặc kép là dẫn nguyên văn lời anh bạn họ.) Một dữ kiện cần nêu rõ: ông cụ thuộc thành phần khá giả, không chịu ảnh hưởng gì của các biện pháp kinh tế mùa thu, mùa đông, v.v... Gần đây, tôi được biết là số bán của tạp chí *Pb* so với năm trước khi ông cụ ngoài Tuy Hòa ngừng mua chỉ còn chừng phân nửa. Trong lúc các tạp chí bạn không những không giảm số bán mà lại có phần tăng lên chút đỉnh, con số phân nửa độc giả cũ của *Pb* tản mác đi đâu? Vấn nạn đặt ra, chung cho những ai muốn làm báo văn chương. Giải được vấn nạn này là coi như bắt

được yếu tố “nắm được độc giả”, - yếu tố cần và đủ thứ nhì sau khi “tìm được độc giả”.

Khởi đi một cách khiêm nhường thâm lặng, Thời Tập đã *tìm được độc giả*. Nhà phát hành cho tôi biết báo bạn tăng dần dần, không tăng nhiều nhưng mỗi số đều nhích lên chút đỉnh. Như vậy là bạn đã tìm được độc giả. Vấn đề đặt ra cho bạn bây giờ phải chăng là “nắm lấy độc giả”. Tôi tin là bạn biết cách cần làm. Ở đây cần tới cái tài *ngời* (nhà phê bình Vũ Ngọc Phan dịch chữ *flair*, tôi dùng theo) của tay làm báo: biết độc giả cần gì, muốn gì. Ráng lên bạn nhé. Mất đi một độc giả, buồn lắm. Mà không chỉ buồn. Con số “mất đi” thường không chỉ bỏ đi một cách đơn độc. Nó rủ rê, nó la lối, nó gây ảnh hưởng khó ngờ. Kinh nghiệm cổ văn sĩ Nguyễn Vỹ và tạp chí *Phổ Thông* năm nào, hẳn bạn còn nhớ đây.

II

Tạp Chí: Không Ai Làm Nổi Một Mình

Cách đây khá lâu rồi, một anh bạn có lòng thương loan tin trên báo (mà ta tạm gọi là báo *Pa*) rằng tôi sẽ đảm trách những số báo đặc biệt. Trước khi loan tin, gặp tôi anh có bảo tôi làm. Nhưng anh chỉ bảo vậy thôi nên tôi cũng nghĩ là anh chỉ nói thể cho vui, chứ báo *Pa* của anh chẳng cần gì tới một tay “hết thời” như tôi. Có tôi chợ thêm đông và không có tôi thì chợ vẫn tung bưng tấp nập. Phần khác, tôi còn một mối lo lớn khác: lo kiếm miếng ăn độ nhật. Thành ra, cho tới nay, nhiều năm tháng đã trôi qua, tôi vẫn chưa có hân hạnh đáp lại mỹ ý của anh bạn có lòng nọ.

Bạn Viên Linh, bạn đưa đề nghị với tôi bằng miệng, còn tay bạn thì nhét vào túi tôi một khoản tiền. Hiện nay tôi không đến nỗi “chạy ăn từng bữa” và cũng

không có khoản gì cần tiêu cách đặc biệt. Khoản tiền bạn đưa ra không lớn, nhưng đủ để tôi mua cho mấy đứa con mỗi đứa một đôi dép. Trẻ thơ, ngày Tết, được đi dép mới cũng là niềm vui. Con được vui, chẳng lẽ bố không lo làm trả nợ.

Không một ai có thể làm nổi tạp chí *một mình*. Một người cộng tác không tới, một người bỏ đi, phải coi là một thiệt thòi chung cho tờ báo. Thiệt thòi lớn hay nhỏ không quan hệ. Chỗ quan hệ là sự thiệt thòi, *tout court*. Nhờ ai việc gì, mời ai làm gì, chẳng nên nhờ hay mời cách khơi khơi. Đồng tiền trả công không quan hệ bằng cách trả. Tôi đã nói điều đó với những bạn tìm đến tôi để hỏi về “kinh nghiệm làm báo”.

Một gói trà ngon, mấy dòng chữ viết khéo gửi cùng tạp báo biểu, riêng đối với một số tác giả, lại quý hơn tiền bạc.

Cái khó là phải cư xử với người hợp tác sao cho thuận tình hợp lý. Người chủ trương của một tạp san văn chương cần phải khéo léo. Sự khéo léo đó chẳng ai dạy cho mình, ngoài kinh nghiệm sống của chính bản thân và tuổi nghề...

III

Dư Luận Của Đồng Nghiệp

Hai chữ “hết thời” viết ở đoạn trên cũng là chuyện xưa tích cũ. Cách đây hơn hai năm, một nhà thơ cho biết là nếu tôi không cố làm một tạp chí thì tôi sẽ bị “họ” coi như là tên “hết thời”. Tôi đã trả lời: “Tôi có cái thời nào đâu mà còn hay hết!” Anh bạn có vẻ không chịu hiểu câu nói của tôi mà phá lên cười hô hô.

Nhớ lại *Thời Tập* mới ra, một ông chủ báo danh tiếng lẫy lừng (một trong những “họ” mà bạn tôi định nói) đã chê “*Thời Tập* là báo con nít, văn nghệ ai mà thêm

đọc, sống giỏi lắm được vài ba số...” Lời ông chủ báo, người đã có danh có tiếng, có dưới tay cả một “bộ biên tập chủ lực hùng hậu), hỏi tôi không tin sao được! Ấy vậy mà tới nay *Thời Tập* đã ra được gần hai chục số; số độc giả tìm đến *Thời Tập* cũng gần bằng số độc giả mua báo của ông chủ nọ.

Bạn Viên Linh,

Xem thế mới biết bạn là tay làm báo văn chương giỏi. Bạn làm việc một mình, không có ngay đến một thầy cò giúp việc (có người bảo tôi bạn đi làm 8 tiếng, tan sở về thẳng nhà tự ngồi cặm cùi sửa bài). Làm việc một mình cần phải kiên nhẫn nhiều. Cứ làm mà không nói. Làm được đến đâu hay đến đó, cách giản dị và khiêm cung.

Không có gì dễ bằng nói. Càng nói lớn lời càng dễ. Nhưng không có gì khó bằng làm, cứ làm và chỉ làm. Chỗ quan hệ là làm. Việc làm sẽ biện minh cho sự im lặng của ta, đó là câu trả lời hùng hồn nhất cho chúng bỏ công kích ta.

Từ lâu tôi xa lánh nơi ân oán giang hồ. Nhưng tôi có linh cảm là làm *Thời Tập* bạn bị công kích nhiều lắm. Do đồ ky, do bè phái, do bực bội... Nín đi, bạn ta. Ngay cả vài dòng viết trên bìa đầu tờ báo cũng chẳng dám viết làm gì. Điều nên viết nhất là viết cho bạn đọc, viết vì bạn đọc. Hay nói theo ngôn ngữ của văn chương hiện thực “hôm nay”: viết cho ai chứ không viết cho chính mình.

IV

Vì Sao Tôi Đóng Góp Cho Tờ Thời Tập

Giữa “hôm nay” như vậy mình già rồi, già thật sự rồi. Người già thường hay lẩm cẩm. Có vẻ vì lẩm cẩm nên

đã hơn một năm nay tôi thường liên tiếp từ chối lời mời làm tạp chí văn chương của nhiều vị có lòng thương tưởng tới. Nghĩ cho kỹ, sự lảm cẩm của tôi có nhiều nguyên do sâu xa và thường là thầm kín. Đem giải bày ra giấy trắng mực đen, e không tránh khỏi làm buồn lòng vị này vị nọ, kẻ còn sống người đã khuất.

Tôi xin lạm dụng những trang báo này để minh định đôi điều:

- Từ tay trắng, với rất nhiều công khó, tôi đã dựng nên một tạp chí, văn chương tự lực mà sống lâu hơn cả trong quá trình sinh hoạt báo chí nước ta. Tôi không có tài, chỉ có chút công. Hơn hai năm nay tôi không viết báo, không làm báo, vì tuân theo một nguyên tắc do chính tôi đặt để cho cuộc sống.

Từ nay, nếu thỉnh thoảng tôi có giúp cho Thời Tập một đóng góp nho nhỏ, ấy là vì tôi biết rõ anh bạn Viên Linh đã và đang làm báo một mình, cô đơn và thiếu thốn.

Rất có thể, rồi ra tôi cũng sẽ làm báo trở lại. Nhưng đó là chuyện về sau. Chuyện chỉ xảy ra trong trường hợp nếu tôi bị đói quá, nếu tôi thấy cần đền đáp tình người tri kỷ, nếu tôi, tự làm lấy báo của riêng mình hoặc nếu gặp được người biết cách đãi ngộ tốt với các cộng tác viên... Ngoài mấy trường hợp trên, tôi xin được nhận chữ “khôn” của anh em ngoài Bình-Định đã âu yếm tặng cho. Rất vui và nhận.

V

Không Phải Là Những Tuyển Tập Đều Đều

Tôi vừa lo xong cuốn sách đã làm tôi mất nhiều thì giờ hơn cả từ nhiều năm nay. Bạn nghe thấy chẳng tiếng tôi thờ dài, nhẹ nhõm!

Hy vọng là sang năm mới đây, tôi sẽ đỡ bạn được một vài công việc, nho nhỏ thôi, nhưng – tôi mong muốn thế – sẽ làm cho bạn đọc Thời Tập được bằng lòng.

Sau ngày ban bố sắc luật 007/12, tôi ngưng làm tờ *Chính Văn*, quay về nghề cũ, nghề thủ thư. Cái nghề hít bụi này có được lợi điểm là có nhiều tài liệu. Lục chồng sách cũ, tôi kiếm được ít nhiều tài liệu xưa. Khởi đầu, tôi sẽ sao chép, sắp xếp lại và sẽ gửi bạn một số tài liệu về NHUỘNG TỔNG, cây bút tài hoa danh tiếng thời tiền chiến.

Đương nhiên là rồi tôi sẽ chỉ giúp bạn được về phần tài liệu thôi (cái mà bạn từng gọi là “ưu điểm đầu tiên”). Còn việc làm cho một tạp chí, được đông đảo người biết và tìm đọc nhiều hơn, sẽ là do chính người chủ trương. Tôi nghĩ, không gì bằng trích dẫn ngay lời của bạn, phát biểu với tư cách *một độc giả* (cái này mới là quan trọng) khi được tập san *Văn* tham khảo ý kiến hồi đầu năm 1972:

(...) “Tôi muốn *Văn* trở nên một tờ bán nguyệt san đúng nghĩa: nửa tháng không đọc nó là phải thấy mình kém sinh hoạt. Một tờ báo nửa tháng có thể khai thác sinh hoạt nhiều hơn một tờ báo tuần, và dĩ nhiên, lẹ hơn tờ báo tháng. Để không là những tuyển tập đều đặn.”

Hai năm trước, bạn đã “dạy khôn” thiên hạ. Bây giờ, bạn hãy làm đi! Làm để khỏi mang tiếng là “chỉ biết nói”.

Tránh không làm những tuyển tập đều đặn. Được bấy nhiêu đó, tôi tin là bạn sẽ được độc giả ủng hộ. Mà khi đã được độc giả ủng hộ rồi thì lo gì giấy lên giá, điện lên giá, gạo lên giá. Có độc giả, nói theo ngôn ngữ thời thượng, là bạn có tất cả.

Bạn Viên Linh,

Ngày hai bữa cơm rau, nếu không được “vỗ bụng no bình bịch” thì cũng đỡ chạy xuôi chạy ngược, lo đôn lo đáo, thì giờ rảnh rang, học thêm ít chữ nghĩa thánh hiền cho mình bớt ngu. Đêm đêm chong đèn, dịch văn. Dịch xong, cuốn nào in được thì cho in. Gặp khó, đem cắt kỹ vào ngăn tủ... chờ thời. Được làm những việc mà mình ưa thích há chẳng đủ là niềm hạnh phúc của kiếp nhân sinh, chao ôi, cái kiếp nhân sinh đầy đầy hệ lụy!

Nói quanh nói quẩn rồi cũng quay lại chữ “thời”.

Gặp thời thì dễ. Tạo ra thời mới khó.

Bạn là người không chịu ỉn nhẫn, lại chịu thương chịu khó; kinh nghiệm không giàu nhưng cũng đủ để làm hành trang. Con đường đi tới còn dài. Tôi là một trong những người tin là bạn sẽ đi được xa trong tương lai gần.

Vì tin như thế nên thư này không được chấm hết bằng những lời chúc tụng thường tình. Mà nó gọi đi, tới bốn phương, sự ước mong sẽ được anh em bằng hữu khắp nơi chia sẻ với tôi niềm tin tưởng đó. #

Sàigòn, ngày 1. 1. 1975

TPG

(nguồn: Thời Tập số 21)

TRẦN PHONG GIAO

sự hy sinh của những người làm văn hóa^(*)

Thưa quý vị thính giả,
Cách đây ít tháng, trên đường viễn du để tìm hiểu sinh hoạt văn hóa tại các nước Viễn-đông, một người bạn ngoại quốc có ghé thăm Cơ-sở Báo-chí và Xuất bản Văn.

Trong cuộc mạn đàm, chúng tôi có trình bày với anh bạn nợ sự hy sinh của những người hiện đang làm văn hóa ở Việt-Nam. Anh bạn ngạc nhiên về hai chữ hy sinh, gắng hỏi, tôi trả lời đại ý: phải là người trong cuộc mới nhận định đúng được hy sinh đó và tôi có hẹn với anh tới cuộc gặp gỡ lần sau, khi anh trở lại Sài Gòn, chúng tôi sẽ trình bày cho anh rõ, bởi lẽ buổi tối đông người và sáng hôm sau anh lại lên đường đi qua nước khác.

Nay thời hạn anh bạn nợ sắp trở lại Sài Gòn đã gần kề, lại nhân có anh bạn phụ trách mục “Diễn-Đàn Tự-Do” của đài bá âm Sài Gòn thúc giục tôi đóng góp một bài mà tôi đã lỡ đại trót hẹn với anh đã từ lâu lắm. Thôi thì, nhân đây, một công đôi việc, tôi xin được thưa hầu chuyện với quý vị thính giả một câu chuyện nói về “*Sự hy sinh của những người làm văn hóa*”.

Thưa quý vị thính giả,
Trước hết, tôi xin được mạn phép giới hạn những người làm văn hóa ở đây trong phạm vi những người viết văn và những người làm xuất bản. Vì phạm vi của một bài nói chuyện có thời lượng hạn hẹp, và cũng muốn để cho câu chuyện khỏi bị loãng nếu tôi trình

bày nó trên một bình diện rộng lớn hơn. Cũng xin được coi điều phân trần trên đây như lời tạ lỗi gửi tới những anh chị em thuộc những ngành sinh hoạt văn học nghệ thuật khác.

Có lẽ sẽ không có ai phản đối nếu tôi cho là ở nước ta, trong giai đoạn hiện tại, không giới nào có môi trường hoạt động khó khăn hơn người làm văn hóa. Thế nhưng, người ngoài cuộc tuy có nhận thấy nhưng lại rất dễ cho rằng những khó khăn đó cũng dễ khắc phục. Với tư cách một người trong cuộc, trong phần dưới đây, tôi sẽ chỉ đề cập rất ít tới những khó khăn CHUNG, và sẽ thử dụng công trình bày những khó khăn RIÊNG đối với những người làm văn hóa.

Về phía người làm công việc sáng tác, nỗi khó khăn đặt trong ý thức về vai trò của mình trước hiện tình đất nước. Có lẽ chưa bao giờ, ở bất cứ một nơi nào khác, lương tâm của người cầm bút lại bị đặt trước một sự thử thách cam go thường xuyên như chúng ta hiện nay. Đối diện với lương tâm, và chỉ lương tâm của chính mình, người cầm bút là người cô đơn nhất trong một trận tuyến mà, dù muốn dù không, người đó thấy mình có mặt. Từ những dò thăm không ngừng ngược về quá khứ, qua những thể hiện trung thực cuộc sống đang diễn tiến quanh mình, đến những ước mơ hoài vọng về những tháng ngày mai hậu, người cầm bút ở nước ta, trong lúc này đây, không những chỉ nhìn vào đối tượng của riêng mình khi gửi gắm những suy tư, mà họ còn phải dãi lọc, dàn trải cách sao cho những điều họ muốn nói lên (nếu không có điều gì cần phải nói ra thì họ đã bẻ bút) có thể đến được tay người đọc. Và người đọc sẽ lãnh hội được những điều tác giả muốn gửi gắm tới họ, dù cho bản văn có quanh co khuất khúc, có đầy

những ần dụ mật mù, hay ven cạnh hoặc nấu mình trong cổ tích...

Những vị thường theo dõi các tạp chí văn học mấy năm gần đây hẳn đã không thể không chú ý tới loại tạp bút, tạp văn, loại được gọi là “viết ngắn”. Viết ngắn ở đây xin đừng ai hiểu là tác giả không thể viết dài. Càng không đúng nữa nếu đem xếp chúng vào loại “tiểu phẩm” (phân loại do Lâm Ngữ Đường). Trái lại nhiều tác giả đã chứng tỏ mấy thể văn vừa dẫn có đặc tính sắc nhọn và sâu cay, không khác gì ngọn đoản kiếm trong tay các võ lâm cao thủ.

Ngoài những khó khăn thuộc về kỹ thuật, người cầm bút trước khi làm nghề cầm bút đã biết rõ hơn ai hết là mình sẽ phải đương đầu với nhiều nỗi khó khăn, lao đao hơn, trên phương diện mưu sinh. Chưa có một con số thống kê rõ rệt nào, song dường như sẽ không có ai phản đối nếu có một ai đó quyết rằng các tác giả ở nước ta, cho dù nổi danh đi nữa, chỉ được hưởng một số tác quyền thấp nhất thế giới – ngoại trừ các nước bán khai, hắc thế. Không kể số ít trường hợp đặc biệt, đếm được trên đầu ngón tay, hầu hết các người làm văn xứ ta đều phải có một nghề, một nghề gì đó khác với nghề cầm bút. Như vậy, gạt ra ngoài một thiểu số tác giả được ưu đãi, hoặc có hoàn cảnh sống thanh thoi, đủ thanh thoi để coi việc làm văn như một thú nhàn, chúng ta sẽ không còn danh từ nào khác với từ hy sinh để mô tả phần đóng góp của những người làm văn.

Sau những người làm văn, chúng ta phải kể ngay tới những người làm xuất bản. Nếu chúng tôi trên đây đã chỉ đề cập tới những người làm văn có ý thức thì sang phần này chúng tôi cũng sẽ chỉ nói tới những người

làm xuất bản loại đứng đắn, không nhằm trục lợi mà vì muốn đóng góp một phần nỗ lực trong công cuộc xây dựng văn hóa chung. Nghĩa là chúng tôi chỉ nhắc tới những người không chạy theo thị hiếu (thấp kém) của độc giả, không coi nghề xuất bản như một phương tiện doanh thương hoàn toàn vụ lợi.

Trước hết, dạo qua các sạp báo, chúng ta chỉ thấy hiện diện lèo tèo dăm ba tập san thuộc loại đứng đắn. Nội sự hiện diện của chúng đã đủ là sự lạ. Lạ vì giá bán báo thật hạ, trong khi phí khoản riêng về ấn loát đã thật cao, và thị trường thì ngày một thêm eo hẹp, gây ra bởi nhiều lý do dễ hiểu.

Một cuốn báo dày hơn trăm trang, ấn loát sáng sủa, bài vở chặt chẽ, giá bán 30\$ – trị giá chưa bằng một tô phở bình dân, ăn ngoài vỉa hè. Mà kỳ lạ hơn nữa, nghịch lý hơn nữa, cả tập báo không có lấy một mẫu quảng cáo thương mại.

Phải chăng báo được trợ cấp? Điều ấy khó tin, vì theo chỗ chúng tôi được biết, nếu nhà nước có cấp bổng cho các tạp chí mua giấy thì trên tấm bổng cũng có đóng rõ ràng con dấu “không trợ cấp”. Nói khác đi, nhà nước nếu có trợ cấp khoản mua giấy in báo thì cũng trợ cấp cho những báo nào kia, chứ các tạp chí văn học thì “không trợ cấp”. Hay nhà nước mua giúp báo? Thưa, nếu có cũng không được bao nhiêu. Vẫn theo chỗ chúng tôi được biết, dường như nhà nước không mua tạp chí nào tới trên trăm số mỗi kỳ phát hành. Con số đó quả ít để có thể được gọi là mua GIÚP!

Không được trợ cấp, không bán báo cho nhà nước, không có quảng cáo thương mại, nhiều tập san hiện nay trông cậy tất cả vào nơi độc giả. Mà độc giả ở nước ta có được bao nhiêu? Các tạp chí, ngay loại phổ thông nhất, ấn bản cũng khó mà vượt quá mười lăm

ngàn. In mười ngàn, cứ cho như thế đi. Nhưng bán được mấy ngàn? Tỷ lệ báo bán dư các nhà phát hành trả lại cho các báo là bao nhiêu? Điều đó lại phải hỏi thăm mấy tay cho mướn báo, cùng mấy chủ buôn giấy gói đồ trong Chợ Lớn thì mới thấu hiểu sự tình.

Ấy vậy mà các tạp chí vẫn cố gắng ấn hành đều đặn. Rủi có gặp khó khăn quá đáng, tạm nghỉ ít lâu rồi lại cố gắng tục bản. Cái gì là động cơ thúc đẩy sự cố gắng đó? Cái gì khác hơn sự hy sinh của người viết văn và người làm văn, trong hoàn cảnh nghiệt ngã đó!

Dời địa hạt các tạp chí, chúng ta hãy tới thăm các kệ sách.

Hoạt động không định kỳ, số độc giả hạn hẹp hơn, vốn liếng dễ bị kẹt hơn, ngành xuất bản hoạt động trong một hoàn cảnh còn khó khăn hơn các tạp chí. Ấy vậy mà hầu như mỗi ngày đều có sách mới ấn hành được đem bày trên các kệ sách, thường là một cách âm thầm, vì sách mới ít khi được quảng bá. Các nhà xuất bản chuyên nghiệp thường không nghĩ tới; còn các nhà bán chuyên nghiệp thì không có phương tiện để mà lo tới.

Nhận xét tổng quát, chúng ta thấy hiện nay ngành xuất bản có ba khó khăn chính: kiểm duyệt, ấn loát và phát hành.

a) VỀ KIỂM DUYỆT – Có nhiều tác phẩm đã được đăng báo nhưng lại không xin được phép ấn hành thành sách, hoặc chỉ được phép ấn hành với nhiều bổ bỏ trên bản đã in. Thêm vào đó, kiểm duyệt dựa trên một số tiêu chuẩn (có tiêu chuẩn không nhỉ?) không lấy gì làm minh bạch lắm, mà người phụ trách có quyền “diễn dịch” đôi khi tùy hứng, đôi khi lại tùy theo trình độ hiểu biết – thường là không được sâu

rộng chi lắm.

Sự kiểm duyệt, qua nhiều năm tháng, coi bộ hà khắc, nên chi, hôm mới đây, một trăm người làm văn học nghệ thuật đã ký tên vào một bản kiến nghị yêu cầu nhà nước bãi bỏ việc kiểm duyệt các ấn loát phẩm cũng như đã bãi bỏ kiểm duyệt cho báo chí.

Lúc chúng tôi viết bài này thì chưa có phản ứng của nhà nước đối với bản kiến nghị đã được phổ biến, song nghe đồn thì ngày gần đây, bộ sở quan sẽ lên tiếng về vấn đề này.

Riêng chúng tôi thì ước mong nhà nước sẽ giải quyết vấn đề một cách thỏa đáng. Vì ngày nào còn chế độ kiểm duyệt, thì ngày đó, kiểm duyệt vẫn còn là trở ngại chính cho những người làm văn học nghệ thuật trong một quốc gia mà tự do luôn được đề cao như một lợi khí tinh thần, một vũ khí sắc bén giúp chúng ta chống lại độc tài chuyên chế.

b) VỀ ÁN LOÁT – Có tận mắt trông thấy những tay thợ xếp chữ mới lớn chừng 12, 13 tuổi, học chưa hết ban tiểu học, đứng nhón gót chưa cao bằng cái học chữ, thì ta mới được hiểu những khó khăn của ngành xuất bản. Việc xếp chữ không những đã chậm chạp mà lại còn quá ư bê bối, khiến cho việc sửa ấn cảo đã trở thành một cực hình đối với các chuyên viên sửa bài (thường gọi là thầy cò), một sự điên đầu đối với các tác giả, nhất là những tác giả có tuồng chữ viết khó đọc. Đã hơn một lần, hơn một tác giả, than phiền là khi đọc bản văn đã in, tác giả không thể đoán hiểu nổi mình đã viết những gì trên bản thảo! Sau nhà chữ, đến nhà máy. Những tay thợ chạy máy chưa có thể căn cước, cùng những cô gấp may hỉ mũi chưa sạch đã từng gửi tới độc giả nhiều cuốn sách méo mó, số trang đóng lộn

đóng thiếu v.v...

Cũng như những ngành khác, có thể nói là hơn nhiều ngành khác, ngành ấn loát hiện đang chịu đựng ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh, dù nó hoạt động cách an toàn nơi hậu phương yên ổn. Ấy vậy mà, như trên đã nói, hầu như không ngày nào chúng ta lại không thấy sách mới xuất hiện trên các kệ sách. Bao nhiêu khó khăn đã được khắc phục. Nếu có một lúc nào đó, có một ai đó, thiết lập một con số thống kê nào đó để nêu lên một thành tích nào đó, xin đừng quên sự hoạt động âm thầm nhẫn nại của những anh chị em tạm gọi chung là những công nhân văn hóa...

c) VỀ PHÁT HÀNH – Có thể nói đây là khó khăn lớn nhất, phức tạp và khó khắc phục nhất của sinh hoạt văn hóa, nói chung.

Trước hết, vì tổ chức chưa được hoàn bị, thêm vào đó các phương tiện giao thông nhiều khi cách trở, nên các sách chỉ được phát hành tới tỉnh lỵ chứ chưa phổ biến được tới quận lỵ.

Thứ nữa, các tổ chức phát hành hiện nay hầu như không (hay chưa) ý thức được phân trách nhiệm (tinh thần) trong công cuộc đấu tranh văn hóa, mà hầu như chỉ chú trọng tới khía cạnh thương mại.

Căn cứ vào số hoa hồng 40, 50 và nhiều khi tới 60 % mà các nhà phát hành dành lấy cho phần mình, thiết tưởng các nhà phát hành chưa hề “tiếp tay” với các nhà xuất bản, nói chi đến sự “tương thân tương trợ”.

Thật là thuận nhĩ nếu có người bắt bẻ: nếu nhà xuất bản không in sách thì nhà phát hành sẽ phát hành cái gì? Thế nhưng, nghịch lý thay, bao nhiêu phần thua thiệt, anh chàng xuất bản lãnh cả, còn anh trung gian phát hành, thì ngoài số hoa hồng do họ tự ấn định lấy, ngoài sự thanh toán tiền bán sách chậm trễ lây nhây, lại còn có cả, điều này, chẳng biết có ai tin lời tôi

chẳng, lại còn 2% số sách gửi bán (xin nhắc lại 2% tính trên tổng số sách gửi bán chứ không phải tính trên số sách bán được) gọi là để dọc đường biếu xén, vân vân...

Nói về thực trạng phát hành thì còn có tới một trăm lẻ một chuyện để mà kể. Phạm vi bài nói chuyện không cho phép đi sâu vào chi tiết.

Được biết những khó khăn vừa kể rồi, chúng ta sẽ gọi sự cố gắng hoạt động của các nhà xuất bản là gì? Từ “hy sinh” đem tặng họ có là quá đáng hay chẳng?

Trên đây, tôi đã sơ lược vạch ra hoàn cảnh hoạt động cùng là nhận định về phần hy sinh của những người làm văn hóa lúc này.

Câu chuyện đã dài, thời lượng hạn định sắp hết. Tôi xin dành ít phút còn lại, thử đưa ra một vài đề nghị, thử tìm một lối thoát cho ngành xuất bản, gọi là thay lời kết luận.

Trước hết, về vấn đề kiểm duyệt, chúng tôi ước mong cơ quan hữu trách sẽ nghiên cứu nguyện vọng chung của những người làm văn hóa để đề ra một biện pháp nào đó. Bãi bỏ kiểm duyệt là một điều mà văn giới đang mong chờ. Nếu vì những lý do bất khả kháng (hiểu theo quan niệm của chính quyền, hẩn thê) mà chưa bãi bỏ được kiểm duyệt lúc này, thì cũng nên tìm một biện pháp hữu hiệu nào đó nói rộng sự kiểm duyệt. Nếu không, sinh hoạt văn học nghệ thuật của chúng ta sẽ lần mòn mất hết tự do, héo hon dần vì thiếu sinh khí, sẽ trật nhịp điệu mà trở nên nghèo nàn, tù túng...

Về phía chính quyền, mấy năm gần đây, chính quyền đã thấy lưu tâm tới vấn đề văn hóa, đã thành lập cơ

quan này cơ quan nọ, dự thảo kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, tổ chức nhiều giải thưởng văn nghệ nữa, nhưng cho tới nay, cũng chưa thấy thực hiện được chút gì cụ thể gọi là chăm lo trực tiếp đến sinh hoạt văn hóa.

Ý chúng tôi thì mong muốn chính quyền giúp cho những việc nhỏ nhỏ nhưng mà gần gũi, thân thiết. Như dễ dãi trong việc kiểm duyệt, như trợ cấp bông mua giấy báo cho các tạp chí văn học, cấp phát bông mua giấy in sách theo giá chính thức cho các nhà xuất bản, lập quỹ tín dụng văn hóa giúp cho các nhà xuất bản có thêm vốn để hoạt động đều hòa.

Điều quan trọng hơn cả, chúng tôi mong và tin là chánh quyền có đủ phương tiện để tổ chức và điều hành một cơ sở phát hành. Cơ sở phát hành này sẽ được đặt trong một hệ thống có sẵn của guồng máy hành chánh, chẳng hạn như bưu điện hoặc thông tin. Nếu làm được như vậy, trước hết chúng ta sẽ có ngay một cái lợi vô cùng lớn lao, không những chỉ giúp ích cho sinh hoạt văn hóa mà còn đóng góp nỗ lực vào cuộc đấu tranh văn hóa, đấu tranh tư tưởng – cuộc chiến đấu vô cùng khẩn thiết bây giờ và cả mai sau nữa, khi hòa bình đã trở lại.

Nếu tổ chức được (mà chắc là được vì đâu có quá khó khăn, khi dễ hội đủ các yếu tố cần và đủ) thì nơi nào có bưu trạm, có phòng thông tin, là nơi đó có sách báo cho dân chúng mua xem. Nhân viên phụ trách từ cấp tỉnh lý, quận lý và thôn xã đều là những công chức, những cán bộ cấp dưới, ít lượng. Nay, ngoài phân công vụ thông thường, nhân viên đó đảm trách thêm việc bán sách báo, thuê được một số huê hồng, cũng là một khoản giúp đỡ gia đình, ngoài khoản lương ba cọc ba đồng. Những viên chức ngay thẳng cần mẫn, cộng

thêm ý thức về tinh thần trách nhiệm, chắc chắn sẽ là những “tiểu đại-lý” yêu nghề, sòng phẳng của một hệ thống phát hành quy mô, ngăn nắp, có một hiệu năng mà khó ai có thể lường trước được.

Thời tiền chiến, ý tôi muốn nói trước 1945, cơ sở xuất bản Đời Nay của Tự-Lực Văn-đoàn có chủ trương một loại Sách Lá Mạ, tôn chỉ: “nơi nào có lá mạ, nơi đó có sách”. Theo lời những người trong cuộc thì tủ sách Lá Mạ, hơn hai mươi năm trước, đã thu hoạch được nhiều thành quả đáng kể. Chẳng lẽ hơn hai mươi năm sau, cả một hệ thống công quyền rộng lớn lại không làm được công việc mà một tổ chức tư nhân đã làm được, tuy phương tiện hoạt động trước đây đã eo hẹp vô cùng.

Chúng tôi cũng biết là hiện nay chính quyền còn đang bận lo những vấn đề trọng đại như vấn đề Chiến tranh và Hòa-bình chẳng hạn. Bên cạnh vấn đề thiên nan vạn nan loại đó, văn hóa, dầu sao đi nữa, cũng bị xếp xuống hàng “thứ yếu”. Tuy nhiên, trong cuộc chiến rùng rã đã nhiều năm qua, không phải chỉ những người cầm súng mới là hy sinh. Bên cạnh các tay súng đã từng có những tay bút; những chiến sĩ văn hóa đó, âm thầm kiên nhẫn, họ đã đóng góp phần hy sinh không nhỏ. Trong tương lai, họ sẽ còn phải đóng góp nhiều hy sinh hơn thế nữa. Vì họ còn phải tiếp tục chiến đấu ngay khi và cả sau khi tiếng súng đã ngưng nổ.

Một sự chuẩn bị chu đáo, ngay từ bây giờ, thiết tưởng là điều cần thiết. Chúng tôi nhắc lại hai chữ “chu đáo”. Vì ngay từ bây giờ, rất có thể đã có một cơ quan nào đó, soạn thảo sẵn một chính sách văn hóa nào đó rồi. Nhưng như thực tế đã chứng minh, nhiều chính sách khi đem ra ứng dụng, chỉ có những điểm đại cương, thiếu phần nghiên cứu sâu rộng về chi tiết, nên chỉ khi đem ra ứng dụng cấp thừa hành lúng túng (vì thiếu

chuẩn bị) đã bôi bác “sao cho thượng cấp khỏi rầy”. Cách đây không bao lâu, những thành quả chỉ có trên những tờ trình đã tác hại thế nào, hấn quý vị hữu trách còn nhớ.

Đưa ra một vài ý kiến thô thiển và bộc trực, chúng tôi không dám nuôi tham vọng vạch ra một chính sách. Điều đó quả to lớn, vượt quá tầm hiểu biết cũng như khả năng của chúng tôi.

Qua câu chuyện lặt lẻo này, chúng tôi chỉ mong muốn nói lên được đôi ba điều mà những người làm văn hóa khác, khiêm tốn hơn, hoặc tự trọng hơn, đã không lên tiếng trước tôi.

Nghĩ như vậy, lời sau cùng, tôi không thể không gởi tới quý thính giả đã bỏ công theo dõi bài nói chuyện này, một lời cảm ơn chung, rất chân thành.

Xin kính chào quý vị.

TRẦN PHONG-GIAO

(*) Bài nói chuyện trên « Diễn-Đàn Tự-do », đài bá âm Sài Gòn.

TRẦN PHONG GIAO

Một Tiếng Thở Dài

Sáng thứ tư vừa qua, bên ngôi huyệt chưa phủ kín đất của ông già họ Nguyễn, anh bạn Nguyễn Xuân Hoàng có ngỏ lời hỏi tôi lấy ít trang cho tập Văn đặc biệt tưởng niệm ông chủ báo. Anh Hoàng nói: “Tám năm gần gũi, dù sao cũng có nhiều điều để nhắc nhớ tới người đã khuất” (...)

Tám năm cùng đi một đường, thật ra không thiếu gì chuyện để thương, để nhớ, nhưng sao tôi ngần ngại quá. Tôi đã định trích ít trang trong thiên “Tự Truyện Viết Sớm”, nhưng đọc lại, thấy không ổn. Từ chối thì quả là không tiện. Tôi đành moi trí nhớ ghi lại vài chuyện cũ, những chuyện mà tôi nghĩ là ít ai biết. Viết về người đã khuất, tuy dễ mà khó. Khó vì phải nhắc tới *tôi*, cái tôi khả ố. Chỉ còn biết cầu mong bạn đọc rộng lòng thứ lỗi. Vì những dòng sau đây được viết bằng nét chữ tâm thành.

Về nghề in thì thật ra ông Vượng không được giỏi. Tuy yêu nghề này từ hồi còn nhỏ, nhưng ông chỉ mới nhập nghề từ sau ngày xuất ngũ, hồi hưu.

Ông có duyên may gặp được nhiều bạn tốt, rành nghề. Lại thêm một ê-kíp thợ giỏi, nhiều tuổi nghề, trước làm việc tại các nhà in lớn ngoài Bắc, trong Nam. Nhờ đó, các ấn loát phẩm do nhà in mang tên ông thực hiện vượt hẳn các nhà in (cỡ nhỏ) tại Sài Gòn và khiến cho văn giới biết tới ông. Vì yêu nghề, ông không ngại tốn kém trong việc trang bị dụng cụ. Trong

lúc phần lớn các nhà in chạy chì thì ông chạy chữ. Lại sắp nhiều kiểu chữ và hàng năm thường thay chữ mới một lần. So với các nhà in khác, giá in của ông cao hơn. Do đó, biết ông thì nhiều, nhưng trở thành khách hàng của ông thì không có mấy người. Trong số khách hàng ít ỏi này, sau tôi được biết, phần lớn lại trở thành con nợ của ông. Có lẽ cũng vì thế mà nhà in của ông đã không phát triển được mạnh, tuy nổi tiếng...

Sự thành công (về mặt tài chánh) trong mấy năm đầu của tờ Văn đã gây cho ông Vượng một niềm tự tin. Từ tự tin đến chủ quan dường như chỉ có một bước nhỏ. Ông Vượng đã đi cái bước đó, nên có lần đã phải trả giá kinh nghiệm khá đắt.

Tôi còn nhớ một năm làm báo Xuân, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, tòa soạn đề nghị in 15.000 số. Năm trước đó, báo Xuân đã phát hành hết mà các tay cổ động còn đến hỏi mua hoài. Có thể vì tiếc mà cũng có thể vì chủ quan (nhiều hơn) ông Vượng quyết định cho in 18.000 số. Kết quả, báo bán ra chỉ được khoảng 15.000 số. Ba ngàn số còn lại chất đống đầy nhà, sau đem xé bìa bán làm giấy gói hàng, cân kí-lô. Việc trên làm nổi bật một cái nét khác của ông Vượng. Khi ông đã chủ tâm làm điều gì rồi thì có ai can gián ông cũng không nghe, dù cho có là anh em hay vợ con thân thiết cũng vậy.

Tôi chắc là trong số Văn này, nhiều vị sẽ lên tiếng khen ngợi sự trả tiền tác quyền sòng phẳng của ông Vượng. Theo tôi được biết, ông Vượng không những chỉ sòng phẳng với các tác giả mà ông còn sòng phẳng với cả Sở Thuế nữa! Lúc nào ông cũng chỉ lo tiền đóng thuế cho đủ và cho đúng hạn. Gặp lúc kẹt tiền, ông đem bán stock giấy, hốt hụi và còn đi vay mượn nữa,

để chạy cho đủ tiền đóng thuế. Thế giới bên kia chắc là không cần chứng chỉ không thiếu thuế, nhưng nếu có cần, tôi tin chắc là cho tới lúc qua đời, ông Vượng cũng không thiếu của cõi trần gian này đồng nhỏ tiền thuế nào.

Nhân nhắc tới vay mượn, tôi lại nhớ đến những lúc tôi đèo ông ngồi đằng sau xe Mô-bi-lét đi chạy tiền. Thoạt đầu, còn đi đòi nợ, nhưng rồi nợ đòi không được, đành đi vay mượn. Có dịp cuối năm nợ, thiếu tiền trả lương thợ, tôi đưa ông tới gõ cửa nhà thơ lão thành miền Nam là cụ Huỳnh Thiên Kim. Lúc trả tiền, ông Vượng cẩn thận đưa thêm khoản tiền lời. Cụ Kim không nhận. Sau, chúng tôi vô Chợ Lớn, kiếm mua gói trà ngon đem biếu thi cụ Kim nhận rất vui, lại mời ông Vượng và tôi đi nhậu. Giờ đây, nơi Non Bồng Nước Nhược, hai cụ có gặp nhau, chắc sẽ nhắc lại câu chuyện năm xưa, và hẳn sẽ không tránh khỏi ngậm ngùi cho thằng em nghèo kiệt còn đang lặn lội chạy gạo trên cõi nhân sinh đầy hệ lụy!

Những chuyến chạy tiền trong mấy năm đầu, khi tài chánh còn chưa vững, thường xảy ra luôn: chạy tiền để mua giấy, tiền công thợ, và đôi lúc phải chạy tiền bài khi báo sắp phát hành. Một trong những thỏa-hiệp-ngầm khi tôi nhận cộng tác với ông Vượng là khi có báo biếu phải có kèm nhuận bút. Nhuận bút nhiều hay ít không thành vấn đề, nhưng điều cần là phải trả sớm và cách trả làm sao cho được đẹp. Chính vì nghĩ vậy mà nhiều lúc anh em đã phải đôn đáo chạy tiền. (Sự cực nhọc này dường như chỉ chấm dứt sau ngày ông Vượng được một ông giám đốc ngân hàng rất ư nghệ sĩ là ông Nguyễn Chánh Lý cho vay tiền của Việt Nam Thương Tín).

Vắt và đẩy, nhưng mà vui. Nghĩ lại thì không gì vui hơn khi đã chạy đủ số tiền cần dùng, anh em dẫn nhau đi ăn cơm Tây. Xin đừng nghĩ tới những nhà hàng sang trọng. Cơm Tây ở đây là cơm Tây bình dân. Ít tiền thì năm chục đồng một bữa ba món ngoài lề đường Lê Lợi, trước cửa nhà hàng Kim Hoa (sau này được gán thêm hai chữ Bà-bà, rút trong truyện kiếm hiệp, lại trở thành nhà hàng có gắn máy lạnh); nhiều tiền thì kéo nhau tới quán Pháp-Việt Thân-hữu (bây giờ là trụ sở Hội Bút Việt) cũng ba món, nhưng khẩu phần phải trả 100 đồng.

Lúc đó ông Vượng còn mạnh, ông ăn khỏe hơn tôi. Có sở thích mở đầu bữa ăn bằng consommé (nóng hoặc lạnh). Tôi có khen soupe đuôi bò ngon, ông cũng kê; có tám tắc crème de volaille tuyệt, ông cũng thầy. Consommé, lúc nào cũng consommé, và lúc nào cũng gọi bồi cho thêm một miếng chanh... phụ trội.

Đáng tiếc là kể từ năm thứ ba, khi tài chánh đã vững, khi trong túi tương đối đã rủng rỉnh xu hào, thì ông lâm bệnh, không còn dẫn nhau đi ăn được nữa. Thịnh thoàng, ông cũng đi ăn với anh em, nhưng chỉ là đi góp mặt cho vui vậy thôi, vì ông phải ăn theo régime, kiêng cử đủ thứ và ông cũng ăn yếu hẳn đi.

Chuyện đau ốm của ông Vượng, trong làng văn có ai mà chẳng biết: Ông vô ra nhà thương như đi chợ. Nhưng ít ai biết được nỗi khó khăn khi xin cho ông được nhận vô nằm Nhà Thương Đồn Đất (Grall) lần đầu.

Hồi đó, ngoài giấy giới thiệu của một y sĩ người Pháp, anh em chúng tôi còn có hai thư “gởi gắm” của Bác sĩ Nguyễn Văn Ái (Tổng Giám đốc các

Viện Pasteur) và Bác sĩ Hoàng Văn Đức (nguyên Giám đốc Trường Quân Y). Vậy mà vẫn không xin được. Lý do dung dị là nhà thương hết chỗ. Phải đợi. Thấy ông Vượng mệt quá, tôi bèn dùng “mẹo vặt”: mặc lễ phục, trên ngực ghim huân chương cao quý nhất của nước Đại Pháp, trong túi nhét đầy thư từ hình ảnh của các bạn người Pháp cũ, tôi xin vào gặp ông Tướng quản đốc bệnh viện. Kết quả: Ông Vượng được nhận vào ngay, lại được nằm trong căn phòng biệt lập (có tên là Salle Pigeonnier) với tiện nghi thừa thãi, vốn dành riêng cho bệnh nhân cấp Tướng lãnh và viên chức cấp cao trong chánh quyền.

Ít tháng sau, ông Vượng chưa muốn về nhà mà y sĩ điều trị cứ nhắc ông nên về. Tôi lại đánh vật với chữ nghĩa, viết một lá thư gửi viên y sĩ. Thư này sau được anh Nguyễn Mạnh Côn sửa lại từ đầu tới cuối và anh viết khéo đến nỗi y sĩ nọ thuận để ông Vượng muốn nằm lại đến bao giờ tùy ý. Có một bữa vào thăm ông, tôi gặp viên y sĩ ngoài hành lang. Ông ta mời tôi vô phòng khách và cho tôi biết đại ý là ông đã làm hết sức ông rồi, bây giờ chỉ chờ một phép lạ, “một phát minh khoa học mới nào đó, một thứ thuốc mới nào đó, tại sao không?”

Nằm mãi trong nhà thương cũng buồn, gần Tết ông đòi về nhà. Không bao lâu sau, ông Vượng phải nhập viện trở lại. Lần này, gặp tôi viên y sĩ không nói tới phép lạ nữa mà ngần ngại và kín đáo ngỏ ý tôi khuyên ông Vượng nên “thu xếp các việc riêng”. Tôi không dám tiết lộ điều đó với ông Vượng vì sợ người bệnh mất tinh thần.

Ít năm sau, Bác sĩ Nguyễn Tuấn Anh chạy chữa cho ông cũng dặn Duyên Anh và tôi một điều tương tự. Không biết Duyên Anh có cho ông Vượng biết không chớ riêng tôi thì, thú thật, tôi không đủ can

đảm hé môi về điều y sĩ dặn. Tôi vốn tin ở số mệnh, và nghĩ ông Vượng đã tới tuổi “tri thiên mệnh” rồi nên không nói cũng không sao. Điều cần là ông có đủ can đảm phấn đấu với bệnh tật. Và lại, như các cụ thường nói, “còn nước còn tát”, tôi đề nghị ông nên tìm chữa các thầy thuốc khác, các môn thuốc khác. Từ đó, hễ có ai mách nơi nào có thầy thuốc hay, ông đều tìm tới. Thuốc bắc, thuốc nam, thuốc tây... thôi thì đủ món, đủ thứ.

Ông Vượng cứ ốm đau như thế, liên miên trong nhiều năm tháng. Ông hồi hưu như một sĩ quan cấp úy, lúc đau ốm lại được đãi ngộ như một Tướng lĩnh. Nhắc lại chuyện đó, mới cách đây không lâu mà tưởng chừng như đang kể một thiên “cổ sự”.

“Cổ sự” thì có rất nhiều. Có thiên đã được nhà văn Lê Tất Điều ghi lại trong một đặc san, xuất bản cách đây dăm năm; có thiên đã được nhà văn Vũ Bằng chép lại trong “Nhà Văn Lắm Chuyện”. Tôi viết ra, chắc còn nhiều. Nhưng số trang hạn hẹp, tôi đâu dám viết dài.

Lần chót tôi đến thăm ông dường như trước Tết chừng một tháng. Hỏi thăm về sự ăn uống của tôi, ông nhắc lại chuyện com Tây ba món năm xưa và không giấu nổi một tiếng thở dài.

Sáng thứ tư vừa qua, khi đứng bên ngói huyệt lạnh, nâng trong tay cái ki đất để anh em bằng hữu vốc ném xuống nắp ván thiên, tôi mừng tượng như thoáng nghe đâu đó một tiếng thở dài.

Mấy năm trước, cũng trong nghĩa trang này, tiễn đưa Đình Hùng, tôi đã khóc. Vĩnh biệt ông Vượng, tôi muốn khóc mà không sao khóc được. Khi ra về, dọc lối đi ra cổng, quay lại tôi thấy bà Vượng đang xé từng bó hoa hồng, - loại hoa ông Vượng ưa thích hơn

cả - ném xuống lòng đất, tôi thấy xốn xang trong lòng. Chỉ mong lúc đó lệ tràn trên mi mắt để tôi quay lại. Nhưng không. Trời nắng. Tôi đổ mồ hôi. Và đi tiếp những bước âm thầm. Ra cổng, gặp ông bà Vũ Hoàng Chương, tôi chào hỏi, cách bình thường.

Đêm đó, tôi mất ngủ. Tôi suy nghĩ nhiều, nhưng thú thật tôi không hiểu nổi tôi, không hiểu vì sao tôi đã không khóc được...

Thay thế cho dòng lệ lẽ ra phải có, mấy trang viết vội này mong được là một tiếng thở dài. Tiếng ngậm ngùi nhỏ nhẹ dễ tan trong hương khói, dễ chìm sâu trong cát bụi thời gian...

T.P.G.

(05-4-1974)

Một mình như cánh lá

(truyện của Trần Phong Giao)

Tình bực bội nhấn mạnh ngón tay trên núm nhựa. Đầu đó, xa tắp, dường như từ phía cuối căn nhà dài bất tận này, có tiếng chuông rung yếu ớt. Không biết người trong nhà đã đi vắng hết, đang ngủ say hoặc đều đã điếc cả nên không có ai ra mở cửa.

Bữa nay thật là một ngày xui xẻo. Chuyến bay khởi hành từ sáng sớm, bay được nửa đường lại quay lại vì máy móc trục trặc sao đó. Gần trưa cất cánh, gặp thời tiết xấu hành khách bị hất lên nhồi xuống đến lộn cả ruột gan, gần tới Sài Gòn bay vòng mãi rồi mới đáp xuống. Chuyến xe ca, gặp giờ tan sở, bị kẹt hàng giờ từ phi trường chưa về tới trạm. Dọc đường, Tình đã, xác hành trang gọn trong tay, nhảy đại xuống một ngã tư, lội bộ cả mấy cây số để tìm tới đây, một con hẻm khuất. Chàng không mong gì hơn là được tắm mát, thay quần áo rồi nằm nghỉ một lát cho lại sức. Vậy mà, dưới trời nắng lóa, Tình đứng gọi chuông để chuông đến mười phút, cánh cửa vẫn đóng im lìm.

Mất kiên nhẫn, Tình định bỏ đi tìm một quán trọ, đợi chiều tối, tỉnh táo rồi sẽ trở lại đây. Chàng cúi lượm xác hành trang, vừa quay người lại thì bất chợt cánh cổng hàng rào cây phía trước được đẩy sang bên và một thiếu nữ chạy ủa vào.

Một tiếng reo mừng như chọt ngưng lại trên cặp môi, vẻ ngượng ngùng thoáng hiện trên mắt trên tai, người thiếu nữ đứng khựng lại, ngỡ ngàng nhìn khách lạ. Tình mỉm cười:

- Cô Tuyết?

- Dạ.

- Tôi là Tình, bạn thân của Trác. Tôi được nghỉ phép, ghé thăm cụ và cô.

Tuyết lúng túng: “Xin lỗi ông...”, khép nép tới bên cửa, lấy chìa khóa trong sắc tay, mở cửa và nép mình, tay phác một cử chỉ lịch thiệp.

- Xin mời ông vào chơi. Nãy giờ chắc để ông đợi đã lâu, thật không phải.

- Cụ không có nhà sao cô Tuyết?

- Thưa cô, để tôi có nhà, nhưng giờ này để tôi nghỉ trưa. Vả lại, để tôi nặng tai, ít khi nghe tiếng chuông gọi cửa. Nhà cũng ít khi có khách tới nữa.

Tuyết mỉm cười, đẩy cửa bước sang buồng bên. lát sau, khi Tình đang đảo mắt nhìn quanh căn phòng khách bày biện sơ sài nhưng gọn gàng, thanh nhã. Tuyết bước ra với một ly nước lạnh. Nàng đặt một ly xuống mặt bàn mây thấp.

- Mời ông ngồi chơi.

Tình gieo mình xuống chiếc ghế bành gần nhất, móc thuốc đặt lên môi.

- Cô cho phép?

- Xin ông cứ tự nhiên.

Tuyết bước lại bên tủ, lấy một cái gạt tàn thuốc đem đến đặt bên ly nước. Tình châm thuốc hút, thở mấy hơi khói dài khoan khoái rồi móc túi áo lấy ra một phong thư nhàu nát đưa cho Tuyết, miệng cố nhếch một nụ cười thân thiện.

- Thư của Trác.

Tuyết mừng rỡ đón lấy phong thư, khép nép ngồi xuống ghế. Tình phác một cử chỉ bằng quơ khi Tuyết ngược nhìn chàng. Tuyết mỉm cười, bóc thư ra đọc.

Tình đứng lên, bước tới cửa sổ. Bên kia khung cửa là khu vườn nhà hàng xóm, ngăn cách bằng một hàng giậu cây dâm bụt thấp, xen tía gọn gàng. Góc vườn, bên gốc cây nhãn có một bờ giếng. Gốc cây nhãn, bờ

giếng lát đá xanh, ngôi nhà mái ngói rêu phong, nơi quê cha đất tổ, nơi Tình đã sinh ra và lớn lên, những hình ảnh quen thuộc ấy dấy Tình trở về dĩ vãng xa xưa, chìm Tình vào một hồi tưởng miên man, dằng dặc. Tình gần như giật mình khi nghe tiếng hắng giọng sau lưng.

- Ông Tình... Đi đường xa, chắc mệt. Để mời ông vào phòng trong nghỉ ngơi.

- Như vậy có phiền cô không?

- Chắc chắn là không. Thưa anh Trác tin không về được và dặn mời ông ở lại đây hưởng chung với gia đình chúng tôi ít ngày nghỉ phép an lành. Là bạn thân của anh Trác, mong ông cứ coi như đây là gia đình ông và xin ông cứ tự nhiên.

- Cám ơn cô. Nếu quả không làm phiền cô thì xin cô cho tôi được tắm và ngủ một giấc ngắn thì tuyệt.

- Mời ông sang phòng anh Trác tôi.

- Xin lỗi cô Tuyết nhé, cửa sổ căn phòng đó có mở sang khu vườn nhà bên cạnh này không cô?

- Thưa, chỉ vậy?

- Không sao cả. Chẳng là từ nhỏ tôi say mê những khu vườn nho nhỏ có trồng nhãn và một bờ giếng nơi góc vườn.

- Ông sẽ được toại ý. Để mời ông theo tôi.

Tuyết cúi xuống định xách túi hành trang. Vừa lúc, Tình cũng cúi xuống. Hai bàn tay chạm nhẹ. Rất vô tình, nhưng cũng đủ cho Tình thoáng thấy trên gò má Tuyết một vùng hồng mới ửng.

*

Hai người đã đi ngang hết thửa vườn tới bên bờ giếng. Tình bẻ một cành cây nhỏ, quét trên thành giếng rồi phác một cử chỉ mời mọc. Tuyết ngồi xuống, nghiêng mình nhìn trong giếng, xuýt xoa:

- Trời, giếng sâu quá anh Tình nhỉ! Hồi trước, khi nhà chưa có nước máy, chúng tôi vẫn ăn chung với lối xóm

nước giếng này, nên hàng giậu mới có ngõ thông sang đây. Thế nhưng đây là lần đầu tôi tới giếng, nhà chả có chị Hai giúp việc...

Tình ngắt lời Tuyết:

- Tôi vẫn thích uống nước giếng hơn nước máy, nước múc dưới giếng lên là uống ngay, mặc dù biết là nước không được trong lành cho lắm. Một thói quen quê mùa đó, cô Tuyết.

- Anh mà quê...

- Thật mà. Tôi chỉ sợ trong ít ngày ở đây, vốn không quen với nền nếp nhô nhả thanh cảnh, tôi sẽ có nhiều điều thất thố với cụ, với cô.

- Khôi lo, anh chiêm được trọn vẹn cảm tình của *để* tôi rồi đấy. Anh thấy không, mấy hôm nay *để* tôi toàn uống trà ướp sồi của anh đem về cho.

- Tại Trác nó mách nước đó.

- Cụ bằng lòng hơn cả khi anh xin phép cụ được thắp hương trên bàn thờ...

- Lại một thói quen quê mùa khác mà cô.

Tình ngồi xuống bên Tuyết, móc thuốc ra châm hút. Tuyết chăm chú nhìn Tình

– *Khôi buồn bay lên mây...* Anh Tình à, anh kể Tuyết nghe ít chuyện về cuộc sống các anh trong rừng được không? Anh Trác lười viết thư lắm nên Tuyết không bao giờ hình dung được đời sống các anh. Cứ xem mãi cảnh lính dừng chân sau chuyến quân hành, ngồi ca hát trên màn ảnh nhỏ thì chán ngắt.

- Chán ngắt thật đấy cô. Thỉnh thoảng cũng có chuyện đỡ buồn chán, nhưng những chuyện đó thật chẳng đáng nên kể cho những “em gái hậu phương” nghe chút nào.

- Ghê gớm lắm hờ anh?

- Vây vậy, riết rồi quen đi. Chiến tranh mà.

- Thế trong những lúc không “vây vậy” như anh nói,

các anh có hay chuyện trò với nhau không. Thường các anh hay nói những chuyện gì?

- Chúng tôi ít tán dóc lắm, chỉ nói với nhau những điều thật cần, thật gọn. Đôi lúc, được ở nơi trú quân an toàn, chúng tôi cũng có lòng thông tâm sự chứ. Dù thứ chuyện, chuyện gia đình, bè bạn, chuyện tuổi thơ đã mất, những ước vọng mai này nếu còn sống sót... Nhưng hầu như không bao giờ chúng tôi nói chuyện đàn bà, gần như coi đó là điều kiêng kỵ.

- Anh làm Tuyết thất vọng rồi. Vì, anh Trác...

- Thật ra, tôi cũng chẳng sao hiểu nổi một người như anh Trác, tôi muốn nói một người đứng đắn, kín đáo, mực thước như Trác lại tình nguyện vào cái binh chủng hầu như chỉ dành cho những kẻ bốc đồng loại tôi. Tưởng về đây hỏi cô cho ra lẽ, đâu ngờ tôi lại là người bị thẩm vấn ngược lại. Trác kín tiếng với bạn bè thì còn hiểu được, nhưng kín tiếng với cả người thân trong gia đình thì lạ thật. Lạ và tệ nữa.

- Tệ thật đó anh, ngày anh Trác trình luận án xong, để em đã lo gửi gắm anh ở một chỗ an toàn. Thế mà anh ấy tình nguyện bỏ đi thật xa, chọn một ngành thật bất trắc, làm để em khóc hết nước mắt. Anh xem đó, bây giờ để em ăn chay trường và đêm ngày tụng kinh cầu nguyện cho đứa con trai duy nhất còn sót lại của dòng họ. Đã nhiều lần, Tuyết có ý nghĩ hay là anh Trác gặp một mối tình dang dở, đáng cay nào đó...

- Không đâu, Trác nó không có vẻ gì là đau khổ vì tình cả. Dường như, Trác muốn lao vào nguy hiểm để thử thách với chính mình, để tìm một thể quân binh nào đó cho ngoại giới và nội tâm. Có lần, Trác tâm sự đâu có muốn học thuốc, Trác đã học thuốc chỉ vì muốn làm vui lòng bà cụ đó thôi.

- Em không thể hiểu nổi.

- Cô cũng đừng tìm hiểu. Chiến tranh làm biến đổi con

người, nhất là mẫu người có đời sống nội tâm phong phú như Trác.

- Chiến tranh đối với các anh chỉ là một cái có.

- Nhiều hơn thế nữa, cô Tuyết. Hơn là một tai họa nữa, chiến tranh là một thực trạng mà, dù muốn dù không, chúng tôi phải tham dự.

- Các anh tiếc thương quá khứ và thù ghét tương lai.

- Nói chung chung thì vậy đó. Nhưng riêng với Trác thì không hẳn như vậy.

Tình thoáng nghe những tiếng nói sau cùng của mình chìm trong một tiếng thở dài. Chàng đốt một điều thuốc khác, điều thuốc cuối cùng còn lại, bóp nát cái bao giấy mạnh ra xa. Từ ngôi nhà phía trước có tiếng dương cầm vọng lại tiếng đàn ngưng, vụng của một nhạc sinh non nớt.

- Thế còn cô?

- Còn em, sao?

- Đi lính lâu, tôi thô lỗ quen rồi. Cô đừng giận nhé, tôi muốn hỏi về đời sống tình cảm của cô.

Im lặng.

- Cô đã yêu?

- Hồi nhỏ, hồi mới lên trung học, anh Trác có yêu một cô, một thứ tình yêu vụng dại của tuổi học trò mới lớn. Một bữa, anh Trác viết thư tỏ tình, lén ném vào nón cô bạn học. Cô này con nhà giàu, đồng danh, đem thư anh Trác lên trình ông đốc. Hồi âm anh Trác mong chờ là một trận đòn mà suốt đời chắc anh Trác không bao giờ quên được. Em nghĩ sự hung bạo đó đã ảnh hưởng sâu xa đến đời sống tình cảm của anh Trác sau này. Lớn lên, anh lạnh lùng, kín đáo nhiều mặc cảm. Em đã giới thiệu với anh biết bao nhiêu cô bạn mà rốt cuộc cô nào cũng le lưỡi chạy cả. Bản chất anh Trác là người hiền, tốt, mà cách cư xử lạnh nhạt của anh thật dễ ghét. Anh biết cô bạn học cũ của anh Trác không? Bây giờ cũng

là y sĩ rồi đó, có phòng mạch gần Bảo sanh viện lớn nhất đô thành, chồng con rồi, máy chém nổi tiếng đó... Thế còn anh?

- Tôi ấy à. Tôi thì cả đời chưa viết bức thư tình nào cả. Hay nói cho đúng hơn, bức thư tình đầu tiên – mà cũng là duy nhất nữa – được viết thắm lặng trong một cái chăn trải rộng.

- Một cái chăn?

- Đúng thế. Hồi đó, lâu rồi, tôi học năm cuối bậc trung học, ngoài hậu phương. Một chuyến về thăm nhà lúc đó tản cư ở Ý Yên, trở về trường, tôi phải đi dò dục. Cô có biết câu thơ tả thú đi dò dục ngoài bưng không?

- Thời đó em còn mặc quần thủng đất.

- Đi dò dục thường có nhiều cuộc gặp gỡ bất ngờ, kỳ thú lắm, nhất là với các chàng trai tiểu tư sản thành thị bạo dạn, hào hoa. *“Ai chia biên giới làm hai ngã, thu hẹp ân tình một cái chăn...”*. Ấy, mối tình đầu của tôi cũng thu hẹp trong một cái chăn, trên một chuyến dò dục ngược sông Đáy lên Yên Mô...

- Mối tình có một kết cuộc?

- Sớm hôm sau, chia tay, mỗi đứa đi mỗi ngã, chúng tôi có hẹn sẽ tìm gặp lại nhau. Nhưng rồi chiến tranh lan tràn, chúng tôi không còn dịp nào gặp nhau nữa.

- Và anh đã quên luôn?

- Không. Mối lớn, tôi cũng đa cảm, lãng mạn nữa chứ. Tôi cũng tha thiết với hình ảnh người đàn bà đầu tiên trong đời ấy, cũng ôm ấp mãi, tìm kiếm mãi.

- Mà không gặp?

- Gặp chứ. Tôi gặp lại trong một buổi tiếp tân huy hoàng xe ngựa mà người xưa là gia chủ. Lịch thiệp, đài các, như mọi mệnh phụ khác của cái xã hội trưởng giả này.

- Anh lấy thế làm đau?

- Không, chỉ hơi buồn thôi. Cái buồn có thể đem đốt,

đem chôn trong men rượu, khói thuốc và da thịt đàn bà. Thành thật, tôi chôn nó đã lâu, tối nay, tại cô khơi lại...

- Xin lỗi anh nhé...

- Cô khách sáo như một “em gái hậu phương” chính hiệu rồi đó.

Tuyết cười nho nhỏ. Tại căn phòng bà cụ, sáng ánh đèn mờ, vọng ra tiếng gõ mõ đều đặn, thỉnh thoảng chen lẫn tiếng chuông ngân nga, thanh thanh.

- Khuya rồi, ta về thôi anh.

- Cô vẫn chưa trả lời câu tôi hỏi.

Tuyết đứng lên, nhẹ nhàng phủi bụi bám trên quần, rồi giơ tay cho Tình nắm lấy. Tình kéo Tuyết đứng lên. Hai người đi bên nhau, im lặng, tiếng lá khô xào xạc dưới chân.

*

Ngoài trời mưa nhẹ hạt, những giọt mưa cuối mùa, tới trễ. Tình khuấy nhẹ cái muỗng nhỏ trong tách cà phê. Âm thanh ròn, vui và ấm cúng khiến chàng hứng thú. Tuyết ngồi trước mặt chàng, đang vắt chanh vào tách trà. Bàn tay Tuyết có những ngón thon nuột thật đẹp.

Cả hai ngồi nhìn nhau, cùng im lặng, như muốn níu giữ những phút giây êm đềm, quý báu.

Tiếng mõ đều đều lọt qua cửa phòng để ngỏ, tràn vào khuấy tan sự yên lặng. Tình như hốt hoảng:

- Sắp Tết rồi Tuyết nhỉ.

- Còn bốn bữa nữa.

- Tuyết được nghỉ lâu không?

- Hai tuần anh ạ. Năm nay được nghỉ nhiều quá. May mà có anh về chơi, chứ không nhà thui thủi có hai mẹ con buồn muốn khóc. Chị Hai thì cứ gần Tết là xin về dưới xứ.

- Đã lâu lắm tôi không được ăn Tết trong không khí ấm cúng gia đình.

- Để đã sửa soạn xong cho một cái tết đầy đủ hương vị quê hương.
- Để chăm lo cho người vắng mặt, không biết tôi nghĩ thế có sai không.
- Anh như đã được để nhận vào gia đình này.
- Để thương yêu Trác qua tôi.
- Anh lắm.
- Có thể là tôi lắm. Nhưng tôi hỏi thật nhé, Tuyết...
Tuyết chum môi, suy nhẹ, đặt một ngón tay lên môi.
Nàng đứng lên, cầm bình trà tới rót vào tách, bung lại cho Tinh rồi ngồi xuống bên chàng.
- Anh ở binh chủng này đã lâu chưa nhỉ?
- Ba bốn năm gì đó.
- Đủ lâu để xin chuyển đi nơi khác?
- Tuyết muốn tôi xin chuyển đi đâu bây giờ?
- Một nơi nào đó, xa rừng rú, một nơi nào đó đỡ phải thường xuyên chường mặt đối diện với quân thù, một nơi nào đó...
- Đủ yên ổn để chăm lo cho những người thân, phải thế không Tuyết?
- Tuyết cúi đầu lặng thinh. Tinh hơi hối hận vì đã quá sỗ sàng, nhưng một cơn giận dữ không đâu cứ bốc lên cuộn cuộn như những đợt sóng ngầm, dai dẳng.
- Tuyết đã biết tôi không nhiều tham vọng, tôi không chán đời, không cần tìm cảm giác mạnh, không cần tìm quên lãng. Tôi bình thường. Nhưng, khi buộc phải tham dự cuộc chiến, tôi muốn tham dự một cách thẳng thắn, nghiêm túc. Sau khi lựa chọn, tôi thích binh chủng này vì nơi đó tôi đã gặp những người trung thực, những người tôi sung sướng được có đủ tin cậy để kết làm bằng hữu, không phải chỉ trong thời gian tại ngũ mà còn mãi mãi sau này. Bây giờ phải có một cái gì ghê gớm lắm mới bắt được tôi xa nó. Cái gì ghê gớm đó, hẳn không là...

- Tuyết van anh.

- Tôi xin lỗi đã làm Tuyết buồn. Nhưng nếu cần phải nói dối để Tuyết được vui...

Tuyết đứng lên, lại ngồi trên chiếc ghế cũ, trước mặt Tình. Căn phòng chìm trong im lặng nặng nề. Thời gian được điểm bằng tiếng mõ đều đặn. Thấp thoáng, yếu ớt, qua khu vườn, tiếng dương cầm vọng lại tẻ nhạt.

Đã nhiều lần, Tình định cất tiếng nói lên một điều gì đó, một lời gì thật êm thật dịu, nhưng chàng không sao mở được miệng. Cổ họng chàng đắng ngắt. Chàng đốt hết điều thuốc này tới điều khác, hết nhìn Tuyết lại quay ngó mông ra ngoài khung cửa sổ. Chàng biết là sợi dây vô hình ngăn giữa hai người giờ đây đã trở thành một màn lưới dày mà chàng chỉ có thể vượt qua, xé bỏ, bằng chiếm đoạt, hung bạo. Điều đó chàng không thể làm, ít nhất cũng không thể làm với Tuyết, em Trác. Le lói trong Tình là một đốm lửa nhỏ, yếu, nhưng đủ soi cho Tình nhìn rõ nghĩa thiêng liêng của tình bạn. Những lời nói suông sẽ không đủ để xé bỏ màn lưới vô hình kia. Tình biết rõ và cam chịu bất lực, nín thính.

Đêm về khuya, tiếng mõ vừa dứt, Tuyết nhẹ nhàng đứng lên, thấp giọng gần như tiếng thì thầm:

- Khuya rồi, anh đi nghỉ. Chúc anh ngủ ngon.

Tình ngược nhìn Tuyết, đôi môi mấp máy nhưng không một lời nào thốt ra.

Ra tới ngưỡng cửa, Tuyết đứng lại giây lâu. Rồi nàng chậm chậm quay lại, đứng trước mặt Tình, chìa hai tay ra. Tình đứng lên nắm lấy bàn tay Tuyết. Chàng nhìn sâu vào mắt cô bạn bé nhỏ, bắt gặp trong hai đáy sâu đó biểu hiện một tha thứ, cảm thông. Tình mỉm cười, nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng nâng hai bàn tay Tuyết lên môi, hôn phớt trên những ngón tay nàng. Tình nắm hai

bàn tay Tuyết giây lâu, rồi thì thâm:
- Khuya rồi, chúc Tuyết mơ nhiều mộng đẹp.

*

Thân gửi Trác,

Tao đã lên Đà Lạt. Rất tiếc đã không ở lại ăn Tết với gia đình mày. Một phần vì tao không chịu nổi cái nhịp sống quay cuồng đến chóng mặt của Sài Gòn; phần khác, đúng như tao nghĩ, sự có mặt của tao làm cho đề và em mày buồn hơn là vui.

Không xoay nổi vé máy bay, tao đã đi xe đò. Thêm một cơ cho mày chửi tao. Cứ để dành những lời chửi rửa đó đi, ráng đợi ngày tao trở lại đơn vị. Mày chỉ có thể hiểu được, sau này, khi gặp lại tao. Chuyện tao bỏ lên đây không thể viết ra trong một lá thư, dù cho tao có viết hết tập giấy này. Bây giờ thì mày hãy cứ tạm bằng lòng với ý nghĩ là tao đã không thể không mò lên Đà Lạt, vì Đà Lạt là một mời gọi, một quyến rũ, nó vượt qua sức chống đỡ của tao.

Trời Đà Lạt không lạnh lắm. Hoa anh đào chưa nở (hay đã nở?), ban ngày không gió lạnh và chiều tối không sương mờ, làm cho thị trấn này như thiếu một cái gì thật quen thuộc và thật quyến rũ. Nhưng, cho dù thiếu những thứ đó thì mùa đông Đà Lạt có tịch vẫn hấp dẫn hơn cái nắng lửa của Sài Gòn nhộn nhịp. Mày đồng ý thế chứ?

Tao không trọ ở khách sạn quen cũ. Nó đã bị Mỹ hóa, ồn ào, nhộn nhúa. Người chủ tham lam đã bỏ cái terrasse để xây thêm mấy căn phòng, thành ra căn phòng C.1, – căn phòng mà đã bao lần nằm trong xó rừng già heo hút, tao đã từng mơ ước được cùng mày tới đó nghỉ ít ngày, – nay đã mất hẳn đi những nét thơ mộng đáng yêu ngày trước. Đêm nằm co ro trong chăn mà cứ trần trọc mãi vì “tứ diện thụ địch” nên tao đành bỏ đi.

Chỗ trọ hiện nay là một khách sạn nhỏ, tồi tàn, thiếu đủ mọi tiện nghi. Ngay cái bàn tao ngồi viết thư này cũng ọp ẹp, thê thảm dưới ngọn đèn trần trụi hắt thẳng từ trần nhà xuống. Tao không sao hiểu nổi tại sao thằng Nghiễm nó lại thích nổi cái xó này mà dặn dò tao tới đây. Mùa này, dân tứ xứ kéo nhau tới Đà Lạt hơi đông, kể cũng khó mà kiếm được một nơi nghỉ khác, nên tao đành bằng lòng với cái bằng lòng cũng đành...

Được cái bù lại là gần quán trọ có một quán ăn khá tốt, l'Eau Vive. Thoạt tiên, tao tưởng quán được đặt theo tên một phim mà chắc mà đã xem trước ngày đi lính. Nhưng khi đến nơi, nhìn cách trang trí, tao mới biết đó là “nước hằng sống” trong kinh thánh (Phúc âm thánh Gioan, IV, 7-26 và VII, 37-38. Ôi! Những bài học thuở nhỏ ở Saint Thomas d'Aquin, bộ mặt lâm li của ông sư huynh già nua, những roi đòn khắc nghiệt, tất cả như đã hằn sâu trong trí nhớ). Chủ quán là một bà bề trên, người Pháp, mà mọi người đều gọi là Mademoiselle. Thằng Tuấn cho biết bà là một giáo sư thạc sĩ, đã “khán trọn đời”. Điều này hơi làm khổ tao, vì đã từ lâu quá mình đâu có dùng tới tiếng Pháp, mà vốn liếng chữ nghĩa của bọn mình đã bị bom đạn giữa mòn rồi. Máy “cô” khác (Pháp, da đen, Việt) rất hiền hậu và khả ái. Họ tu trong một dòng thật đặc biệt. Họ mặc thường phục và chuyên mở các quán ăn, quán rượu có ca vũ (ôi, lạ Chúa tôi, biết bao nhiêu là cảm động!), họ tiếp xúc với đủ mọi hạng người nên làm “voeu perpétuel” đối với họ quả là một việc quá đổi khó khăn. Thức ăn ngon – không phải là cái ngon của cao lâu, tửu điểm, mà là cái ngon của bếp núc gia đình – nhạc cổ điển tuyệt, không khí ấm cúng và thanh thản lạ thường. Đối với một “voyageur solitaire” như tao, như để an ủi. Kể lữ hành cô độc, trong khung cảnh vừa kể,

đã quên được rất nhiều điều đáng quên, cần quên và tự cảm thấy tâm hồn mình lắng xuống, chùng xuống. Khuya qua, thấy đói bụng, tao mò xuống chợ tìm đến một quán ăn khuya. Gặp lại S., người tình của những ngày Quảng Yên xưa cũ. Nàng đi với con gái đã lớn, học Seconde ở Couvent des Oiseaux. Lúc ra về, S. vượt con tiến lên trước đến hỏi tao trọ ở đâu. Không hiểu tại sao, tao buột miệng nói dối, thật nhanh và thật gọn, anh ngủ trong trại. Trông theo mẹ con nàng kéo chậm cái bóng đổ dài trên triển dốc, tao thấy hơi nhẩn tâm, nhẩn tâm nhưng bình thản lạ lùng. Thứ “cocktail” tình cảm mà tao nghĩ là mây đã từng có khi tình nguyện gia nhập cái binh chủng khôn khổ mà quê hương không là nơi nào khác hơn những cánh rừng già biên giới. Gần sáng, khó ngủ, tao nhớ nhiều tới em gái mây. Trong mấy ngày ở lại nhà mây, tao đã tỏ ra ân cần, cần cố gắng ân cần như một người anh tốt. Kể ra lối cư xử đó đã làm tao khổ tâm không ít. Nhưng, không biết tao nghĩ có sai không, em gái mây cũng như mọi người đàn bà khác, nàng yêu linh nhưng lại ghét chiến tranh...

*

Tình bỏ dở bức thư, khoác vội tấm áo choàng và bỏ ra ngoài phòng. Cổng ngoài khách sạn đã khóa. Tình nhún mình nhảy băng qua giậu cây thấp ven bờ tường rào. Ra tới đường, Tình không biết mình đi đâu, làm gì.

Thần thờ, chậm chạp, chàng leo lên con dốc nhỏ, dừng lại trước ngọn đèn soi sáng tấm bảng gỗ trên kê hai chữ l'Eau Vive. Phía bên trong, lưng chừng dốc thoải xuống, căn nhà sàn chỉ còn le lói ánh đèn. Tình bất chợt nhớ ra bữa nay là thứ hai. Quán ăn đóng cửa ngày thứ hai. Tình cảm thấy cổ họng mình khô và đắng. Chàng thêm một ly rượu, uống từng hơi dài, chậm.

Tình bẻ cao cổ áo, đi nhanh xuống dốc. Tới cổng nhà trọ, Tình ngược nhìn trời cao. Trời trong, lấp lánh nhiều ánh sao khuya. Đêm hoàn toàn yên tĩnh. Xa xa, vu vơ vài tiếng chó sủa. Khóm cây bên cổng có một bông hoa vừa nở. Tình không biết tên loài hoa. Một làn hương thơm hắt bay lên khi chàng cúi xuống. Chàng ngắt bông hoa, đu mình nhảy qua hàng giậu cây vào trong sân.

Tình rón rén leo lên lầu, những bậc thang gỗ run rẩy dưới chân. Vào phòng chàng cắm bông hoa vào một ly nước lạnh, đặt lên mặt bàn ngủ đầu giường.

Tình uống cạn tách trà nóng, từng ngụm khoan thai, khoái trá. Chàng nằm nghiêng, nhìn bông hoa. Những cánh hoa như lung linh nhẩy múa. Và Tình bất chợt cảm thấy rung mình, khi từ cái máy thu thanh đặt bên ly nước, được bao quanh bằng làn ánh sáng màu vàng cam hắt qua làn kính cửa, rì rầm, rất dịu dàng, tựa như tiếng thì thào tâm sự, một trong những khúc tình ca đã từ nhiều năm thảng qua, nhẹ nhàng, tha thiết, thì thầm ru hàng ngàn mối tình tan tác “... Ngày đó có em ra khỏi đời rồi, tròng dương ơi có xót xa cũng hoài mà thôi...”

Lần đầu tiên, kể từ ngày nghỉ phép, Tình đi vào giấc ngủ thật nhẹ nhàng, lối đi lót đầy hoa hương, mật ngọt, và bên kia, đằng sau một tiếng thở dài hắt hiu nào đó, bỗng nhiên mở rộng cả một bầu trời êm ả, thần tiên, một bầu trời ngợp đầy mộng đẹp, những mộng đẹp của những thiên đường đã lỡ.

*Viết tặng Trang
(Đà Lạt, 12/69)*

(trích Văn số 146-147 số Xuân Canh Tuất 1970)

ĐÔI MẮT

TRẦN PHONG *

(Sáng Tạo số 27 tháng 12-1958)

* Trần Phong là một bút hiệu của Trần Phong Giao. LTS

“Tôi không nghĩ đến công danh và hạnh phúc khi theo đuổi hội họa. Đối với tôi, vẽ chỉ là một phương tiện để thoát ra khỏi tù ngục của cuộc sống.”

Vincent Van Gogh

QUANG bức tức nhìn bầu trời sầm đục. Trời mưa không lớn lắm song cũng đủ để Quang không thể vẽ nốt được bức họa bờ hồ Đà Lạt. Thật ra, Quang đã vẽ xong được một bức nhưng khi đặt bút ký tên dưới góc khung lụa, chàng lại thấy bất mãn vì chợt nhận thấy là hàng cây đứng ven hồ có phảng phất nhiều sắc thái của nhà danh họa Corot trong bức “*Souvenir de Mortefontaine*”. Quang không bao giờ chịu chấp nhận một tác phẩm không hoàn toàn là của chàng như vậy nên đã kiên nhẫn vẽ lại bức khác. Và lần này, khi vẽ tới hàng cây ven hồ thì trời đổ mưa như muốn ngăn Quang lại.

Quang lục lợi khắp căn phòng hy vọng sẽ tìm thấy một mẫu thuốc lá nhỏ. Đã hai ngày nay, Quang phải hút những mẫu thuốc còn sót lại và nằm co ro trong túp lều tranh siêu trống để chờ trời tạnh nắng. Chiều qua,

Quang nhin ăn. Sáng nay trời mưa lớn, Quang lại nhin ăn vì ngại dầm mưa và trèo mấy cái dốc cao để đi đến nhà một người bạn có lòng tốt cho chàng ăn nhờ. Sau giấc ngủ nặng nề, Quang thấy bụng đói cồn cào, hai mắt hoa lên. Quang là một họa sĩ nghèo, tác phẩm không bán được, không người trợ giúp nên thường phải nhin ăn. Đã nhiều lần Quang phải nhin đói lâu hơn nữa. Những ngày đó Quang thường cố vẽ để quên đói và sau khi làm việc quá mệt nhọc chàng ngủ vui và cơn đói cũng qua, song lần này trời mưa dai dẳng khiến chàng không thể nào cố vẽ để “đánh lừa bao tử” được. Quang cảm thấy mình như lả dần đi.

Thật ra đói với một nghệ sĩ nghèo thường có nhiều nỗi cơ cực đáng kể hơn là cái đói ăn thông thường của cơ thể. Những cơ cực ấy thường là một mùa đông sâu thâm phủ kín tâm linh. Trong cái băng giá đó, sự sống của tài năng và những tinh lực của mọi tác phẩm được sáng tạo dường như bị công lạnh, tê liệt; dường như bị giam hãm vĩnh viễn trong một mùa chết chóc mà không biết đến bao giờ mới có được một mùa xuân tươi sáng tới giải thoát.

Chiều nay, Quang buồn lắm. Nỗi cơ cực của nội tâm quẩn chặt lấy tâm hồn chàng như tấm vải liệm. Chẳng phải Quang buồn vì tác phẩm của chàng không được hoan nghênh (bởi vì trước chàng đã bao nhiêu họa sư danh tiếng, những tài năng siêu việt cũng từng chịu chung cảnh ngộ như chàng) song thật ra Quang buồn vì chàng đã không thể diễn tả được bằng màu sắc tất cả những gì mà chàng cảm thấy trong tâm hồn và muốn gửi lên đầu bút. Quang đã vẽ đủ loại: chân dung, phong cảnh, tĩnh vật nhưng mỗi khi tác phẩm được hoàn thành chàng đều thấy bất mãn vì kết quả còn cách xa với những điều mà chàng muốn diễn tả. Quang biết

rằng người nghệ sĩ nào cũng trải qua một thời kỳ như thế. Quang đã say sưa học hỏi, làm việc, đã cố gắng chịu đựng thật nhiều, hy sinh tất cả, song càng ngày chàng càng cảm thấy lòng can đảm lúc ban đầu suy giảm dần đi.

Quang ngược nhìn chiếc giá vẽ dựng ở góc nhà lòng trống rỗng mênh mang. Mấy giọt nước mưa lọt qua khe liếp hắt vào mặt Quang mơn man, lạnh lạnh làm chàng chợt nhớ tới mấy câu thơ không rõ tác giả mà mình còn nhớ lờ mờ:

*Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn
Nghe đi rồi rạc trong hồn...*

Quang đề hai bàn tay lên ngực vì chàng vừa thấy đau nhói. Hơi thở như cồn lên và hai mắt mờ đi. Quang cố nhếch mép cười chua chát, chàng vừa liên tưởng tới những bước đi không rời rạc của một bầy vi trùng nào đó đang nô giỡn trong ngực chàng.

Lát sau hơi thở trở lại đều đặn, Quang mệt nhọc lục túi moi ra một xấp mấy lá thư mà chàng vừa nhận được chiều qua do một người bạn ở Sài Gòn chuyển theo.

Lá thư đầu là thư của một bà chị viết đã từ lâu trong đó bà khuyên chàng “*nên chấm dứt với mọi trò trẻ để trở về nhà tìm lấy một việc làm ăn cho đúng đắn*”. Áp lá thư vào ngực, Quang nằm suy nghĩ về lời khuyên đã được nhắc đi lặp lại nhiều lần của người chị mà chàng hết lòng kính mến. Những lần trước Quang thường khó chịu nhét vội thư vào túi và cố quên đi nhưng lần này chàng lại chịu khó đọc rất kỹ rồi nằm im suy nghĩ. Chàng thấy chị mình dường như có lý. Quang cố gắng mãi để rồi có hơn gì những người anh đi trước: Seurat

chết bởi vi trùng Koch; Gauguin chết sau khi đã làm phu khuân vác và đi hành khất; Rousseau chết trong một ổ chuột ở gần ngục Bastille; Van Gogh tự sát dưới ánh nắng vàng đẹp như màu hoa hướng dương (tournesol) trong họa phẩm của Người... và bao nhiêu danh tài khác nữa. Biết bao nhiêu người khác đã dâng trọn vẹn cuộc đời mình cho hội họa để rồi gục chết vì thiếu cơm áo, thuốc men. Chết không cả vãi liệm, không người thân thích, tên tuổi chìm vào cát bụi, lãng quên. Quang không còn can đảm nữa. Niềm can đảm ban đầu đã rã rời, tan dần qua khá nhiều năm tháng. Quang thấy tương lai mình hoàn toàn mờ mịt như làn sương lạnh đang bao trùm vạn vật. Quang rung mình, lật tập thư đọc tiếp thư khác. Đó là một trang giấy màu xanh ướp nước hoa, chữ viết nắn nót, lời lẽ âu yếm của một góa phụ ở Nha Trang viết mời Quang về đó ở. Theo lời bà thì Nha Trang khí hậu tốt lành, phong cảnh đẹp để nên thơ “tha hồ cho Quang về” và ngôi biệt thự của bà thì quá ư rộng rãi nên có nhiều lúc bà thấy lòng trống trải và cảm thấy cần có một cánh tay khỏe mạnh để giúp bà “trông coi nhà cửa”. Quang mỉm cười chưa chút lật tiếp thư sau. Mấy trang giấy đánh máy là một cánh thư dài của một người Pháp mà chàng gặp và quen biết có chừng mười phút, cách đây đã 6 năm, trên một chiến địa miền trung châu Bắc Việt. Người bạn trẻ này lúc nào cũng nhắc nhở là chính Quang đã đưa đội chiến xa đến giải vây kịp lúc để cứu anh thoát chết, và kỳ lạ hơn nữa, anh viết được một cuốn sách kể lại chuyện đó. Giờ đây, ít nhất mỗi tháng anh lại viết cho Quang một bức thư dài văn vẻ. Anh chàng này là một thanh niên hơi khác thường, tinh thần dường như lúc nào cũng bị căng thẳng như hồi của chiến tranh, anh ta còn là một sĩ quan nhảy dù thì tính tình lúc nào cũng nóng nảy vậy. Anh thường tự vẫn xem chính anh và

những người mà anh hằng ưa mến (trong số những người đó, Quang thường khó chịu khi thấy có mặt mình tuy rằng lòng ưa mến ấy đã chỉ được tạo nên bởi gần mười phút đồng hồ trên một chiến trường khốc liệt – nơi mà người ta thường chỉ ích kỷ lo cho bản thân mình) xem họ có thực hiện được một phần nhỏ nào về những điều mà họ đã tự chọn lựa, sắp đặt và hứa hẹn hay không ? Đoạn cuối lá thư anh viết: *“Thế hệ chúng ta đang lâm nguy. Chúng ta đang mạo hiểm, để suy giảm danh dự. Chúng ta đã biết nhiều cuộc phiêu lưu quá sớm. Tình yêu của chúng ta đã biến thành tình thương, sầu tư đã biến thành thất vọng và thị dục đã biến thành tự kỷ. Chúng ta đã tự đặt mình trong khuôn khổ một cuộc sống của những tên lùn bị quy phục ...”*

Quang gấp vội lá thư, nhét vào túi, chàng không muốn đọc tiếp trong lúc tinh thần đang bị suy nhược. Nhiều lần Quang đã muốn người quân nhân văn sĩ ấy dừng viết thư gửi chàng nữa hay ít nhất anh cũng nên chọn những đề tài khác song chưa bao giờ Quang viết nổi những ý định ấy dù chỉ là vài hàng chữ ngắn ngủi, và hẳn ta, thì vẫn cứ tự tin rằng sự im lặng kéo dài của Quang (người cứu sống hẳn) không bao giờ đồng nghĩa với lãng quên cả. Phần Quang, chàng đã ngại viết cho người bạn chí thành này vì nhiều lúc chàng thấy khó khăn thản trả lời rằng Quang chưa thực hiện được lấy một phần nhỏ nào về những điều mà chàng đã tự chọn lựa, sắp đặt và hứa hẹn (tuy chàng có thể mở một đầu ngoặc để nói thêm rằng mình đã cố gắng chiến đấu, chịu đựng và đôi lúc đã hy sinh!)

Quang cũng không trả lời người góa phụ ở Nha Trang vì những nguyên cớ mà chàng thấy là phức tạp, buộc chàng phải nghĩ ngợi những khi cầm bút và nhất là

phải tự dối mình.

Quang cũng sẽ không trả lời bà chị vì chàng thấy chị mình có lý, hoàn toàn có lý.

Quang ngược nhìn bức họa treo ở cuối giường. Đó là họa phẩm “Le Christ jaune” của Gauguin mà Quang đã chép lại từ ngày mới giã từ vũ khí, trở lại với bút lông giá vẽ. Hồi mới vẽ xong có người hỏi mua, giá khá cao nhưng Quang không bán. Chàng đã cố giữ lại cho tới ngày nay, đi đâu cũng mang theo như một tấm bùa may mắn. Mỗi khi mệt nhọc, nản chí chàng thường ngắm nhìn bức họa để tìm một khích lệ, một an ủi. Chiều nay, Quang thấy nét mặt của Thượng đế như khác hẳn đi. Vẻ hiền từ trong mắt Người như đã biến mất và Người đang nghiêm nghị nhìn Quang. Chàng dụi mắt, hai tai như ù lên. Quang vừa như thoáng nghe thấy một câu hỏi mà chàng đã nghe thấy nhiều lần trong trực giác. “*Es-tu pour moi ou contre moi?*” Quang biết rằng người nghệ sĩ nào cũng nghe thấy câu hỏi ấy và cũng phải trả lời dù tâm hồn họ có bị rạn vỡ vì những gì mà mình cảm thấy không diễn tả lên đầu bút được. Quang đã lựa chọn, đã sắp đặt và đã hứa hẹn khi tiếp nhận chức vụ cao cả của người nghệ sĩ. Sớm muộn chàng cũng phải trả lời câu hỏi đó nhưng chiều nay thì chưa thể...

Môi Quang run lên. Chàng vùng dậy, khoác vội chiếc áo choàng và đi xuống phố, vội vàng như trốn tránh một ám ảnh, một ngục tù...

●

Gió ngoài đường làm Quang thấy dễ thở. Chàng bẻ cao

cổ áo che những hạt mưa nhỏ tinh quái lạnh buốt. Miệng chàng nhặt đắng, thêm khát một hơi thuốc ấm lòng. Thọc sâu hai tay vào túi áo Quang buồn rầu cúi thấp đầu bước nhanh.

Hồi chuông nhà thờ kêu gọi con chiên đến châu Thánh thể vang reo trong bầu không khí tĩnh mịch buổi chiều đông xảm. Quang không phải là giáo dân song thỉnh thoảng chàng cũng đi lễ nhà thờ. Nhiều lúc hết tin tưởng ở chính mình cùng những người quanh mình, Quang thường đến tìm trong bầu không khí bình thản, trang nghiêm của các giáo đường một niềm thoải mái thanh cao cho trí não – niềm thoải mái mà chàng không thể nào tìm thấy trong những thú vui “trần thế”. Có nhiều giáo sĩ thuyết phục Quang nên “trở về Đạo” song chàng lắc đầu; có nhiều người bạn tò mò hỏi tại sao Quang đi lễ nhà thờ, chàng thản nhiên trả lời: “Tôi có đi lễ đâu, tôi chỉ đi tìm... *quelque chose qui n'existe pas en ce bas monde* đây thôi!”. Quang chỉ trả lời vắn tắt thế và để mặc mọi người ngạc nhiên suy nghĩ tuy chàng còn có thể nêu ra hàng mớ những lý lẽ khác để giải thích rõ rệt về việc chàng hay tới ngồi ở giáo đường trong những lúc tâm hồn bùng cơn sóng gió hoặc những buổi “trời nhẹ lên cao, tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn”...

Quang ngừng lại ở chân dốc, bần khoản đứng im mất mấy giây đoạn cúi mình leo lên phía nhà thờ. Không khí ấm áp, nhạc điệu thánh ca trầm trầm quyện tiếng phong cầm làm Quang thấy an tâm, thoải mái. Quang đến ngồi trên một ghế ở góc giáo đường, khuất trong bóng tối. Chàng ngồi im rất lâu để mặc cảm giác êm ái, bình dị tràn ngập hồn mình làm biến hẳn đi những suy tưởng vẩn vơ. Cuối buổi lễ, vị linh mục rung hồi chuông nhỏ. Tất cả mọi người đều quỳ xuống làm

Quang giật mình. Chàng cũng vội theo mọi người quỳ xuống, chắp hai tay lại và ngược nhìn lên bàn thờ, Quang cảm thấy mình như nhỏ bé hẳn đi và thiếu thốn một cái gì cần thiết lắm. Chàng tự nhủ: “Vấn đề đặt ra không phải là tìm xem có Thượng đế hay không. Điều cần biết là mình có Tin hay không?” Trước đây đã có lần Quang tin lắm, tin với tất cả cái quan niệm ngây thơ của chàng, có nghĩa là không một quan niệm nào cả. Nhưng một ngày, Quang bắt đầu suy tưởng, và bây giờ...

Quang chợt nghe thấy tiếng thở dài, như ở chính lòng mình. Lòng xao động, Quang muốn theo mọi người chung quanh cúi thấp đầu thì thầm một câu kinh cầu nguyện mà không thốt nên lời. Không phải tại Quang không biết lời kinh và chàng cũng biết rõ là mình muốn nguyện cầu những gì song Quang thấy nếu chàng cất lời cầu nguyện lúc này thật cũng chẳng khác gì một người học trò bị cháy túi không biết xoay sở cách gì hơn là gửi một lá thư thống thiết về nhà năn nỉ xin tiền cha mẹ vậy.

Đã từ lâu, Quang tự nhủ là không bao giờ nên cầu nguyện Thượng đế bằng những tín hiệu S.O.S. của những kẻ đắm tàu. Cũng đã từ lâu, chàng theo quan niệm triết lý của phái sinh tồn “Con người phải tự giải thoát, phải tin rằng không gì cứu giúp nổi mình được dù ngay đến một chứng luận xác nhận sự có mặt của *Thượng đế*”. Tin tưởng của Sartre chậm chạp vang trong óc Quang như những tiếng vỗ đập áo quan làm chàng khó chịu, bức bối. Quang nhắm nghiền mắt lại. Và chàng cầu nguyện sao cho chóng lẽ tất để ra về.

Bên ngoài, những giọt mưa bụi đã ngừng giăng trên vạt vật tấm lưới mờ sương, một vài tia nắng yếu ớt nằm nghiêng trên các vòm anh đào thấm nước biển

màu đỏ của hoa thành một màu pha trộn khó tả. Đang neho mắt ngắm nhìn màu sắc khác lạ ấy Quang chợt đảo mắt chung quanh như muốn tìm một đường khác để đi ra. Chàng đã xuống gần hết những bậc thềm của nhà thờ và buộc phải đi thêm mấy bước để xuống đường nếu không muốn lẩn tránh. Quang mỉm cười trước ý nghĩ lẩn tránh. Việc gì Quang phải lẩn tránh dù người đang đi đến trước mặt chàng là Quyên. Quyên đang âu yếm, khoác tay người chồng mới cưới, và nhìn thẳng vào mắt chàng không hề bối rối. Giáp mặt nhau, Quyên dừng lại, mỉm cười hiền hậu khiến Quang cũng phải ngừng bước. Quyên vồn vã giới thiệu Quang với chồng nàng. Hai người bắt tay nhau. Chồng Quyên siết chặt bàn tay lỏng lẻo của Quang làm chàng hơi ngượng và khó chịu. Ông ta vui vẻ chuyện trò thăm hỏi, Quang cố tình trả lời hững hờ mong chóng dứt chuyện song dường như ông ta không để ý tới thái độ khó chịu của Quang nên vẫn nói cười vui vẻ. Sau hết, vợ chồng Quyên hỏi địa chỉ của Quang để sáng mai tới lựa mấy họa phẩm về trang hoàng nhà cửa, Quang vội vã chối từ. Tại sao chàng cũng không biết nữa. Có lẽ chàng không muốn để chồng Quyên biết căn lều siêu trống mà chàng đã mượn với một giá rẻ mạt để làm “xưởng vẽ”; có lẽ Quang không muốn để họa phẩm của mình lạc lõng trong nhà vợ chồng Quyên như một bằng chứng của lén lút, bội phản; và cũng có lẽ Quang vẫn thấy là mình có quyền từ chối - dù rằng chàng sắp hết cả lụa, sơn; hết cả thuốc lá và đã phải đi ăn nhờ cơm nhà bạn gần tháng nay.

Quang nhún vai nhìn theo cặp vợ chồng trẻ đang âu yếm đi nhau bước. Chàng buồn rầu tự hỏi: tại sao Thượng đế lại cho mình gặp Quyên vào đúng lúc trong lòng đang tích chứa nhiều bức bối, và tại sao người hỏi

mua tranh không phải người khác mà lại là vợ chồng Quyên?

Một nỗi buồn mênh mang ủa vào tâm hồn, Quang quay mình chậm bước xuống phố. Chàng cúi đầu đi trên nền cỏ suy nghĩ về Quyên. Cứ nhìn nét mặt tươi vui của hai người đủ thấy họ đã tìm được hạnh phúc bên nhau. Chàng mỉm cười băng quơ, và khẽ nói với chính mình: “thật là xứng đôi vừa lứa, cũng may cho Quyên!” Quang miên man nhớ lại những giờ phút êm đềm, sung sướng khi hai người còn gần nhau. Quang đã thành thật và tha thiết yêu Quyên nhưng khi nàng buộc Quang phải lựa chọn giữa nàng và hội họa thì chàng nói thẳng là mình đã nguyện hy sinh hết thấy cho hội họa. Đối với Quang, hội họa còn hơn cả tình yêu và chàng không thể vì Quyên mà bỏ rơi lẽ sống của đời mình. Sự tan vỡ không thể nào tránh được và giờ đây, sau hơn ba tháng cách xa, chàng gặp lại Quyên cùng chồng lên đây hưởng tuần trăng mật. Quang không trách gì Quyên cả, chàng còn mừng cho Quyên nữa. Nhưng trong thâm tâm chàng vẫn ân hận là Quyên đã quá vội vàng. Tại sao Quyên không cố đợi đến chiều nay.

Chiều nay... Con đường dài vắng lạnh heo hút; nệm cỏ phủ nhiều xác lá vàng và Quang thì hoàn toàn cô độc. Trong cái đơn chiếc đó Quang đã lắng nghe được những rung động chân thành nhất của lòng mình cũng như một triết nhân lắng nghe được những bước đi đều đặn của thời gian. Hồi nãy, lúc ngồi ở giáo đường, Quang đã tạm quên được tia nhìn của vị Thượng đế trong họa phẩm *Le Christ jaune*, quên được câu hỏi của Người mà Quang đã lần lữa mãi chưa chịu trả lời. Nhưng giờ đây, đi trên lẽ đường vắng lạnh, chậm bước trên những xác lá, thèm khát đến một hơi thuốc lá và

trong đầu đầy những hình ảnh tươi cười của người tình cũ, Quang thấy không sao chịu đựng được nữa.

Quang thấy đã đến lúc chàng phải thẳng thắn trả lời câu hỏi của Thượng đế, đã đến lúc chàng phải nhận chân cái “trần thật” của cặp mắt “tiếp nhận”, cái thấp kém nghèo nàn của tâm hồn “rung cảm” và cái vụng về của bàn tay “sáng tạo” của mình. Đã đến lúc Quang cần phải tìm những nguyên cớ để tự an ủi cho cái quyết định mà hơn một lần chàng đã bận tâm suy nghĩ, lo âu. Quang sẽ tự giải thích là chàng rời bỏ hội họa không phải vì Quyên đã bỏ đi lấy chồng, không phải tại chàng quá thương yêu người chị mà nghe lời, cũng không phải vì chàng không thể tiếp tục chịu đựng và hy sinh thêm nữa. Có thể là vì Quang đã đánh mất niềm tin, đã thử thách nhiều để chịu nhận mình là bất tài... Không, Quang không thể giải thích tại sao Quang lại rời bỏ hội họa. Phải cho rằng, ý định rời bỏ ấy đến với Quang dung dị như khi chàng tiếp nhận hội họa vậy. Phải cho rằng nó khó giải thích như là không có ai giải nghĩa nổi tình yêu...

Một hồi còi tàu dưới thung lũng đằng xa vọng lại nghe thê thảm, hoảng hốt như một tiếng hú chiêu hồn, cắt đứt những giòng ý nghĩ của Quang. Mãi mê suy nghĩ Quang quên là mình đi qua cái ngã ba đường mà lẽ ra chàng phải rẽ theo con đường đất nhỏ mé tay phải rồi tạt xuống nhà người bạn ở dãy phố nằm nghiêng trên sườn đồi phía bên kia. Hai bàn tay thọc sâu trong túi áo chột nắm chặt lại, Quang thấy toàn thân run lên khi chột nghe tiếng người gọi tên mình. Quang chậm chạp quay người lại. Chàng chưa tin hẳn ở tiếng gọi yếu ớt vừa thoảng bên tai, mơ hồ như từ một cõi xa xăm nào vọng lại – Nơi chàng thường nằm mơ thấy mình xõa tóc, chống gậy đi đưa đám ma mà người chết lại chính

là chàng.



Quang vui mừng khi trông thấy bé Quý chạy lại phía chàng. Đứa bé nắm chặt lấy tay Quang vừa thở hổn hển vừa nói: “Cháu kêu ông hoài mà ông không nghe chi hết, làm cháu phải chạy theo mệt quá!” Quang xoa đầu đứa bé hỏi: “Em đi đâu đó?” Quý cười hồn nhiên, vuốt mấy sợi tóc xòa xuống trán đáp nhanh: “Cháu với Má cháu đi thăm mộ Ba cháu về đó. Sao mấy bữa nay cháu không thấy ông đi vẽ?” Quang chỉ tay lên trời: “Mưa vậy làm sao vẽ được!” Lúc đó, Quang mới để ý đến bà mẹ bé Quý đang đi tới. Tà áo đen nổi bật lên, nghiêm trang kiêu cách. Quý nắm tay chàng ríu rít: “Cháu kiếm ông để đưa ông xem mấy cái tranh cháu mới vẽ, ngộ lắm.” Quang đặt hai tay lên vai đứa bé dịu dàng hỏi: “Thế Quý có đem theo đây không? Cho tôi xem nào.” Quý hấp tấp móc túi áo lấy ra mấy mảnh giấy gấp nhỏ. Quang ngồi xuống vệ đường, kéo đứa bé ngồi xuống cạnh chàng. Trên mấy trang giấy cứng, đứa bé vẽ một chiếc xe ngựa buộc dưới gốc anh đào, một đứa bé đang thả diều và một thiếu phụ đang ngồi đan áo. Đứa bé chỉ tay lên tờ tranh nói: “Má cháu đấy!” Quang gật đầu âu yếm nhìn Quý. Chàng thấy môi mình run lên. Nhìn những nét vẽ hồn nhiên non nớt, Quang bắt gặp lại chính mình hồi hai chục năm về trước.

Hồi ấy Quang đã thích vẽ đến say mê, thường trốn học đến nấp xem một họa sĩ hay dựng giá vẽ ở đầu làng. Quang từng nhịn ăn quà sáng để dành tiền mua những tập *croquis*, những hộp bút màu. Tháng nào Quang cũng nhất về môn thi vẽ và có lần chàng được ban thưởng khi truyền lại bức chân dung cụ Đốc. Ai cũng khen chàng là có hoa tay. Bao nhiêu hình ảnh của dĩ vãng trở về giao động trước mắt Quang làm chàng

quên cả bé Quý ngồi im lặng như một nhà sư tham thiền nhập định. Lát sau Quý vùng đứng lên làm chàng giật mình, thoát mộng. Bà mẹ Quý đã đi tới và hiện từ nhìn hai người.

Quang bối rối chào bà và trả mấy tờ giấy cho Quý: “Em vẽ đẹp lắm!” Quang ngừng đầu lên, bắt gặp tia mắt triu mến của mẹ Quý như thăm ngó một lời cảm ơn giùm con. Bốn mắt im lặng giao nhau đoạn cả hai người cùng bối rối cúi nhìn Quý. Trong một giây đồng hồ, Quang nhận thấy mình đã bắt gặp một cái nhìn mà trọn một đời người may mắn lắm mới được gặp một vài lần. Những cái nhìn thật im lặng mà lại nói rất nhiều như văn hào Stefan Zweig đã tả trong danh phẩm “*Sommernovellette*” của ông.

Quý nắm tay mẹ cười nói: “Má ơi, lớn lên con muốn làm họa sĩ, đi vẽ như ông Quang sướng lắm Má à.” Thiếu phụ dịu dàng vuốt tóc con, mỉm cười sung sướng. Quang lúng túng thấy cần phải thốt một câu gì. Chàng cố vui vẻ nói: “Cháu Quý ngoan lắm. Thường ngày cháu hay đến xem tôi vẽ.” Thiếu phụ cúi thấp đầu, hai tay nắm chặt lấy vai con run run đáp: “Vâng, cháu có nói lại với tôi hay ra xem ông ngồi vẽ ở gần nhà. Cháu... cháu mến ông lắm.”

Hai người lại lặng im. Quý hết nhìn mẹ lại nhìn Quang. Có lẽ đứa bé ngạc nhiên vì không hiểu tại sao người lớn nói chuyện với nhau lại khó khăn đến thế. Đứa bé cầm tay Quang cười nói: “Cháu có vẽ được nhiều tranh lắm, cháu cất kỹ ở ngăn kéo bàn ấy. Ông có muốn xem đến nhà cháu cho xem”. Quang bối rối thêm, ngược nhìn người thiếu phụ như muốn dò hỏi. Thiếu phụ im lặng khẽ gật đầu đồng ý. Quang sung sướng mỉm cười: “Tôi thích xem tranh của Quý lắm! Nào, Quý dẫn tôi về nhà đi!” Quý gấp vội mấy tờ giấy

nhét vào túi và dang tay cho Quang nắm. Mẹ Quý nói khẽ, giọng cảm động: “Cháu nó thích vẽ quá!” Quang mỉm cười, nghiêng đầu nhìn xuống mái tóc xanh đang âu yếm ngả sát vào người chàng.

Bầu trời cao lớn dần lên. Một khoảng mây bị xé rách, để lộ ra một dải chiều vàng đẹp như sắc hoa hướng dương. Quang nắm chặt tay đứa bé dịu dàng nói: “Trời chắc tạnh mưa, ngày mai chúng mình có thể lại đi vẽ được rồi, Quý ạ”. Đứa bé không đáp, cười nhìn chàng mắt ngời sáng. Quang sức nhớ là có lần mắt chàng cũng sáng ngời lên như thế, biểu hiện thật nhiều ý tình tha thiết, đắm say.

Chiều nay, Quang gọi là biểu hiện của niềm tin.

TRẦN PHONG

Di sản văn chương miền Nam

PHAN DU

bóng ai trong buổi đầu xuân

Nhà nghệ sĩ mù ấy đã già lắm. Vóc người ông cụ không cao lớn, nhưng có vẻ đầy đặn trong chiếc áo “cổ hò” thường là màu nâu. Tôi cũng không biết nói làm sao về diện mạo của ông cụ. Nó xấu xí quá với cái màu da ngăm đen, những nét rỗ chi chít và có vẻ dữ tợn, bí hiểm với đôi mắt hơi đục, lõm sâu vào phía dưới cặp chân mày. Đã thế cái miệng ông cụ lại rộng quá. Đôi môi thì lúc nào cũng đỏ cả cốt trầu. Nhưng cái bộ mặt xấu xí dữ tợn ấy chỉ làm cho tôi – một đứa bé trên mười tuổi - phải khiếp sợ lúc đầu thôi. Lần lần tôi lại nhận thấy ngay trong nó có một cái gì đáng mến. Tôi không thể nói là cái gì. Nhưng tôi mến. Nhất là những lúc ông cụ thối sáo, tôi lại thấy bộ mặt ấy trở nên hiền dịu quá và dễ thương lạ lùng.

Tôi chỉ biết người ông cụ, biết mặt mà không biết tên. Chưa bao giờ tôi hỏi tên hay tìm cách biết tên ông cụ. Chung quanh tôi cũng không một ai nhắc đến tên nhà nghệ sĩ mù này tuy ai cũng biết ông cụ và cái tài thổi sáo của ông ta. Hay nói cho đúng hơn, chính cái tiếng sáo mê hồn đã làm cho bất cứ người nào trong cái kinh thành này, từ già đến trẻ, cứ tối đến, đều phải lắng tai nghe ngóng và nhớ tới hai cha con ông cụ, vì về đêm -

ngay những hôm mưa gió - khi mọi nhà đã lên đèn một lúc, thì tiếng sáo, từ đâu trong các con đường khuất vắng của thành nội, đã bắt đầu tung cánh lên khơi, múa lượn trong không gian đen tối rồi len lỏi vào mọi gia đình, ngay cả trong chốn thâm khuê, cung cấm.

Tôi có thể nói là vì ông cụ mà tôi yêu tiếng trúc hơn tất cả thanh âm của các thứ nhạc khí khác. Càng lớn lên tôi càng thích hơn. Tôi yêu tiếng trúc vì cái thanh thoát lâng lâng rất thần tiên của nó, mà cũng vì chính nó thường làm sống lại trong tôi cả một mộng hồn thơ ngây.

Thật ra chưa bao giờ tôi đã được gặp lại, trong những điều trúc tôi nghe, tiếng trúc của nhà nghệ sĩ mù xưa kia. Chưa bao giờ. Nhưng cứ mỗi lúc tiếng trúc vắng lên đâu đó, tự nhiên người tôi như chợt tỉnh giữa những phiền toái rối rắm của cuộc đời. Và thoát chốc, tâm hồn tôi tách rời thực tại, lâng lâng bay theo dòng âm thanh siêu thoát của thứ nhạc khí này trở về với cảnh cũ người xưa. Tôi trở về mặt kinh thành xa xăm. Không phải là cái kinh thành của hai cha con nhà nghệ sĩ mù. Tôi không trở về với những thành quách, cung điện, lầu son, gác đỏ, nhưng trở về với những con đường trầm lặng, dưới những hàng cổ thụ cao, cao vút, trong cái khuất tối của kinh thành thuở ấy. Phải, chính trong cái khuất tối của kinh thành, tôi mới thường gặp hai cha con ông cụ. Họ đã sống lang thang mãi trong tôi với bóng khuất tối ấy. Thật là nặng nề, cô liêu, hiu quạnh làm sao cái bóng khuất tối của một kinh thành vương giả. Lớn lên càng đi sâu vào trong bóng khuất tối của cuộc đời, tôi càng cảm thấy rõ hơn điều này.

Nhưng tôi còn nhớ, ngay những lúc tôi tựa cửa hay nằm bên mẹ, lắng nghe tiếng sáo xa xăm, cái bóng khuất tối ấy không hề uy hiếp được tôi. Cứ mỗi lúc tiếng sáo của ông cụ từ đâu trong cõi vô thanh thoát ra,

xé không khí, bằng không gian mà bay đi, thì tôi lại cảm thấy chừng như cả cái kinh thành trầm lặng và những con đường khuất tối ngoài kia vụt bùng sáng, rộn rịp hẳn lên. Ngoài kia là một thế giới nào khác, một kinh thành khác. Một thế giới xán lạn, trong bóng, thanh khiết, ảo huyền, gần gũi quá mà thật là xa xăm quá. Một cõi đời nào khác hẳn, lạ hẳn với cõi đời tôi sống hàng ngày.

Và đêm nào cũng vậy, vừa lọt qua song cửa, tiếng sáo đã xoắn xuýt lấy tôi, ni non kể lể, mơn trớn, vuốt ve, rồi ngay trong một phút bất thần, nâng bổng tâm hồn tôi lên, mang đi để bay vút về cái thế giới xa lạ ấy.

Lâu dần, tiếng sáo càng trở nên quen thuộc và cần thiết đối với tôi hơn cả đồ chơi và quà bánh. Những khi tiếng sáo ở ngoài kia đã tắt, hay trong những đêm vắng nó, lòng tôi lại nao nao buồn nhớ. Trên giường ngủ, tôi trần trọc hình dung hai cha con ông cụ dắt nhau đi lang thang trong bóng khuất tối. Hồn tôi lẻo đẻo theo họ mãi, theo mãi cho đến khi lạc vào cõi mộng...

Thế rồi chẳng bao lâu, tôi, một đứa bé độc nhất trong đám trẻ thơ của kinh thành, đã trở nên quen thân với hai cha con ông cụ. Mỗi thân tình ấy bắt đầu vào một đêm trăng, bên gốc một cây bàng lớn.

Không biết bao nhiêu lần rồi, mỗi khi ông cụ đi ngang trước cửa nhà, tôi đã năn nỉ mẹ tôi gọi ông Cụ vào thổi sáo cho tôi nghe. Đây là một chuyện rất thường. Nhiều nhà trong kinh thành này vẫn hay gọi vào như thế để thưởng thức tài nghệ của ông cụ hàng giờ mà chỉ phải trả có bốn năm xu là cùng. Nhưng cứ mỗi lần tôi đòi hỏi như thế, mẹ tôi lại mỉm cười và lắc đầu. Nụ cười thật là hiền dịu, nhưng lòng mẹ tôi thì lại cương quyết làm sao. Tôi biết không phải vì tiếc tiền mà mẹ tôi từ chối, số tiền cần bỏ ra để mua tiếng sáo thật là vô nghĩa nếu đem so sánh với những khoản chi tiêu về

quà bánh và đồ chơi hàng ngày của tôi. Cũng không phải mẹ tôi không thích tiếng đàn, tiếng sáo. Tuy vậy, mẹ tôi vẫn từ chối. Thật là khó hiểu.

Nhưng tôi không băn khoăn về cái thái độ khó hiểu của mẹ tôi bằng ước mơ được nghe tiếng sáo của ông cụ. Những điệu sáo thổi rao ngoài kia không đủ cho tôi thoả thích. Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Tôi không phải lo về nổi tiền nong. Năm xu hay một hào là một món tiền tôi có thể có sẵn trong lưng nếu tôi chỉ nhìn quả bánh một vài hôm. Nhưng làm thế nào mà mua? Tiếng sáo đâu có phải là một thứ dễ mua như quả bánh. Tôi nghĩ nó là của người lớn và chỉ có người lớn mới có quyền mua hay có thể mua. Tôi thì còn bé quá. Tuy vậy, tôi không tuyệt vọng và tôi vẫn cứ để dành tiền. Tôi chọn năm đồng xu thật mới, gói vào giấy, bỏ vào trong một cái vỏ hộp kẹo “ma le” nhét kỹ trong túi áo. Tôi sẽ làm thế nào để mua tiếng sáo? Tôi không hề nghĩ đến chuyện ấy. Nhưng cứ mỗi lúc lòng nghe tiếng sáo thổi rao, tôi lại cho tay vào túi áo, vò về hộp kẹo đựng tiền với một hy vọng mong manh là cũng có ngày tôi mua được nó.

Tôi không ngờ cái ước vọng xa vời ấy lại hóa thành sự thực.

Là vì ông cụ đã đến với tôi, ông cụ với tiếng sáo. Ông cụ đã đến với tôi trong một đêm trăng.

Đêm ấy, trăng sáng quá. Trăng sáng cả kinh thành. Cung điện, dinh thự, thành quách, những hàng cỏ thụ sum suê cao vút như cùng say sưa đến ngất lịm đi và lặng trải những bóng đèn trầm tư, tịch mịch trên nền đất trắng ánh trăng xanh.

Cơm tối xong, tôi ra trước ngõ, nhập bọn với đám chúng bạn cùng trang lứa trong xóm. Giữa lúc đang đùa nghịch, bỗng có tiếng kêu lớn:

- Chết bây ơi, ông cụ thổi sáo đấy!

Cả bọn trẻ nghỉ chơi, nín lặng nhìn về phía đầu đường. Nhưng rồi một vài đứa anh hùng nhất trong bọn lại lên tiếng:

- Hừ, ông cụ thối sáo chứ có phải là lính tuần sát đâu. Cứ chơi đi.

Cuộc đùa nghịch lại tiếp tục như cũ. Riêng tôi, tôi nghỉ hẳn. Ông cụ thối sáo đã hiện ra ở đầu đường và đang dò dẫm rảo bước theo sau người con gái. Cả hai cha con tiến lại phía trụ điện gần cây bàng lớn, cách chỗ chúng tôi đang chơi không xa. Tôi nghe tiếng người con gái:

– Bỏ lại ngồi nghỉ, thối rao cũng được. Tối nay đi mời cả chân mà chưa nhà nào gọi cả.

Ông cụ đáp lại bằng cái giọng khàn khàn:

- Còn sớm mà.

Người con gái dắt cha lại gốc bàng, đỡ ông cụ ngồi xuống. Ông cụ tựa lưng vào thân cây, nghỉ một lát rồi đưa ông sáo lên miệng thổi. Tôi chạy vội lại.

Trong lúc tôi đứng lặng người nhìn ông cụ và say sưa lắng nghe tiếng sáo, tôi không biết là có một cặp mắt đang nhìn tôi. Tôi chỉ để ý khi tiếng sáo vừa tắt. Một cặp mắt đen nhánh nổi bật trên khuôn mặt trái xoan hơi dài. Cặp mắt ấy nhìn tôi chăm chú. Nhìn không chớp. Nó nhìn tôi với cái vẻ ngạc nhiên và dò la. Nhưng cái lối nhìn chăm chăm ấy không làm tôi khó chịu. Vì cặp mắt đẹp, dịu hiền và vui vẻ làm sao! Cặp mắt ấy không phải chỉ nhìn tôi. Nó còn cười với tôi nữa. Nó cười. Và khi nghe tôi buông ra một tiếng thở dài vì tiếc rẻ tiếng sáo, cặp mắt ấy lại nói rộng thêm ra, lóng lánh hẳn lên. Một giọng ngọt ngào nhẹ rót vào tai tôi:

- Em thích nghe thổi sáo lắm sao?

Rồi một nụ cười nở ra trước mắt tôi. Câu hỏi làm cho tôi sực tỉnh. Người nói chính là cô con gái của ông cụ. Tôi đáp lại bằng cái gật đầu nũng nịu. Cũng không

hiếu tại sao, trước cái nhìn và nụ cười ấy tôi cảm thấy đã quen thân với người con gái ngồi trước mặt tôi lâu ngày lắm rồi, và tôi có quyền nũng nịu như tôi thường hay nũng nịu với mẹ tôi hay các chị tôi ở nhà? Tôi lại hỏi:

- Sao không thối nữa, hay quá!

Ông cụ hướng nhìn về phía con gái:

- Gì thế hở Dung?

Chị Dung cười khúc khích rồi lại nhìn tôi đầy vẻ cảm động:

- Rao thì có thời làm gì cho nhiều. Nhà em ở gần đây không? Em mấy tuổi?

Tôi vừa đáp lại, vừa ngắm kỹ chị Dung. Hơn tôi giỏi lắm là ba, bốn tuổi, tóc mới chấm ngang vai, nhưng chị Dung trông có vẻ nghiêm chỉnh đáng hoàng trong chiếc áo dài màu nâu non và chiếc quần vải đen. Tôi thấy chị Dung không đẹp, không thanh lịch như các chị tôi. Người chị hơi gầy. Lại vì cái nước da bánh mật nên gương mặt không được sáng sủa lắm. Nhưng cứ nhìn cặp mắt to và đen nhánh, sâu thẳm, mờ màng, đôi môi mỏng thắm tươi với hai khoé miệng xếch lên một cách kiêu hãnh mỗi lúc mím chặt vào nhau, tôi không thể nói chị là xấu. Hơn nữa tuy phục sức tầm thường chị Dung vẫn không kém vẻ yếu điệu, duyên dáng. Có một điểm làm cho tôi chú ý hơn, là chị Dung rất vui tính, hay cười. Chị thường cười không những bằng miệng mà bằng cả cặp mắt, nhưng gương mặt chị thì lúc nào cũng đượm vẻ buồn. Cái vẻ buồn ấy lại thường hiện ra rõ hơn ở đuôi mắt, khoé miệng, vào những lúc chị cười. Mỗi khi chị Dung cười, tôi thấy chị càng đáng yêu hơn nhưng tôi cứ ngỡ ngợ như là chị khóc vậy. Nụ cười của chị làm cho lòng tôi vừa vui vui vừa nao nao xao xuyến làm sao ấy.

Ông cụ vừa hút xong liều thuốc, hướng nhìn về phía

con gái:

- Đứa nào thế con?

Chị Dung lại nhìn tôi:

- Một em bé ngộ quá, *bọ* ơi! Nó thích nghe sáo. Nó nghe *bọ* thổi này giờ đến sừng sò và còn đòi nghe nữa đây.

Ông cụ cố nhướn cặp mắt đục lên để nhìn tôi. Chao ôi, có bao giờ tôi quên được cái nhướn mắt bất lực đến thảm thương ấy. Tôi biết với cặp mắt đục kia ông cụ không bao giờ có thể thấy tôi, nhưng cũng chính vì thế mà về sau này tôi mới phải kinh ngạc trước cái năng lực màu nhiệm của tình thương yêu. Ông cụ đã tỏ ra cho tôi thấy là một buồng tim rạo rạt tình yêu vẫn có thể thay thế cho một cặp mắt đã tắt ngấm cả ánh sáng. Chị Dung ngồi lại gần tôi thân mật:

- Sao em không xin cha mẹ em gọi *bọ* chị vào nhà. Vì vào nhà thì tha hồ... muốn nghe mấy cũng được cả.

Tôi lắc đầu. Rồi với cái chân thực của tuổi thơ, tôi tỏ vẻ mách cho chị Dung biết là tôi thích tiếng sáo như thế nào, tôi đã năn nỉ mẹ tôi bao nhiêu lần rồi, mẹ tôi đã từ chối như thế nào. Chị Dung chăm chỉ lắng nghe rồi chị nhíu mày, tỏ vẻ thương hại:

- Không cho?

- Vâng. Không cho. Mẹ em nhất định không cho, em đành chịu vậy, tuy em cũng có tiền.

Tôi ngồi sát lại bên chị Dung, sẽ sẹ móc hộp kẹo trong túi áo ra, đặt vào tay chị:

- Tiền đây.

Chị Dung ngạc nhiên, cầm lấy hộp kẹo “ma le” ngấm nghĩa:

- Tiền trong này à? Nhưng em đưa chị làm gì?

Vừa nói chị vừa mở nắp hộp và khẽ kêu lên khi chị đồ ra trong lòng bàn tay năm đồng xu đồng đỏ mới tinh, rung rung sáng dưới ánh điện pha lẫn ánh trăng.

- Trời ơi! Em làm gì có lăm bạc thế này? Những năm xu? Lại mới tinh.

- Em nhìn quả, để dành đấy. Chị cất đi. Em mua tiếng sáo đấy.

Chị Dung bật cười nhìn sững tôi. Chị nhìn tôi chăm chú với cặp mắt đầy vẻ nghi ngờ:

- Em nhìn quả?

Tôi lại gật đầu. Ngay lúc ấy, tôi thấy ông cụ cũng ngẩng mặt lên cười rồi hỏi bằng cái giọng khàn khàn:

- Mua tiếng sáo à? Thăng bé ngộ thật. Nhưng ông cụ bỗng lại đổi giọng, bảo con gái:

- Gói kỹ lại. Bỏ cẩn thận vào túi áo nó.

Chị Dung làm y theo lời cha. Trong lúc tôi đang ngỡ ngác thì ông cụ đã đưa ống sáo lên miệng. Nhưng lần này không phải ông cụ thổi rao mà thổi thật sự. Vì tôi nghe ông thổi rất lâu. Tôi không biết là ông cụ đã thổi cho tôi nghe những điệu nào. Tôi chỉ nhớ tiếng sáo đêm hôm ấy đã làm cho tôi say sưa ngay từ phút đầu tiên. Từ ống sáo của ông cụ chùng như có những luồng sóng điện thoát ra, xuyên qua người tôi gây thành những rung chuyển êm ái lạ thường. Và cả cái dòng thanh âm nũng nịu vươn dài ra như bất tuyệt ấy nâng bổng hồn tôi lên nhẹ tung như một chiếc lá, hết lòng lộn vào cái cao xa vời vợi lại lồi cuốn xuống tận vực sâu thăm vô cùng của không gian. Những gì chung quanh tôi cứ lùi xa dần, xa mãi ra ngoài tầm mắt. Tuy tôi vẫn nhìn ông cụ không chớp, nhưng rồi vàng trắng trên trời, nhà cửa, con đường trầm lặng, những hàng cổ thụ cao vút, đám trẻ đùa nghịch, trụ điện và cả chị Dung, cả ông cụ dường như cũng không còn đâu nữa.

Qua cặp mắt lim dim, tôi tưởng chừng chung quanh tôi là một cảnh giới nào khác hẳn. Như thế không biết là bao lâu, bỗng tôi choàng tỉnh. Có tiếng chị Dung hỏi tôi:

- Em ngủ à?

Tôi giật mình. Tiếng sáo đã tắt. Tỉnh ra tôi mới biết là trong lúc mãi nghe tôi đã gục đầu vào vai chị Dung lúc nào không hay. Tôi vội ngồi ngay người lại và đáp:

- Không, em không ngủ đâu. Em nghe đấy!

- Đã thích chưa nào?

Tôi mỉm cười gật đầu. Chị Dung ngồi yên một lát lặng nhìn tôi rồi vỗ nhẹ vào vai:

- Thôi nhé. Bây giờ em về đi. Chị và cha chị còn phải đi nơi khác. Từ tối đến giờ chưa thấy ai gọi cả.

Câu nói sau cùng làm cho tôi cảm động. Tôi không biết phải nói như thế nào, làm thế nào để tỏ cho hết cảm tình của tôi đối với ông cụ và chị Dung. Bỗng tôi vụt nảy ra một ý định. Thừa một lúc chị Dung nhìn qua phía ông cụ, tôi đặt ngay hộp kẹo vào tay chị rồi cắn đầu, cắn cổ chạy đi. Tôi cố chạy thật nhanh để chị Dung không kịp gọi lại. Nhưng những tiếng kêu đã đuổi theo tôi ngay lúc ấy:

- Em, em nhỏ, đứng lại chị bảo này. Đứng lại.

Tôi càng chạy, những tiếng gọi càng trở nên gấp rút, thiết tha. Đồng thời nghe tiếng chân đuổi theo tôi mỗi lúc mỗi gần. Rồi gần quá. Tiếng gọi càng rõ hơn qua những hơi thở hỗn hển nhọc nhằn:

- Em, em, đứng lại.

Tôi đâm ra hoảng sợ như khi chơi u mọi mà sắp bị bên địch bắt được vậy. Để trốn thoát, tôi cố vận dụng tất cả sức lực của hai chân để chạy nhanh hơn. Nhưng nhìn thấy cửa ngõ nhà tôi còn xa quá, tôi biết là khó thoát được nên lại càng luống cuống. Hai chân tôi trở nên yếu ớt đến không còn đủ sức để cử động nữa. Tôi ngã xuống bờ cỏ bên đường. Ngay lúc ấy, tôi đã nghe tiếng chị Dung hét hoảng kêu lên:

- Trời ơi, khổ quá. Em chạy làm gì cho phải khổ. Có làm sao không nào?

Chị quỳ xuống đỡ tôi ngồi lên, vừa phủi áo quần, vừa hỏi rồi rút:

- Có làm sao không? Em có đau chỗ nào không?

Tôi lắc đầu. Chị nhìn tôi như chưa tin:

- Có thật không? Nói cho thật nào! Bỏ thế mà không đau sao được!

Tôi vừa xoa gối vừa đáp:

- Chỉ đau chỗ này thôi. Chị làm em sợ hết hồn đi.

Chị Dung mỉm cười thương hại:

- Thật à. Em có giận chị không? Tại em chứ có phải tại chị đâu. Ngồi xuống bên tôi, chị thân mật nói tiếp: Tại em, nghe chưa? Tại vì em để hộp này lại nên chị phải đuổi theo. Nay, em giữ lấy. Năm đồng xu còn y trong ấy, giữ khéo kẻo mất nhé. Em cất đi mà ăn quà. Chị không lấy đâu. Cha chị không lấy đâu.

Chị Dung cười khẽ rồi lấy tay vuốt nhẹ mái tóc tôi, âu yếm:

- Ai nỡ lấy tiền của em. Bợ chị vì thương em, thôi sáo cho em nghe đấy thôi, biết không?

Tôi ngạc nhiên nhìn chị, lòng bồi ngùi cảm động. Nhưng tôi không chịu cầm lấy hộp kẹo đựng tiền. Chị Dung ấn nó vào tay tôi rồi đành:

- Em cầm đi. Em ngoan lắm, chị biết mà. Nhưng em đừng làm thế chị giận. Em bỏ vào túi cẩn thận đi rồi về mà ngủ. Chị phải đi đây...

Tôi thả vội hộp kẹo xuống, nắm chặt lấy cánh tay chị Dung:

- Chị đi...

Rồi tôi nghẹn ngào không nói được nữa. Tôi chỉ nhìn chị, nhìn sững sột với cặp mắt mỗi lúc mỗi rướm ướt thêm vì lệ. Mấy tiếng “chị đi đây” mà chị Dung vừa thốt ra với cái giọng rầu rầu gieo vào lòng tôi một mối xúc động sâu sắc quá chừng. Tôi cảm thấy luyến tiếc

buồn khổ như phải lìa bỏ một người thân yêu trong gia đình mà tôi chưa hề phải xa rời bao giờ.

Vừa sắp đứng lên, chị Dung đã ngồi trở xuống ôm tôi:

- Em làm sao thế? Tại sao em khóc?

Tôi không đáp. Nhưng bàn tay tôi siết chặt cánh tay chị Dung hơn trước, mắt tôi thì vẫn cứ ngược nhìn đắm đắm vào cặp mắt chị. Chính bàn tay và cặp mắt của tôi lúc này đã nói hết với chị Dung những gì mà môi tôi không thể thốt được nên lời. Chị Dung cầm lấy tay tôi, bóp nhẹ:

- Em khóc vì chị đi có phải không?

Tôi gật đầu. Một nụ cười bé nở trên đôi môi mỏng của chị. Nhưng chỉ một thoáng qua, nụ cười ấy đã biến hẳn vào cái vẻ nhàu úa của gương mặt mỗi lúc như mỗi tái nhợt thêm dưới bóng trăng mát lạnh. Tôi nghe chị Dung nói khẽ:

- Nhưng biết làm thế nào bây giờ? Chị phải đi.

Ngay lúc ấy, từ đằng xa, có tiếng ông cụ gọi con:

- Dung ơi! Con ở đâu rồi! Dung ơi!

Chị Dung nhìn tôi thờ dài, chớp mắt như muốn khóc. Rồi bỗng như cái máy, chị vội đứng lên đỡ tôi dậy, nhặt hộp kẹo đựng tiền bỏ vào túi tôi.

- Bỏ chị gọi đây, em có nghe không? Em cho chị đi.

Tối mai... chị sẽ trở lại với em nhé.

Lời hứa hẹn làm cho tôi mừng lắm tuy tôi vẫn thấy nghi ngại chưa tin. Nắm chặt cánh tay chị, tôi hỏi:

- Có thật không? Hay chị phỉnh em?

- Trời ơi! Chị nữ nào nói dối với em. Tối mai cũng độ chừng này, *bỏ* chị với chị lại đến chờ em ở gốc cây bàng đằng kia, biết chưa? Em lại sẽ được nghe thôi sáo. Thôi, em buông tay chị ra cho chị đi kéo *bỏ* chị chờ. Đừng buồn nữa nghe không? Em cười đi... Cười đi...

Tôi gượng cười. Mà chừng như chị Dung cũng gượng

cười. Chúng tôi nhìn nhau một lần cuối cùng rồi chị Dung chạy vội về phía ông cụ. Tôi đứng lặng người trên bờ cỏ nhìn theo.

Trên trời cao, một vầng trăng sáng.

Đúng y như lời hứa, tối hôm sau, hai cha con chị Dung lại đến tìm tôi ở chỗ cũ.

Nhưng không phải chỉ một lần ấy mà thôi. Từ tối hôm ấy trở đi, chừng như đêm nào hai cha con ông cụ cũng tới nơi hẹn trước rồi mới chịu đi nơi khác. Mỗi thân tình giữa tôi và họ đã được nhen nhúm ngay ở gốc cây bàng mỗi ngày mỗi nồng đậm thêm. Những cuộc gặp gỡ này đã trở thành một cái lệ quen thuộc trong nếp sống hằng ngày của chúng tôi. Đêm đêm, cơm tối xong, tôi lại chạy ra gốc bàng. Tôi ít phải mất công chờ đợi. Chính hai cha con ông cụ thường đến trước để chờ tôi. Có lắm đêm tiếng sáo lọt qua song cửa, quán quít lấy tôi trong bữa ăn. Và khi gặp nhau là cả một cảnh đoàn tụ vui vẻ làm sao. Vừa thấy tôi chạy đến, chị Dung đã lộ vẻ vui mừng, bảo ông cụ:

- Linh đã ra đây!

Ông cụ lại nhướng cặp mắt đục lên, đưa thẳng hai cánh tay ra phía trước, sờ soạng:

- Đâu, đâu? Nó ở đâu nào?

Chị Dung hất mặt ra hiệu cho tôi tiến gần ông cụ. Khi đã vớ được tôi, ông cụ ôm chặt, kéo tôi vào trong lòng, ngẩng mặt lên cười với đôi môi đỏ chót cả cốt trầu và hai con mắt đục:

- Ngồi xuống đây. Đêm nay nhỏ thích nghe điệu gì nào? Kim tiền hay Lưu thủy, Nam bằng hay Nam ai?

Nhưng lần nào cũng vậy, trước khi thổi sáo, và trong lúc lắng nghe tôi trò chuyện với chị Dung, ông cụ lấy

tay sờ khắp người tôi. Hết vuốt mái tóc, ông lại sờ rầm vào trán, vào mũi, vào má, vào cằm, nắm bóp từng vành tai, gò má, từng bàn tay, bàn chân của tôi. Ông cụ sờ rất kỹ, như cố ghi nhận bằng xúc giác những gì mắt mình không còn thấy được nữa. Một sự lạ là sau một thời gian ngắn, tôi tưởng như ông cụ đã thấy rõ tôi qua bàn tay sờ sờ, nhăn nhoe ấy. Ông cụ còn chú ý đến cả những sự thay đổi rất nhỏ nhất trên tấm hình hài bé bỏng của tôi. Tóc tôi dài chưa kịp hớt, móng tay không cắt, hai má tôi bị xước ở đâu, chân tay mình mẩy tôi bị trầy trọt chỗ nào, áo tôi có mấy hạt nút bị đứt, ông cụ đều biết cả. Với sự sờ rầm mặt mày, ông cụ còn đoán biết cả tâm trạng của tôi. Một hôm, sau khi sờ rầm như vậy, ông cụ tát nhẹ vào má tôi:

- Hừ, làm sao hôm nay nhỏ lại buồn thế? Có việc gì mà mặt mày phụng phịu cả lên như thế này?

Tôi giật mình. Quả thật tôi đang bức tức vì tôi đã làm sút mất cái đầu con búp bê mới mua. Và thường thường, những khi tôi có chuyện buồn là ông cụ biết ngay, tra gặng cho kỳ được. Tôi cũng tỏ vẻ kể hết, ông cụ lại an ủi vỗ về tôi rồi tìm cách chọc cho tôi phải bật cười. Chị Dung cũng thế. Càng ngày tôi càng triu mến hai cha con ông cụ. Nhất là chị Dung. Thật tôi không thể còn tìm được ở một người thứ hai trên đời, cái hiền dịu của người con gái thủy mị đêm đêm, thường đến với tôi bên gốc cây bàng thuở nào. Sống trong nguồn tình cảm rạt rào của chị Dung, tâm hồn tôi như được bọc bằng nhung lụa. Tôi biết ông cụ yêu tôi, đêm nào cũng đến ngồi nơi gốc bàng để ôm ấp tôi và thổ lộ cho tôi nghe, là chỉ vì chị Dung. Quen thân lâu ngày tôi mới biết ông cụ rất quý con gái. Không phải vì mù lòa, cần nhờ con dắt dẫn, nhưng vì ông cụ chỉ có mình chị Dung là con. Chị Dung lại mất mẹ từ thuở lên

năm. Thuở ấy ông cụ chưa mù hẳn. Với cái tài thổi sáo hiếm có ông cụ đã dùng thứ nhạc khí này làm phương tiện sinh nhai. Trước kia ông cụ chỉ nhận giúp vui trong những đám đình, yến tiệc lớn mà thôi. Nhưng về sau này, gia cảnh càng ngày càng sa sút, ông cụ lại phải cất công đi bán tiếng sáo khắp nơi trong kinh thành.

Tôi chỉ biết có thế thôi. Còn nhỏ quá, tôi không hề nghĩ đến việc đi sâu vào cuộc đời và con người của ông cụ. Cả đến nhà cửa của ông cụ, tôi cũng không được rõ. Đã nhiều lần tôi gạ hỏi, nhưng chị Dung cũng như ông cụ, chỉ mỉm cười mà không đáp. Cùng lắm, chị Dung mới trả lời:

- Em hỏi làm gì? Nhà chị phải không? Nhà chị xa lắm!
- Xa lắm là ở đâu? Em muốn biết. Em muốn đến chơi với chị.

- Chị em mình gặp nhau ở đây không đủ hay sao? Đêm nào chị lại chẳng đến với em.

Rồi nhìn chằm chằm vào tôi, chị nói tiếp:

- Chị phải đến...

Tôi nhìn lại chị với cặp mắt chan chứa cảm tình:

- Tại sao chị phải đến?

Tát nhẹ vào má tôi, chị đáp:

- Cái gì cũng hỏi cặn kẽ lắm. Tại vì... đêm nào không gặp em thì chị nhớ, biết không?

Tôi ngả đầu vào vai chị, vừa lắc nhẹ, vừa nói:

- Em cũng thế chị ơi...

Và tôi thấy chỉ gặp nhau ở góc bàn cũng đủ rồi thật. Lâu dần tôi không còn quan tâm về chuyện họ từ đâu đến và đi về đâu nữa. Đêm đêm, hai cha con ông cụ lại hiện ra với tôi rồi lại biến đi như những nhân vật thần tiên trong truyện cổ tích. Đêm đêm, được ngồi bên cạnh chị Dung để trò chuyện hay nghe thổi sáo, tôi

thấy không còn gì thích hơn. Và chị Dung thật không nói ngoa chút nào. Vì chẳng có đêm nào mà hai cha con ông cụ không đến tìm tôi. Ngay cả những đêm không ra được, tôi vẫn nghe có tiếng sáo từ phía cây bàng vọng vào rất lâu như nhắc nhở, thúc giục tôi. Những lúc ấy tiếng sáo đối với tôi không còn là âm thanh của một thứ nhạc khí nữa nhưng là những lời nhắn nhe của hai cha con ông cụ.

Mãi như thế được bảy tháng trời.

Mùa đông năm ấy vừa tàn. Cả kinh thành rộn rịp hẳn lên trong cảnh mừng xuân. Tết đã về với tôi, chung quanh tôi, trong tiếng gà oác, tiếng lung tung và tiếng pháo, trong những cảnh mai đơm hoa vàng rực.

Nhưng khác hẳn mọi năm, cái phong vị của Tết năm ấy không làm cho tôi say sưa vui thích như thường lệ,

Với lòng khát vọng ngày Tết của tuổi thơ, một năm qua đối với tôi dài hơn vạn kỷ. Nhưng lần này, Tết vừa về tôi lại trông cho Tết chóng qua. Vì một năm trời dằng dặc ấy đối với tôi không lâu bằng khoảng thời gian mười mấy ngày trời phải cách biệt hai cha con ông cụ.

Ngay từ tối hăm lăm Tết, một nỗi buồn nhớ đã chiếm cả lòng tôi. Tối hôm ấy, sau khi đã thổi sáo cho tôi nghe, ông cụ vò đầu tôi, âu yếm:

- Tối mai nhỏ đừng ra đây nữa.

Tôi giật mình, kinh ngạc nhìn ông cụ rồi xoay nhìn chị Dung:

- Tại sao vậy? Chị Dung mỉm cười:

– Có sao đâu, Tết sắp đến, *bọ* chị và chị phải về làng.

- Thế chừng nào em được gặp lại?

- Tôi mừng tám em ra đây... Tôi mừng tám, nhớ chưa?

- Có thật không? Chị Dung mừng yêu tôi:

- Có bao giờ chị nói dối. Tôi mừng tám nhất định.

Rồi chị Dung đặt vào tay tôi một gói bánh. Tôi vội gạt ra:

- Để chị ăn. Em có nhiều rồi. Ngày nào em lại không có bánh.

Chị Dung lắc đầu nói giọng khản khản:

- Chị biết rồi. Nhưng là món quà riêng của chị. Hay em kính chị nghèo?

Tôi cảm động đến muốn khóc, cầm lấy gói bánh và lặng người đi. Ông cụ lại vò đầu tôi. Chị Dung hôn vào trán tôi rồi hai cha con dắt nhau biến lần vào bóng tối của kinh thành. Tuy biết đây chỉ là một cuộc tạm biệt, nhưng tôi vẫn nghe tê tái cả người và khổ sở như không còn bao giờ được tái ngộ nữa.

Thế rồi một ngày qua, đối với tôi không phải là ba mùa thu dài đặc nhưng là ba thế kỷ vô tận. Đồ chơi, bánh trái, áo quần mới, xu hào đầy túi đều trở nên vô nghĩa. Tiếng pháo mừng xuân rộn rã khắp kinh thành càng làm cho lòng tôi thêm hồi hộp, bồn chồn, nao núng! Tôi cứ nghe phập phồng hồi hộp đêm ngày. Tôi những lo sợ không còn bao giờ được trông thấy lại ông cụ, được nghe lại tiếng sáo. Và chị Dung nữa. Chao ôi, chị Dung hiền dịu của tôi!

Mãi như thế cho đến ngày mừng tám Tết. Ngày cuối cùng càng dài đặc làm sao. Buổi sớm, khi vừa tỉnh giấc, nhìn ra bên ngoài, tôi càng đâm lo. Từ dạo Tết ra đến nay, hôm nào trời cũng tạnh ráo. Hôm nay trời lại ỉu mưa. Nhìn những áng mây đen sẫm, tôi những hồi hộp. Tôi nghĩ chừng như có một sự sắp đặt của thiên

nhiên để phá đám cuộc tái ngộ của tôi với hai cha con nhà nghệ sĩ mù.

Nhưng rồi trời không mưa to. Sau bữa cơm tối tôi lướt đám bụi mưa mà đi. Tôi nôn vội đến quên cả gói bánh mà tôi để dành cho chị Dung. Tôi đã chọn lựa những thứ ngon nhất, những chiếc bánh tôi tin rằng chị Dung chưa bao giờ được cầm tới chứ đừng nói là ăn. Tôi những muốn lộn lại, nhưng vì nôn nóng gấp mặt, tôi lại không có can đảm quay lại.

Đêm ấy đường vắng mà lại tối nữa. Ngọn đèn ngay bên cây bàng bị tắt. Từ đằng xa một ngọn điện đường khác giọi lại một thứ ánh sáng lu mờ.

Tuy còn nhỏ, nhưng tôi không nhát gan lắm. Lại nghĩ đến cái vui được gặp mặt ông cụ và chị Dung, tôi càng dấn dạn hơn. Tôi vừa đi vừa phấp phồng lo ngại trong lòng. Ông cụ và chị Dung có đến không? Có gặp gì trở ngại không? Tôi cố tưởng tượng trước cuộc đoàn tụ đêm nay nhưng rồi tôi lại cố xua đuổi những gì tôi hình dung trong óc về cái vui của cuộc đoàn tụ. Lúc nhỏ, tôi có một sự tin tưởng ngộ nghĩnh là sự việc ở đời thường xảy ra khác hẳn với ý định của mình. Cái mình tin là vững chắc thì lại không bao giờ có thật. Tôi cố nuôi dưỡng mối lo ngại trong lòng để cho sự thật sẽ xảy ra một cách may mắn hơn.

Vừa đi, tôi vừa nhìn về phía trước.

Bỗng tôi giật mình, dừng lại, trướng mắt cố nhìn. Có bóng ai ngồi dưới gốc cây bàng. Nhưng không phải chị Dung và ông cụ. Một người nào lạ, ăn mặc toàn đồ trắng, ngồi có chân và gục đầu úp mặt trong lòng hai bàn tay đặt trên đầu gối. Không, không phải chị Dung. Một người nào lạ. Cái vẻ im lìm như pho tượng và cái màu trắng toát của quần áo chập chờn trong ánh sáng mờ mờ gieo vào người tôi cả một ớn lạnh. Tôi nghe sồn

cả tóc gáy, vừa sắp rú lên. Nhưng sức nhớ đến chuyện ma hóp hồn khi nghe được tiếng người ta - một sự khôn ngoan mà mẹ tôi và các chị tôi thường căn dặn kỹ - tôi cắn chặt môi dưới, nín thở, quay vội lại, đâm đầu chạy một mạch về nhà. Vừa vào đến mái hiên, tôi thét lên một tiếng, rồi ngã nhào xuống.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy tôi đang nằm trên giường. Cha tôi, mẹ tôi, các chị tôi và cả tôi tớ đều ở cả trong phòng ngủ. Thấy tôi cựa mình, mẹ tôi đã cúi đầu gọi:

- Linh, Linh, con đã tỉnh chưa?

Tôi mở mắt nhìn mẹ tôi rồi nhìn khắp mọi người. Mẹ tôi lại hỏi:

- Linh này. Con làm sao thế. Ai đuổi theo con? Ai dọa con? Nói nào?

Tôi lắc đầu. Một lúc lâu tôi mới lắp bắp:

- Không ai dọa con cả. Con thấy ma.

- Ở đâu?

- Ở dưới gốc cây bàng đầu đường ấy.

Bỗng tôi nghe anh Bảy, người ở, cười lên rồi bảo mẹ tôi:

- Đấy thưa bà, con nói có đúng không? Ma có đâu có. Lúc chạy ra mua thuốc, con thấy nó ngồi đấy. Thoạt tiên con cũng ngỡ nó là ma, nhưng đánh bạo quẹt diêm lên mới trông rõ mặt nó.

Mẹ tôi vội hỏi:

- Nhưng nó ngồi đấy làm gì?

Anh Bảy lắc đầu:

- Thưa con có biết đâu. Có lẽ nó nhớ ông cụ, vì trước kia ông cụ cũng thường hay ngồi đấy, thường hay thổi

sáo ở đây. Ông cụ bị ô tô cán chết tại đầu cầu Bạch hồ cách đây có trên mười hôm.

Tôi thét lên một tiếng rồi chồm vội dậy. Tôi muốn chạy ngay ra gốc cây bàng vì tôi đã hiểu hết. Nhưng người nhà tưởng tôi lên cơn mê sảng, vội xúm ôm lấy tôi, chận lại mặc tôi lăn lộn, vùng vẫy, khóc lóc. Mẹ tôi kêu lên với tất cả sự lo ngại:

- Linh nó sợ nhập tâm rồi. Đừng đưa nào nhắc đến chuyện này nữa. Đi mời thầy lang mau lên.

Tôi lại cố thu hết sức lực, chồm lên, gào thét:

– Đừng mời thầy lang. Thả con ra. Thả con ra mà, khổ lắm mà... Chị Dung ơi, chị Dung...

Các chị tôi ngơ ngác hỏi nhau:

- Chị Dung nào vậy?

Cha tôi tiến lại bên giường nói nhỏ:

- Nó nói mê đấy.

Rồi cha tôi nạt lớn:

- Có im không? Bảo im!

Trước cái oai của cha tôi, tôi đành phải nằm yên không dám vùng vẫy nữa. Nhưng càng nghĩ đến chị Dung tôi càng đau khổ. Úp mặt vào gối, tôi thổn thức mãi rồi tôi mê đi lúc nào không hay.

Trong cơn mê, tôi lại thấy tôi chạy ra gốc bàng. Chị Dung vẫn còn ngồi ở đấy. Vừa nghe tôi gọi, chị ngẩng lên nhìn tôi với một gương mặt tan tác, đầm ướt cả lệ. Tôi vội ôm lấy chị, áp má tôi vào má chị.

Tôi hỏi:

- Tại sao chị khóc? Tại sao chị lại đến đây một mình? Bọ chị đâu?

Chị Dung nấc lên một tiếng nức nở:

- Bọ chị chết rồi, em ơi.

Nói xong chị khóc sụt sùi. Tôi cũng ôm chặt lấy chị mà khóc theo. Nhưng rồi tôi muốn ngất đi, không khóc được nữa, vì ngay giữa lúc ấy, tôi nghe có một điệu sáo u huyền từ đâu trong cõi xa xăm vẳng lại, hòa lẫn với tiếng thôn thức của người con gái đang ôm chặt lấy tôi trong bóng tối đêm xuân.

Phan Du

(trích từ *Ngày Hồng Xưa* tuyển truyện tuổi thơ của 8 tác giả. Tân Văn số 35 tháng 3 năm 1971)

Sơ lược tiểu sử:



Chân dung nhà văn Phan Du

Nhà văn Phan Du (còn có các bút danh khác là Phong Kiều, Lan Chi, Hữu Phương) sinh ngày 1-5-1915 tại làng Phước Sơn, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, mất vào

ngày 11-3-1983, tại Đà Nẵng hưởng thọ 68 tuổi.

Tác phẩm

Trong việc nghiên cứu và sáng tác ông viết khá đều và rất nghiêm túc. Từng được giải thưởng về truyện ngắn Thơ văn Á Châu của Trung tâm Văn bút Philippines với tập truyện ngắn Hai chấu lan Tố Tâm.

- Cô gái xóm nghèo (truyện 1959)
 - Hai chấu lan Tố Tâm (truyện, 1965)
 - Uất hận lên men (truyện, 1964).
 - Truyện con người (biên khảo, 1968)
 - Dinh Thầy (truyện 1969).
 - Mộng kinh sư (biên khảo, 1971)
 - Những quả cà chua (1971)
 - Cửa báu nhà họ Vương (1970)
 - Quảng Nam trong lịch sử (1973, biên khảo)
 - Hang động mới (truyện, 1970)
 - Truyện con người, NXB Cảo Thơm, xuất bản năm 1958.
- Đây là một công trình về nhân chủng học, nghiên cứu về sự hình thành loài người, con người từ thời tiền sử đến hiện đại. Tác giả đã phác họa được lịch trình tiến hóa của loài người từ một quá khứ sinh vật theo quan điểm tiến hóa luận của ngành cổ sinh vật học và khảo cổ tiền sử gần đây.

SÁNG TÁC MỚI

Ngọc Nhân Dương Trần

Nội

Tôi có ba em trai và bốn em gái, là đứa cháu nội lớn nhất. Ba tôi trở thành con trai trưởng khi bác Năm Trọng treo cổ tự tử khi đi kháng chiến trở về. Tôi chỉ nghe kể lại về bác, vì bác mất một năm trước khi tôi sanh ra. Sau chấn động đó, Nội nhất định hồi cư; có nghĩa là bỏ vùng Việt Minh chiếm đóng trở về thành. Ông bắt tôi đi theo với ông năm 1954. Tôi mới bốn tuổi. Nghe kể, Mẹ tôi cũng đau đớn lắm khi rời khỏi tôi nhưng dù sao đứa em kế của tôi chỉ cách tôi một tuổi và bà đang mang đứa thứ ba trong người. Nội ở Cái Tắc, cách Ba chỉ khoảng ba mươi cây số nhưng phải đi đường xe xuống Phụng Hiệp rồi mới đi tàu vô Búng Tàu mà phương tiện di chuyển bấy giờ rất khó khăn. Đất vườn còn ở đây, Ba phải ở lại để canh tác, trách nhiệm thu hoạch trên ruộng lúa năm đầu tiên sẽ dùng lo chuyện cưới vợ cho chú Út của tôi. Mỗi năm tôi chỉ gặp cha mẹ vài lần trong dịp giỗ Tết. Tôi lớn lên không bình thường trong lễ giáo và quan niệm sống độc đoán của Nội, cộng với sự hà khắc của bà Nội là vợ sau của ông. Cô chú và ba tôi đều rất hận bà vì bà đã cướp ông Nội, đẩy bà mẹ của họ ra đường nghèo khổ và chết chỉ mới năm mươi ba tuổi, chú Út lúc đó chín tuổi.

Ông Nội là người thế nào? Nghe Nội kể thuở nhỏ ông cực khổ lắm vì mẹ của ông là một tiểu thư mà lại mê

người kếp hát bội người Tàu trên đường lưu diễn ghé qua đình Cái Tắc. Ba Mẹ của Bà Cốc không đồng ý nên từ bỏ bà, không chia cho bà chút tài sản nào.

Trông Trầu mà lộn với Tiêu

Con theo hát bội mẹ liêu con hư. (ca dao)

Người chồng “Hát Bội” này để lại cho bà tám đứa con và cuộc sống nghèo xơ xác. Bà Cốc cao, ốm và mạnh khỏe, ra đồng làm việc như đàn ông, bà sanh ông Nội ngay trên bờ Trâm Bầu của thửa ruộng mướn lại của chị mình nhưng ông vẫn cao to trắng trẻo đẹp trai và hào hoa nhất trong tất cả anh chị em. Nội kể lúc nhỏ ở miền Nam thời Pháp thuộc với chế độ thu tô của điền chủ. Là nông dân, nên ông thương và thông cảm cho nông dân. Ông trải qua những ngày ăn gạo âm⁽¹⁾, mặc quần bằng vải bao bố tồi⁽²⁾. Từ năm lên mười đã ra đồng giúp mẹ làm đến chân lở loét vì dầm ướt suốt ngày trong bùn. Mỗi đêm ông dùng vải cũ quần vết thương ở chân, sáng vải bị dính phải ngâm vào trong nước mới gỡ ra khỏi vết thương để thay miếng bó chân khác vào, và tiếp tục ra đồng. Suốt mùa nước nổi đôi chân hôi thối không bao giờ lành. Cũng vì lẽ đó mà lớn lên ông nhất định thoát ly khỏi nghề nông ra tỉnh mặc áo Bành Tô mang giày Hàm Êch⁽³⁾.

Ông Nội thứ sáu tức là người con thứ năm trong gia đình. Hai chị gái lớn rồi một loạt 5 con trai, người Việt tin là “ngũ quý” không tốt, nên ông Út đã chết vô duyên có ở tuổi 16-17 gì đó (sau khi nghe trảng pháo đại đốt trong ngày Tết là giạt mình nhóm bệnh). Bác Năm Trọng cũng là một trong 5 đứa con trai của nội, tự tử chết ở tuổi 25.

Nhờ rất đẹp trai, mười tám tuổi ông lấy vợ. Bản chất thông minh ông tìm được một chỗ đứng giúp quản lý

ruộng đất cho mấy người anh em họ giàu có và sống thoải mái như một công tử, ăn trên ngồi trước, đi đây đi đó, diện quần áo đẹp như để bù lại thời bần cùng lao nhọc khi còn trẻ.

Bài bạc, gái đẹp, rượu chè thứ gì ông cũng không từ trừ thuốc phiện, dùng đầu óc kiếm ra tiền thay vì làm việc tay chân. Nhưng cũng như cha mình, ông không có trách nhiệm với vợ con. Bà Nội sống cũng cực khổ như bà Cốc, người bà nhỏ nhắn xinh đẹp tần tảo giữa chợ đông và buôn bán trái dài sông rạch miền Nam trên thuyền ghe thương hồ cho đến ngày qua đời. Bà không có sức mạnh để làm việc đồng áng.

Nội hồi cư, tuổi đã hơn sáu mươi, ông lui về đây sống nhàn với hai mươi công đất ruộng, mướn nhân công canh tác, và một công đất vườn nằm bên dòng rạch Cái Tắc với căn nhà ngói nhỏ ông xây để ở với người vợ thứ từ năm 1954, cách chợ nửa cây số. Tuổi thơ của tôi theo Nội lớn lên trong thời nội chiến, sống ở vùng “xôi đậu” này.

Sau khi Pháp về nước, các chủ điền miền Nam không còn thao túng thu tô trần lột tá điền nữa. Họ được sự đồng ý của chính quyền hiện giờ sẽ thu một công đất một gia lúa. Có năm thất mùa nông dân năn nỉ Nội - xin với chủ đất được giảm tô xuống phân nửa. - Những chủ điền trong vùng đất này là cháu của Nội, dòng họ ngoại, bên bà Cốc - Thấy họ nghèo Nội cũng nói giúp. Rồi Cộng Sản ngày một mạnh hơn. Điền chủ không còn dám đi vào vùng sâu. Điền chủ lại nhờ Nội thu tô dùm với giá cả hợp lý. Nội đứng trung gian giữa hai bên nhưng luôn nghiêng về phía người nghèo. -- Tôi nghĩ đây cũng là công việc mà Nội đã làm từ lúc trẻ --. Cho tới khi chính quyền miền Nam đưa ra chính sách người cày có ruộng thì việc thu tô cũng chấm dứt. Nội sống theo kiểu “phụ xử tử vong tử bất vong bất

hiếu” nên khi ông muốn độc chiếm đứa cháu nội đầu tiên cho riêng mình thì ông cứ làm mà không cần lý giải gì, và cũng không cần biết phản ứng tâm lý của đứa trẻ như tôi hay niềm đau cắt ruột của bà mẹ trẻ vừa sinh được đứa con đầu lòng của mẹ tôi như thế nào? Nói cho công bình Nội thương tôi lắm. Tình thương mà Nội dành cho tôi, dù đôi khi nó làm cho tôi nghẹt thở. Nếu phải luận giải theo cái gọi là “số” thì trong cái “mệnh” không được ở gần mẹ cha từ nhỏ của tôi lại trở thành cái “may”. Không có ông tôi cũng bị vùi chôn trong vùng quê Búng Tàu dốt nát như hai đứa em kế Hiền và Hoàng vì chiến tranh trù lên miền Cộng Sản chiếm đóng.

Tôi lớn lên như cây Bon Sai của người Nhật, sự cắt xén làm tôi đau, rào giậu quá cao làm tôi thêm gió mát. Tôi thiếu ánh nắng và bầu trời bao la. Tôi rất thích được về thăm ba mẹ và chơi đùa với mấy em hay chơi với trẻ trong xóm nhưng bọn nó không thích tôi vì tôi khác chúng. Nội cũng cảm đoán tôi ra ngoài vì nghĩ rằng đang bảo vệ cháu mình. Tôi cô đơn, tự cô lập trong cái vỏ ốc tự kỷ lúc nào tôi cũng không biết. Ba năm đầu tiên đi học với thầy Long, thầy Giảng, cô Phải, tôi như một đứa khờ mặc cảm, rụt rè, sợ sệt, đi học ở trường thì bị bọn trẻ khác bắt nạt. Nội, người duy nhất tin tưởng tôi, cứ bảo là tôi rất “sáng dạ”⁽⁴⁾. Mùa hè cuối năm lớp tư Nội gọi tôi đi học thêm với mấy người em của thầy Chân, vừa đổi về đây. Nhờ lối dạy mới, tự do, cởi mở, trẻ trung, không có cây thước bằng, tôi tự tin hơn. Đầu năm lớp ba, như có bà tiên gõ chiếc đũa thần khai mở trí óc, tôi đã thành một học sinh giỏi ở trường, tôi thấy mình như một mũi tên lao về phía trước, xuyên thủng bất cứ chướng ngại nào. Sau này đi vào ngành Giáo Dục tôi không bao giờ quên trải nghiệm xót xa như cảnh non bị ngắt đọt của

năm đầu tiên đi học đó, để có thể dạy tốt cho những trẻ hoàn cảnh không may mắn, ngay cả con cháu của mình, chúng cần được khích lệ vun quén một niềm tin rằng chúng có thể làm được.

Thú vui của tôi là đêm đêm tôi có thể đọc truyện Tàu, thơ Vân Tiên cho bà nghe. Tôi nhớ hết những nhân vật trong Tam Quốc Chí, Thuyết Đường, Thủy Hử, Chung Vô Diễm. Tôi cũng không chừa tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh và Dương Hà, còn thêm một vài quyển của Bà Tùng Long mà tôi mượn được. Có sách là tôi đọc, đó là phương tiện giải trí duy nhất của một con bé ở vùng quê như tôi. Bà Nội không câu nệ tôi đọc loại sách nào, dù bà thích nghe truyện Tàu hơn. Sách có cái hay và cái dở của nó. Nhờ sách mà tôi trở nên mê văn nhưng bảo thủ, đạo đức lẫn cổ chấp theo khuôn của Hồ Biểu Chánh, không biết gì hơn là đời sống như những nhân vật trong truyện, nhưng dù sao tôi đã biết có cái thế giới khác hơn nơi tôi lớn lên. Tôi cảm cúi học chờ cơ hội để thay đổi.

Tình thương nồng ấm của ông Nội xoáy vòng quyến luyến trên những đĩa chim Ốc Cao, Vỡ Vẽ, Chăng Nghịch rô-ti nóng hổi giòn thơm vào thảng giềng. Tôi cũng mê thịt chuột đồng mập mỡ trắng phau vì ăn toàn lúa khi mưa xuống, chúng là “gà đồng” của dân miền Nam. Nội nấu ăn giỏi lắm không phải bà nội đâu. Ông chế biến nhiều món như chuột muối xả ớt rồi nướng hay chiên, chuột băm nhuyễn xào lá cách ăn với bún. Có ai đã thử món bánh xèo nước dừa béo ngậy nhưn thịt chuột băm đã được phi thơm màu vàng nâu, quần với lá điều, lá sắn, rau rừng, chấm vào nước mắm chanh tỏi ớt hay chưa? Ôi tuyệt vời làm sao, chỉ có trên quê tôi, miền Nam Việt Nam thuở thanh bình.

Nước nổi, tháng mười, cá Trà Vinh từ Biển Hồ nương theo bè trôi xuôi dòng sông Cửu. Nội bắt cá bằng cần

câu trúc gài lá Cút Qua ⁽¹⁰⁾. Chiều chiều, nước dâng cao trên rạch Cái Tắc, mưa lâm râm se se lạnh vì gió bắc của mùa Thu. Tôi ngồi gác bên song cửa có tấm sáo tre buông hờ, tôi chăm chú theo dõi chiếc cần cong vòng run nhẹ theo dòng nước nâu thẫm màu phù sa. Câu bật là dính, cá Trà Vinh vẩy trắng bạc lấp lánh treo cao lơ lửng. Đôi khi cần bật mạnh quá, cá trắng phau bị bắn lên khỏi nước rồi rơi ùm trở lại, hú vía bơi nhanh theo dòng chảy một chiều mất hút. Cá tươi chiên giòn hay kho mặn nêm hành lá xanh xanh rắc ớt, tiêu, thêm chút mỡ heo béo vàng, cộng với nồi cơm gạo mới. Ôi thèm làm sao!

- Vuột mất rồi Nội ơi, con cá to nhất của hôm nay đó.

- Cá sậy là cá to. Nội sẽ bắt nó lại sớm thôi. Hôm nay mình cũng được bộn bộn rồi.

Và Nội đi xuống bến gài lại cây cần, tôi cũng chạy theo. Dáng Nội cao to, mặc chiếc quần đen lưng vắn trước ngực, ngắn ngắn khỏi cổ chân. Da rám nắng nâu hồng người trần trùng trục. Tóc và râu ông đã pha nhiều muối hơn tiêu nhưng lưng vẫn chưa còm. Cây câu tre bắc lên hai cây cọc đóng chéo ướm át lảng và tron ông phải tựa vào tay vịn, nó đông đưa vì sức nặng của ông cùng sức nước chảy. Mấy bụi cỏ ống cố vươn khỏi mặt nước, màu xanh lá mạ, thân mập tròn lún phún lông tơ, bập bênh theo con sóng, không khí mát rượi.

- Sao con đi theo, coi chừng trượt, đường lầy lội, lại đang mưa nữa.

- Mưa tạnh rồi. Con cũng muốn học bẫy cá.

- Học bẫy cá? Thuộc hết Cửu Chương bài chín chưa? Đọc ngược đó nghe không?

- Nội à, con thuộc hồi học lớp tư rồi bây giờ thì học mấy thứ khác, tập làm văn. Mai mới tới hạn nộp bài, văn tả người, đồ Nội biết con sẽ tả ai?

- Sao Nội biết được, chắc tả... anh nông dân?
- Ừ ừ...
- Ông thợ rèn, ông thợ bạc...
- Không nói đâu, làm bài xong con sẽ đọc cho Nội nghe...

Thế giới chung quanh tôi lúc sáu, bảy tuổi hơi phức tạp. Thời gian yên bình ngày một ít. Nhiều đêm nhóm bên kia về, tôi tắt đèn ngồi bên song cửa hé tấm rèm nhìn bóng mấy ông Cộng Sản di chuyển, dán truyền đơn, bắt loa tuyên truyền, khuấy rối đồn bót. Hỏa châu nhập nhòe những bóng đèn nghiêng ngả, đạn nhỏ từ đồn canh bên Quốc Gia bắn ra nổ trên đầu, những tàu dừa gãy quật và thân mang đầy thương tích. Sáng ra trẻ con đi nhặt những đầu đạn rớt vương vãi, thỉnh thoảng cũng có người bị thương, có lần đạn “Chum chum” nhiều ngay trên mái nhà làm ngói vỡ, tôi nhảy xuống phòng trú không kịp té trầy cả đầu gối. Từ hôm đó tôi không được ngồi xem *movies* chiến tranh cửa sổ ngoài hầm tiền nữa.

Vài ngày sau thì lại có những cuộc hành quân táo thanh lớn trong vùng xa, cùng với sự hỗ trợ đạn súng cối như Mọt-chê, Ổ-bích bắn cầu vòng trên không trung, tiếng nổ ầm ì. Đạn cối chỉ nhắm vào những mục tiêu tương đối xa. Nhà Nội gần chợ nên không trong tầm đạn. Bây giờ tôi có dịp ngồi đếm xem có bao nhiêu lính Việt Nam Cộng Hòa nón sắt xanh rêu, ô-liu màu áo, vai súng trận, lưng ba-lô trải ngang qua nhà. Chiều đến họ dừng lại đóng quân mệt nhọc đói khát. Nội không giàu nhưng lúa trù đầy bồ để ăn tiêu suốt năm. Nội sẵn lòng nấu cho họ nồi cơm trắng, hầm chung rau luộc đậm bạc thơm tình để chia sẻ đời sống gian khó của người lính trẻ. Nhiều chú từ miền Trung, miền Bắc di cư vào không người thân nhận gọi Nội là

ba má, ghi lại KBC, địa chỉ của lính, và như thế tôi lại có thêm công việc viết thư cho họ.

Vì sợ tình trạng lạc đạn Bà Nội và tôi giảng mừng ngủ dưới hầm trú mỗi đêm, cái “hầm tiến” đã xây bằng cách dùng đá xanh chung quanh thay vì đào xuống sâu, lát ván cách mặt đất chừng một tấc, nắp dưới bộ ngựa gỗ dày. Giờ nhớ lại tôi cũng không rõ làm thế nào mình sống được trong tình trạng đạn nổ chùm chéo hàng ngày này, nhưng có lẽ việc gì rồi cũng quen vẫn ăn vẫn thở.

Tuổi thơ của tôi trôi đi trong vết hằn chinh chiến triền miên, nhưng vẫn không kém nét hoạt náo vui tươi với những kỷ niệm của sinh hoạt ruộng đồng.

Nội lo chuẩn bị cưới vợ cho chú Út năm tôi lên sáu tuổi. Chú là đứa con trai duy nhất còn lại trong gia đình nên được miễn dịch (khỏi đi lính).

Muốn cưới dâu nhà trai tốn rất nhiều tiền từ chi phí đãi bà con làng xóm đến tiền sính lễ cho nhà gái cùng nữ trang cho cô dâu. Nhà gái theo tục thách cưới, cơ hội duy nhất lấy lại vốn liếng đã nuôi đứa con gái bao nhiêu năm, sau đó là hết trách nhiệm, đứa con gái đã thuộc về nhà chồng. Tùy theo gia đình có khả năng tài chánh hay không, nhưng ít nhất cũng phải mang đến cho nhà gái một con heo, nhiều khi người mình hay nửa đùa nửa thật khi sanh con gái: “Chỉ là để đổi heo thôi”.

“Có cưới mà chẳng có heo (heo)

Hôn nhân trắc trở như kèo không đanh (đinh)”

Vì tập tục này nhiều đứa con trai, cha mẹ nghèo không tiền cưới vợ phải chịu nằm sào cô đơn lẻ.

Ngay cả bác Năm Trọng cũng đã bỏ lễ trầu cao đi hỏi vợ nhưng chưa kịp cưới thì bác chết.

- Bà ở nhà với con Nhân. Tôi cùng thằng Chín đi một chuyến Châu Đốc núi Sam.

- Ông đi núi Sam làm gì?
 - Con trai lớn rồi xem ra tới lúc phải cưới vợ thôi. Tôi muốn tìm mua con bò con về nuôi một vài năm, lúc đám cưới xẻ thịt nó. Thịt bò rất đắt, thằng Sáu lo nuôi heo, bà lo trông chừng bầy gà, vịt, gần 100 con, xem ra cũng tạm đủ phần thịt nấu hai mươi lăm bàn đãi bà con hai họ.
 - Ông định chừng nào đi, đi bao lâu?
 - Chắc từ hai mươi ngày tới một tháng.
 - Sao lâu dữ vậy!
 - Muốn đem con bò về đây đâu có dễ, nhưng mua trên đó thì rẻ lắm.
 - Xe người ta chịu chở bò sao, chưa kể nếu bao nguyên xe hàng lớn thì đâu có lợi gì mà ông định đi tận trên đó mà mua.
- Nội chẳng nhìn lên cầm ly rượu để lên nhấp một cái rồi khà một cái mà chẳng vội trả lời. Ông gắp thêm một miếng khô lóc trộn với xoài xanh bỏ vào miệng có ớt đưa cay nhai xem chừng hả hê rồi mới nói:
- Đàn bà thì chỉ biết một mà không biết hai, tôi đã kế hoạch hẳn hoi mọi thứ. Điên sao mà chở bò bằng xe tải, phải đi bằng ghe. Mùa nước nổi, tháng này xà lan kéo cây xúc về từ miệt Tân Châu, Hồng Ngự, mình có thể trả cho họ chừng năm chục bạc là họ có thể chở giùm rồi. Tiện cho mình mà không thiệt gì cho họ. Bè xuôi theo dòng nước đổ về đến sông Cần Thơ là ổn rồi.
 - Xí! ... Ai không biết ông giỏi nhưng già như thế này mà đi một mình qua vùng rừng thiêng nước độc sẽ lợi được bao nhiêu chứ. Nhớ có bè nào. Người ta nói: “Nam Vang đi dễ khó về...”

Ông Nội phá lên cười, làm rung hàm râu trên rất dày của ông đã bạc hơn một nửa, tia khéo viền theo vành môi hồng hồng, nhân trung sâu. Hàm dưới râu cạo nhẵn, nhìn mờ mờ, lún phún như vẽ quanh gương mặt

vuông chữ điền với lưỡng quyền cao. Mắt ông to và sâu, vầng trán rộng, đôi mày xéch kiêu ngạo, vài cọng đã bạc dài xoáy xoắn ở phần cuối, mái tóc muối tiêu hơi gọn sóng cắt ngắn. Có lẽ nhờ tia hoa, làm vườn trong ánh nắng miền Nam làm da ông đỏ au khỏe mạnh. Giọng ông rang rang, mỗi lần ông “ách xì” cách hai ba nhà chung quanh xa cũng nghe được tiếng ông. Mọi người sợ ông một cách vô thức.

- Sao không nói luôn câu tiếp theo: “Trai đi có vợ gái về có con...” Bộ bà sợ tôi đi cưới vợ người Miên sao? Bà ghen hả?

- Ghen? Già như vậy ai mà thèm ông nữa mà ghen...

Bà Nội chỉ dám nói lên ông sau lưng cho tôi nghe khi bà nổi giận. Bà mắng ông là “sâu rệu” dù mỗi ngày ông chỉ uống một ly nhỏ vào buổi chiều. Bà nói với tôi là ông “thối lò rền” khi ngủ - vì tiếng ngáy của ông thật lớn bằng miệng, nhả hơi “phì phò” như ông bế trui thép rền dao. - Nghe đây này, Thăng Hòa chồng con Hai nhà mình đã từng đi lên miệt Bảy Núi (Thất Sơn) rồi. Qua khỏi biên giới, lãnh vực của Campuchia họ nuôi nhiều bò dê như nuôi chó mà không cần cho ăn, cỏ ở đó xanh như ruộng lúa. Mình trả chừng ba trăm là mua được một con bò con. Bò mau lớn lắm, nếu chưa xẻ thịt thì mình cũng dùng nó kéo lúa một mùa khô là đã lấy vốn.

- Bò kéo cày, bừa đất ruộng được không Nội? - Tôi xen vào.

- Không được. Bò là loài làm việc trên đất khô, bò kéo xe. Trâu làm việc dưới nước, con không nghe người ta còn gọi là trâu nước sao?

- Ba trăm một con? Giá con heo con cũng hai trăm rồi - Bà nội nói.

- Đúng vậy, nhưng qua biên giới và đem về được dưới này thì giá lên tới cả ngàn cho nên người ta mới đi

buôn.

Cuối tháng chín, gần đến mùa nước đổ, Nội và chú Út lên xe Long Xuyên, Châu Đốc đi về núi Cô Tô như dự định. Thời gian này mọi người đã lo trồng rẫy bán tết, và mùa Vía Bà Chúa Xứ đã qua nên xe về Châu Đốc cũng không cần bon chen đông đúc.

Tôi và bà Nội ở nhà khá thoải mái với tiền đi chợ đủ một tháng ông Nội để lại, mỗi ngày hai mươi đồng. Tôi học buổi chiều. Sáng sớm, bà Nội đóng cửa lại đi chợ lúc tôi vẫn còn ngủ, - đây cũng là kiểu trông chừng nhà ở quê tôi -. Lúc tôi thức dậy, Nội đã về. Bà Nội tiêu tiền phần lớn cho hàng vật nên lúc nào cũng có một trong những thứ bánh bò, bắp giả, bánh cam, hay bánh chuối, v.v... Thức ăn thì không cần thịt, chỉ là nửa cân cá sặc hay một con cá lóc nhỏ kho khô chấm rau luộc là đủ. Thỉnh thoảng, bà cũng mua hủ tiếu về xào với mỡ heo hay nấu cùng tôm khô làm canh. Ô! Nói tới món hủ tiếu xào, món tôi thích nhất lúc bấy giờ thay vì ngày nào cũng ăn cơm. Tôi không thể quên được những sợi hủ tiếu tươi mới ra lò, trắng phau ướt mỡ lẫn chung với giá đậu mập xào vừa chín, còn giòn; hành lá cùng rau cần xanh lơ cắt dài bằng đốt tay; tôm khô nhỏ màu hồng phi tỏi thơm trong chảo, thêm gia vị vừa miệng. Nội và tôi quán nó với rau xà lách hay lá sung dẻ, thêm vài cọng rau răm, rau húng cũng chấm vô nước mắm tỏi, chanh, ớt đỏ vườn nhà. Bà cháu vừa ăn vừa hít hà, hỉ hả hạnh phúc. Ngày khác đổi món bà mua ba đồng tép bạc quét cho nát và quện vào nhau, thả vào nồi canh rau ngót, mồng tơi, rau dền, v.v... - Nội trông rất nhiều quanh nhà - là hai bà cháu đã có nồi canh bốc khói, chan với cơm nóng ăn toát mồ hôi.

Cứ như thế, một tháng đã trôi qua. Bà và tôi đều trông

đợi ông từng ngày. Tiền cũng đã cạn, trễ sáu bảy ngày rồi. Tôi giờ từng tờ lịch trên vách mà đếm. Có chuyện gì không? Chúng tôi đã bắt đầu bữa cơm buồn chán với “mắm đuôi”⁽⁵⁾.

Đêm đó tôi đang nằm đọc truyện Tam Quốc Chí, bà Nội đang quạt cái bếp un khói bằng trấu cho đỡ muỗi đốt. Đã gần chín giờ, trông bà bồn chồn không tập trung, chắc bà nhớ mong ông. - Ông Nội mày đi lên đó gặp bà nào rồi nên quên đường về. Người ta nói. “Cô Tô...” - nhưng rồi lặng thinh, tôi chợt buột miệng nói:

- Vậy thì chú Út con về sẽ mang theo một người vợ nước da mận mòi, Nội khỏi lo tiền cưới nữa. - Bà Nội nhìn tôi không nhin được nữa thêm vào.

- Nếu vậy thì cũng đỡ chỉ sợ Ông Nội mày mang thêm về một bà Nội nữa cho mày đó chứ - bà trả lời giọng hờn mát... Tôi bắt đầu hơi lo, dù không tin mấy; tôi nghe nói ông có nhiều bà lắm, và có rất nhiều con rơi nhưng từ khi gặp bà Nội này thì ông đã trụ hình không còn bay bướm nữa. Khi bà Nội tỏ khổ ông Nội sau lưng, tôi không dám trả lời nhưng tôi lúc nào cũng đứng về phía ông Nội tôi. Ông Nội không bao giờ kêu tôi bằng “mày” và xưng “tao”. Ông hay rầy la bà là không nên xưng “mày, tao, mi, tớ” nhưng không có mặt ông thì bà vẫn đầu vào đấy và hay ngắt, véo, cú đầu cũng như chửi tôi bằng những danh từ rất thô lỗ cho dù không dám đánh. Bây giờ ông không có ở nhà, tôi tốt nhất đừng chọc bà ta.

- Con buồn ngủ rồi, con đi ngủ đây.

- Sao ngủ sớm vậy?

Không trả lời tôi chui vô mùng kéo chăn lên trùm đầu để khỏi phải nghe thêm. Bà Nội lầm bầm một lúc rồi cũng chui vào nằm kế bên tôi - Tôi ngủ với bà Nội vì ông không có ở nhà.

- Tùng! Xềng... xềng... xềng...

Cái thùng thiếc Nội treo trong nhà như một cái bẫy để báo động khi có trộm đã rơi xuống và nhồi lên nhiều lần chứng tỏ có người vào chuồng gà vương phải dây làm rớt cái thùng. Đàn gà trong chuồng đập cánh xoàng xoạc, khọt khọt, cục, cục, nhất là mấy con gà lòi: Klốt... klốt, klốt... klốt, klốt... ầm lên. Bà Nội ngồi bật dậy, tay đề lên ngực, miệng há hốc, cổ không thở mạnh. Tôi kéo cao tấm chăn trùm kín hơn, mắt nhắm nghiền... Tim đập liên hồi. Nhà không có đàn ông, làm sao khi có trộm vào nhà. Tôi chưa từng nghĩ tới việc này.

- Nhãn, Nhãn à, thức dậy, có ăn trộm vào chuồng gà... Còn sớm lắm mà, hình như mới hơn chín giờ phải không? Sao nó gan dữ vậy? - Bà nội nói thật nhỏ.

- Đồng hồ gõ chín tiếng lúc con lên giường. Làm gì bây giờ hả Nội? Nó bắt hết gà rồi có vô nhà không?... Tôi cũng lí nhí ngồi dậy lùi sát lại một góc mùng.

Nghe tới đó bà bước chân xuống giường cương quyết:

- Không thể để cho nó trộm hết gà được, cầm đèn theo tao bây giờ.

Nguy cho tôi rồi.

- Chắc nó không bắt hết đâu, gà mình nhiều lắm mà. Con sợ...

Bà bậm môi, kéo tôi sên sệt đi theo bà.

- Sợ cái gì, ăn trộm nó phải sợ mình. Nếu thấy nó thì phải la lên thật lớn, hàng xóm sẽ giúp chúng ta rượt nó. Vừa nói bà vừa nắm tay tôi đi về phía nhà bếp, bà hí hoáy tìm con dao phay trên giá dao, và đưa cho tôi một cây củi. Tôi đứng sau lưng run lập cập.

- La làng làm sao? “Làng xóm ơi tiếp tôi” phải không? Nếu nó đập cho mình một cây thì sao? Mình phải đập nó trước. Tao cầm cây dao phay, mày cầm cây này và cái đèn bão... Đi nhẹ nhẹ thôi. À, phải bỏ cây đèn lại, đừng cho nó thấy mình. Chúng ta đi vòng ngả trước rồi

bọc hậu ra phía sau...

Bắt trộm đâu chưa thấy nhưng bà chắc chắn đã bắt được tôi. Bóng đêm nhàn nhạt, ánh trăng non mờ mờ mới nhú sau hàng chuỗi tiêu, im lìm theo dõi hai bà cháu. Trời không có gió, chúng tôi núp sau thân cây mít phía sau nhà, gần chuồng gà, lắng nghe. Tôi căng mắt nhìn chung quanh. Có quá nhiều bóng đen trong đêm hình thù quái đản như đe dọa, đâu là bạn đâu là thù??... Dù gì tôi cũng phải giúp bà. “Tiên hạ thủ vi cường”, đánh trước mới giữ được phần thắng. Tôi phải thấy tên ăn trộm trước và phải hét thật to và phải đập thật mạnh bằng cả sức lực của mình. Bất giác tôi nhìn lại cây củi nhánh trám bầu mà bà Nội trao cho tôi. Cũng còn khá chắc, không tệ. Tôi cũng đâu có chọn lựa nào khác. “Giặc đến nhà mấy bà Dương phu nhân của Dương Gia Tướng cũng phải ra đánh, mình cũng họ Dương.

Tiếng gà cục cục rời rạc nhưng không bát nháo như ban nãy. Có tiếng chân bước, không phải một người. Rõ là hướng chuồng gà liền với gian bếp nơi mỗi đêm hơn một trăm con gà vịt lớn nhỏ vào đó ngủ. Chúng tôi dè dặt tiến từng bước một, bà siết tay tôi mạnh hơn làm tôi bị đau nhưng tôi không dám lên tiếng. Có tiếng thở phì phì nặng nề, tiếng thở to lắm. Ăn trộm gì mà thở như trâu rống thét. Tôi cảm thấy bà đang run, và bỗng nhiên đứng lại.

- Úm... Bo, e... Úm bo, e... Cà Clóc, clộc clộc...

Bà Nội quy xuống, tay tôi được buông ra. Mím chặt môi, dồn cả sức mình lên hai tay tôi giờ cao cảnh củi, chạy lại nhắm mắt đập túi bụi vô người đàn ông đang lom khom quay lưng về phía chúng tôi. Tôi nhỏ tí tẹo nghiêng ngả như con rối dưới bóng trăng nhập nhòa, ...

- Nhân, Nhân, chú Út nè... Ô!... Ô!... Ngừng lại... đừng có đánh nữa...

Tôi há hốc thở hên hên, cố nhận diện... Dưới ánh trăng non xuyên qua cây cảnh, điểm xuyết vài đóm nhàn nhật lên gương mặt chú Út người đội chiếc nón vải màu ka-ki sụp gần đến mắt hai tay chú bận đẩy một con vật bốn chân khổng lồ đang đứng che chắn lối vào. Nó thở phì phì không chịu bước. Chú cố đẩy về phía trước chừng nào thì nó càng ề ạch muốn thối lui về phía sau chừng ấy. Chân sau nó bơi bơi đá giò lái, chú phải nhảy sang một bên. Con Bò!!...

- Để đó cho tao. Đừng làm nó sợ.

Đàn gà vịt dồn hết về một phía la ồm ồm. Con bò đã chiếm gần hết diện tích căn chuồng. Bây giờ tôi mới thấy được ông Nội đang đội nón cối mặc áo đen ở phía trong lưng quay ra, tay nắm sợi dây dẫn con vật, lôi từ từ vào góc cột to nhất để buộc nó lại:

- Bà cháu giữ nhà kiêu gì mà bấy sụp cả nửa giờ rồi mới lò dò ra đây?

- Ông Nội... Bà Nội ơi... Ông Nội về rồi... Ừa, bà Nội xỉu rồi...

Tôi đã nổi tiếng can đảm từ ngày đó. Chú Út cứ đòi tôi phải chi trả tiền đã đả thương chú và phong cho tôi làm Dương nữ anh hùng. Tôi thì cứ nằn nì xin được nghe chuyện chuyến đi mua chú bò ghé dễ thương.

- Chú Út à, kể chuyện đi núi Cô Tô cho cháu nghe đi. Cỡi bò chắc oai lắm hờ chú?

- Lội bộ gần chết, vừa đói vừa khát, có gì mà kể...

- Làm ơn đi mà. Chú gặp ai ở đó và mua con Bê Bê này từ đâu vậy?

- Ừ, chuyện cũng dài lắm. Ở bên kia thung lũng của núi Phụng Hoàng Sơn, thuộc Thất Sơn là chỗ có bảy núi ở Châu Đốc.

- Ai dẫn chú đi?

- Chú và Nội tiếp xúc với người trong vùng, trả tiền

cho họ dẫn đi. Họ cho biết là nơi này nhiều đền đài miếu mạo hơn là chăn nuôi nhưng sẵn đi đến đó rồi thì Nội cũng ghé một ngôi chùa để nghỉ qua đêm trước khi đi Tà Kheo ở bên kia biên giới Việt Miên. Chủ Trì ở đây là một nhà sư người Khờ Me (Campuchia), ngôi chùa tên là Phụng Hoàng tự.

- Nội nói đi Cô Tô, sao chú nói là núi Phụng Hoàng Sơn, ở đó có chim phụng hoàng?

- Cô Tô là Phụng Hoàng Sơn đó. Có rất nhiều truyền thuyết được kể lại, chính các ông sư sãi tu ở đó rất hãnh diện nói: “Ngày xưa các vị tiên ông đã cùng nhau khiêng từng phiến đá xếp chồng lên nhau, xếp mãi cho đến lúc bình minh... Một đêm thôi, là xây xong núi Phụng Hoàng. Vì là những đá chồng lên nhau, giữa lòng núi chứa rất nhiều hang động, ngõ ngách bí ẩn”, nhưng người dẫn đường thì nói là do núi có hình dáng giống như cái tô lật úp, nên gọi là núi Tô.

- Chú thấy núi có giống hình cái tô không?

- Chỉ thấy đường đi dài ngoằn ngoèo nhiều đá lởm chởm chứ có thấy nguyên ngọn núi đâu mà biết giống hay không giống. Tuy nhiên phải nói là khi mệt quá ngồi nghỉ chân nhìn đường lên đỉnh núi ở những khúc quanh khuất xa xa. Nhà lá đơn sơ, hương lúa thoang thoang thơm, làn gió thật mát, rất khác ở đồng bằng. Lúa họ trồng dọc theo triền ở những nơi có nước, từng đám, từng đám, không theo hình dáng rõ rệt nào, nên cảnh trí giống như trong tranh vẽ, tuyệt đẹp.

- Chú có thấy các cô sơn nữ đi cấy lúa không?

- Họ xạ lúa tức là vãi hột; chứ không cấy như lúa ở vùng đồng bằng; thu hoạch không cao lắm, cả thời gian chú đi không thấy một nông dân nào trên cánh đồng. Dân Khờ Me họ làm việc ít lắm, vì họ cũng không đòi hỏi nhiều. Con có nghe nói: “Cá Biển Hồ, tràn lên tới cửa mặc sức mà ăn, Rừng Thốt Nốt không

trồng cũng mọc khi cần cứ uống”?

- Chú đi tới Biển Hồ luôn?

- Ô không, Chú và Nội chỉ đi qua khỏi biên giới một ít thôi chứ Biển Hồ ở xa lắm tận bên Siem Reap. Mỗi năm con thấy Nội hay bắt cá Trà Vinh, hay ở Châu Đốc dân mình kéo cá Linh nhiều quá ăn không hết, phải làm mắm và còn nhiều loại cá khác nữa đều trảy xuống từ Biển Hồ trong mùa nước nổi. Mình ở hạ nguồn, còn người Khờ Me họ ở thượng nguồn, chỉ cần đào một cái ao nhỏ trước nhà là cá theo nước đi xuống rồi nằm lại đó khi nước rút. Họ có cá ăn suốt năm thế thì làm chi cho nhiều.

- Thế nước ngập cả sân nhà hay sao?

- Con nói đúng, cho nên họ sống trên nhà sàn. Bò trâu sống phía dưới.

- Ước gì con có dịp đi thăm Châu Đốc.

- Châu Đốc là của Việt Nam, Thất Sơn huyền bí. Đây là vùng mà chú đi qua, ở đây khá lâu. Trên núi còn có một di tích nổi tiếng là sân Tiên, nơi đây có dấu chân Tiên. Cũng là tương truyền đó là dấu chân sau của Phật, còn chân trước thì nằm ở động Thủy Liêm trên núi Cẩm cũng thuộc Thất Sơn nhưng xa chỗ chú đến, Nội không có giờ ghé thăm nơi đó, nhưng chỉ nhìn những tảng đá to và những bóng đại thụ cao ngút là cũng thấy không khí rất huyền bí không giống vùng đồng bằng của chúng ta.

- Bà Nội nói khi leo núi không được nói mệt đâu mà phải nói khoẻ, khoẻ thì mới lên tới đỉnh được. Chú có làm vậy không?

- Mệt gần chết sức đâu mà nói mệt hay nói khoẻ. Cũng chắc tại như thế nên Nội và chú không leo lên tới đỉnh. Cháu hỏi chim phượng hoàng phải không? Núi Cô Tô đẹp nhất vào những đêm trăng sáng, có cả phượng hoàng xuống đậu trên cành Ngô để nhìn ánh trăng lên

bên hai bờ suối Ô Thum, Ô Sora So và hồ Soài So đẹp như tranh thủy mặc. Chú cũng chưa được thấy hai con suối đó chưa kể cuối tháng thì đâu có trăng. Nội chỉ đi tìm mấy sóc của người Miên để mua bò thôi, cuối cùng chỉ thấy ngôi chùa Miên này.

- Hai chú cháu nói chuyện gì lâu vậy, chúng ta phải làm chuồng bò hôm nay cho xong, mấy con muỗi thì nhau hút máu nó thì có ăn bao nhiêu cỏ cũng không đủ mập. - Nội đã ra sân tự lúc nào chúng tôi không hay.

- Nội định làm sao mà muỗi không cắn con Bê Bê? Nó đâu có ngủ trong mùng như chúng ta được. Nó vung vít cái đầu với cái sừng vừa nhú lên của nó là vải nào cũng rách.

- Thế thì Dương nữ tướng nghĩ xem làm cách nào đây. Có võng cũng phải có mưu mới thắng trận được.

- Để coi, thế Nội làm chuồng bò riêng với chuồng gà?

- Dĩ nhiên. Bò không thể ở chung với gà.

- Làm chuồng mà muỗi không cắn được thì phải giăng thêm mùng cho nó, nhưng muốn nó đừng làm rách mùng thì phải không cho nó đụng vô cái mùng... Dễ thôi, con nghĩ ra rồi. Cái mùng trùm lên cái chuồng là xong ngay, đúng không?

- Cũng sáng dạ lắm! Con giúp bà Nội may mùng cho nó. Mùng to, bằng vải dày và nhuộm chàm ⁽¹¹⁾ cho lâu rách hơn. Chuồng cây cứng chắc, khóa được con bò và bao bọc bởi cái mùng cho muỗi không chui vào.

- Ông Nội chưa nói cho con biết làm sao Nội mang được Bê Bê về đến đây vậy?

- Con hỏi con bò... À, con Bê Bê nó sẽ nói cho con nghe.

- Nó đâu có biết nói chuyện.

- Thì con hỏi nó như vậy nè: Bê Bê đã trèo non, lội suối băng rừng suốt năm ngày mới tới được Tịnh Biên, Nhà Bàng của Việt Nam đúng không?

- “Um Bò... Um Bò...” - Con nghe trả lời sau khi được Nội dứt cho một nhúm cỏ non.

- Nó nói đúng rồi, con nghe chưa?

- Nó chỉ nghe được tiếng của Nội thôi, vậy nội hỏi nó tiếp đi - Tôi hóm hỉnh trả lời.

- Thế Bê Bê có đi bằng xe không?

Nội không cho nó ăn, mà cầm bó cỏ đi ra phía khác, con bò theo mãi theo mãi không được nó dùng chân sau đá lia lịa, đuôi quất quất mấy con mòng bay quanh.

- Có nghĩa là không đi bằng xe chứ gì. Nhưng làm sao mà có thể lợi bộ từ Châu Đốc về đây?

- Con hiểu được nó rồi đó Vì xe nhỏ chở không nổi con bò mà xe hàng thì rất đắt Nội và chú Út con dẫn bộ nó suốt năm ngày đường ra được bến sông, đi bằng bè thêm mười ngày trên sông qua luôn vùng Tân Châu, Hồng Ngự, Long Xuyên thì về đến vùng Trà Nóc, Cần Thơ.

- Từ Cần Thơ về đây cũng xa lắm.

- Dĩ nhiên và vì Bê Bê đi rất chậm, Nội tưởng có thể về đến nhà trước khi mặt trời lặn nhưng kết quả là hơn chín giờ mới tới nhà, tạo cơ hội cho hai bà cháu “bắt trộm...”

- Nó cứ ngẩn ngơ nhìn mấy chiếc xe lại qua và còn dùng ăn cỏ hoài nên cũng phải mất đến ba ngày từ Cần Thơ về đây. - Chú Út thêm vào.

- Nội có thể cỡi trên lưng nó mà phải không?

- May là chưa cỡi mà nó còn đi chậm như rùa bò, vì nó mới tám tháng tuổi chưa được huấn luyện để cỡi.

- Con muốn ngồi trên lưng nó và hát bài “Ai bảo chăn trâu là khổ...”. Chừng nào Nội huấn luyện nó?

- Nguy hiểm lắm. Nội không muốn nó quăng con xuống đất đâu. Từ từ đi.

Con Bê Bê biết là mọi người đang nói tới nó, nó lừ đừ cụng đầu vào chú Út. Chú đưa đầu gối lên chịu cho nó

cụng, nó quay qua phía Nội. Nội cũng làm như thế. Nó quay sang tôi, tôi lẩn sang một bên, Nội nắm sợi dây luồn ngang mũi nó kéo lại và đưa gổ cho nó cụng, nó đứng yên. Nội cho nó cỏ, nó ngoạm vô bằng cái lưỡi nhám dài rồi nhai ngao ngáo, nước bọt vương vãi hai bên mép, đôi mắt nâu vô tư liếc nhìn tôi. Tôi núp sau Nội đưa tay vuốt nhẹ nhẹ lưng nó và nhìn kỹ bộ lông vàng mượt trên lớp da dày, cổ vẫn còn nhăn nheo da chưa kịp căng hay vì nó hơi ồm? Nó lắc lắc cái sừng vừa mới nhú ra phản đối, và lại đá đá hai chân sau khiêu chiến với tôi.

- Bài học đầu tiên con phải học là khi nó cụng con không được chạy mà phải đưa đầu gổ ra chịu, chúng tỏ con còn cứng hơn đầu của nó, con không sợ nó. Khi quen con rồi nó không cụng nữa. Thứ hai, con không đứng sau đuôi nó. Bò hay đá giò lái ra phía sau có thể vì thói quen hay vì muốn di động để đuổi mấy con ruồi, nó đá trúng thì đau lắm và có thể bị thương đó nghe chưa!

- Dạ, Nội.

Chú Út vẫn chưa chịu ưng bất cứ cô gái nào trong vùng mà mấy bà mối mai đưa tới. Con Bò đã hơn một tuổi cao vọt lên và to ra nhất là cái bụng, ngày càng ăn nhiều hơn, hình như nó chưa bao giờ biết no là gì. Mỗi sáng tôi dẫn nó đi dọc theo bờ vườn, buộc nó cạnh bờ cỏ ông sát mé ruộng cho nó đứng đó ăn cỏ còn tôi thì thơ thẩn đi tìm trứng mấy con gà tây khờ khạo của nhà tôi, chúng cứ để tùm lum, giấu đây đó trong cỏ, nhất là ở mấy góc dừa chét lâu ngày bị nước đọng khuyết xuống như lòng chảo. - Gà tây đẻ trứng nhưng không biết ấp, phải nhặt trứng về nhờ gà nhà ấp giùm - Tôi cũng thích đi “đỡ” ⁽⁶⁾ những trái quýt bị bọ xít đục (chích vô) làm quýt bị lổm đổm vàng. Ngày mưa có

khi tôi đem về hàng rô, mặc tình ăn, hay bán cho lũ trẻ hàng xóm.

- Nếu không bẻ thì nó cũng úng thôi đi - Nội nói vậy.

Ngoài ra tôi cũng cắt thêm mỗi ngày nhiều bó cỏ nữa cho Bê Bê ăn buổi tối. Đúng là dân chăn bò nhưng không có quần *jean* hay giày ống.

Nội dự tính sẽ cho Bê Bê ra đồng làm việc vào mùa khô năm nay. Hôm trước Tết nó cũng đã học kéo rơm, trên cái xe cây hai bánh, về trử để nướng bánh tráng bánh phồng Tết.

Ruộng của Nội ở rạch Mù U cách nhà khoảng ba cây số. Phần nặng nề nhất như phát cỏ, bừa đất, gieo mạ, bứng lúa hay cấy, cắt, đập lúa Nội đều mướn người. Tuy nhiên, trong mùa khô tháng Giêng sau Tết, là mùa gặt lúa, lúa đã thành hạt, sau khi vê hết bụi rơm, chú Út và Nội cầm lều trên bờ ruộng, gom lúa xong thì mướn ghe chài vô chờ vê. Công đoạn này cần phải cẩn thận giữ lúa khô, sạch, không thể giao cho người ngoài rất dễ thất thoát.

Cách vài ngày tôi có nhiệm vụ lợi bộ ba cây số đường làng mang thêm thức ăn cho Nội. Cuối tuần được theo cùng chú Út lên ruộng nhìn những người thợ cắt đập vun lúa lại thành đồng. Không khí thường nóng đủ cho lúa khô trên cánh đồng dù chưa thật sự là mùa hè. Buổi trưa oi nồng, mọi người làm việc mồ hôi nhễ nhại. Phần Nội trông chừng cho thợ cắt, đập, vê sàng, vô bao chờ chú Út mang xe lên đầu đất gom về đổ cạnh chòi ở cuối con rạch mà Nội dựng lên bên cạnh mộ bác Năm. Tôi thì dễ rồi, chỉ ngồi canh núi lúa không lơ đễnh cho ai xúc trộm, có nước dừa tươi để uống. Gom xong Nội sẽ chọn ngày cho xuống ghe chài chờ về nhà. Nội bao giờ cũng chỉ huy mà thôi.

Cái cảnh lúa tải liên tục đổ vào đồng chừng như không bao giờ xong được nhưng càng kéo dài mọi

người càng vui cho một năm được mùa. Công việc này mất chừng một tuần đến mười ngày. Ai cũng lo gom lúa của ruộng mình về càng nhanh càng tốt. Ít nông dân chịu làm thuê trong thời gian này, vì càng trễ, cơ hội trúng nhằm một cơn mưa càng nhiều, lúa sẽ bị ẩm mốc.

Năm nay Bê Bê giúp chú Chín, cái cô to khỏe, mang chiếc ngàm gỗ của chiếc xe cây có hai bánh cũng bằng gỗ phía sau chất đầy bao lúa. Nó kéo lịch kịch, cọt két, nhưng năng suất bằng năm người thanh niên khỏe mạnh. Bữa ăn chiều của nó phong phú với rom rạ mới đập thơm nồng, rồi nằm thông thả suy tư, nhai lại bên chòi ruộng. Hai ba ngày là tải hết lúa trên ngàn về đồng. Những người láng giềng muốn thuê chiếc xe và con bò sang tải cho đất của họ, Nội vui vẻ bằng lòng. Tiền kiếm được chú Út kêu ghe thương hồ mua vài trái dưa hấu, mấy thau sương sáo nước đá, và cả thịt heo nữa cho bữa cơm chiều. Tôi thích được ở lại với mọi người vì khi rảnh rồi chú Út thả thừng ⁽⁷⁾ đàn từng tưng, thả diều bay cao vút, hay nhìn vườn cây của ông Hai Khanh, buổi chiều rất nhiều cò riu rít bay về đậu trắng cành xanh. Chúng tôi ngồi thịt mấy con chim mà cả nhóm thanh niên cùng chú Út dí đuôi vô lạp: Ốc Cao, Chằng Nghịch, Võ Vẽ, Gà Nước, chúng ăn lúa, mập tròn vo, xiên qua cây đũa tre dài, nướng trên lửa rom mỡ rơi xèo xèo, ăn bằng thích tới no. Các ông nhâm nhi rượu chuyện trò ròn rã. Vui nhất khi đêm xuống hết nóng, tôi gói đầu lên về Nội nằm ngắm sao trời cạnh đồng lúa khổng lồ vàng hực, hương thơm nồng, cao như trái núi có đến bốn năm trăm gạ. Lòng cảm thấy mình thật giàu. Và trong tranh tôi tranh sáng đom đóm bay lập lờ. Những cái bánh trắng, bánh phồng dư lại từ mùa Tết cũng được mang nướng giòn thơm, ấm nồng khi đêm se se lạnh vì sương xuống. Rồi

nghe các anh nông dân ngồi thi nhau kể chuyện ma quái, rùng rợn. Một mùa gặt thanh bình thịnh vượng năm 1957.

- Ngày mai ghe chài tới chuyển lúa về nhà, Nội nhờ Nhân vô đây cùng con nằm gác kẻ trộm trên chiếc ghe lớn đậu ngoài vàm, con có sợ không?

- Sao không đem ghe lớn vô đây luôn?

- Con chưa thấy ghe chài lớn cỡ nào sao? Chỉ vô vàm rạch được trong lúc nước lên thôi. Chú và Nội mượn mấy ông Miên ngoài chợ về giúp vác lúa từ bờ ruộng xuống ghe nhỏ, theo lạch nước chống ra trút vào ghe lớn, hy vọng suốt đêm sẽ xong hết đồng lúa...

- Suốt đêm luôn? Con sợ bị ngủ quên.

- Khoảng mười phút là có một chuyến lúa cũng khó ngủ lắm. Minh ngủ thôi nhưng ở đây ai cũng làm ăn cần cù chưa thấy kẻ gian. Nhân lớn hơn con, Nội trả tiền cho Nhân.

- Mấy giờ thì bắt đầu hử Cậu ⁽⁸⁾? - Chú Út hỏi.

- Chắc cỡ tám giờ tối. Nước phải cao đủ thì ghe mới vô vàm rạch được. Nó sẽ đậu phía ngoài trước cái đập, mình đóng ống bọng con đập giữ nước lại cho ghe nhỏ di chuyển phía trong. Con nước buổi sáng đầy lên lần nữa ở ngoài vàm thì lui ghe ra. Một giờ sau là về tới nhà vác lên cho vô bờ suốt một ngày hôm đó. Ở nhà Mợ con lo cơm nước cho nhân công, có tất cả mười người kể cả chúng ta. Minh sẽ đãi họ một bữa thịnh soạn sau khi xong việc.

Hôm đó là thứ Bảy. Nhân đã đến chòi ruộng từ ban chiều, cùng ăn cơm với chúng tôi. Chú Nhân là con út của ông Chín Nhẫn ở cạnh nhà Nội chỉ cách hai căn. Tôi kêu Nhân bằng chú nhưng Nhân chỉ lớn hơn tôi hai tuổi. Vì ông Nhẫn vai vế ngang ông nội, Ba tôi phải gọi ông ấy là chú, nên Nhân gọi ba tôi bằng anh!

- Ê Nhẫn, còn sớm quá mình đi xuống làng chơi một

lúc sau thì trở lại lên ghe luôn, ở trên này làm gì!
Tôi nhìn Nội, Nội nói cũng được nhưng phải về ghe lúc ghe vô ụ khi trời sụp tối. Chú Nhân nhỏ xíu con hay tại cái nhìn của tôi lúc đó. Gương mặt choắt, da đỏ hồng, tóc cắt cao. Mắt chú ấy tròn nhưng không to, mũi nhỏ vành mỏng thờ phập phồng. Bà Nội cho rằng chiếc mũi như thế không giữ tiền được, nghèo lắm. Miệng chú Nhân nhỏ với làn môi cũng mỏng - nói nhiều -, tóc nâu xoắn lộn và cháy hoe. Chú không đi học, mẹ mất sớm và biết rất nhiều thứ thú vị như vớt cung quăng cho cá lia thia ăn, chọc cho đế nổi cáu lên để đá nhau chí tử và hay nhất là biết con đế nào là con đế đục để đá cước lấy tiền. Chú Nhân hái Hoàng Lan cho tôi dù cây rất cao, trồng cạnh mộ mẹ của chú cùng nhiều ngôi mộ khác nên tôi rất sợ đi ra đó dù rất thích loài hoa thơm nồng nàn này. Nhân cũng bắt nạt nhiều trẻ trong xóm trừ tôi ra. Nội không cho tôi chơi thân với Nhân nói riêng hay nói một cách khác tôi cũng không được chơi với bất cứ trẻ nào trong xóm, cho đến khi tôi đi học và có bạn học.

- Đi đâu bây giờ? Khi vào đây Nhân chỉ đi thẳng lên bờ ruộng và ở trên chòi với Nội thôi. Đâu phải phố chợ mà đi chơi.

- Đêm nay có đoàn Văn Công về trình diễn. Nghe nói sẽ diễn vở tuồng “Chị Sáu Đất Đỏ” biết không? Nhân có biết chuyện đó không? Nếu không hứa với Bác Sáu (Nội tôi) ở giữ ghe là tôi sẽ được xem suốt luôn, ngoài ra còn có nhiều tiết mục khác nữa.

- Chú đi xem Văn Công của mấy ông trình diễn à?

- Chứ của ai. Tôi đã từng xem vở tuồng “Nguyễn Văn Trỗi” bị hành quyết, bị đánh đập, hay ghê lắm Tôi cũng muốn can cường như anh Trỗi và trở thành anh hùng khi lớn lên⁽⁹⁾.

- Nhân không đi, Nhân sẽ xuống thẳng ghe thôi.

Chùng nào chú tới cũng được.

- Nói thiệt hay nói chơi đó?

- Thật mà.

- Con nhỏ này đã bỏ lỡ cơ hội hiếm có. Thôi tôi đi đó ghen.

Đêm mười sáu tháng giêng trăng lên từ phía sau chòm cây dù mới hơn bảy giờ. Nước rong ngày giữa tháng dâng khá cao. Nội với sự tiếp sức của mấy chú người Khơ Me mà Nội mướn đã cho chiếc ghe Cà Dom dời tới đập. Nguyên chiếc ghe được lau rửa sạch và làm khô sẵn sàng cho lúa được đổ trực tiếp xuống. Tôi nằm trên sạp nhỏ chùng hai thước vuông, phía đằng lái một mình, Nhân vẫn chưa trở lại ghe. Nội hơi nôn nóng.

- Con ở đây một mình cũng được, chưa có hột lúa nào, Nội cứ đi đi. Chú Nhân sẽ xuống lại sớm thôi. - Tôi nói cho Nội yên tâm.

- Thằng bé này quen ai ở đây, mà đi tới giờ này.

- Con nghĩ chú Nhân đi xem đoàn Văn công biểu diễn.

Ông Nội không nói gì chỉ nhìn về phía chòm cây dày đặc khẽ lắc đầu. Con Bê Bê từ chòi ruộng buồn kêu lên mấy tiếng nã nuốt như nhớ mẹ: “Ụm bò... Ụm bò bò...” Ghe Cà Dom neo cách chòi ruộng chừng vài trăm mét nhưng dây đặc cây mù u che tầm nhìn.

- Nếu chuyển lúa kế tới mà Nhân vẫn chưa trở lại thì Nội sẽ mang con Bê Bê lên đây ở với con.

- Cũng tốt, Nội đừng lo. Có ai lạ con sẽ hét lớn lên.

Miếng thì nói thế nhưng tôi cũng sợ lắm khi còn lại một mình. Bóng trăng nửa vầng đầu hôm, lập lờ, không giúp gì cho tôi mà còn như đồng lõa với những hình thù quái dị của chòm cây gáo nhảy múa đong đưa. Bụi cỏ lác lưa thưa, xào xạc, nhỏ to như tiếng than thở, rên xiết cạnh chòm mã tổ tiên nhà ông Sáu Nhượng. Mấy con đom đóm đèn nhấp nha, nhấp nháy trên cột dọa dẫm. Tôi không muốn nhìn nữa, tay với chiếc mền đen

trùm kín đầu, nhắm nghiền mắt lại. Âm thanh bụi tre Mạnh Tông ở bên góc cửa cái đập, theo gió lá cọ vào nhau sắc cạnh, như tiếng rít the thé của loài ma trời bay phất phơ tìm mồi. Tôi nhớ đêm trước, mấy chú làm công cho Nội ngồi kể khi nhậu chim nướng bên chòi...

Rõ là mình vớ vẫn, còn sớm mà! - Tôi tự nhủ.

Sương xuống lạnh. Rất lâu vẫn chưa có chuyển lúa nào được chuyển ra. Có tiếng huýt sáo từ xa xa rồi im ắng... Hình như có tiếng chân ai đó bước nhẹ đến từ phía vòm nương... Tôi muốn hé mền nhìn thử nhưng toàn thân đông cứng bất động. Chưa có lúa mà, đâu phải ăn trộm? Ghe con đang trở lại chứ gì? Không phải tiếng chèo, mà là tiếng bước đi. Tôi bám chặt cây dầm để cạnh thành ghe, may là tôi có dự phòng. Tiếng động càng ngày càng gần và đúng là tiến dần đến sát chỗ tôi nằm. Tim tôi đập thình thịch, lớn hơn tiếng bước đi. Hấn biết mình ở đây sao? Không còn chỗ để trốn nữa.

- Phịch... Ai da!

Nó trượt, nó té rồi. Như phản xạ tôi hét lớn:

- Đi ngay! Đi đi... Tao đập cho mày chết.

- Nhăn, Nhăn. Nhăn đây mà...

- Nhăn! Chú Nhăn... Sao chú không lên tiếng cho Nhăn biết. Chú làm Nhăn sắp đứng tim rồi. Sao chú không đi luôn đi...!

Tôi giận quá nhảy phóc xuống khỏi miếng sạp gỗ đứng chống nạnh nhìn chú đang vò vò cái hông chỗ bị đánh. Cái mền rút xuống đáy ghe phía đối diện. Tôi lại trở tài Dương nữ anh hùng lần thứ hai. Chú Nhăn lí nhí nói:

- Trời tối nhanh quá, tôi hứa là tôi trở lại tiếp Nhăn mà...

Chú Út rồi cũng cưới vợ, cô gái miền biển, sau mùa lúa đỏ và lập nghiệp riêng ở Bạc Liêu cạnh người chị thứ tư. Chỉ còn tôi ở với Nội nhưng năm 12 tuổi tôi đậu vào trường trung học Phan Thanh Giản ở Cần Thơ và đi trọ học ở tỉnh.

Ngọc Nhân Dương Trần

1. Lúa nằm dưới đáy bồ thường do hơi đất bốc lên nên ướt, mốc, khi xay giã ra thì có màu nâu, gãy vụn, nẫu lên nhão nhoẹt, hôi mùi ẩm.
2. Vải dệt thưa, bằng chỉ bó để may bao đựng lúa, thô nhám, rất ngứa khi cọ vào da thịt.
3. Áo Bành Tô là áo *veston* nhưng may bằng vải dày, giày Hàm Ếch mũi bít lại ở phía trước giống như miệng con ếch trông ở gót đóng bằng da đế thấp.
4. Sáng dạ là kiểu nói của người bình dân có nghĩa là thông minh.
5. Mắm đuôi là muối đăm - một kiểu chơi chữ -
6. Dùng cái lồng đựng nhẹ vô trái nó sẽ rụng vô chi hững mà đem xuống.
7. Thừng là một loại diều to có sườn bằng tre vuốt nhỏ uốn hình máy bay, chim ưng, v.v... căng bằng ống sáo khi lên cao gió thổi sáo kêu như tiếng đàn.
8. Miền Nam gọi Cha là Cậu; Mẹ là Mợ có lẽ dị đoan khi bảo rằng đó không phải là con mình thì những người khuất mặt sẽ không bắt đứa trẻ chết đi.
9. Nhàn theo Cộng Sản khi được mười lăm tuổi và chết non sau vài năm.
10. Một loại lá rau mà cá Trà Vinh rất mê, trái nó có hạt đen như cứt con quạ.
11. Chàm là chất nhựa lấy từ vỏ cây chàm màu nâu, ngâm vải sẽ làm vải cứng và chắc như thoa keo, dính vào tay thì khó rửa cho sạch. Người ta cũng hay nói “tay đã nhúng chàm” để chỉ việc đã rồi không thay đổi được nữa

CHÙM THƠ NGỌC BÚT



tranh Đinh Trường Chinh

NỬA KHUYA SÀI GÒN

nửa khuya ngồi khóc một mình
hỏi đêm thiên cổ ai cùng sẻ chia
nửa khuya thêm một giấc mê
quên đời sau trước nẻo về tử sinh

NỬA KHUYA GÒ DẦU HẠ

nửa khuya vọng tiếng quê nhà
thở. mệnh mang thở nát nhàu nỗi xưa.
mẹ cha ngồi lặng bàn thờ
đăm chiêu. nhang khói mịt mờ nẻo con.

CÁ ƯƠN NỬA ĐÊM

nửa đêm một cánh tay đau
hai con mắt mỗi. cái đầu quay quay
nửa đêm còn ai với ai
nghe giun dế khóc. sâu đầy âm dương

*

ta nằm như con cá ươn
lỡ không muối mặn. trăm đường về đâu
về đâu cũng đã nát nhàu
cá ươn phận hẩm hiu. sâu cá ươn.

NGỒI ĐẾM NỬA ĐÊM

nửa đêm
người ngồi đếm tích tắc
đếm vui đếm buồn
đếm hình đếm bóng
ai mãi mãi đi và ai ngoái lại
nửa đêm
người ngồi đếm mưa
đếm gió thiên thu thổi gọi người
quần quanh những bài tình ca ngày cũ
nửa đêm
người ngồi đếm những mùa vàng mùa xanh
sợi tóc bạc mong manh

vai người an ủi
nửa đêm
quạnh hiu người ngồi đếm...



Viết ngắn

THAM THỰC CỰC THÂN

Phạm Văn Nhân



PVN và cháu cố

Mùa Thu lại về. Gió Thu thổi nhẹ làm rung những cành lá trong khu vườn nhỏ sau nhà. Gió hiu hiu mát. Không còn cái nóng oi nồng của mùa hạ tháng bảy. Ông trở về nhà trước một ngày sau sáu ngày nằm viện trong con "thập tử nhất sinh" tưởng rằng chết trong đêm hôm đó.

Gió Thu hiu hiu thổi, làm ông thấy lòng phấn khích lạ lùng. Ông dựng cây gậy bên cạnh chiếc bàn sắt kê ngoài vườn. Vợ ông ngồi trên chiếc xe lăn cắt tia những cành lá hoa cúc vàng úa trong những chậu hoa nhỏ xinh xắn. Mùa Thu hoa cúc nở. Bà vẫn thích chăm

sóc những chậu hoa. Hình như đó là thú vui của bà hằng ngày. Ông ngồi trên ghế nhìn bà trong cái nhìn âu yếm với người bạn đời đã gần 50 năm chung sống. Cũng cái nhìn ấy đã nuôi sống tình yêu của một thời trai trẻ của ông cho đến hôm nay. Cũng cái nhìn ấy, ông đã mang nó theo ra ngoài đơn vị. Cũng cái nhìn ấy ngày đầu ông gặp người con gái xứ kinh kỳ nơi hành lang bệnh viện mà vợ ông làm ngày xưa. Cái nhìn của nàng đã cho ông có một nghị lực sống dù trải qua bao biến cố.

Hôm nay gió Thu về. Sáu ngày trong bệnh viện tưởng chết. Bà ở nhà buồn không ngủ được. Nhìn bà ngồi xe lăn, chăm chút từng cành lá, trong khi ngọn gió thu thổi nhẹ nhẹ. Ông nhớ đến hai câu thơ của Xuân Diệu. Ông ngâm nga đủ cho bà nghe. *"Hôm nay trời nhẹ lên cao. Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn..."*

Bà vợ ngồi xe lăn, nghe ông đọc thơ Xuân Diệu. Bà cười rúc rích. Để cây kéo tia cảnh xuống chậu hoa, nhìn ông rồi nói:

- Ông buồn? Lạ. Ông phải vui mới phải; vì ông đã thoát chết sau sáu ngày nằm trong viện. Rồi bà nói thêm: Trong nhà Phật có nói Sanh Lão Bệnh Tử là chuyện thường tình. Nhưng ông lại không chết vì bệnh, vì lão, mà thoát chết vì bệnh gì ông biết không?

Ông cười cười, nói:

- Đã chết thì chết gì cũng chết.

- Đồng ý với ông. Chết gì thì cũng chết. Tôi với ông già hết rồi, trê nổi gì mà sợ. Nhưng chết làm sao cho đáng chết. Bệnh ư? Cũng không. Già ư? Chưa đến nổi. Nhưng nếu chết thì chết cho đáng.

Ông nói:

- Sanh Lão Bệnh Tử mà, nào ai tránh khỏi. Nhưng thế

nào là chết cho đáng?

Bà lại cầm cây kéo cắt cành lên. Bà cắt một cành lá còn xanh: như tôi cắt cành lá còn xanh này. Cành sẽ khô và chết uống.

- Bà nói ví như thế chưa đúng. Cây khác người khác.

Bà quay chiếc xe lăn lại nhìn ông. Bà nói:

- Nếu sáu ngày trước, ông chết. Người ta nói ông chết vì "bội thực". Ông biết không?

Ông đập tay lên thành ghế, cười: Như thế thì sướng chứ sao. Chết no mà. Phê re. Bà còn nhớ năm 45, bọn Nhật đã làm cho dân mình chết đói gần hai triệu người vì không có cái ăn.

- Với ông. Ông không sợ tiếng đời?

- Tiếng đời gì? Hoi đâu bà nghĩ ba cái chuyện thiên hạ.

- Ông vừa nói vừa cười, vừa đứng dậy, chống gậy đi đến cây ổi xá lị đã chết hơn năm rồi, bỗng năm nay sống lại. Những cành chồi mọc lên cho cành lá sum suê, cho hoa và trái. Những trái ổi to gần bằng trái banh *tennis* được ông bao bọc kỹ lưỡng bằng những túi *nylon*, da ổi trắng mượt. Ông nói với bà:

- Ổi già. Tôi ăn 5 quả một lúc.

Ông muốn chọc bà cho vui. Nào ngờ sau câu nói ấy, ông nhìn thấy đôi vai gầy guộc của bà run nhẹ. Bà khóc. Ông đến sau xe lăn. Ôm lấy bờ vai gầy guộc của bà. Bờ vai không còn tròn trịa của một thời con gái. Ông an ủi:

- Tôi nói chơi cho vui. Tôi với bà già hết rồi. Sống được ngày nào cho con cháu nó vui, nhất là bà. Tôi sẽ không làm bà buồn nữa. Nhưng bà cũng không nên buồn nhiều qua tai nạn vừa rồi. Tôi chỉ xin bà một điều là bà vui. Và khi tôi có chết vì một lý do nào đó, bà là con Phật xin đừng khóc. Niệm Phật và bấm nút. Tôi vui lắm rồi.

- Ông nói gì mà gở vậy?

- Nói trước cho nhau ở cái tuổi về chiều...

- Tôi sợ...

Ông giả lá: À mà ngày xưa các cụ nói hay thật đó bà.

- Nói gì?

- Về ăn uống phải chừng mực. Ăn nhiều không tốt cho sức khỏe. Nhai nuốt chậm rãi, kỹ càng. Đừng ăn như heo ăn trong máng. À, mà các cụ nói câu gì nhỉ. Tôi quên mất. - Ông giả vờ hỏi bà.

Bà hứ một cái: Tham thực cực thân.

Ông cãi: Tôi đâu có tham ăn. Tham ăn có tính chộp giật.

- Tôi không biết. Bác sĩ đã dặn ông rồi sau khi cắt bỏ túi mật. Không nên ăn nhiều chất béo. Ông có chịu nghe đâu. Để bây giờ ra nông nổi.

Ông chọc bà:

- Thịt heo ba rọi ăn với cháo, có rau nữa thì hết cơm. Hay vào tiệm ăn tô bún bò Huế xứ của bà mà nhìn thấy nước bún ngậy chất béo vàng. Chảy nước miếng.

Bà cúi xuống. Không nói gì. Tiếp tục cắt tia những cành lá cúc úa vàng:

- Hết biết ông. Tham thực thì cực thân. Ông liệu.

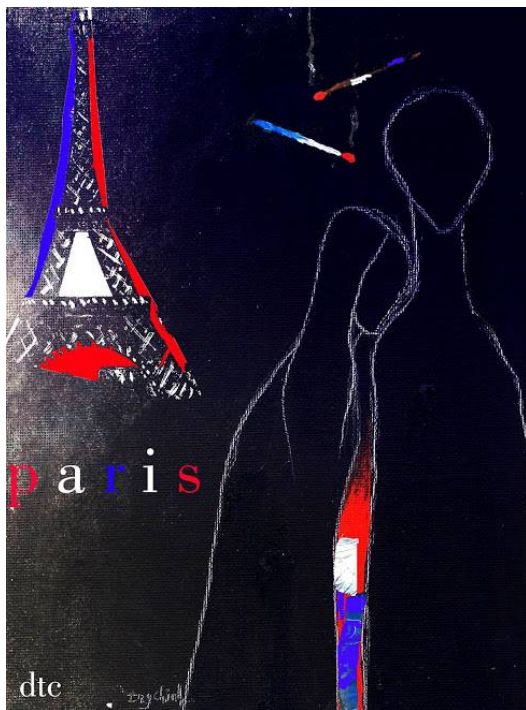
Ông cười ngất: No mà chết thành ma no, không thành ma đói.

Bà hứ ông một tiếng dài có đuôi, rồi lấy hai chân đẩy chiếc xe lăn qua một chậu cúc khác. Cắt tia. Ông nhìn bà thấy thương. Tai nạn đổ xuống bà hai năm trước khi chăm sóc cho ông ở nhà thương cắt bỏ túi mật. Ông hứa với bà không làm khổ vợ con và bạn bè vì cái chuyện không đâu xảy ra sáu ngày trước.

Phạm Văn Nhân

*Viết xong tại bệnh viện Memorial Hermann, Houston
ngày 1/9/2019*

CHÙM THƠ VIÊM TỊNH



tranh Đinh Trường Chinh

HỒI NIỆM

*Ta buổi chiều lãng mạn
Của Paris
Của muôn nẻo đường
Của một tình yêu*

*Của loanh quanh giọt nắng phương Tây
Bên dòng sông Seine buồn như không đường thoát
Ở nơi đây, ở nơi nào cũng được
Ở hư vô có ở một đời thường*

*Không chi mô
Em vẫn là em
Vẫn nhan sắc của đời ta vượt mắt
Vẫn rong chơi một đời ta phiêu bạt
Vẫn bên ta nụ hôn thời mới lớn
Vẫn bên ta thời có nụ đồ duyên
Vẫn bên ta bên dòng suối chút ưu phiền
Và vẫn có em ta còn lại*

VÔ ƯU

*Ta phiêu bạt rồi cũng về góc tường nhớ
Góc bạn bè
Góc của người yêu
Góc cả đời
Và góc của tuổi thơ nơi có được*

*Ta một thời lãng đãng
Góc của em
Và góc của ta
Có góc nỗi đau
Góc hạnh phúc dưới vầng trăng muộn
Góc đời riêng
Góc đời chung
Và của góc đời không thấy được*

MIÊN VIỄN

Đã bao lần ra đi, đã bao lần trở về. Trong tĩnh lặng bên dòng sông đêm những giọt thánh thót của cung trầm lời hẹn, long lanh ánh đèn vàng soi những dòng chảy hồn nhiên, không trăn trở không ưu tư. Mặc nhiên với thời gian đang có, thời gian sẽ đến.

Không chứng thực được mỗi thời gian cần phải nhớ. Thời gian trôi qua đã quá nhiều đối với một cuộc sống. Cuộc sống rất đổi là một nỗi cô đơn nhìn thấy được. Sự ràng buộc trong tình thân đã níu giữ, xoa dịu.

Biển là nỗi quyến rũ bất tận màu xanh. Ánh sáng của ban ngày soi rọi, và những đợt gió cuốn theo từng hạt cát lưu ly. Đêm cũng trở về cho sự ngưng nghỉ, nhưng sóng của biển vẫn rì rào điều không ngừng được. Lời tỏ tình của thiên nhiên với con người. Con người thì lại vô tâm với những tiếng cười và những giọt nước mắt.

Viêm Tịnh

CUỘC BÔN TÁU LỘNG LÃY

Truyện Đoàn Việt Hùng

Phòng có chiều ngang 8 viên rưỡi gạch 60 phân, chiều dài 13 viên thêm miếng nhỏ 20 phân. Gọi là phòng thì hơi lớn, nhưng gọi nhà có vẻ không cân xứng vì diện tích nền chỉ xấp xỉ 40 mét vuông chưa tính gác. Lai lịch trích ngang trước đây của nó là căn phòng sau nhà chính bị bỏ trống nhiều năm, kèo cột xiên xẹo, thời gian kéo mái ngói âm dương oằn xuống như lưng con ngựa thồ chở hai giỏ đầy ứ rêu mốc, mạng nhện; là nơi lưu trú an toàn của đế tắc kẻ thần lẫn rắn mối chàng hiu cuốn chiếu mỗi kiến... cùng các loại chuột và một bầy mèo hoang.

Đêm năm nghe đủ các loại âm thanh cao thấp khác nhau: tỉ tê, ai oán, hân hoan, phần nộ, đằng đẵng sát khí kéo dài từ đầu hôm tới rạng sáng. Chưa kể bầy chó trong khu phố hừng tình gào rú gầm gừ phun châu nhả ngọc. Phiên toái hết chỗ nói.

Khi căn phòng được xây mới, đám cư dân cộng sinh tự động di tản chiến thuật khỏi nơi cư trú xách theo những âm sắc rất mất vệ sinh. Chẳng biết chúng phiêu dạt chân trời nào, nhưng quá tốt cho sức khỏe ông bà già và đứa nhỏ sau đó đến với tâm thế kẻ chiến thắng cay đắng não nề, vừa gục vừa ngẩng cao đầu.

Một buổi sáng bão táp vừa lặn xuống, đang mang tâm trạng ủ ê, kiêu nuốt vào không trôi mà khắc nhỏ ra cũng không xong thì nghe ròn rền điện thoại chàng nghĩa tề và cô con gái bật Zalo gọi về. Ba mẹ coi nè,

căn phòng dành cho ba mẹ nè. Màn hình quét từ lối dẫn vào nhà, phòng khách, bếp, nhà vệ sinh ngược lên cầu thang lên gác. Ba, chỗ đặt bàn thờ nè ba, rộng khang trang. Còn phòng trong dành riêng cho ba với kệ sách, bàn viết và giường ngủ. Ổn không ba, có cần thêm bớt chỗ nào ba nói, chỉ còn 2 ngày nữa là thợ thu quân. Ờ, ờ được đó con. Tốt quá. Một mình ba trên chuồng cu, tha hồ đọc tha hồ viết nhăng cuội và nằm chinh inh nhớ lại những cuộc tình mỗi gãm, giáp mặt với tuổi nhỏ tuổi già, bạn thân và bạn thỏ tá. Không sửa sang thêm bớt gì nữa đâu. Ba mẹ cảm ơn các con.

Rồi đó. Bậc sinh thành nhận lấy lòng hiếu thảo của con cái bằng cách đùm túm đồ “tế nhuyễn” gồm mùng mền chăn gối quần áo chén muống... cùng hơn 50 thùng sách chất lên xe, không quên mang theo bàn thờ hoành phi câu đối và 4 khung ảnh của ông bà cha mẹ. Ra đi không hẹn ngày về!

Lên đèn đúng một đêm trên chiếc xe giường nằm, len chặt như cá mòi *sardines marocaines* thuở xưa nằm gọn trong hộp thiếc tẩm hương vị; mờ sáng hôm sau có mặt ở miền “đất hứa”. Mất cả tuần dọn dẹp sắp xếp, ông cùi bắp mới có thời gian quan sát từ trước ra sau, từ dưới lộn ngược lên trên... Phòng khách nằm gọn trong 8 viên rưỡi gạch 60 phân nhân 5 viên, thông với nhà trên, nơi ở của vợ chồng con gái và hai đứa con là một hành lang hẹp vừa đủ cho hai người bước qua lại. Liền kề là phòng ngủ, bếp. Phòng vệ sinh sát bếp và rộng bằng với phòng ngủ. Ý chừng chúng đề phòng khi một trong hai ông bà lỡ trượt té lúc đi vệ sinh hay tắm táp thì vẫn đủ không gian xoắn dài chân tay thẳng thớm; không phải còng queo ở một nơi tum hùm chật chội, coi kỳ kỳ.

Cầu thang đúng 18 bậc theo phong thủy để lên gác có tay vịn giả gỗ, nhưng khổ nổi nó chỉ vừa đủ cho bàn

chân to bè ông già đặt xéo lên một cách cẩn thận nếu không muốn va vấp chảy máu. Cẩn gác thì bị thu hồi mất đi 4 viên gạch, thành ra khi đứng trước bàn thờ ngó xuống phòng khách, cảm giác đầu tiên như được đứng trên một chòi canh dưa bắp ngoài soi, tề hơn như vọng gác ở các đồn lính ngoài biên ải, ngó xuống sâu tun hút, chóng mặt. Để chặn đứng phần nào cảm giác sắp té nhào từ miệng giếng, ông già mở thùng các-tông to bằng nửa giường cá nhân lôi ra những bức tranh của những ông bạn họa sĩ thâm tình vẽ tặng, treo quanh tường.

Phòng trong hạp ý ông già nhất, rộng rãi thừa chỗ cho chiếc giường to khổ, bàn viết, hai giá sách dài thòn, cao nghệu cho các ông vua bà chúa, các nhà hiền triết, lập ngôn, các nhà văn nhà thơ họa sĩ lớn bé đông tây kim cổ kê vai thích cánh hòa hợp hòa giải. Có điều các ông bà này luôn im thin thít, chĩa mũi ra ngoài trong tư thế bị lèn khít, không to tiếng tranh biện phản biện, không kêu la giãy nảy, chẳng tổ cáo ai và cũng không ai trong số họ lên tiếng phản đối phía bên kia phình to xâm lấn, rờ chạm thô thiển vào bộ ngực lép kẹp của nàng *chính phụ* hay cô *gái điếm*... dẫu có ăn chơi bạt mạng trác táng be bét rượu chè gái gú như lão Zorba.

Chắc là ông già rất hài lòng, nên chi sáng hôm sau thấy ông khai các thùng xộp, khệ nệ bung sắp một hàng các hũ rượu lên giá: một chai Martell XO của ông bạn quý từ NJ gửi về, chai Buchanan's Deluxe của anh-bạn-lãng-tử đất thần kinh, rồi những Rémy Martin, Hennessy, Black Bottle đầu quần khăn tang... vuông tròn cao thấp vơi đầy sắp hàng ngay ngắn như buổi chào cờ đầu tuần trong trại lính nghĩa quân ngay trong lòng thủ đô. Những chai đó là nghĩa là tình nhưng chẳng thấm vào đâu so với bình rượu Bồ thận tráng

duy 20 lít sóng sánh màu hổ phách trong bình gốm sứ da lươn sản xuất từ tay các chú khách trú tòng teng với dân bản địa, trong các cuộc bồn tẩu phản Thanh phục Minh; bình thứ hai nhỏ hơn chứa chất lỏng tinh luyện của Minh Mạng thang, nước rượu đen thui, cả hai được vợ ông sưu tầm từ hơn ba mươi năm trước với một ý đồ rất rõ ràng; kề bên là chiếc bình thủy tinh hữu nghị Việt-Tiệp, có vòng hai to gấp rưỡi vòng một và vòng ba, bên trong là những củ sâm Cao-Ly tươm màu mật ong; một hũ nữa là những củ đinh lăng sần sùi như một sự thách đố về mặt văn hóa và lịch sử với anh Cao-Ly. Chỗ này đặc biệt. Hẳn nhiên, chỉ có những bạn thân như môi với răng ông già mới mời lên. Cửa lớn sẽ khép lại, cửa sổ mở toang hoác đón gió lùa phẳng phất mùi hương nguyệt quế thập thò ngoài *balcon*. Chiếc bàn gỗ xếp cao 3 tầng sẽ đặt ngay trước giá rượu. Những chiếc ly thủy tinh há hốc miệng ngược chờ. Ông già và bạn xếp bằng quanh bàn huyền thuyên chuyện tình đông tây, lũ cháu thập thò dưới cầu thang nhóng lên... Đó là viễn cảnh gió mây do ông cảm khái về khoảng không gian riêng tư mà tơ tưởng vậy, chứ thật tình từ ngày ông ngồi nằm ở phòng này, chưa thấy thân sơ bằng hữu chi giao nào lai vãng!

Cuối đời, có một chỗ dung thân như vậy kể cũng tạm đủ chờ ngày vào lò hỏa táng. Ngày đó chẳng biết khi nào, nhưng hai ông bà đã thâm thi to nhỏ bàn tính từ lâu rồi thống nhất, quyết tâm, kiên định lập trường, trước sau như một, nhất định đi theo con đường hỏa thiêu khi nào “*Nín hơi tôi thở cái phèo/ Bao nhiêu mộng ảo bay vào hư không*”⁽¹⁾.

Một bữa, con gái hỏi: Sao ba, ba cảm thấy dễ chịu không? Ờ ờ, dễ. Phòng áp mái nóng sẽ ảnh hưởng tới huyết áp, để bữa nào con lắp cái máy điều hòa cho ba. Ông già ngó con gái hỏi lại, cái gì? Máy điều hòa ba,

cho nó mát mẻ. Ông già giãy nảy. Cái vụ đó huyết áp càng như ông kéo bễ lò rèn. Chun vô chun ra nóng lạnh bất thường dễ kêu xe cấp cứu đó con. Đường hẹp, xe khó trở đầu, khiêng ra tới nơi coi bộ ngòm củ tỏi từ hồi nào. Nóng thì lộn xuống nhà dưới, hè chi vừa tốn kém vừa không mấy hiệu quả? Dạ, tùy ba chớ con thấy có thêm cái máy điều hòa ôn hơn, hay ba ngại tốn tiền? Ờ, cả hai. Tự nhiên tốt hơn mấy móc hỗ trợ. Chớ chi mà có phép thần thông như anh Tề Thiên bắt gió cứ thổi lòn hiu hiu qua cửa sổ cửa lớn suốt ngày đêm năm tháng thì y như đang trên bông lai rồi. Thôi khoản này cứ đánh dấu ghi nhớ, lúc nào mở hội nghị Zalo nữa thì bàn tiếp.

Lần đó rồi thôi, ông không buồn nhớ và cũng không thấy con gái nhắc lại, coi như cả hai đều hiểu nhau. Nhưng coi bộ vấn đề nóng và lạnh cho căn phòng này cũng nhiều khô âm ỉ như vùng biển đang tranh chấp, khó có biện pháp rốt ráo cho cả hai phía.

Gì thì gì, ông già cũng đang bước tới khắc thứ 73 trên cột nhà rồi, cụ bà trệt vài khắc. Tính toán chỉ cho một óc. Thiệt tình, khi bỏ xứ ra đi hai ông bà cũng ngậm nước mắt trong trái tim đập lụp bụp, ruột chưa đứt như văn chương từng tuôn ra, nhưng những cú xây xầm thì không còn chỗ chen chân. “Biệt thự” vừa xây mới dưới quê, tường mái chưa phủ rong rêu, rộng thoáng. Cửa sổ mở ra gió lùa bốn mùa tám hướng, mùa nào gió đó, mát lồng lộng. Khuôn viên vườn rợp bóng cây, hoa cỏ thơm lừng, chim chóc bay về ríu rít mỗi sáng mỗi chiều. Có lúc, đang ngồi trên ghế xa lông gỗ đen bóng, vợ ông cảm thán: Mát, cứ như mình đang ở Đà Lạt. Nhưng, cơ mà, niềm vui chưa quá năm chục con trăng thì thẳng phá gia chi tử hoang tàng dẫn con vợ loại gỗ mục về sừng sộ “nhà đây mà tui ở đâu?” như thể nó là đũa từ dưới đất chui lên, tự trời cao rót

xuống hay như con của chần tỉnh quý sứ chứ không phải con hai người đang ngồi trước mặt nó. Lời qua tiếng lại, tiếp đến là phòng mang trợn mắt xia xối, tuôn những lời lẽ ông cống găm câu với người mang nặng đẻ đau, lại còn khoa chân múa tay như thể ông bà là mối cựu thù cần phải trả xong kiếp này, trong khi hai ông bà già chỉ muốn yên tĩnh tuổi già, vui vầy với những tử tế của con cháu. Vợ ông òa khóc tức tưởi. Như chưa đủ nư, nó ra sau bếp vác chiếc rửa bén lừ lừ bước tới thẳng tay phạt gọn những cây chuối sắp trở buồng nằm sắp lớp, như lão *Bát Lê* trong truyện *Chém treo ngành* của cụ *Vang bóng một thời*:

“Sống không thù nhau

Chết không oán nhau”

Đống chuối gục đổ toi tả mủ máu lênh láng?

Vụ này giật gân, lan nhanh từ các hãng thông tấn ngoài vòng rào cây xanh. Các con gái khóc hụ hụ từ xa, nước mắt chắc có vôi. Biển lớn rồi. Bà vợ giậm chân kêu trời. Thôi thôi, nó là con thú hoang hết đường thuần dưỡng. Bao nhiêu thói hư tật xấu trên đời ôm hết vào người, nhét cứng trong đầu có lấy xà beng nạy cũng không ra. Hết thiệt rồi. Trời cũng chấp tay vái dài nói chi lòng mẹ bao la như biển Thái bình, công cha như núi Thái sơn. Chi là hư tự trong cảnh huống này?

Mà, thù oán cái nỗi gì khi hai ông bà ăn chay nằm đất, van vái Long thần Thổ địa cùng Trời Phật phù hộ độ trì sinh cho mụn con trai nối dõi tông đường để phụng tự cái cơ ngơi xeo xọ sau một hồi hạ độc thủ tư sản mại bản, kinh tế mới, cấm chợ ngăn sông... Nhưng quan trọng hơn hết là để cha ông không còn chì chiết mỗi khi ngồi chung mâm, ngoài cá nục kho tương, tô canh tập tàng điểm xuyết vài con tép cong đỏ cam phận, đĩa rau luộc, chén nước mắm còn thêm món *nhà vô phần vô phước, chó ỉa gò mả*... Chén cơm chan đầy

nước mắt và khô khốc hơn dề cơm cháy để qua đêm.

Buồn buồn ông cụ lôi mấy chữ đó ra xĩa răng súc miệng trên bộ trường kỷ, trước bàn thờ tổ tiên, cao ở trên là bức hoành phi ngạo nghễ, đến nỗi vợ ông dần mòn hóc hác, đêm nằm thì thảo bên tai “hay anh coi cô nào lỡ thì kiếm một đứa rồi hợp thức hóa, cơ quan chẳng biết đâu.” Mệnh đề đầu nghe chân tình ngọt ngào, nhưng tới *kiếm một đứa* thì đích thị là đệ tử cô Hoạn Thư lấy lừng. Ông ứ hự, nội lo cho gần tiểu đội đã rút hết thịt xương gân cốt lấy tinh lực đâu nữa mà ta bà kiếm chác? Nói kệ ông, đừng có nghe. Sao không nghe, ngày nào trong bữa ăn cũng mấy câu đó nhần nhá lui tới. Phận dâu con, chắc có ngày em điên! Cuộc chiến tranh lạnh này dám có người sẽ điên thiệt chứ chẳng chơi. Ông trần trọc không sao nhắm mắt. Thương cha mẹ vợ con trong hoàn cảnh oái oăm, phải ngậm tẩm nhét sâu tận đáy lòng. Thân gái dặm trường, bơ vơ giữa xứ xa, không bà con thân tộc, rơi đúng vào bến nước thứ mười ba đục lênh lênh làm nằng rồi bùng hóc hác. Cơ mà, từ nơi ngao sò ốc hến nhảy giỡn cả chơn trên bờ, ruộng đất bề bề chó chạy thụt lùi, cá tôm đặc lênh kình rạch, lại đem lòng thương thẳng cha l’écrivant (không phải l’écivain) xách va-li lên xe đồ làm dâu nhằm cái nhà có ba chữ *Tộc Tương Đại*, xứ quanh năm nắng dãi mưa dầu, xa lắc. Có phải là phần số không? Thương vợ, ông chỉ biết chia sẻ nỗi hăm hiu ấy bằng vòng tay ôm chặt tiếng thở dài trong đêm sâu, không nói được thành lời, như thẳng cầm.

Không rõ do lòng thành, ngoài giờ tới trường, đi chợ nấu cơm, cho heo ăn, soạn bài còn chen mấy câu lâm râm cầu nguyện mà động lòng Trời Phật Thổ địa nên đêm nằm mộng thấy hoài thai với Ngưu Ma Vương sinh ra thẳng quý tử. Ngày đầy tháng, heo eng éc, pháo nổ dậy làng, khách khứa nườm nượp. Ông cụ

áo thun khăn đóng cười nói híp mắt, ngược nhìn ba chữ Hán ngạo nghễ *Tộc Tương Đại* cần ọc xa cừ sáng quắc trên tấm hoành phi ông nội ông mời thợ Quảng Nam Bình Định cần hồi Bảo Đại nguyên niên, nghênh ngang chiếm một chỗ khá cao trên cây xà, giữa gian thờ rộng đến 80 mét trùng mắt ngó xuống bộ trường kỷ đen bóng khúm núm như kẻ phạm tội, một sự chờ chực từ lâu, tuy có hơi muộn, chứng kiến ngày *đại hỷ* một cách hả hê. *Chúng nó sẽ chết dần mòn...*

Để tránh cảnh cha mẹ dần mòn chết vì đưa em bắt nghi bất hiếu, các con gái ông nhất tề xúm lại làm một cuộc hội nghị gia đình bằng Zalo. Kết quả 100% phiếu thuận yêu cầu hai ông bà già lên kế hoạch di tản chiến thuật càng sớm càng tốt để tránh hậu hoạn, gửi tằm thân tàn nơi con gái thứ tư, chúng nó chung tiền phụng dưỡng, các nghĩa tế thì không ý kiến. Kể ra thì hội nghị Zalo này chỉ một phía một chiều, thiếu tính công bằng công khai dân chủ bởi chúng gạt phăng ra ngoài hai nhân vật chủ chốt là ông bà già và thằng em nghịch tử du côn... Cơ khổ, hội nghị đã thành công tốt đẹp, nghị quyết đã ban hành, các thành viên chỉ còn cầm đầu tuân thủ, không chống chế phân bua.

Chiếc xe tải trở tới, de dít sát cổng. Đồ đạc cấp tập khuân vác, khiêng, lôi, kéo, vác, mang... chất lên thùng trước những cặp mắt ngơ ngác của hàng xóm. Máy nổ khọt khẹt lao cái vù tới trước, bon bon đường xa vạn dặm.

Trước khi chờ taxi chở tới bến xe, có cuộc đối thoại ngắn giữa ông già và ông quý tử lúc nào mặt mũi cũng nhon nhon: Tao và mẹ mày chịu hết thấu cách xử sự và cách sống của mày rồi. Giờ phải nuốt bồ hòn làm ngọt ra đi. Nhà cửa giao cho mày trông coi, lo mà làm ăn; hãy thành người lớn, sống lương thiện tử tế, giữ gìn mỗi đạo đức làm người... gần tới tuổi tam thập

nhi lập rồi... Không có tiếng trả lời, trong khi bà già bắt đầu sụt sịt. Còn thằng cháu này, mày lo mà dạy dỗ cho nên người, đừng để nó hư hỏng như mày. Ông già nói và vuốt đầu, rồi đẩy cháu về phía thằng cha, nãy giờ núp bên gấu bà nội, hai tay bầu chặt khừ vào ống quần nhùng nhằng. Thôi con ở lại chóng ngoan, vâng lời cha mẹ, ông bà đi đây. Thằng bé òa khóc. Không không. Con đi với ông bà... đi với ông baaa...à...à... Ba mẹ xấu xa độc ác... Ba mẹ không thương con thương nội. Thằng cháu chỉ gần ba tuổi rưỡi đã thốt ra những lời như người từng trải khiến trái tim ông già càng nát tan hơn. Nó khóc tức tưởi ôm cứng lấy bà nội. Cõi bộ tình mẫu tử nơi thằng bé 34 tháng tuổi không còn liên quan gì tới ông cha chỉ biết ăn chơi, ỷ lại buộc người khác phải khò lưng cung phụng, và bà mẹ đặt tình thương dưới gót chân, đang đứng thù lù kia. Ông quan sát thấy thằng con có giật giật chút xú ở đuôi mắt, còn con vợ thì tro tro vô cảm như cành cây khô, mắt mũi ráo hoảnh. Vậy là rạch ròi chuyện “nghĩa tửu tình thâm”, đứt dây máu mủ. Xe bóp còi tin tin. Ông bà ngoái lại ngó gian nhà năm gian lần cuối như ném nắm đất xuống lòng mộ huyết tiền đưa người quá cố, dựa vào nhau lê bốn chân nặng trĩu bước tới nơi không hề mong muốn. Thằng bé loảng quăn chạy theo, tay không rời gấu quần nội. Lên xe nó thôi khóc, ngó căn nhà qua cửa kính rồi gục mặt vào ngực bà ôm chặt khừ như thể sợ bị ai đó đẩy xuống xe.

Cái cách nó nhìn vào căn nhà qua cửa taxi, khiến lòng ông già quặn thắt, bởi giữa nó và căn “biệt thự” có một mối liên quan mật thiết ngay từ khi mới 3 tháng tuổi. Đang lúc căn nhà ngói năm gian xây từ thời toàn quốc kháng chiến diệt thù chung đã rệu rã sắp đổ quy phải dỡ bỏ để xây mới thì thằng cha ôn vật và con mẹ trời ơi bỗng cục thịt đỏ hỏn về đặt lên bộ phận gõ nói

“tui sinh cho ông bà thằng cu nôi dôi rồi đó...” rồi thân nhiên bước ra, tiếp tục lên đường làm cuộc “hành hương giang hồ cống rãnh”. Tiếng khóc oe oe trộn với vôi vữa tung bụi mịt mù như giọng ca sĩ tí hon đang hát trong nền khói màu trên sân khấu là lán trại che bụi hứng nắng chang chang! Tất cả đều nhịp nhàng không trật khớp giữa tiếng đồ ầm ầm của những viên gạch, khúc rui kèo, bụi bay mù và tiếng oe oe khiến những khán giả có mặt không khỏi chùi quẹt bởi hoạt cảnh và giọng ca quyến luyến nhau, mùi rệu. Cái đoạn này, nếu như ông già nhanh trí lấy máy chụp hình ra quay vài “đúp” lưu lại chắc chắn sau này nó sẽ hiểu thêm về số phận buổi đầu đời của mình trầy trật bụi bặm là thế nào? Khốn nỗi trong đầu ông khi đó dày đặc các phép tính cộng trừ nhân chia các khoản sao cho kháp với túi tiền, không phải chạy vay vay mượn nài nỉ ỉ ôi; tâm trí đầu chưa ra một chỗ hẹp cho cái sinh linh bé bỏng tội nghiệp kia. Rồi, chớ chi mà không có cái ngày tiến về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù, v.v... thì chuyện ông cháu đích tôn hai đời của ông Chánh Tổng Mười, con ông giáo Ba đậu bằng ri-me xây lại nhà thờ ông bà tổ tiên rất là dễ ợt. Tất cả nguồn cơn khiến ông quên khuấy. Nay chợt nhớ lại thì quá muộn. Tội nghiệp thằng cháu, đeo dính cứng bà nội, không rời nửa bước.

Tạm yên ổn chưa? Đầu óc bớt căng thẳng chưa? Nhiều lần ngồi một mình trong phòng sách hướng ra phía cây dầu cành tán vượt tầng ba ngoài đầu đường ông tự hỏi nhưng câu trả lời thì rụt rè, lí nhí như đứa bé bước chân lên nhà người lạ.

Thôi, đã kiên định lập trường tiến lên lò hỏa thiêu, trước sau gì cũng đến, chớ dằn vặt lôi thôi.

Ông lại chìm lún lan man trong đồng sách cũ.

Trời chưa mở mắt, ông bò dậy nấu nước pha trà để

sẵn rồi đi bộ dưới khu đất dự án cỏ mọc um tùm, rộng
mấy chục mẫu tây, nơi nhà cửa phố xá chợ búa trường
học còn nằm trong máy vi tính. Bởi vậy ông tha hồ hít
thở không khí trong lành (dễ gì ở thành phố xô bồ
đông đúc có một nơi như thế) nhẩn nha đếm từng bước
chân coi chừng đã chai sừng. Ông ngó lên mặt trời lỏn
lỏn sau những tàn cây thâm mong sao cái thằng chủ dự
án cứ thoi thóp ngáp ngáp mãi để đàn bò cả trăm con
tha hồ gặm cỏ, để ông và các ông bà già các cô nường
các em thiếu niên nhi đồng tha hồ đi tới đi lui, hít mùi
cỏ dập trộn lẫn mùi phân bò ngai ngái; để thằng cháu
nội và hai cháu ngoại và lũ trẻ trong khu phố có chỗ
bắt cào cào châu chấu cát nhà chòi chạy nhảy đá
banh... Ông già cười rung hai má cốp rộp.

Té ra cuộc bồn tẩu cũng rất chi là lộng lẫy.

Đoàn Việt Hùng
(LT, tháng 7/2019)

(1) Thơ Nguyễn Đức Sơn

TRẦN HOÀNG VY

Chùm thơ MÙA THU



Photo by Duyên

CHÓM THU

Chóm thu,
chút gió giỡn đùa
Cây phơi nắng mới
Lá lùa tóc ngoan.

Hạ chiều,
cuối nẻo hồng hoang
Em mơ áo lụa màu hoàng cúc xưa!...

THU NON

Lá chênh choáng

Chạm thu gọi gió
Mùa gây men
Sắc biếc phai vàng
Em lũ lượt như là cánh bướm
Sáng thu non về với cội cây ngàn...

Thu non nồn mới vừa phai phai biếc
Mới dậy men lốt phớt tơ vàng
Nắng như nắng mới nhìn bối rối
Mùa thu non thẹn chạm lá cây vàng?

Mai thức giấc vùi tiếng ve vào đất
Tóc xanh dài náu ngọn gió thu sang
Và nghe chớm tiếng lá rơi thật khẽ
Môi thu non ngòn ngọt lá thu vàng

Thu đang non nghĩa là còn... đang chát
Cái vị chua me dốt vẫn trên cành
Ta sẽ đợi dâng mùa thu... chín
Lá bây giờ thêm thiếp ngủ trong xanh...

GẶP MÙA THU Ở NGOẠI THÀNH

Chưa kịp nắng. Sắc hoa màu cỏ nội
Ngày chớm thu. Một chút gió buồn
Tôi chợt lạ, mùa thu trên áo trắng
Hờ hững bay, trôi qua mấy ngã đường?

Những em vừa mười bảy đến trường
Ba-lô nhỏ, tràn niềm vui sách vở
Tiếng guốc mộc khua, thời xưa sao vắng
Nhịp giây “bệt” bây giờ, lấp loáng hạt sương!

Mùa thu phía lá phượng bỗng xanh,
Cây hoa... bò cạp vàng nắng
Màu áo em trắng
Và đôi mắt đen sau vành nón nghiêng?

Mùa thu, mùa thu, con bướm trắng ngủ quên ôm giọt
nắng,
Ngoại thành xanh ngắt ngơ
Đôi khi những giọt mưa bay mơ mơ
Đóa cúc vàng thâm lặng...

Mùa thu ngoại thành, ngày khói sương
Thơm hương từ tóc,
Những thiếu nữ, chàng trai đi học...
Tôi gặp lại mình, thuở mới dâng hương...

Chớm thu, 2014

TRUYỆN NGẮN

LĂNG ĐĂNG MAI CHÂU

Nguyễn An Bình



Nguồn: Internet

Hào thường cho rằng mình không phải là phượt thủ chuyên nghiệp bởi những dịch chuyển của anh từ nơi này sang nơi khác rất là tùy hứng chứ không phải là niềm say mê khám phá những vùng đất mới hoang dã hay có những ý tưởng khác đời. Anh rong ruổi mỗi lúc có thể để tìm cái đẹp trong thiên nhiên qua lăng kính cái đẹp của nhiếp ảnh và cách tiếp cận của riêng mình. Ngay từ lúc học phổ thông Hào có niềm say mê muốn lưu giữ những khoảnh khắc đẹp nhất của thiên nhiên và con người, có thể chỉ là một nụ hoa đang hé nở trong sương sớm, một cánh bướm hay chú ong mật đang say sưa vờn hoa dưới ánh sáng xiên khoai của một ngày mới hay những thửa ruộng bậc thang vùng cao, mùa hoa tam giác mạch biên giới... Nói là nói vậy

nhưng kinh nghiệm của một phượt thủ chuyên nghiệp thì Hào có thừa, từ việc mang theo đồ dùng cá nhân như giấy tờ, tiền bạc, cốt tinh gọn nhẹ nhàng nhưng phải bảo đảm được tính đa năng trong việc chọn ba-lô, đồng hồ, vật nhọn, kính râm, mũ bảo hiểm, quần áo phù hợp với nơi muốn đến... nên những ngày rong ruổi đường trường anh luôn có tâm trạng thoải mái, tự tin.

Lần này chuyến phượt về Mai Châu cuối năm Hào muốn săn những bức ảnh đẹp về thiên nhiên, con người và nhất là ảnh về mùa hoa ban đang bắt đầu nở ở Mai Châu. Hoa Ban là loài hoa biểu tượng của vùng cao, biểu tượng của tình yêu trong sáng và thủy chung của núi rừng Tây Bắc, lần trước anh chỉ có dịp lướt qua khi lên Mộc Châu, Sơn La cùng đoàn công tác của công ty theo yêu cầu của đối tác muốn quay hình vì lúc đó Mộc Châu đang vào mùa hoa đào, hoa mận nở rộ, những cảnh mận, cảnh đào đua nhau bung nở. Hoa mận không chỉ đẹp bởi vẻ mỏng manh, tinh khiết mà khi nở nó làm cho cả đất trời cao nguyên nhuộm trắng bởi một màu tinh khiết trong ngần ấy bên cạnh đó lại xen kẽ sắc hồng của những cảnh đào lung linh trong nắng sớm khiến bao du khách như lạc vào chốn thần tiên trong truyện cổ tích. Lên Mai Châu lần này anh còn có mục đích khác: mong tìm gặp người con gái trong các bức ảnh mà anh tình cờ chụp được khi ghé ngang qua ngã ba Tòng Đậu vào mùa hoa ban năm trước. Đó là một thiếu nữ Thái xinh xắn trong trang phục dân tộc đang làm người mẫu cho mấy tay nhiếp ảnh của tờ báo của tỉnh chuẩn bị ảnh cho số báo Xuân sắp tới. Hôm đó đoàn phượt của anh vượt qua Thung Khe, đến ngã ba Tòng Đậu có một bạn trong đoàn đề nghị ghé tạt vào... để săn ảnh vì anh ta biết hoa ban đang vào mùa khoe sắc.

Trong lúc các bạn túa ra tìm góc để bấm máy anh

chợt chú ý đến mấy tay thợ ảnh đang sắp xếp góc độ để bấm máy mấy cô gái, qua việc trao đổi của họ anh biết họ đang làm bộ ảnh bìa cho các tờ báo Tết của tỉnh sắp đến. Trong số các thiếu nữ làm mẫu anh chú ý đến một cô gái tuổi khoảng hai mươi gương mặt thật dễ nhìn trong trang phục dân tộc, cô biết cách tạo dáng thật tự nhiên và đặc biệt nụ cười luôn kèm theo trên gương mặt có thần thái làm hút mắt người nhìn. Anh lặng lẽ đứng sau nhóm thợ chọn cho mình những góc ảnh thích hợp để ghi hình, không biết anh bấm được bao nhiêu kiểu đến khi đoàn í ới gọi nhau để lên đường anh vẫn còn tiếc rẻ vì cảm thấy chưa thỏa mãn. Anh chắc lưỡi phải chi có thời gian mình sẽ có bộ ảnh tuyệt đẹp cho cô gái.

Sau này khi về Hà Nội công việc cứ lôi cuốn đi, một thời gian làm anh gần như quên mất hình ảnh cô gái mình đã chụp ở rừng hoa ban Tòng Đậu Mai Châu, đến khi lục lại trong thư mục ảnh lưu anh mới chợt nhớ và chọn lọc những tấm ảnh đẹp nhất, thần thái nhất của cô gái để in ra và quyết định làm một chuyến đi Mai Châu để thỏa mãn sự khám phá của mình và nếu may mắn gặp lại người trong ảnh sẽ tặng lại cho cô như một món quà bất ngờ thú vị.

Lần này anh đi bằng mô tô - một mình - đường đi Mai Châu bây giờ đã không còn trắc trở, quanh co, thay vào đó là những cung đường hiện đại đã được rút ngắn, dễ đi và khung cảnh quanh các cung đèo cũng trở nên hấp dẫn thơ mộng hơn. Quốc lộ 6 là tuyến chính mà nhiều phượt thủ chọn để lên Mai Châu. Theo tuyến đường này sẽ đi qua đèo Cùn dãi chừng 12 km cheo leo uốn lượn ngập đầy sương trắng và đèo Thung Khe (đèo Đá Trắng) cũng vậy - hai điểm nổi tiếng đẹp kỳ vĩ. Đèo Thung Khe thử thách tay lái không chỉ bởi những dốc cao khúc khuỷu mà còn những dốc đổ uốn lượn liên tục. Với độ cao hơn 1.000m so với mực nước biển, khi dừng

nghi ở đỉnh đèo Thung Khe, bạn có thể ngồi vào những túp lều lợp bằng tre nứa để thưởng thức ngô luộc, khoai nướng, cơm lam chấm vùng hoặc mua làm quà những lọ mật ong rừng hay những giò phong lan treo lủng lẳng đem về miền xuôi làm quà cho người thân. Có đứng trên những cung đường đèo này mới nhận ra hết vẻ đẹp hoang sơ, huyền ảo bất tận của non xanh nước biếc mà tạo hóa đã ban tặng cho cái xứ sở núi non trùng điệp mà trong thơ Quang Dũng đã từng nhắc đến trong bài Tây Tiến: “*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm. Heo hút cồn mây, súng ngửi trời. Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống. Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*”. Hoặc bạn có thể đi thêm khoảng vài trăm thước nữa tới một địa điểm mà dân địa phương gọi là Dốc Đá Trắng, rồi men theo lối mòn phủ đầy đá dăm, tuột xuống một mồm núi chia ra phủ đầy đá trắng bồng bênh mây. Một bên là núi, một bên là vực, mây mù phủ kín, phong cảnh thật hùng vĩ con người mới thấy hết sự nhỏ bé của mình trước thiên nhiên.

Đi thêm khoảng 15 km nữa là tới Mai Châu. Thung lũng Mai Châu được bao bọc bởi núi, phủ xanh bởi những cánh đồng ngút ngàn. Nơi đó có nhiều bản làng của người dân tộc Thái sinh sống và là điểm du lịch thu hút nhiều du khách tìm đến như: bản Lác, bản Pom Cọng, bản Văn, bản Nhót...

Hào cho xe chạy vào bản Lác đến dãy nhà sàn của đồng bào làm dịch vụ *homestay* mà anh đã liên hệ và đặt trước qua điện thoại. Điều đầu tiên Hào nhận thấy ở đây đường vào bản khá khang trang, được tráng xi-măng sạch sẽ ngăn nắp, không gian mang một vẻ đẹp thanh bình và dân dã, quanh bản là những đồng lúa, ruộng ngô xanh mướt, có tiếng suối róc rách đầu đây, mờ xa là dãy núi non nối tiếp dài vô tận. Dân bản Lác ở đây là người Thái Trắng, bao gồm 5 dòng họ sinh sống Hà, Lò, Vi,

Mác, Lộc, họ là những người giản dị, dễ thân thiện. Nơi anh ở là một dãy nhà sàn được những người dân bản địa tự tổ chức thành một xóm dịch vụ *homestay* phục vụ khách du lịch. Nhà sàn cất cao ráo chống đỡ bằng những cột gỗ vững chắc, mái được lợp bằng lá gồi hay lá mây móc thếch xếp khít nhau, còn sàn lát toàn bộ bằng thân tre đập nhỏ. Bởi vậy rất thoáng mát khi mùa hè tới và ẩm cúng khi đông về.

Hào nhận phòng và ngủ một giấc dài để lấy lại sức, khi thức dậy trời đã về chiều. Sau khi vệ sinh Hào xuống dùng cơm với những người cùng trọ. Có nhóm sinh viên đi khám phá, vài cặp gia đình đơn lẻ có cả một gia đình đem theo mấy đứa trẻ con nữa. Ánh đèn điện và bếp lửa than sáng rực với mùi thơm đặc trưng của các món ăn đặc sản của vùng Tây Bắc như cơm lam, thịt lợn mán, gà nướng, cá suối chiên, hòa quyện vào nhau tạo thành một hương vị đặc trưng xen lẫn tiếng cười nói ồn ả của thực khách tạo nên một không gian vừa sôi động vừa ấm cúng làm Hào cũng cảm thấy vui lây. Anh biết còn nhiều món ăn đặc sản khác của Mai Châu như thịt trâu gác bếp nổi tiếng. Nghe bạn kể lại muốn làm món ăn này dân bản lựa ra những phần thịt thăn, thịt bắp ở vai ở lưng con trâu, sau đó thái dọc thớ thành những miếng nhỏ, rồi tẩm ướp công phu với sả, gừng, tỏi, ớt khô và hạt mắc khén - loại trái rừng rất khó kiếm. Những miếng thịt này được “gác” bếp trong mấy tháng trời cho ám khói, miếng thịt “ăn” gia vị và khô đi. Trâu gác bếp ngon là thịt vẫn giữ sắc đỏ nhất định, vị ngọt với mùi rất đặc trưng của các hương liệu núi rừng. Khi ăn thịt trâu gác bếp, thường sẽ kèm với rượu Mai Hạ - loại rượu đặc trưng làm từ lá rừng của người Thái hoặc món rau rừng đồ là loại rau thập cẩm với vô vàn các loại lá cây rừng, rau rừng có thể ăn được như rau beo, rau tầm

bóp, rau đóm, rau đu đủ,... Những loại rau này chỉ cần hái và rửa sạch rồi đem đồ lên trong khoảng 30 đến 40 phút là có thể ăn được. Rau rừng sẽ được ăn chung với bánh dày và chấm với loại nước chấm đặc biệt được pha chế theo công thức riêng của người dân bản xứ. Còn có măng đắng, nhộng ong rừng xào măng chua, nước lá phao, rượu Mai Hạp, thịt gà đồi, cá suối nướng, thịt ướp chua, nhộng ve sầu chiên, rau xôi... nhưng thôi để dành đó thời gian còn ở lại bản Lác sẽ từ từ thưởng thức vậy.

Sau buổi cơm chiều, mọi người được thông báo sẽ có một đêm biểu diễn văn nghệ, giao lưu cùng du khách ghé thăm bản. Ở đây mọi người có thể xem những điệu múa xòe, múa sạp, múa ô với những thanh niên nam nữ trong trang phục truyền thống dân tộc, nghe những bản tình ca Tây Bắc vui tươi, tham gia đốt lửa trại, cùng hòa mình vào không gian văn hóa mang màu sắc bản địa của người Thái. Nơi biểu diễn là một khu đất rộng ở đầu bản Lác cũng không xa lắm có thể đi xe điện hoặc đi bộ. Hào chọn cách thứ hai vì anh nghĩ vừa đi vừa ngắm cảnh thưởng thức không khí trong lành về đêm trên mấy con đường trong bản thì còn gì thú bằng.

Hào đến nơi biểu diễn cũng vừa lúc đội văn nghệ bắt đầu với tiết mục múa xòe Thái vui nhộn: Các cô gái Thái với trang phục truyền thống kết hợp với thắt lưng, khăn piêu, xà cạp, các loại hoa tai, vòng cổ, vòng tay, xà tích tạo nên một điệu múa vui tươi đầy màu sắc. Rồi múa sạp, múa ô của người Mông. Xen lẫn là những bản tình ca như Chiếc Khăn Piêu, Tình Ca Tây Bắc... Trong các tiết mục anh chú ý đến một cô gái hát bài Tình Ca Tây Bắc, giọng hát sao mà cao vút và trong như suối nguồn:

Em là dòng sông Mã, anh là núi Mường Hung

*Cho thuyền em ngược (ơ ờ) dòng, gió đưa em về núi.
Em hãy về bên suối đợi anh, anh ở bên khuông
Anh làm no lòng mừng, em làm vui ẩm bán.*

Đôi mắt ấy, nụ cười ấy của cô ca sĩ hình như anh đã gặp đâu đây rồi thì phải nhưng trong giây phút bất chợt anh không tài nào nhớ ra được. Buổi văn nghệ đã tan từ lâu, trên đường về anh cố lục trí nhớ xem anh đã gặp cô diễn viên ấy ở đâu rồi nhỉ và anh chìm vào giấc ngủ trong mối suy tư mà không có lời giải.

*

Buổi sáng Hào thức giấc hơi muộn, anh xuống nhà khách thì nhiều người trong nhóm du khách đã đi chơi rồi, anh lững thững quây ba-lô đi dọc theo các con đường trong bản. Dân trong bản nhiều nhà đã biết làm dịch vụ mở cửa hàng bán quà lưu niệm cho khách để có thêm thu nhập, từ những món quà nhỏ nhất như chiếc móc khóa đến những vật dụng lớn hơn như quạt, vòng đeo tay, đeo cổ gùi, dao quăm, cung nỏ, chuông gió tre... và nhất là khăn, mền, váy áo thổ cẩm màu sắc rất sặc sỡ, bước chân anh vô tình bước vào một trong những gian hàng như thế, anh đi ngang qua quầy bán đồ lưu niệm rồi thờ thần đi dọc theo mấy xà ngang treo khăn và quần áo thổ cẩm, dừng lại ngắm nghía định chọn vài chiếc khăn làm quà cho hai cô em gái ở nhà, chợt nghe bên tai có tiếng hỏi:

- Quý khách muốn mua khăn ạ. Ở đây có nhiều mẫu mã đẹp quý khách có cần em giúp chọn không?

Hào vừa quay mặt lại vừa nói:

- Không sao tôi có thể tự chọn được mà.

- Vậy quý khách cứ tự nhiên chọn lựa nhé.

Chợt Hào thảng thốt sững người, trước mặt anh là cô gái trẻ khá xinh, mặt tươi tắn, nụ cười như luôn gần

trên môi, cái cô diễn viên múa xòe Thái và cũng là người hát bản Tình Ca Tây Bắc có giọng cao vút đêm qua đây mà. Cô gái suốt đêm qua làm anh trần trọc cố nhớ đã gặp lúc nào, anh ồ lên nói với giọng ngạc nhiên:

- Phải cô là người hát bài Tình Ca Tây Bắc trong buổi văn nghệ đêm qua phải không?

Không trả lời thẳng vào câu khách hỏi, nét mặt cô gái như rạng rỡ hẳn lên:

- Ồ! Đêm qua anh cũng có mặt ở buổi diễn nữa à?

- Em có giọng ca không thua gì ca sĩ, sao em không đi hát luôn nhỉ?

- Em chỉ thích hát phục vụ thôi.

- Tôi có một cái này muốn cho em xem.

Nói xong Hào lấy trong ba-lô một cuốn album ảnh đưa cho cô gái. Tò mò cô gái cầm tập album mở ra xem. Khoảng hai mươi kiểu ảnh được chụp với nhiều góc độ khác nhau của một cô gái trong rừng hoa ban hiện ra trước mắt, cô gái vừa xem vừa reo lên:

- Ồ! ảnh của Thảo đây mà, ai chụp mà đẹp thế nhỉ? Mấy ông nhà báo tình chụp Thảo không có tấm nào đẹp như những tấm này.

Hào cười xòa trước vẻ hồn nhiên của cô gái:

- Thế là tôi đã gặp đúng người rồi. Không uổng công tôi lên Mai Châu chuyến này. Ảnh của em hết đây. Tôi chụp là để tặng người trong ảnh đó mà.

Cô gái tên Thảo cười tủm tỉm:

- Thích quá. Cảm ơn anh, mà sao anh chụp Thảo hồi nào mà em không biết vậy.

Hào kể cho cô gái nghe cách đây hơn năm anh và đoàn công tác lên Mộc Châu, trên đường đi có ghé ngang qua Tòng Đậu gặp lúc Thảo đang làm mẫu ảnh cho các tay nhà báo anh đã chụp cho cô một số ảnh, năm nay lên Mai Châu để săn ảnh và tìm xem có thể gặp người mẫu để tặng ảnh, quả là có duyên mới gặp được

nhau như thế.

Hào chột hỏi:

- Nhà em ở đây à?

-Ồ không! Đây là nhà cô em, mấy hôm nay cô em có việc đi vắng nhờ em trông coi cửa hàng, một vài bữa nữa cô về em sẽ trở lại thị trấn anh ạ.

Hào nhìn cô gái chột đề nghị:

- Anh lên đây cũng chưa biết tham quan những đâu, em có thể hướng dẫn anh được không?

Cô gái cười;

- Nếu như thế thì em rất vui lòng, vừa để trả công vừa để làm vui lòng quý khách đã đến quê em mà.

*

Những ngày sau đó Thảo đưa Hào đi nhiều nơi Mai Châu. Trước hết cả hai trở lại ngã ba Tòng Đậu mà một năm trước hai người tình cờ gặp nhau để thưởng thức hoa ban đang rộ nở, lần này thì Thảo làm người mẫu đang hoàng cho anh chàng Hào tha hồ chụp thoải mái không lén lút như trước, họ say sưa ngắm cảnh hoa ban nở đẹp như một bức tranh thủy mặc được vẽ giữa không gian bao la của đất trời Tây Bắc trong một thời tiết se lạnh rất dễ làm say lòng người. Bước chân của họ cũng qua những nơi khác như thác Púng, hang Mỏ Luông, bản Vắn, Bảo Tàng Thái, thác Gò Lào, lang thang trên những cánh đồng lúa bậc thang, những rẫy ngô xanh mướt... và nhất là hang Chiều. Muốn lên hang Chiều phải bước lên 1200 bậc thang đá giữa những cây Xà Púng xanh mát. Hang Chiều gồm có hai tầng, đi theo bước chân của Thảo sau khi đi hết bậc đá, Hào bắt gặp tầng thứ nhất, Thảo dừng lại nói:

- Anh Hào có biết tại sao nơi đây người ta gọi là hang Chiều không? Vì mỗi khi chiều xuống ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào hang, những lớp thạch nhũ trong hang phản chiếu ánh sáng lấp lánh đầy màu sắc, tạo nên

những vàng sáng huyền ảo trong mắt mọi người mà không phải nơi nào cũng có được.

Lại còn có những dòng nước nhỏ từ trên đỉnh núi len lỏi vào trong vách đá lâu ngày tạo thành những khối thạch nhũ mang nhiều hình dáng kỳ lạ như những bức tượng được bàn tay khéo léo của tạo hóa điêu khắc tỉ mỉ mà con người không thể nào chạm trổ được. Hết tầng thứ nhất Thảo đưa Hào đi theo mấy bậc thang dẫn xuống tầng thứ hai, Hào không quen địa thế nên bước trượt chân suýt ngã may nhờ cô gái Thái níu lại kịp, hai cơ thể như áp vào nhau làm Thảo suýt ngã theo, Hào có cảm giác ngực Thảo tim đang đập mạnh và hơi thở thơm tho của cô gái làm chàng ngây ngất nhưng anh cũng kịp trấn tĩnh lên tiếng xin lỗi vì sự vô ý của mình, Thảo khúc khích cười:

- Không sao đâu anh em đã đoán trước mà, anh đi không quen nên thế thôi chứ hang này em đi nhiều lần rồi.

Bước vào tầng thứ hai Hào thấy trước mặt mình là khối thạch nhũ trắng xinh đẹp mang hình dáng một cô gái đang ngồi lặng lẽ, có khuôn mặt thanh tú như đang ngóng đợi người về một cách nhẫn nại. Cuối hang là một dòng suối nhỏ róc rách không ngừng chảy xuống thành hang làm cho Hào có cảm giác như lạc vào động thiên thai vậy. Trở lên Hào lấy máy chọn góc cạnh để bấm một số kiểu, anh nghĩ đây là những bức ảnh ngược sáng, có sự tương phản giữa ánh sáng diệu kỳ với bố cục hợp lý sẽ tạo thành một tác phẩm nhiếp ảnh đầy ấn tượng đây.

*

Đêm cuối trước ngày về, Hào rủ Thảo ra thị trấn Mai Châu uống cà phê nghe nhạc. Ngồi bên Thảo trong quán, Hào có dịp ngắm cô bạn gái của mình một cách kỹ lưỡng hơn, anh khám phá ở cô một nét đẹp thâm lặng ẩn

chứa trong một tâm hồn trong sáng thánh thiện, mấy ngày được Thảo hướng dẫn tham quan đây đó anh cảm nhận cô gái Thái có nhiều điểm đáng quý, ngoài việc ca hay múa giỏi, kiến thức khá sâu rộng về văn hóa mà tính tình rất hồn nhiên trong sáng. Anh ao ước...

Cả hai đi bộ từ thị trấn về bản Lác, hình như họ cố ý đi chậm lại để có thể được gần bên nhau thì phải. Trời cuối năm sương xuống nhiều, đường về bản bắt đầu mù mù sương lãng đãng. Họ im lặng không nói gì, đến một khúc quanh có một băng đá của nhà ai đó đặt cho khách ngồi nghỉ chân, Hào nắm nhẹ tay Thảo nói:

- Mình ngồi nghỉ ở đây một chút Thảo nhé.

Cô gái không nói gì lặng lẽ ngồi xuống cạnh bên anh. Không gian im ắng quá có thể nghe được tiếng lá rơi và tiếng chim ăn đêm vừa vụt qua hàng cây trước mắt. Hào nhìn Thảo anh thì thầm:

- Anh yêu Thảo.

Cô gái không trả lời, Hào kịp nhận ra đôi bờ vai của Thảo như run lên vì xúc động, anh nhẹ nhàng ôm cô gái nâng cằm nâng và hôn lên đôi môi mọng ướt của cô, hơi thở cả hai như dồn dập run lên vì cảm xúc. Trong giây phút say mê ngây ngất đó cô gái như chợt tỉnh xò nhẹ anh ra nói trong hơi thở nức nghẹn:

- Không được đâu anh.

Hào tha thiết:

- Thảo theo anh về Hà Nội được không?

- Em không thể yêu anh được.

Hào ngơ ngác:

- Vì sao?

- Em đã có người yêu rồi.

Hào thẳng thốt:

- Sao Thảo không nói cho anh biết.

- Anh có hỏi em đâu mà em nói. Nhưng mà thôi cũng không có gì anh ạ, người yêu em đã mất cách đây

hơn hai năm rồi.

- Nguyên nhân?

- Anh ấy học ở Hà Nội trên chuyến xe về làm lễ hỏi anh ấy bị tai nạn giao thông trên đèo. Em hứa suốt đời sẽ nhớ đến anh.

Hào im lặng không nói, anh buồn nhưng tôn trọng tình cảm riêng tư của Thảo, cô như đóa hoa ban xinh tươi của núi đồi, anh không được phép làm cho nó tàn phai sắc màu, hãy để đóa hoa ban ấy tô thắm cho núi rừng Tây Bắc, hãy giữ tình cảm đẹp để mãi mãi trong trái tim của mình Thảo nhé.

Gần đến ngã rẽ vào nhà cô Thảo, nàng nhìn Hào khẽ nói:

- Mai anh về bình an nhé.

Hào nhìn theo bóng Thảo, bóng nàng đã khuất sau ngã rẽ.

Sương xuống nhiều và Hào thấy trước mắt nhìn một màn sương như che mất lối về của mình.

Mai Châu, tháng 11/2017

Sài Gòn, tháng 9/2019

NGUYỄN AN BÌNH

Từ Hoài Tấn

VIẾT THƠ TÌNH Ở CHỖ CỦA TÔI

ở chỗ tôi bây giờ viết thơ tình khó thật
vì dường như tôi đã lỗi thời
(tôi nói viết thơ là chẳng qua không làm thơ được)

tôi có mấy người bạn
ngày nào cũng có hứng làm thơ tình
(nâng thơ của các bạn như từ trong cổ tích bước ra)
đôi khi cũng đưa lên FB cho anh em thưởng thức
nhưng tôi thấy buồn
vì thơ tình của các bạn đã hết thời
không còn hấp dẫn
và không có gì mới
thơ tình bây giờ
không cần phải viết ra giấy
và câu đố chất qua lại trên máy điện thoại là xong
không cần phải dài dòng
ngôn ngữ cũng mới toanh
và rất sáng tạo
nếu có dịp đi ra nhà sách
trên kệ hàng bày đầy sách là những câu chuyện ngôn
tình
không cần nhiều chữ
không cần kể lể nhiều dòng
chỉ cần qua lại chừng vài chữ
lời nói trống không
ngắn gọn

bởi nói nhiều thì mệt
viết dài thì tốn giấy
cái kết cũng giản dị
một căn phòng nào đó chẳng hạn

tôi có người yêu ở xa
ngày nào cũng nói chuyện qua phone
nàng ngại vì cái mặt qua FaceTime trông như khi đột
tôi bảo không sao cả vì tôi yêu nàng
nếu nàng có như đười ươi cũng được
nàng thích những bài thơ tình sướt mướt và những lời
yêu tha thiết đậm đà
nhưng tôi nói tôi hơi già để làm như vậy
nên cảm phiền nghe đỡ mấy câu yêu đương của tôi khô
rang khô róc (chữ của nàng)

nàng kể ở chỗ nàng có một ông làm thơ tình
mỗi ngày sản xuất mấy chục bài
mỗi năm in mấy chục tập (không biết lấy tiền ở đâu)
nàng thích thơ ông ấy
vì thơ tình yêu bài nào cũng đắm lẹ
nàng thắc mắc ông ấy sống bằng gì nếu hằng ngày chỉ
có mỗi việc là làm thơ
tôi nói với nàng đừng lo ông ấy sẽ sống rất lâu
vì đã có thơ là thức ăn nuôi ông ấy

tôi nghe nàng kể tôi buồn không làm thơ tình nổi nữa
tôi sợ những người đọc thơ tôi
sẽ nhảy xuống vực thẳm
vì vậy
các bạn ơi
thôi tạm ngưng làm thơ tình
vì sự tồn tại của nhân loại

Truyện ngắn

Giống Như Một Ngày Tụ trường

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Hôm nay giống như một ngày tụ trường. Đơn giản, vắng một thời gian không ngồi ở lớp học, nay trở lại, thế là tụ trường. Ngày còn bé, mỗi lần nghỉ hè xong, lên lớp mới, trong lòng vừa hồi hộp vừa vui sướng. Có bao nhiêu chuyện để dành chờ gặp bạn là kẻ tíu tít. Nhưng bên cạnh đó là nỗi lo khi sắp gặp các thầy cô mới... Mỗi năm đều có ngày tụ trường như vậy, nói chung là khá giống nhau, trong đời học sinh.

Nhưng cái ngày tụ trường này thật quá khác. Người ta nhìn nhau không dám cười, không dám chào hỏi. Sự e dè này, dường như mỗi người đã được tập luyện qua một năm. Một năm “học chính trị” trong cái gọi là hội trường mà tiền thân là cái rạp hát. Đoan tụ hội một năm đó có làm mình biến đổi không. Mà nếu có, chắc mình cũng không thể nhận ra. Một năm cũng là thời gian để mọi người tập quen với cảnh thảo luận theo tổ, nhóm. “Tổ trưởng” bao giờ cũng là một người “rất cách mạng”, ít ra là trong cái nhìn của chính họ. Và bao giờ họ cũng tự nhắc và nhắc với người khác là họ hơn hẳn những người kia một cái đầu.

Đoan thấy nao nao khi biết rằng đây là buổi đầu cho lớp lý thuyết về Hóa Học. Không biết rồi mình sẽ gặp lại một trong số các thầy cũ hay không? Nhìn quanh, cũng có nhiều bạn chào nhau bằng cách gật đầu nhẹ nhẹ. Và mọi người cũng không phải chờ lâu. Một

người thầy mới đang bước lên bục giảng.

Hình như có một thứ âm thanh nào nghe như những tiếng thở ra, cùng một lúc. Người thầy tự giới thiệu rồi bắt đầu bài giảng ngay. Một bài Hóa Học căn bản! Đoan nhìn qua người bạn bên cạnh. Chị này cũng tròn mắt nhìn lại Đoan. Hai ánh mắt cùng ngẫm nói: “Mình đang bước vào lớp Sáu trung học?”

Ông thầy, áo sơ mi ngắn tay, mang đôi dép nhựa cũ, đọc tên hóa chất:

“Na tờ ri cờ lo rua”

“Na tờ ri ni tờ rít”

“Chất ma-giê.”

Bỗng dừng cả lớp cười ồ lên, không nén được. Bất lịch sự quá! Học trò gì kỳ vậy? Những câu tự trách ngẫm lướt qua ánh mắt. Ông thầy khựng lại vì tiếng cười ấy, luống cuống. Nhưng rồi ông lại tiếp tục giảng, đọc, và ghi lên bảng. Những tiếng “Ồ” đồng loạt tạo thành tiếng sóng lao xao. À ra thế! Chữ đầu là NaCl, chữ thứ nhì là NaNO_2 , chữ thứ ba là “Mg” (Magnesium) vậy mà không ai hiểu. Lại cười! Nhiều bạn lắc đầu chán nản.

**

Hết giờ trong giảng đường, Đoan đi đến Phòng thực tập Ký Sinh Trùng. Lòng bồi hồi khi thấy lại nơi thân quen của mình. Đã lâu không vào đó. Những buổi trưa yên vắng, sau giờ học ở giảng đường, Đoan cùng Mỹ ở lại làm việc phụ Thầy Tính trong này. Hai đứa cắm cúi vẽ, hoặc chuẩn bị tiêu bản để đến buổi chiều Thầy dạy nhóm sinh viên đàn em của mình. Đoan rảo bước nhanh. Đến trước cửa phòng thực tập đóng kín, Đoan đứng lại, tưởng tượng khi bước vào sẽ gặp Thầy Tính. Ông sẵn sàng giao ngay công việc cho Đoan. Rồi bỗng nhớ lại câu nói của ông làm Đoan choáng váng trong

cái ngày mọi người xao xác hoang mang ấy:

“Tôi là V.C. đây? Chị nghĩ sao? Chị có sợ không?”

“Dạ thưa Thầy, nếu V.C. mà giống như Thầy, thì... con không sợ ạ!”

Lúc đó, Đoàn tự hỏi mình có nói thật lòng không, hay là mình nói cho cứng rắn như vậy để bớt sợ? Lại nghĩ về cái sợ, Đoàn nghe như Thầy Tính đang nói:

“Không có gì phải sợ cả. Chị còn trẻ, chưa biết nhiều về thời cuộc. Tôi tin rằng chị sẽ sớm hòa nhập vào cuộc sống mới.”

Đã một năm trôi qua, Đoàn thấy khá rõ cuộc sống mới đó. Mỗi một cảnh đời đều thay đổi, có khi đảo ngược. Bên cạnh cái thực tế mọi người thấy hàng ngày hàng giờ, là những buổi ngồi cứng trong rạp hát, học chính trị. Một năm không hề động tay đến sách vở. Đoàn không hiểu sao mình cũng có thể ngồi cứng, thẳng tưng như tượng để ghi ghi chép chép. Làm sao khác hơn? Ai cũng nghĩ rằng thôi thì chịu đựng, sau một năm sẽ được đi học chuyên môn trở lại. Phải chăng nỗi chờ nào cũng giống nhau? Như những người chờ trong tù “cải tạo” để thấy le lói một tia nắng tự do? Hết năm nay, và chờ đến bao năm? Chưa ai biết!

Đoàn lan man nghĩ ngợi, hầu như quên mất động tác quen thuộc là mở cửa. Nơi đây giống như nhà của mình. Nhưng cánh cửa đã bật mở. Một người trông quen quen xuất hiện. Là anh sinh viên học trên Đoàn một lớp, đã ra trường. Đoàn nhớ ra, chào anh. Anh Hân. Đoàn hỏi Thầy Tính. Anh nói Thầy Tính không có ở đây. Đoàn thắc mắc:

“Anh Hân...”

“Tôi làm ở đây, thay Thầy Tính.”

“Thầy Tính... xin nghỉ hờ anh?”

“Ồ, không, thầy Tính đi mất rồi!”

“Sao anh? Thầy Tính đi đâu ạ?”

Anh Hân nhìn quanh, nói nhỏ:

“Nghe nói thầy ấy vượt biên.”

Đoan đưa bàn tay lên miệng như để ngăn tiếng kinh ngạc. Nhìn về mặt của Đoan, anh Hân thở dài:

“Tôi cũng không ngờ. Thầy ấy xưng mình là cách mạng, hiến nhà, hiến xe, cuối cùng... đi mất.”

Đoan nghe lòng bùng trong tai, như tiếng của Thầy Tính:

“Chị hãy nhớ một điều: sống trong chế độ này, chỉ cần mình yêu nước, yêu dân tộc là đủ.”

“Thế hở Thầy? Thế Thầy có yêu nước không ạ?”

Đoan nghe mình hỏi như vậy, rồi tự trả lời:

“Những gì Thầy nói là không thật lòng, thưa Thầy!”

Rồi quay sang anh Hân:

“VẬY anh Hân thay Thầy Tính?”

“Vâng, nhà trường mời tôi làm, chỉ để tạm tiếp nối công việc, cho các lớp thực tập bắt đầu, chờ cho có người ngoài Bắc vô làm trưởng labo thật sự. Mà này, chắc Đoan đã biết là các “monitrice” không còn được tiếp tục làm nữa?”

Đoan ngơ ngác:

“Sao ạ?”

“Đoan và những bạn làm phụ trong các labo phải nghỉ, trường sẽ tuyển các sinh viên mới.”

“Ô, em hiểu.”

Đoan chào anh Hân, không muốn nói thêm nhiều với anh. Anh Hân cũng là một người “mới nổi” sau này, trông có vẻ hiền lành nhưng khó hiểu.

**

Người ta có thể làm màu làm mè khi huênh hoang trong đám đông, nhưng không thể giả dối lúc tận tụy làm việc một mình. Mà thầy Tính đã từng như thế, lặng lẽ.

Đoan đứng im trong hành lang vắng trước thư viện. Nắng đã chan hòa khắp sân trường. Nhưng một khoảng tối đang ủa vào tâm trí. Trong khoảng tối ấy, những gương mặt thiếu vắng đang hiện ra. Từ sáng giờ không thấy Mỹ. Lúc ở trong giảng đường Đoan không nghĩ tới Mỹ, có lẽ vì không mong gặp bạn ấy, vì Đoan đã chọn lánh xa dân người từng “động viên” Đoan viết lại. Nhưng khi đến phòng thực tập mà không gặp Mỹ thì rõ là chuyện hơi lạ, vì Mỹ cũng như Đoan, là hai “monitrice” làm việc cùng nhau giúp Thầy Tính. Mỹ cũng siêng năng như Đoan, lẽ nào Mỹ không trở lại để mong tiếp tục công việc?

Và, ôi Phước Hương kia! Anh đã trở lại.

“Chào Đoan.”

“Chào anh Phước Hương. Anh... đã về trường? Anh không...”

“Phải. Tôi về thăm trường. Tôi đã xin nhập ngũ ngay vào những ngày cuối, Đoan cũng biết rồi đó, nhưng ý định này không thành. Sau đó tôi phải về quê giúp gia đình. Đoan khỏe chứ?”

“Dạ Đoan khỏe. Rồi... anh có đi học tiếp không?”

“Tôi không biết nữa. Bây giờ tôi phải lo sinh kế. Và lại, tôi thiếu một năm học chính trị, chắc họ không cho học lại đâu!”

“Anh liên lạc với họ coi sao, chắc họ sẽ...”

Phước Hương cười:

“Họ sẽ mở lớp đặc biệt cho tôi học? Tôi không nghĩ thế. Thôi không sao đâu! Nhiều người đã bỏ học, vì cuộc sống khó khăn, hoặc vì bị quan chán nản.”

“Anh có bị quan không?”

“Có một chút. Nhưng mình còn trẻ, cứ sống đi! Và sống thế nào thì chưa nói chắc chắn được.”

Phước Hương chợt nhớ ra một điều, hỏi nhỏ:

“Đoan có nghe tin của Mỹ?”

“Dạ không. Sáng nay không gặp Mỹ ở labo, Đoan cũng thất vọng.”

“Tôi chỉ nghe qua một chị bạn, chị này biết gia đình của Mỹ. Chị ấy nói Mỹ cùng chồng và đưa con trai nhỏ vượt biên rồi, không biết đã đi thoát chưa.”

Đoan im lặng.

“Ngạc nhiên hử Đoan? Tôi nghe nói Mỹ rất gọi là “nhiệt tình cách mạng” phải không Đoan?”

“Dạ...”

“Thôi, dù sao thì... mình cũng cứ sống đi! Chúc Đoan may mắn. Phần tôi, nếu có thể, tôi sẽ xin học lại.”

“Dạ. Đoan mong gặp lại anh.”

Cuộc gặp ngắn ngủi với Phước Hương khiến Đoan thấy nhẹ lòng. Ít ra cũng có một chút gì thân quen đột nhiên xuất hiện. “Cứ sống đi!” Phước Hương nói thế. Đoan vào thư viện. Những bàn ghế vắng người. Đâu đây như có bóng dáng của Phước Hương lúc trưng bày tranh anh vẽ trong một cuộc triển lãm. Đâu đây như có Xuân và Mỹ cùng ngồi học chung với Đoan, ôn bài mỗi ngày. Xuân đã vắng từ những ngày đầu. Nay Mỹ cũng đi rồi. Bộ ba Bắc Trung Nam của trường đấy!

Đoan mỉm cười, vui vẻ lần chưa chút, khi bàn tay không cố ý mở quyển vở ra, viết vào đầu trang còn để trắng bóc từ sáng đến giờ:

“Hôm nay ngày tựu trường. Na tờ ri ni tờ rít.”

Tháng Chín, 2019

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

NGUYỄN XUÂN THIỆP

**MƯA.
CHIỀU NEW ORLEANS**

new orleans
new orleans
tôi về
như một tiếng gọi
nhưng không có dung
không còn nhìn thấy vàng trắng
trên dòng mississippi
chỉ có mưa
mưa rơi
dưới bầu trời. những ngôi nhà cổ. thời degas

ôi. những hàng cây
những mái phố. và balcon
ai thấp lên. những chiếc lồng đèn. bập bùng cháy
lửa voodoo
và người nghệ sĩ da đen còn thổi khúc blues buồn.
trên phố bourbon

mưa
trên mặt trống. hoàng hôn
và trên tóc. nàng rose gla. của thế kỷ trước. hiện về.
với nụ cười của hoa cà phê. ngát
hương
mưa

tôi lại về. new orleans. với những cơn mưa tháng
sáu

và những bóng dù
như mưa ở đà lạt. sài gòn
và trên thành phố cherbourg
những bóng dù. xanh. đỏ. tím. vàng
đi trên phố cổ
dưới mưa
sao không có em
để cùng đi với anh
những đoạn đường mưa vỡ. chiều nay

anh trở về new orleans
ngồi trong quán cà phê
chật ních người
nghe mưa từ dưới sông
mississippi
thổi vào mái quán
ở café du monde
anh ngồi ăn cái bánh beignet. uống ly cà phê sữa
nóng

nhớ môi em. miệng em
ngày nào
chiều new orleans
không có em
anh chuyện trò với chú bồ câu. và những con chim
sẽ. trú mưa
chúng bảo anh. không còn gì nữa. thôi đừng chờ
dù cho mưa về từ trí nhớ mù sương
hay mưa trên ca khúc. the house of the rising sun
với những mảnh đời đổ vỡ
không bao giờ. sẽ không bao giờ. hàn gắn lại

mưa
những con đường lát đá
cỗ xe ngựa chở người đi thăm từng góc phố đã có

cách đây hai thế kỷ
những phòng tranh. quán sách. tiệm rượu ở trường.
nồng mùi gió biển
khách sạn. nơi bán đồ lưu niệm. câu lạc bộ nhạc
jazz. đèn mờ

và
mưa
trên cầu sương mù ai khóc. chiều xanh xao
ai hay tôi
khóc
từ hải cảng mưa buồn
tới ga tàu điện
phố hầm
pho tượng di dân. đứng dưới trời
mưa
cho những hồn xiêu lạc
ở new orleans
chiều nay

tháng sáu. 2012

TRẦN DZA LỮ

XIN ĐỪNG

Cạn-tàu-ráo-máng chi em
Hóa thân cát bụi chưa biên biệt đâu?
Đừng làm cong cớn ca dao
Mà đau lòng kẻ bên cầu phong sương...

Ngày nào chim sáo sang sông
Ai bùng kỷ niệm ra hong hống tình?
Một trời thu xuống điêu linh
Vàng rơi trong trái tim mình đầy thôi!

Mưa Sài Gòn. Mưa phai phôi
Ghi-ta còn nhớ thương người ngõ khuya...
Hoa vòn ngọc nhả chia lìa
Vây mà, địa chấn lối về riêng ta...

Dù không còn nữa em xưa
Cũng đừng chôn vùi những mùa yên vui
Đồng tiền, chiếc đũa chia đôi
Cạn-tàu-ráo-máng có vơi sầu người?

BÀN TAY **Tặng BNT**

Bàn tay nắm một bàn tay
Ngọt môi rượu mật những ngày có nhau
Đền tình thấp suốt chiêm bao
Lệ xưa anh nguyện sẽ lau khô buồn...

CÁI TRỌNG TY

ĐÔI XƯA

em ơi trở lại đôi năm cũ
chỉ thấy núi rừng rưng rưng nhớ
ở đây quân địch tràn như nấm
đất đá còn nghe mạch máu gào

hình như mùa hẹn về trên núi
anh ngó băng khuâng xuống xóm làng
cụm khói phêù phào qua thung lũng
một thời bom đạn xé tưa mây

chiến hữu kẻ chết người đi biệt
mấy ai về lại dãy trường sơn
núi xanh màu mắt dài thăm thẳm
dài quanh đồn lũy đọng nỗi buồn

anh về muộn thôi nghìn năm nữa
mùa hè đỏ lửa năm bảy hai
kontum bị sử nhuộm đỏ máu
máu lính đỏ bầm sỏi đá đông

sương lạnh trên đồi nắng quạnh hiu
hiu hắt chiều chao ngọn gió Lào
sờ soạng lục tung rừng đá cuội
lăn lóc theo từng vết xót thương

dặm mò chiến mã vàng chân núi
xa trông đường lũng thấp xanh rì
hỡi ơi ai nhớ ngày tháng chết

vô cảm như từ đám cỏ khô

một mai anh biến thành đất mũi
hay hóa thân thành cánh chim sâu
buồn vui thân thể già lịch sử
lưu lại cho đời chuyện nhục vinh.



tranh Đinh Trường Chinh

ĐẶNG TOÀN

Giọt cà phê

*Quý mến tặng bạn Sơn Nguyễn**

Ngồi buồn ngó giọt cà phê
Giọt tha thiết trộn, giọt đề huề pha
Giọt gần chợt nhớ giọt xa
Giọt ai cố quận, giọt tha phương mình
Giọt huyền ảo, giọt lắng thính
Nghìn trùng câu lục bát tình linh rơi
Ngồi buồn ngắm giọt chơi vơi
Giọt truy bức hạ, giọt mời mọc xuân
Giọt nào ảm đạm tình quân
Giọt hoang phế mộng, giọt luân lạc tình
Giọt lang chạ, giọt trung trinh
Nghìn trùng câu lục bát rình rập bay
Giọt hàng rau, giọt luống cà
Giọt đau sớm giầu, giọt bày chiều vui
Giọt hoan hỷ, giọt ngậm ngùi
Giọt thao thức nguyệt, giọt sùi sụt trăng
Giọt dọa đầy, giọt siêu thăng
Giọt vầy một góc, giọt giăng tứ bề
... Ngồi buồn ngó giọt cà phê
Giọt tung đáy cốc, giọt mê hoặc mình
Giọt hoàng hôn, giọt bình minh
Nghìn trùng câu lục bát tình nguyện say

Giọt hồng đêm, giọt xám ngày...

Xin đừng nén chặt ... phin này nghe em!

Houston 28/9/2018

(*) *Sơn Nguyễn tác giả trường thiên lục bát Nghìn
Trùng Lục Bát Tìm Nhau, bạn với Toàn trên trang
Face Book.
Lập đông*

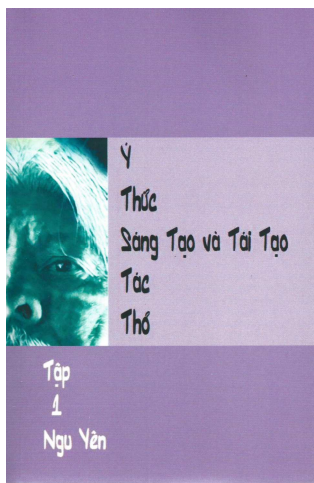
Phạm văn Nhân

GIỚI THIỆU SÁCH

Ý THỨC SÁNG TẠO và TÁI TẠO THƠ

Tập 1

NGU YÊN



Vào những ngày đầu tháng 9 năm 2019, TQBT có nhận một tập sách biên khảo về thơ của nhà thơ NGU YÊN. Sách dày 610 trang. Bìa láng. In đẹp.

Trang 5 ghi: Ý Thức Sáng Tác Thơ. Sáng Tạo Và Tái Tạo. Lý Thuyết và Thực Hành. Tập 1. Có nhiều tài

liệu tham khảo.

Qua phần Mục Lục. Gồm hai phần: 1/ Sáng Tạo Bằng Trải Nghiệm. 2/ Tái Tạo Bằng Tái Dụng Tái Lập. Mỗi phần đều có những chi tiết biên soạn rất công phu. Được đánh dấu thứ tự từng phần biên soạn qua số trang.

Theo như tác giả ghi: *Cuốn sách này không có câu trả lời cho sáng tác lẫn thưởng ngoạn. Chỉ có thêm một câu hỏi cho bạn nào đã đọc xong: "Có phải bạn đã tìm*

thấy câu trả lời?"

Phát hành 2019.

Không thấy ghi giá bán. Độc giả TQBT muốn có sách liên lạc với nhà thơ NGU YÊN qua TQBT.

Một cuốn sách đáng đọc.

TÌNH YÊU, PHẬN NGƯỜI VÀ CON ĐƯỜNG THI CA QUA THƠ LÊ VĂN TRUNG

Viên Hương

Với trực giác vô vàn bén nhạy cùng say đắm nghệ thuật thi ca gắn liền với xã hội hiện sinh, quê hương của một thời bóng đêm dày đặc, một thời của thanh niên không làm chủ được đời mình, một thời của đợi chờ trong tuyệt vọng lắt liu khi tương lai chỉ là một ngọn nến hắt hiu mờ ảo, chốn quay về của anh là căn nhà thìn thít lặng câm, đau đáu quần quanh chiếc bóng chính mình khi tâm giới còn xác xao kiếp lữ.

*Cánh cửa mười năm còn để mở / Đâu hiu như mỗi cuộc
mong chờ / Ta bước ngại ngần, xiêu bóng đổ / Run run
thêm tối nhận giăng mờ* (Đợi chờ đến cuối cuộc tang
thương).

Một trong những nét riêng của thơ anh là hình ảnh con đò hoang sơ liêu tịch đang miệt mài rong rêu giữa nước trời mênh mông quạnh vắng, biết về đâu trong thống lụy mịt mờ:

*Sông tôi chảy một dòng buồn / Trăm năm bến vắng
bãi cồn hoang vu.*

Khuya là thời thức giấc của trở trần bất lực mãi cô động trong hồn, đối diện với chính mình, những hoang mang vô vọng dấn vật hương xưa của dòng sầu ký ức. Anh đốt đời mình bằng những nốt trầm khốc liệt của một đoạn trường vong thân gió bụi khi máu lệ gỗ phím

này chồi.

*Ta về như sóng vô âm / Vỗ vào hiu quạnh lạnh bầm
máu xương / Ta về lạc giữa mù sương / Nghe sầu tận
tận nghìn phương dội về* (Bóng mây thiên cổ bây giờ
còn bay).

Anh hiện diện giữa nhân gian để sống với gói hành trang cõi NHỎ, là cõi lưu đầy xa xôi mộng mị đã cuc mang anh từng giây phút liêu xiêu luân hồi trong trở trăn mê hoặc, chính nỗi nhớ đã đem anh về góc đêm cheo leo bờ vực với nội tâm hút heo độc thoại, cho thơ mãi tuôn trào một trời thơ than bi tráng.

*Tôi cứ ngỡ lòng tôi còn tưởng tiếc
Những đam mê cháy bỏng buổi xuân thì
Những khờ dại. Những ngông cuồng. Kiêu bạt
Thuở rục ngời niên thiếu lửa cuồng si*

*Sẽ đến lúc xin gửi lời vĩnh biệt
Hồi đời cao, lưng thấp, hồi sông hồ
Hồi biển mặn, hồi rừng xanh, cỏ biếc
Hồi trăng sao, hồi gió núi, sương mờ
(Trở về)*

Trên hành trình tử sinh hồi hải, anh luôn là kẻ cuối cùng nán lại sân ga qua màn mưa hay nước mắt khi hẹn hò nhau chỉ là bến bờ của ảo vọng mù khơi, để đánh thức khát khao anh suốt một đời chênh chao khắc khoải. Em là ai, em ở nơi nào cho trái tim cô lặng anh luôn chênh choáng cơn say, cho nỗi nhớ mãi dập dềnh không bến đỗ? Em ẩn trong thơ trượt anh lạc loài

tháng năm hoang rêu bờ bãi.

*Mùa thu ơi! Tình thu! / Mùa đi không trở lại / Tình em
như chiêm bao / Trong hồn tôi mưa bão. (Mùa thu ơi
mùa thu!).*

Em là nhan sắc của trời thu ảo diệu, là màu phôi pha
của đợi chờ réo gọi áng tình vân trong tuổi chiều cần
khô sa mạc, gió cũng biết hóa thân mang tương tư em
về cõi mộng trầm hương lụa là môi ngọc.

*Yêu quá đổi những màu thu diệu vợi / Áo vàng thơ vừa
chạm giấc mơ chiều / Tôi cứ ngỡ em từ trong tình sử /
Nắng lụa hồng ướp mắt ngọc trong veo (Tình thu).*

Anh đã lội ngược dòng bắt nhịp cầu cổ tích để thánh
hóa nguồn xúc cảm trắng sao, soi bóng chữ ru cuộc
tình dưới ánh chiều dương ngát ngào hương bay huyền
hoặc. Năm mươi năm trôi qua, anh vẫn ngây ngất say
những đóa quỳnh hương nhạt nhòa phế tích, dù sóng
tình anh mãi cay đắng tràn bờ, nhưng mộng và thực tan
nhau trong mơ hồ tâm tưởng chảy qua một vòm huyền
thoại tài hoa. Đủ phiền muộn chưa anh, khi đại dương
sẵn sàng chôn lấp dã tràng anh để xóa tan đôi bờ hạnh
ngộ.

*Em ngàn năm. Em thiên thu vĩnh cửu
Em phút giây. Em phù phiếm sát na
Em bỏ lại cõi đời ta tội lỗi
Em quay về lạc giữa cõi người ta
Em là gió thổi qua dòng sông lạ
Và thuyền ta chìm giữa đáy tang thương
Em là sóng ta bạc đầu trắng xóa
Bọt bèo ta trôi mãi giữa vô cùng. (Em)*

Anh luôn quần quai một tình yêu tuyệt đối chí mỹ
thiêng liêng. Giữa gian nan dập vùi con địa chấn, tuy
manh áo phong trần còn thống khổ cuộc tồn sinh và
thơ anh là tiếng kêu của loài chim đêm lạc giọng bên
trời, nhưng với tình yêu sắp ngửa chôn bụi hồng mây
tụ bèo tan như huyết mộ chôn vùi, anh vẫn trung thành
xem như một ân sủng thánh hóa kiếp đời bằng ngôn
ngữ nguyên sơ, chấp nhận chuyển hành hương vũ trụ
thi ca tốt cùng trong chân mỹ thiện.

Ôi thi sĩ!

*Kẻ hành hương cô độc trên dặm trường đi tìm CÁI
ĐẸP*

Chân thiện mỹ

Người đi ngang qua cuộc đời này

Bằng đôi chân của Thiên Sư

Và linh hồn Thượng Đế

Người đi trong vô vọng đau thương

Và hạnh phúc rạng ngời

Tuyệt vọng và hy vọng

Xót xa và hân hoan

Tiếng gọi của CÁI ĐẸP réo gào vô tận

Và CÁI ĐẸP bùng lên trong NHAN SẮC EM

Thiên thu bất diệt

Tiếng gọi của TỰ DO và VĨNH HẰNG

Người sẽ đi cho đến khi khô kiệt giọt máu cuối cùng

Người sẽ đi cho đến khi thịt xương tan hòa tro bụi

Và EM thấy chẳng

Hồi NHAN SẮC hiển linh

Nơi giọt máu khô bầm

Nơi nhúm bụi tro tàn tạ

Một NỤ HỒNG rực rỡ tỏa hương (Thi sĩ và hoa hồng)

Ngoài nét dạt dào siêu thăng điệu nhạc trong thơ, biển lòng anh còn điêu khắc hình ảnh nữ thần liêu trai rực ngời tinh khiết:

*Trắng ngần một đóa quỳnh hương / Thơm lừng một nụ
xuân hồng mãi khai / Người về theo nắng ban mai /
Xiêm y lộng ngọc, ngực cài nhũ hương* (Kể chuyện)

Sau chứng tích lung linh bức tranh màu cháy bỏng, tình sang trang trở đóa an nhiên giữa nguyên thủy đất trời:

*Và đạo pháp / Ẩn mật Diệu ngữ Diệu ngôn / "Ai theo
ta hãy vác Thánh giá" / "Chúng sinh ơi hãy tự mình
đốt đuốc lên mà đi" / Tôi đang vác Thánh giá đời mình
/ Và Tôi đang đốt ngọn đuốc đời tôi / Rực sáng!!!* (Mật
ngữ)

Thơ anh còn là bản hòa tấu thiên nhiên u nhã giữa núi rừng hoan ca tĩnh mịch, mở rộng trái tim bao dung độ lượng cùng hưng phế nhân gian, thông dong chảy cùng vô biên một sức sống đại ngàn.

*Rồi có một ngày trên đỉnh núi cao
Chút đời ta cũng vô cùng sương khói.
Tình em nào có nghĩa gì với cỏ cây
Bởi hồn ta đã phủ đầy mây trắng.
(Ngày Về Với Thiên Nhiên)*

Đã biết đời vô thường, ai rồi cũng ra đi chỉ còn lại nắm đất bên đường.
Chén đời sẽ anh dốc cạn để một ngày làm khách lữ ven trời, nhưng bóng dáng Lê Văn Trung vẫn nồng nàn nằm nghe sương rụng trong thơ. Còn lại sau lưng anh

là tình yêu nhói đau trong hạnh phúc và thơ là dưỡng khí đã nuôi anh suốt cuộc đời còn lại, cho mãi thường tại với thời gian những khúc tình lãng mạn cháy tim người đồng điệu.

Ta níu vào thơ cùng sinh tử / Ta nương vào thơ mà tồn vong / Lòng ta như gió qua truông vắng / Lòng ta như suối băng qua rừng (Thơ thơ)

Các nàng ơi, anh chỉ là một chuyến đò em vỗ sóng mạn thuyền của bờ xưa lau lách, anh chỉ là sân ga hụt hẫng chuyến tàu em trong phút chốc dừng chân. Gì rồi cũng qua như đôi tay anh không đủ sức níu giữ cuộc tình, rồi cũng chẳng còn ai dù lòng anh chưa kịp lãng quên. Nếu một ngày trở lại mộ phần anh cỏ hoang hiu hắt, có chăng em một góc nền trong tim hoài niệm những hẹn hò phiêu lãng phù vân.

Phải không anh? Mọi dấu tích rồi sẽ qua đi, những ngậm ngùi yêu thương hờn tủi chỉ là trò chơi trăm năm của nhân sinh vụn vỡ trên đường tìm về một cội nguồn miên viễn.

*Khi bỏ lại đời ta không tiếc nuôi
Ta thấp câu thơ truy niệm kiếp người
Ta thấp câu thơ xưng lời thú tội
Cuộc tình người niệm khúc của chia phôi
Lòng dâu bể - tình em là dâu bể
Ta bỏ đi, tàn tạ, xác thơ buồn
Ai biết được ánh hào quang sự chết
Vẫn rực ngời trong sóng gió tang thương.*

(Bên bờ sinh tử)

Quá khứ! Thời gian đã chưng cất men đậm và cay, ướp

tàn rơi anh phiêu diêu những cung buồn rẻo rắt. Anh đã phủ lên muôn phương dải lụa thu vàng nõn nà hương sắc, rồi nhẹ nhàng bước vào khung cửa tịnh mặc phơ phất màu thập giá ngàn xưa. Dáng dấp hào sảng khinh bạc một đời thơ như cánh diều mùa gió chướng xôn xao giờ đây lắng đọng. Thi ca anh trải mình trong ánh sáng ngân hà, khởi đầu cho tâm thức bao la như vòm xanh bạt mở khai quang, nhân chứng cho vô ngôn Thánh Hiền.

*Và nguyện xin rửa sạch bụi ưu phiền
Rửa cho em những hương phấn tàn rơi
Cho hóa ngọc trong hồn em trinh bạch
Rửa trôi đi những hạt lệ bầm trong mắt
Của một thời dang dở cuộc trăm năm
Xin ướp thơ anh lên bóng nguyệt nguyên rằm
Xin khấn câu thơ như kinh chiều sám hối (Thánh Hiền)*

Tòa soạn ghi chú: Hiện tại cơ sở Thư Án Quán có xuất bản một thi phẩm của Lê văn Trung. Đó là thi phẩm “Bi Khúc”. Sách biếu tặng. Quý bạn nào cần xin liên lạc tòa soạn.

TÔ THẨM HUY
Lần Tắm Về Tối
Atalanta in Calydon, (Chorus)

Ngay khi tác phẩm đầu tiên là vở bi kịch thơ *Atalanta in Calydon* được xuất bản năm 1865 lúc mới 28 tuổi, Algernon Charles Swinburne (1837-1909) đã gây sóng gió trên thi đàn Anh. Người yêu cũng lắm mà kẻ ghét càng thậm tệ. Nhưng không ai có thể phủ nhận tài dùng chữ, gieo vần phù thủy của Swinburne. Và khó lòng mà không choáng ngợp trước sự đắm say mãnh liệt của ông với cuộc sống, với cái chết, và sự phi lý của thân phận con người. *Atalanta* là tên một giai nhân trong thần thoại Hy Lạp, có đôi chân nhanh như cắt, đã cùng với *Meleager* và các thợ săn khác lùng bắt và giết chết con lợn rừng do nữ thần *Artemis* gửi đến để phá hoại thành phố Calydon cổ xưa Hy Lạp. Vở kịch, theo đúng truyền thống kịch nghệ Hy Lạp, sen giữa những đối thoại là những đoạn *chorus*, những điệp khúc ngâm lên từ một góc sân khấu, như những lời vang vọng đến tận cuộc đời. Bài thơ sau đây là một trong những *chorus* ấy. Tựa do người dịch đặt.

Lần Tắm Về Tối

*Quyền họa phúc, trời tranh mất cả,
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai
Cái quay búng sẵn trên trời,
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm
(CONK)*

*Thuở năm tháng cựa mình trong trứng nước
Lúc gọt hình, nặn tượng mống con người
Lấy thời gian trộn sống với khóc cười*

Dem buồn tủi nhào tươi cùng day dăng

*Gom hoa rụng những ngày bùng hạ nắng
Gọi khổ đau, men đắng ngậy hương đời
Ấp nhớ nhung, đắng đắng chặt tự trời
Vào cuồng nộ, dậy sôi từ hoá ngục*

*Mượn một chút ruồng ruồng, non sức lực
Một chút tình, thoáng chực đã mong manh
Triệu màn đêm: bóng đổ của bình minh
Vời sự sống: bóng hình ven cái chết.*

*Trối phù phép, thần linh xoè tay kết
Lôi lệ: mưa, lửa: sét, gió: oan hồn
Vực ngày rơi, vốc nước giọt tuôn tuôn
Từ sau gót chân trường, hoe năm tháng*

*Lùa trên biển, bọt bèo nhô sóng dạt
Nhặt mây may, bụi cát ứa lao lung
Những vị lai, vô sắc, khuyết hình dung
Luồn cửa tử, bập bùng lò chuyển hoá*

*Lặn kinh miệt, yêu đương, vào trí trá
Lúm môi cười, rụng má đã hoen mi
Úm thiên la, vây bủa cõi về, đi
Giăng địa võng, vật ghì, dương, âm thế*

*Dem nung luyện thành hạo-nhiên linh khí
Xát đoạn trường cho vị suốt thớ gan
Cho thiên thu hiu hắt đứng hiên ngang
Nhìn nắng rụng ngõ ngàng trên gang tấc.*

*Hốt giông gió, tung nôm, xô nén bắc
Giới thần linh úm chặt một làn hơi
Thối vào mồm hình tượng gã con người
Cấy nhưng nhức nhựa đời đau rơi rớt*

*Bật môi mắt, vắn giấy, căng tiếng nói
Trút xanh hồn, sương khói lẫn tà huy
Máy chân tay, nắn bụng, khoắng nghĩ suy
Thân lao lụng, lưng khuỷ, lòng hướm tội*

*Gieo ánh sáng, để sợ run bóng tối
Hắt ráng chiều, hồng dỗi giấc ngủ đêm
Chuyên ái tình, chút của để làm tin
Chút cái đẹp, bên thêm ngong nhan sắc.*

*Môi hé mở, lưỡi dần đau lửa cắt
Lời vừa buông, chất ngắt đã đoạ đầy
Lần trong tim, mình muội mới cuồng say
Hằn trên mắt, nhẵn ngày chung mệnh số.*

*Dệt manh áo tuồng hề choàng xuống mộ!
Gieo suốt đời, phóng bộ gặt được ư?
Cuộc trăm năm, phiên gác bước âm u
Từ cõi mộng, mịt mù về cõi mị.*

Tô Thẩm Huy

Nguyên tác:

Before the beginning of years
There came to the making of man
Time, with a gift of tears;
Grief, with a glass that ran;

Pleasure, with pain for leaven;
Summer, with flowers that fell;
Remembrance fallen from heaven,
And madness risen from hell;

Strength without hands to smite;
Love that endures for a breath:
Night, the shadow of light,

And life, the shadow of death.

And the high gods took in hand
Fire, and the falling of tears,
And a measure of sliding sand
From under the feet of the years;

And froth and drift of the sea;
And dust of the labouring earth;
And bodies of things to be
In the houses of death and of birth;

And wrought with weeping and laughter,
And fashioned with loathing and love,
With life before and after
And death beneath and above,

With travail and heavy sorrow,
The holy spirit of man.
For a day and a night and a morrow,
That his strength might endure for a span

From the winds of the north and the south
They gathered as unto strife;
They breathed upon his mouth,
They filled his body with life;

Eyesight and speech they wrought
For the veils of the soul therein,
A time for labour and thought,
A time to serve and to sin

They gave him light in his ways,
And love, and a space for delight,
And beauty and length of days,
And night, and sleep in the night.

His speech is a burning fire;
With his lips he travaileth;
In his heart is a blind desire,
In his eyes foreknowledge of death;

He weaves, and is clothed with derision;
Sows, and he shall not reap;
His life is a watch or a vision
Between a sleep and a sleep.

A. C. Swinburne

●...Trong lời giới thiệu một cuốn sách của tôi, anh viết: “Sinh thú duy nhất của Lê văn Thiện là viết văn, nên nguyện vọng của anh là khỏi phải đi hành quân, để có nhiều thì giờ hơn dành cho việc sáng tác.” Đây là tấm lòng của người cha, người anh ruột thịt. Vậy nên, trong đời mình, xưa còn trẻ hay nay đã già, lúc nào tôi cũng biết ơn, nhớ anh./
+ *Lê văn Thiện (12/2010)*

●...Ngồi ghi lại đôi điều về anh - Trần Phong Giao, người bạn văn vong niên một thời tuổi trẻ, khi tóc mình đã bạc, mắt đã mờ - nhưng tâm trí tôi vẫn luôn nhớ hình ảnh anh, tấm chân tình của anh, những kỷ niệm nhỏ xa xưa với anh, như một phần đời sống đích thực không thể phai mờ của chính mình.
Quê nhà, đầu tháng 9.2019
Mang Viên Long

●...Mới đó mà 14 năm anh Trần Phong Giao già từ cõi tạm. Chớp mắt đã là thiên thu...

Một ngày của trời thu tháng tám Sài Gòn, tôi lang thang qua cầu Kiệu để nhớ, để mừng tượng căn nhà cũ của anh và thấy rõ một Thư Trung, một Mõ Làng Văn... vẫy tay gọi, mừng vui anh em, bạn bè... như anh chưa bao giờ rời bỏ trần thế...

Trần Dzạ Lữ

●...Nhưng mà, với một thư ký tòa soạn, làm sao ông có thể cứu được chúng tôi chứ. Văn không phải là một nơi tập trung những quyền lực dù người ta hết lòng tung hô: Cây bút là một sư đoàn.

Không. Ông cứu chúng tôi không phải bằng một tờ sự vụ lệnh mà bằng những trang báo, giúp chúng tôi có thể nói lên tiếng nói của tuổi trẻ bia người của chúng tôi, và để cho văn học miền Nam có thể chấp đôi cánh đại bàng thay vì những cánh bồ câu chim sẻ!

Ông đã trả danh dự lại cho chúng tôi. Bởi vì ông biết tờ Văn muốn sống phải cần chúng tôi!

(Trần Hoài Thư)